

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

LÊ THỊ MINH XUÂN

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO
THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ÂM NHẠC HỌC

HÀ NỘI, 2015

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

LÊ THỊ MINH XUÂN

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO
THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

CHUYÊN NGÀNH: ÂM NHẠC HỌC

MÃ SỐ: 62 21 02 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ÂM NHẠC HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGUYỄN PHÚC LINH

HÀ NỘI, 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là trung thực, khách quan và chưa từng để bảo vệ ở bất cứ học vị nào, các thông tin trích dẫn trong luận án này đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2015

Tác giả luận án

Lê Thị Minh Xuân

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

b	Bảng
BCH	Ban chấp hành
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CT	Chương trình
ĐCS	Đảng Cộng sản
ĐH	Đại học
SĐH	Sau đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GT	Giáo trình
h	Hình
HVAN	Học viện Âm nhạc
HVANQGVN	Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NGND	Nhà giáo nhân dân
NGƯT	Nhà giáo ưu tú
NN	Nước ngoài
NSND	Nghệ sĩ nhân dân
NSƯT	Nghệ sĩ ưu tú
NVTPHCM	Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh
Nxb	Nhà xuất bản
PGĐ	Phó giám đốc
PGS	Phó giáo sư
PL	Phụ lục
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
PPSP	Phương pháp sư phạm
TC	Trung cấp
Ths	Thạc sĩ
TK	Thể kỷ
TS	Tiến sĩ
Tr	Trang
SP	Sư phạm
SV	Sinh viên
VD	Ví dụ
VHNT	Văn hóa nghệ thuật
VN	Việt Nam
VHTT	Văn hóa thông tin
VHTTDL	Văn hóa Thể thao - Du lịch

MỤC LỤC

	Tr
Lời cam đoan.....	i
Danh mục các chữ viết tắt.....	ii
Mục lục.....	iii
Giải thích một số khái niệm và thuật ngữ được sử dụng trong luận án.....	iv
Mở đầu.....	1
Chương 1: Sự phạm thanh nhạc châu Âu và sự hình thành các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu ở Việt Nam.....	18
1.1. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc châu Âu.....	18
1.2. Khái quát về ba cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hàng đầu ở Việt Nam.....	34
Tiểu kết chương 1.....	42
Chương 2: Thực trạng và yêu cầu đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	43
2.1. Thực trạng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	43
2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	67
2.3. Những quan điểm về yêu cầu đổi mới trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	70
Tiểu kết chương 2.....	81
Chương 3: Giải pháp đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	82
3.1. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên.....	83
3.2. Đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của sinh viên.....	114
3.3. Đa dạng hóa chương trình và giáo trình thanh nhạc chuyên nghiệp.....	129
3.4. Thực nghiệm sự phạm.....	140
Tiểu kết chương 3.....	144
Kết luận.....	146
Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án.....	
Danh mục tài liệu tham khảo.....	
Phụ lục.....	150

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

1. Chuyên nghiệp

Đây là danh từ chỉ loại hình nghề nghiệp, chuyên về một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Chuyên nghiệp còn có nghĩa là làm việc có “tính chuyên nghiệp, chuyên sâu ở mức độ cao. Tính chuyên nghiệp được đánh giá ở các khía cạnh: có kiến thức sâu rộng, có chuyên môn vững vàng và làm việc khoa học, hiệu quả công việc cao. Trong phạm vi của luận án, chúng tôi sử dụng từ chuyên nghiệp theo cả hai nghĩa trên. Tuy nhiên, ở chương hai và chương 3 của luận án, do không có điều kiện để nghiên cứu tất cả các bậc học nên chuyên nghiệp trong cụm từ “đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp” hay “thanh nhạc chuyên nghiệp” được sử dụng để chỉ đào tạo thanh nhạc bậc đại học tại các học viện âm nhạc và nhạc viện.

2. Mô hình đào tạo

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “Mô hình là vật cùng hình dạng, nhưng làm thu nhỏ lại...mô phỏng cấu tạo và hoạt động của một vật khác để trình bày, nghiên cứu” [86;638]. Nội hàm của mô hình đào tạo bao gồm các yếu tố: Hình thức đào tạo (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học), phương thức đào tạo (tập trung, không tập trung, từ xa...), quy mô đào tạo, nội dung CT, GT, đội ngũ GV, SV, cán bộ quản lý, PP dạy học, phương thức kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất...và một số yếu tố khác. Trong luận án này, mô hình được hiểu theo nghĩa này. Giới hạn nghiên cứu của luận án không nhằm mục đích đi sâu nghiên cứu tất cả các yếu tố trong nội hàm của mô hình đào tạo thanh nhạc mà chỉ nghiên cứu một số yếu tố cốt lõi. Đa dạng hóa mô hình đào tạo là một trong những giải pháp quan trọng nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Giải pháp này được đề cập đến ở chương 2 và phân tích sâu ở chương 3, cụ thể ở việc đa dạng hóa mục tiêu, nội dung chương trình và giáo trình thanh nhạc chuyên nghiệp.

3. Phương pháp sư phạm thanh nhạc

Sư phạm: Chữ *sư* có nghĩa là thầy. Trong sư phạm, *phạm* có nghĩa là khuôn thước, mẫu mực. Yêu cầu về sự mẫu mực khuôn thước này phải được đặt ra trước tiên cho người thầy. Có thể hiểu, sư phạm là nói đến người thầy với sự mẫu mực trong việc truyền đạt kiến thức cho người học. Sư phạm thanh nhạc có nghĩa là công việc giảng dạy của GV về thanh nhạc Phương pháp sư phạm thanh nhạc là cách thức GV giảng dạy sao cho SV phát triển giọng hát, hiểu và thể hiện được đúng phong cách và thể loại, sáng tạo hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm thanh nhạc.

4. Khuynh hướng sư phạm thanh nhạc

Theo *Từ điển tiếng Việt*, khuynh hướng là “sự thiên về một phía nào đó trong hoạt động, trong quá trình phát triển” [86;517]. Các khuynh hướng SP thanh nhạc ra đời là để giải quyết các vấn đề của trường phái thanh nhạc tương ứng trong từng thời kỳ phát triển. Khuynh hướng SP thanh nhạc thể hiện rõ nét trong các trường phái thanh nhạc châu Âu TK XVII, XVIII, XIX, XX. Ngày nay, những chuẩn mực trong thanh nhạc chuyên nghiệp và các khuynh hướng SP thanh nhạc của những thế kỷ trước vẫn được gìn giữ và phát huy trong các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở trên thế giới và VN.

5. Bel canto

Trong cuốn *Thuật ngữ âm nhạc* của Nguyễn Bách, bel canto được giải thích là “cách hát đẹp” [3;152]. Các GS thanh nhạc cũng cho rằng, bel canto với nghĩa là hát đẹp, “nó không chỉ là mối tương quan hỗ trợ lẫn nhau giữa phần âm nhạc (giai điệu) với lời ca mà nó còn biểu hiện những phẩm chất kỹ thuật đòi hỏi một sự rèn luyện, học tập đầy đủ, nghiêm túc mới có được” [109;109].

Theo GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, điều đặc biệt của kỹ thuật thanh nhạc trường phái Bel canto là “san bằng các âm khu, âm vực rộng, âm sắc thanh nhã, âm thanh tròn, hỗn hợp trên điểm tựa, giọng hát đầy đặn và âm vang” [49;158].

TS Trương Ngọc Thắng cũng có nhận định: “Trường phái thanh nhạc cổ điển Italia vẫn được coi là Trường phái thanh nhạc Bel canto bởi trong tiếng Ý... là phong cách hát nhẹ nhàng, uyển chuyển với trình độ điêu luyện. Xuất hiện từ thế kỷ 17 ở Italia, phát triển rộng rãi ở trong nước và truyền bá rộng rãi ra nước ngoài...” [109;109].

Như vậy, để luyện tập phong cách hát đẹp, người học phải luyện tập hệ thống các kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto. Trong luận án này, bel canto hay phương pháp bel canto được hiểu theo nghĩa là kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto.

6. Giải pháp nâng cao hiệu quả

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, giải pháp là “phương pháp giải quyết vấn đề cụ thể nào đó” [86;387], là hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động cụ thể. Hiệu quả đào tạo thanh nhạc phụ thuộc chủ yếu vào ba yếu tố năng lực của người dạy, phương pháp dạy và học của GV và SV, chất lượng nội dung chương trình và giáo trình thanh nhạc.

Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc là phương pháp, cách thức, chỉ dẫn quá trình thực hiện công việc đào tạo thanh nhạc nhằm đạt hiệu quả cao hơn so với khi chưa tiến hành theo giải pháp đó. Trong luận án này, chúng tôi đi sâu nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo theo hướng cách tác động làm nâng cao năng lực của người dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới và phương pháp đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa mục tiêu, nội dung CT, GT thanh nhạc chuyên nghiệp.

7. Thời kỳ

Theo *Từ điển tiếng Việt*, thời kỳ là “khoảng thời gian được phân chia ra theo một sự việc hay sự kiện nào đó” [86;956].

Trong luận án này, chúng tôi sử dụng “thời kỳ” nhằm xác định quá trình hình thành và phát triển một số khuynh hướng sư phạm thanh nhạc (chủ yếu ở châu Âu). Các thời kỳ âm nhạc trong luận án này được xác định là: TK XVII, XVIII, XIX, XX. TK XXI còn được gọi là “ngày nay”.

8. Giai đoạn mới

Phân chia giai đoạn để xác định quá trình hình thành và phát triển của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN: giai đoạn trước năm 1975, giai đoạn sau 1975 và giai đoạn đất nước bước vào công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay (giai đoạn mới).

Trong luận án này, giai đoạn mới được nhấn mạnh là giai đoạn giáo dục đào tạo VN bước vào công cuộc đổi mới theo định hướng của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Và đặc biệt là từ năm 2011, HVANQGVN đã xây dựng và từng bước triển khai thực hiện “ *chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*” hướng tới phát triển bền vững và hội nhập thế giới.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghệ thuật thanh nhạc chuyên nghiệp của thế giới ra đời từ thế kỷ (TK) XVI – XVII và du nhập vào Việt Nam (VN) khoảng nửa đầu TK XX. Quá trình du nhập này đã có những ảnh hưởng nhất định tới đời sống văn hóa tinh thần của người VN và lĩnh vực đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN chính thức được bắt đầu từ năm 1956, với sự ra đời của Trường Âm nhạc VN. Ngày nay, trong các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hàng đầu VN phải kể đến Học viện Âm nhạc Quốc gia VN (HVANQGVN), Học viện Âm nhạc Huế (HVAN Huế) và Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh (NVTPHCM).

Trong chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, HVANQGVN đặt trọng tâm vào ba định hướng lớn: “đào tạo tài năng đỉnh cao cho đất nước; đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và đào tạo phổ cập, nâng cao dân trí” [30;1]. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới không nằm ngoài những định hướng trên. Trước định hướng đổi mới lớn đó, công tác đào tạo thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện không tránh khỏi lúng túng giữa sự mong muốn duy trì những gì hiện đang có và việc đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới; giữa yêu cầu đổi mới với năng lực đáp ứng sự đổi mới, hướng tới hội nhập khu vực và thế giới. Trong khi đó, thực tiễn hoạt động biểu diễn thanh nhạc ngoài xã hội đang diễn ra sôi động và tương đối phức tạp. Có xu hướng biểu diễn “chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí...”, “Tình trạng nghiệp dư hóa các hoạt động văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp có chiều hướng tăng lên” [19;2] dẫn đến sự sa sút trong thưởng thức thẩm mỹ của công chúng. Hoạt động biểu diễn của đội ngũ ca sĩ không chuyên mới chỉ dừng lại ở chức năng giải trí, có lúc, có nơi còn có những biểu hiện lệch lạc làm xấu bức tranh toàn cảnh của nền thanh nhạc VN. Mặt khác, đội ngũ ca sĩ chưa thực sự đủ bản lĩnh, trình độ để góp phần định hướng thẩm mỹ nghệ thuật cho công chúng, thực hiện tốt vai trò phục vụ

xã hội với những tác phẩm đỉnh cao của nghệ thuật thanh nhạc. Hiện tượng ca sĩ chuyên nghiệp thử nghiệm ở dòng nhạc thị trường, giải trí, làm nảy sinh hiện tượng nghiệp dư hóa trong biểu diễn thanh nhạc chuyên nghiệp. Trong các chương trình (CT) ca nhạc trên sóng phát thanh truyền hình, CT truyền hình trực tiếp, tụ điểm ca nhạc... đều thấy sự xuất hiện dày đặc của ca khúc, trong đó tỉ lệ ca khúc mới chiếm số lượng đáng kể. Thực tế công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp còn có những mặt hạn chế nhất định khiến không ít sinh viên (SV) chưa thực sự mặn mà với hát opera và hát thính phòng. Nhiều SV có tư tưởng sau khi tốt nghiệp chỉ hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực hát ca khúc, dẫn đến tình trạng kết quả học tập chưa cao.

Theo GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (Chuyên gia cao cấp của HVANQGVN), hiện nay, “nội dung giảng dạy thanh nhạc được tập trung vào các chuyên ngành đào tạo hát opera, hát thính phòng, hát ca khúc và ca khúc mang âm hưởng dân ca” [44;233]. Tuy nhiên, trên thực tế, chỉ CT, giáo trình (GT) đào tạo thanh nhạc trình độ đại học (ĐH) mới đáp ứng được yêu cầu đào tạo của chuyên ngành hát opera và một phần chuyên ngành hát thính phòng; cùng với đó là hệ thống các ca khúc cách mạng và ca khúc mới VN. HVANQGVN đã từng bước biên soạn được CT, GT cho mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao nhưng việc phân dòng chưa được tiến hành một cách khoa học và mang tính hệ thống. Điều này dẫn đến hiện tượng sử dụng một CT, GT cho tất cả các chuyên ngành trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Tuy nhiên, để hình thành nên những GT cụ thể cho các dòng hát opera, hát thính phòng cần có sự quan tâm và đầu tư của lãnh đạo các học viện âm nhạc và nhạc viện cũng như của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) cả về tri thức và điều kiện ngân sách. Giáo dục đào tạo trong giai đoạn mới với xu thế toàn cầu và sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ làm xuất hiện những GT hiện đại và công nghệ giảng dạy. Nghệ thuật là sự sáng tạo, người thầy dạy nghệ thuật là dạy sáng tạo. Trong bối cảnh xã hội mới, một số vấn đề cụ thể đặt ra đối với đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp: Người thầy dạy thanh nhạc cần phải làm gì để luôn cập nhật, làm chủ tri thức, PP làm việc hiệu quả để công việc giảng dạy ngày một nâng cao? Mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp giữ nguyên

như cũ hay cần phải điều chỉnh để phù hợp với mô hình đào tạo theo hướng đa dạng hóa? Phương pháp dạy học cần phải điều chỉnh như thế nào cho phù hợp với yêu cầu mới, cần phải làm gì để năng lực giảng viên (GV) thanh nhạc có thể đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới của quá trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp?

Bước sang giai đoạn mới, trước những yêu cầu mới, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp cần được nghiên cứu, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước. Các ca sĩ phải có đủ năng lực để thực hiện được các chức năng biểu diễn các tác phẩm đỉnh cao của nghệ thuật thanh nhạc, định hướng thẩm mỹ cho công chúng, đặc biệt đảm bảo sự phát triển cân bằng, hài hòa, chuẩn mực giữa các dòng nhạc (hát opera, hát thính phòng, hát ca khúc) và hướng tới hội nhập quốc tế. Đây là hướng nghiên cứu mới về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp mà chúng tôi lựa chọn làm đề tài cho luận án tiến sĩ của mình: *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.*

2. Lịch sử đề tài

Những định hướng đổi mới giáo dục được xác định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI "Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục VN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt" [20;3]. Đào tạo âm nhạc nói chung, thanh nhạc nói riêng tại các cơ sở đào tạo âm nhạc hàng đầu VN luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, nắm bắt vận hội của đất nước, tình hình phát triển văn hóa nghệ thuật trong giai đoạn mới. Năm 2011, Lãnh đạo HVANQGVN đã xây dựng đề cương *Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn 2030* nhằm dự báo và đưa ra các giải pháp có tính dài hơi cho lộ trình phát triển nền nghệ thuật nước nhà "tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Những vấn đề trong bản Đề cương này giúp cho chúng tôi có những điểm tựa về lý luận và thực tiễn khi bàn về phương hướng đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ra đời từ TK XVI – XVII ở châu Âu. Các nghiên cứu chính thức về thanh nhạc và SPTN cũng được bắt đầu từ thời kỳ này. Trải qua quá trình phát triển, các nghiên cứu trước luôn là nền tảng cho các nghiên cứu kế tiếp và đã đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển của SPTN VN.

2.1. Một số tài liệu nghiên cứu về thanh nhạc ở nước ngoài

Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy, thanh nhạc ra đời sớm và là môn học, ngành học đặc thù, vì thế, PPSP thanh nhạc cũng mang những nét đặc thù riêng. Thanh nhạc và SPTN đã được các nhà SP thanh nhạc trên thế giới quan tâm nghiên cứu khá sớm. Từ TK XVI, khi nghệ thuật Opera chưa chính thức phát triển, những vấn đề về lý luận thanh nhạc phục vụ cho SP thanh nhạc cũng đã được manh nha hình thành. *Nuove musique* (âm nhạc mới) được coi là tác phẩm lý luận thanh nhạc đầu tiên do Giulio Caccini (1545 – 1618) viết. Ông cũng là người sáng lập phương pháp (PP) ca hát mới (bel canto) với quan điểm giọng hát chia làm 2 âm khu (giọng ngực và giọng đầu), và cần bắt đầu luyện từ phần trung, sau đó mở rộng phát triển âm vực về hai phía của giọng.

Sau gần một thế kỷ đào tạo tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển của nền ca hát đỉnh cao của nhân loại, nhiều nhà SP thanh nhạc lỗi lạc thế giới đã nối tiếp những nghiên cứu của Giulio Caccini mà điểm nhấn là những nghiên cứu của các nhà SP thanh nhạc TK XVII - XVIII. Họ đã để lại dấu ấn của mình nơi các học trò xuất sắc và thông qua những tác phẩm nổi tiếng. Có thể kể đến Pietro Francesco Tosi (1647 – 1727) với tác phẩm *Opinioni decantori antichi e moderri* (Những kiến giải về cách hát hào hoa). Tác phẩm này đã đặt tiêu chí cho giai đoạn hình thành kỹ thuật thanh nhạc trường phái bel canto TK XVIII.

Thanh nhạc TK XVII được đánh dấu bằng sự hình thành và phát triển rực rỡ của opera Ý với kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto, sau đó trở nên phong phú ở Pháp và lan sang Đức, Anh. Bel canto là một danh từ dùng để chỉ kỹ thuật hát với phẩm chất trong sáng và rộng lớn mà các ca sỹ Ý dùng để chinh phục người nghe. Ngoài ra, bel canto có nghĩa là “hát đẹp” với âm thanh rõ ràng, mượt mà, mềm mại. Kể từ đây, nền sư phạm thanh nhạc thế giới không ngừng phát triển,

và ở mỗi giai đoạn đều có điểm nhấn bởi sự sáng tạo bổ sung nhằm từng bước hoàn thiện, nâng cao PP ca hát này.

Pensieri e riflessioni pratiche sopra il canto figurato (Ý kiến và thể nghiệm qua thực hành về nghệ thuật hát kỹ xảo màu sắc), xuất bản tại Vienne năm 1774 của Giambattista Mancini (1716 – 1800) là người kế thừa tư tưởng và PP giảng dạy của P.F Tosi kết hợp với sự đúc kết tình hình thực tiễn để đưa ra những tổng kết có giá trị về bel canto.

Phương pháp ca hát và các bài luyện thanh (1822) của GV thanh nhạc người Pháp - Manuel Garcia (1775 – 1832). Ông là người sáng lập trường phái thanh nhạc trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của người đi trước, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và phát huy sáng tạo, hình thành một PP ca hát riêng làm cơ sở vận dụng vào giảng dạy.

Luận văn hoàn chỉnh về nghệ thuật hát xuất bản năm 1847 của GV thanh nhạc người Pháp – Garcia II (1805 – 1906) đã phát hiện ra gương soi họng để quan sát sự hoạt động của dây thanh (trước đây cảm nhận về hoạt động của dây thanh hoàn toàn phụ thuộc vào cảm giác của thính giác). Ông cho rằng, nâng hàm ếch mềm sẽ ngăn luồng hơi đi qua khoang mũi, tạo ra tiếng vang vọng trong khoang miệng và họng, vị trí cao của âm thanh xuất hiện.

Bài tập để hoàn thiện giọng hát của M.I. Glinca (1804 – 1857) với quan điểm củng cố và hoàn thiện được âm thanh tự nhiên và sau đó là sự liên kết từng ít một những âm thanh khác nhau, phát triển giọng dần từ phần trung ra hai phía của giọng. Đường thẳng khí nhạc kéo dài âm thanh từ thấp đến cao qua các âm khu của giọng hát.

Nghệ thuật hát (1846) của Gilber Louis Duprez (1806 – 1896) khiến ông là người đầu tiên phân tích và áp dụng âm thanh đóng tiếng – âm khu ngực đóng tiếng (voix sombree). Đóng giọng với mục đích làm tăng âm lượng và năng lực thể hiện tình cảm nồng nhiệt.

Với 24 cuốn sách về luyện thanh như *Bel canto, một phương pháp ca hát có lý luận và giá trị thực dụng*, Mathilde Marchesi (1821 – 1931) - ca sĩ giọng Mezzo

người Pháp, học trò của Garcia, là người đầu tiên đưa ra khái niệm về giọng pha và giải thích tỉ mỉ sâu sắc vấn đề thống nhất âm thanh giữa các âm khu. Bà cho rằng hình thức giảng dạy theo kiểu lên lớp tập thể cũng có tính ưu việt riêng, SV có thể học tập lẫn nhau, có thể tìm thấy những vấn đề của mình qua bạn học.

Với *Giọng hát song hành*, nhà SP thanh nhạc người Ý - Giacomo Lauri Volpi (1892 – 1979) đã phân tích hiện tượng hơi thở trong ca hát được xây dựng trên hệ thống Yoga. Theo ông, khi tập trung toàn bộ ý chí trên phần lưỡi gà của hàm ếch mềm sẽ đạt được sự hưng phấn, giọng hát sẽ âm vang trẻ mãi.

Phương pháp luyện giọng để trở thành ca sĩ (2012) của Anna Peckham. Tác giả là GV thanh nhạc, giảng dạy từ năm 1987 và là trưởng bộ môn giọng tại trường Âm nhạc Berklee (Hoa Kỳ). Cuốn sách nêu bật các yếu tố của thanh nhạc mà một ca sĩ cần trang bị để nắm vững kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto như tìm hiểu về giọng, điều khiển hơi thở, thanh quản, nâng cao chất giọng, âm vực và pha trộn, PP luyện tập, duy trì sức khỏe của giọng.

Nghiên cứu về thanh nhạc và SPTN trên thế giới diễn ra sớm và liên tục trong suốt chặng đường phát triển của nền âm nhạc đỉnh cao của nhân loại. Ở mỗi giai đoạn phát triển các nhà SP thanh nhạc đều có những nghiên cứu trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của các thế hệ trước đó, kinh nghiệm của cá nhân trong quá trình giảng dạy và có sự dự báo về xu hướng phát triển.

2.2. Những nghiên cứu về thanh nhạc ở Việt Nam

Việc nối tiếp các nghiên cứu của thế giới vào VN diễn ra muộn hơn rất nhiều so với lịch sử hơn 400 năm hình thành và phát triển nền SPTN chuyên nghiệp. Những nghiên cứu về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN chỉ chính thức nở rộ vào những năm cuối TK XX đầu TK XXI. Có thể kể đến một số nghiên cứu có giá trị của các chuyên gia đầu ngành như: *Phương pháp sư phạm thanh nhạc* (2001) của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên; *Phương pháp dạy thanh nhạc* (2008) của NGƯT Hồ Mộ La; *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát* (2011) của TS.NSƯT Trần Ngọc Lan...

Việc đào tạo sau đại học (SĐH) các chuyên ngành trong đó có thanh nhạc cũng đã tạo điều kiện cho nghiên cứu về thanh nhạc được phát huy và mở rộng tới tận các vùng miền của đất nước. Các nghiên cứu luận án, luận văn được bảo vệ thành công đã góp phần khẳng định vị thế của thanh nhạc trong đời sống văn hóa nghệ thuật của xã hội; từng bước khẳng định vị trí của SP thanh nhạc trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học (NCKH). Mặc dù vậy, đến nay đội ngũ được đào tạo trình độ cao về thanh nhạc và những nhà nghiên cứu về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN không nhiều. Những công trình nghiên cứu về SP thanh nhạc chủ yếu do các GS, TS, GV thanh nhạc đầu ngành thực hiện.

Sách chuyên khảo phục vụ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Ở VN, thời điểm trước khi cuốn sách *Phương pháp sư phạm thanh nhạc* (2001) của GS. NSND Nguyễn Trung Kiên ra đời, trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành thanh nhạc, số lượng các công trình lý luận chuyên ngành còn rất hạn chế. Cuốn sách ra đời là công trình lớn đầu tiên của chuyên ngành thanh nhạc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đất nước về học hát và dạy hát chuyên nghiệp; là cẩm nang về PPSP thanh nhạc cho các cơ sở đào tạo trong phạm vi toàn quốc. Sau khi ra đời, ngay lần xuất bản đầu tiên cuốn sách đã được đón nhận tích cực, là cơ sở lý luận cho công tác giảng dạy và nghiên cứu thanh nhạc chuyên nghiệp.

Nội dung cuốn sách nghiên cứu sâu về quy trình đào tạo ĐH thanh nhạc với những gợi ý về xây dựng mục tiêu, nội dung CT, GT và phần tham khảo quy trình đào tạo ở các nhạc viện nổi tiếng; phản ánh trung thực về những sự kiện, con người, những quan điểm của các nhân vật có thật trong lịch sử, từ đó làm toát lên quan điểm của bản thân tác giả về nghệ thuật thanh nhạc cũng như đường hướng phát triển đào tạo thanh nhạc ở VN. Nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không thể không nghiên cứu và vận dụng một số vấn đề trong chuyên khảo này. Đây là những dữ liệu quan trọng giúp cho những người làm công tác nghiên cứu như chúng tôi trong việc tiếp tục phát triển định hướng này.

Nếu như chuyên khảo *Phương pháp sư phạm thanh nhạc* của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên tiếp cận vấn đề đào tạo thanh nhạc ở cả diện rộng và chiều sâu thì cuốn *Phương pháp dạy thanh nhạc* (2008) của NGƯT Hồ Mộ La lại được giới hạn ở một PPSP thanh nhạc cụ thể của thế giới áp dụng vào VN – PP dựa trên cơ chế phát âm thanh phù hợp với quy luật hoạt động sinh lý để xây dựng kỹ xảo thanh nhạc và tổng kết những kinh nghiệm của cá nhân tác giả trong quá trình giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Đây cũng là những dữ liệu tốt hỗ trợ chúng tôi nghiên cứu xu hướng phát triển của PPSPTN chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.

Cũng như NGƯT Hồ Mộ La, TS.NSUT Trần Ngọc Lan giới hạn vấn đề nghiên cứu trong đề tài *Nâng cao chất lượng hát tiếng Việt trong nghệ thuật hát mới* (2010) ở một PPSP thanh nhạc của thế giới áp dụng vào VN, đó là PPSP thanh nhạc dựa trên cơ sở phát âm tiếng nói để xây dựng kỹ thuật ca hát. Mặc dù đây không phải là PP vận năng trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, nhưng là một trong những PP có giá trị thực tiễn cao vì nó đã được Việt hóa và trở thành một trong những xu thế phát triển của PPSP thanh nhạc VN trong giai đoạn mới.

PGS. NSND Mai Khanh đã viết cuốn *Sách học thanh nhạc* vào cuối thập kỷ 90 của TK XX. Cuốn sách được viết dựa trên nguyên tắc, trên cơ sở củng cố âm khu tự nhiên của giọng mà mở rộng và phát triển âm khu cũng như âm vực giọng hát. Tuy nhiên khi bàn đến vấn đề về hơi thở trong ca hát, tác giả lại cho rằng cần phải hạn chế, thậm chí không nên sử dụng hơi thở ngực trong ca hát. Điều này lại trái ngược với những thành công của các ca sĩ và các nhà SP Ý cũng như kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto TK XVII – XVIII.

Cuốn *Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương tây* (2005) của NGƯT Hồ Mộ La đi sâu phân tích quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật thanh nhạc từ thời kỳ Trung cổ, Phục hưng, Tiền cổ điển, Cổ điển, Lãng mạn. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở từng thời kỳ có những nét riêng nhưng luôn mang tính kế thừa và sáng tạo trong quá trình phát triển.

Nội dung của 50 vở opera tiêu biểu của thế giới đã được GS. NSND Nguyễn Trung Kiên dịch và biên soạn trong gần 500 trang sách với tựa đề *Lược sử opera* (2011). Với cuốn sách này, việc tra cứu tài liệu cho cả người dạy và người học các tác phẩm nước ngoài được thuận lợi hơn. Cuốn sách là tài liệu tham khảo rất có giá trị đối với đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Chuyên khảo *Những vấn đề sư phạm thanh nhạc* (2014) của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên. Những năm qua, mục tiêu CT đào tạo thanh nhạc ở các học viện âm nhạc, nhạc viện là đào tạo đội ngũ ca sĩ hát opera và hát thính phòng. Tuy nhiên, trong thực tế, số SV sau khi tốt nghiệp, hoạt động ca hát theo đúng chuyên ngành được đào tạo không nhiều. Số sinh SV tốt nghiệp về công tác tại hai nhà hát vũ kịch (Nhà hát Nhạc Vũ Kịch VN và Nhà hát Giao hưởng, Vũ Kịch thành phố Hồ Chí Minh) còn rất ít, chủ yếu là hát trong các dàn hợp xướng. Số còn lại có xu hướng hoạt động trong lĩnh vực giảng dạy, nhưng số này lại chưa được trang bị kỹ kiến thức về PPSP. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên đã gửi gắm tâm huyết của mình trong hơn 500 trang sách viết về kinh nghiệm giảng dạy thanh nhạc. *Những vấn đề sư phạm thanh nhạc* là cẩm nang cho GV thanh nhạc, nhất là GV trẻ chưa có điều kiện trau dồi PPSP nhiều.

Giáo trình phục vụ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Giáo trình đại học thanh nhạc của PGS. NSND Mai Khanh. Chính xác hơn đây là GT thanh nhạc nội bộ đầu tiên được biên soạn phục vụ đào tạo thanh nhạc bậc ĐH được hoàn thành nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Trường Âm nhạc VN (tiền thân của HVANQGVN). Tuyển tập *Thanh nhạc* của PGS.NSND Mai Khanh được sưu tầm từ năm 1976, gồm 25 bài hát từ trình độ năm thứ nhất đến năm thứ năm (giai đoạn này đào tạo trình độ đại học 05 năm). Giáo trình bao gồm các tác phẩm VN và nước ngoài. Hầu hết các tác phẩm được chọn lọc đưa vào GT là những tác phẩm của các tác giả tiêu biểu TK XIX; các tác phẩm TK XVII, XVIII cổ điển chưa thấy đề cập nhiều; tác phẩm TK XX, dân ca VN các vùng miền núi phía Bắc, Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thì còn thiếu. Giáo trình này được biên soạn ở trình độ ĐH mà giai đoạn đó được ngầm hiểu là cho đào tạo hát opera,

vì vậy, chưa có sự phân định rõ các tác phẩm cho các chuyên ngành hát opera, hát thính phòng và hát ca khúc.

Giáo trình ĐH thanh nhạc do PGS. NGND Lô Thanh biên soạn, đã được Bộ VHTT nghiệm thu năm 1996 phục vụ đào tạo thanh nhạc; đáp ứng một phần nhu cầu về tài liệu giảng dạy và học tập cho GV và SV của HVAN Huế. Tuy nhiên, cũng như GT đại học của PGS. NSND Mai Khanh, GT này chưa có sự phân định rõ nội dung cho từng chuyên ngành chuyên sâu, mặc dù giai đoạn này, mục tiêu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đã hướng tới đào tạo chuyên ngành hát opera, hát thính phòng và hát ca khúc.

Giáo trình đại học thanh nhạc do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn gồm các trích đoạn opera cho các giọng nữ cao (122 tác phẩm), nam cao (112 tác phẩm), nam trung trầm (116 tác phẩm) đã được Bộ VHTTDL nghiệm thu năm 2007. Số lượng tác phẩm được biên soạn trong bộ giáo trình là rất lớn thể hiện sự công phu trong sưu tầm, tuyển chọn của tác giả; các tác phẩm được biên soạn cho từng loại giọng, theo từng năm. Các tác phẩm chủ yếu của các tác giả TK XVIII, XIX; tác phẩm của các tác giả TK XVII và TK XX chưa nhiều. Giáo trình được sử dụng khá hiệu quả trong công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trình độ đại học cho các cơ sở đào tạo âm nhạc hàng đầu VN và hầu hết các cơ sở đào tạo địa phương đều sử dụng trên cơ sở giảm bớt yêu cầu về kỹ thuật và tác phẩm. Tuy nhiên, việc phân định tác phẩm cho từng chuyên ngành chuyên sâu trong GT chủ yếu phụ thuộc vào trình độ cũng như năng lực soạn giáo án của GV thanh nhạc.

Nếu như GT của PGS.NSND Mai Khanh ra đời với ý nghĩa là GT đầu tiên của HVANQGVN thì GT của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên lại là GT chính đầu tiên của VN phục vụ tốt công tác đào tạo thanh nhạc cho các trường chuyên nghiệp và không chuyên trên phạm vi cả nước. Bộ GT này ra đời có một ý nghĩa vô cùng to lớn, và là thành tựu nổi bật trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN lúc bấy giờ. Tuy nhiên, trước ngưỡng cửa hội nhập với yêu cầu đổi mới, bộ GT này sẽ phát huy tác dụng hơn nếu được điều chỉnh và sự hỗ trợ bởi các dạng GT khác.

Năm 2012, GS.NSND Nguyễn Trung Kiên đã nghiên cứu biên soạn thành công bộ GT thanh nhạc ứng dụng công nghệ thông tin với tựa đề *Bộ giáo trình thanh nhạc gồm phần đệm và nhạc mẫu tác phẩm nước ngoài*. Đề tài đã được Bộ VHTTDL nghiệm thu và là một trong những giải pháp hữu hiệu đổi mới PP dạy học góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Tuy nhiên việc ứng dụng GT này vào thực tiễn chưa được triển khai nghiêm túc.

Tài liệu phục vụ giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp

Tuyển tập *Những tác phẩm thanh nhạc nước ngoài chọn lọc* (2013) của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên gồm 03 tập với 141 bài (Tập 1: 57 bài, tập 2: 40 bài, tập 3: 54 bài). Tập 1 và 2 gồm các romance TK XVII, XVIII, XIX; tập 3 được bổ sung một số aria TK XVIII-XIX. Hầu hết các tác phẩm trong 3 tuyển tập đều có phần đệm piano, rất thuận tiện cho GV, SV trong quá trình luyện tập, ráp đàn và thi vì phần đệm đã được thống nhất ở tổng phổ. Một số bản dân ca nước ngoài có phần đệm piano cũng đã được sưu tầm và dịch lời Việt như: *Hát ru* (Dân ca Ý), *Những con chim* (dân ca cô Pháp), *Thảo nguyên mênh mông* (dân ca Nga)... Đây chính là điểm mới vì từ trước đến nay, VN chưa có GT tác phẩm nước ngoài được biên soạn và dịch sang hát lời Việt một cách hệ thống, bài bản như tuyển tập này.

Thực tế, rất hiếm GV thanh nhạc có khả năng đọc thông viết thạo và dịch được nghĩa của các bài hát viết bằng các ngôn ngữ Ý, Đức, Pháp, Nga... Khó khăn này sẽ được giải quyết bằng phần dịch lời Việt các tác phẩm của các tác giả nước ngoài. Tuyển tập *Năm mươi ca khúc của Franz Schubert dành cho các giọng cao* (2014) do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên dịch là một ví dụ. Với 50 ca khúc được dịch nghĩa lời Việt và phần giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác âm nhạc – thanh nhạc của Schubert, tuyển tập này sẽ hỗ trợ GV tìm hiểu nội dung lời ca và ý nghĩa của tác phẩm để trên cơ sở đó GV giảng dạy dễ dàng hơn.

Đề cương bài giảng *Phương pháp sư phạm Âm nhạc* (2013) của PGS.TS Nguyễn Phúc Linh được biên soạn phục vụ đào tạo các chuyên ngành âm nhạc, trong đó có SP thanh nhạc trình độ sau đại học trong phạm vi cả nước. Nội dung bài giảng đi sâu phân tích những điểm chung và riêng trong PPSP cho từng chuyên

ngành. Có những điểm chung mang tính phổ biến, cũng có những điểm riêng mang tính đặc thù của từng chuyên ngành cụ thể. PGS.TS Nguyễn Phúc Linh khẳng định, không có PP vạn năng cho ngành học, môn học, cho tất cả đối tượng học.

Một số công trình nghiên cứu về đào tạo thanh nhạc

Cho đến những năm cuối của TK XX, các nghiên cứu về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp vẫn gần như vắng bóng. Năm 1999, lần đầu tiên, trong một bản luận văn của một học viên cao học (Trần Diệu Thúy) do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên hướng dẫn, bước đầu đã tổng kết những thành tựu và mạnh dạn chỉ ra được những hạn chế trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại HVANQGVN (lúc đó là Nhạc viện Hà Nội). Những bất cập chủ yếu về sự thiếu đồng bộ, thiếu tính khoa học trong CT, GT thanh nhạc (lúc bấy giờ); trên cơ sở đó đề xuất được một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp những năm đầu TK XXI. Kế tiếp đó là sự ra đời của CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trình độ TC, ĐH và bộ GT do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên trực tiếp biên soạn, kịp thời đáp ứng yêu cầu đổi mới của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đặt ra trong giai đoạn đó. Bên cạnh đó, nghiên cứu ứng dụng CNTT trong đào tạo âm nhạc, trong đó có thanh nhạc lần đầu tiên cũng đã được đặt ra trong đề tài NCKH cấp Bộ *Ứng dụng CNTT trong đào tạo và nghiên cứu âm nhạc* (2003) do PGS.TS Nguyễn Phúc Linh làm chủ nhiệm.

Gần mười năm sau, khi vấn đề đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được chính thức đặt ra, vào năm 2008, luận án Tiến sĩ nghệ thuật với đề tài *Quá trình hình thành và phát triển của ca hát chuyên nghiệp VN* đã được Trương Ngọc Thăng bảo vệ thành công. Trong luận án, tác giả đã đưa ra những tổng kết khái quát về quá trình hình thành và phát triển ca hát chuyên nghiệp VN từ khi nghệ thuật hát chuyên nghiệp của châu Âu du nhập vào VN cho đến những năm cuối TK XX, đầu TK XXI. Đây cũng là lần thứ hai vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được đề cập đến nhưng với hàm lượng nội dung không nhiều; các giải pháp đưa ra phù hợp với tình hình thực tiễn lúc đó nhưng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giai đoạn mới.

Tiếp đó là công trình NCKH trọng điểm cấp bộ của Bộ VH-TT-DL có nhan đề: *Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới*, do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên làm chủ nhiệm đề tài. Công trình được bảo vệ thành công năm 2009 với sự đóng góp của nhóm tác giả GS.TS.NGND Trần Thu Hà, GS.TS.NSND Ngô Văn Thành, PGS.TS.Lưu Quang Minh, GS.TS.NGND Phạm Minh Khang, PGS.TS Nguyễn Phúc Linh. Trong đề tài này, một lần nữa vấn đề đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được đề cập đến, nhưng với dung lượng nội dung không nhiều; giữ vị trí là một phần nhỏ trong tổng thể đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp VN. Đề tài này bao hàm những nghiên cứu về các mặt khác nhau trong hệ thống đào tạo âm nhạc của VN trong quá khứ và hiện tại, nhằm hoạch định ra kế hoạch phát triển bền vững trong tương lai của hệ thống các trường đào tạo âm nhạc trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn mới.

Gần một thập kỷ nữa sắp trôi qua với nhiều biến động về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có ảnh hưởng sâu sắc tới giáo dục đào tạo nói chung, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nói riêng. Từ đó thời gian, đủ để đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nhìn lại tổng kết chặng đường đổi mới và tiếp tục đổi mới trong giai đoạn mới. Nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp VN trải qua chặng đường gần 60 năm hình thành và phát triển đã đúc kết được những kinh nghiệm sư phạm quý báu. Một số công trình nghiên cứu về thanh nhạc chuyên nghiệp VN chủ yếu theo các hướng:

- Một số nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực đào tạo thanh nhạc như: *Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới* (Đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, chủ nhiệm đề tài GS.NSND Nguyễn Trung Kiên); *Đào tạo tài năng biểu diễn âm nhạc đỉnh cao ở VN* (Đề tài NCKH cấp Bộ, chủ nhiệm đề tài GS.TS.NGND Trần Thu Hà); *Đề cương xây dựng chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn 2030* (HVANQGVN). Các nghiên cứu này thể hiện tầm nhìn định hướng tổng quát cho sự phát triển nền âm nhạc nước nhà. Các giải pháp nêu ra mang tầm vĩ mô bao quát cả đào tạo chuyên nghiệp và phổ cập giáo dục âm nhạc, trong đó có đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

- Hướng nghiên cứu xây dựng CT, biên soạn GT thanh nhạc chuyên nghiệp chủ yếu do các GS, PGS đầu ngành trực tiếp thực hiện như GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NGND Lô Thanh... Trong nghiên cứu của mình, các tác giả đề cập tới vấn đề mô hình đào tạo, CT, GT thanh nhạc chuyên nghiệp trên cơ sở chất lọc những tinh hoa của CT đào tạo cũng như tài liệu giảng dạy của thế giới. Những CT này đã được thực hiện ở VN trong thời gian qua và đã có những thành công nhất định.

- Hướng nghiên cứu về PP thanh nhạc và PPSP thanh nhạc chủ yếu trong các chuyên khảo của các GS, TS, các nhà SP thanh nhạc đầu ngành trong và ngoài nước. Ở VN, các nghiên cứu thường được trình bày dưới dạng tổng kết kinh nghiệm. Các tác giả đi sâu phân tích những vấn đề liên quan đến kỹ thuật thanh nhạc và mô tả những kinh nghiệm của bản thân rút ra trong quá trình giảng dạy lâu năm của mình.

- Hướng nghiên cứu ứng dụng CNTT vào giảng dạy âm nhạc nói chung, thanh nhạc trình độ đại học nói riêng còn ít, mới chỉ có nghiên cứu của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên với *Bộ đĩa đệm tác phẩm nước ngoài* và PGS.TS Nguyễn Phúc Linh với công trình *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong đào tạo và nghiên cứu âm nhạc*, trong đó có đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

- Hướng nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo thanh nhạc ở các cơ sở đào tạo địa phương là hướng nghiên cứu chủ yếu của các luận văn thạc sĩ.

- Hướng nghiên cứu về hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới hiện còn đang bỏ ngỏ. Nghiên cứu giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới là nghiên cứu thực trạng của từng thành tố của quá trình đào tạo; đề xuất những đổi mới cho từng thành tố trên nguyên tắc kế thừa ưu điểm, loại bỏ nhược điểm và bổ xung những yếu tố mới. Đổi mới từng thành tố thì sẽ dẫn tới đổi mới hệ thống, chất lượng đào tạo ắt sẽ được cải thiện, nâng cao. Nghiên cứu về lĩnh vực thanh nhạc, trong đó có vấn đề nâng cao chất lượng luôn là đề tài cần được tiến hành thường xuyên và lâu dài. Nâng cao chất lượng đào tạo thanh nhạc chuyên

nghiệp trong giai đoạn mới gắn liền với thể kỷ hội nhập là vấn đề mới mang ý nghĩa thời đại và chưa được thể hiện ở bất cứ tài liệu nào tại VN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu mà chúng tôi hướng đến là những vấn đề liên quan đến đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp như nội dung CT, GT môn học thanh nhạc, chất lượng đội ngũ GV thanh nhạc, hoạt động học tập và thi của SV.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là đào tạo thanh nhạc bậc đại học tại HVANQGVN, có tham khảo HVAN Huế và Nhạc viện TPHCM, chủ yếu trong giai đoạn đất nước đổi mới. Phạm vi khảo sát của đề tài là ba cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu của VN cùng với một số cơ sở đào tạo khác. Phạm vi thử nghiệm được tiến hành trong quá trình đào tạo SV thanh nhạc của HVANQGVN và HVAN Huế. Khách thể nghiên cứu chính là hoạt động dạy học thanh nhạc chuyên nghiệp.

4. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu chính của chúng tôi là nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp bậc ĐH tại các học viện âm nhạc và nhạc viện trong giai đoạn mới tại VN.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp tài liệu về những vấn đề liên quan đến đề tài, sách lý luận PPSP thanh nhạc, CT môn học, GT giảng dạy ngành biểu diễn thanh nhạc bậc trung cấp và đại học; tổng kết kinh nghiệm của các bậc tiền bối trong và ngoài nước về PPSP thanh nhạc.

Bên cạnh đó, chúng tôi sử dụng các phương pháp quan sát, khảo sát, phỏng vấn, PP chuyên gia, thống kê, thực nghiệm sư phạm... trong nghiên cứu thực tiễn. Cụ thể là trong việc tìm hiểu các nội dung, hình thức tổ chức, PP, phương tiện để giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, đánh giá chất lượng một số phần thi kết thúc học phần, tốt nghiệp của SV cũng như xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV... đối với chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện.

6. Những đóng góp của luận án nghiên cứu

Luận án bước đầu tổng kết một cách khái quát quá trình hình thành và phát triển nền SP thanh nhạc châu Âu và sự tiếp nối của nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp VN. Đề tài nghiên cứu đặc biệt đi sâu vào giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đổi mới nhằm phân tích, đánh giá được thực trạng của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Tổng kết, hệ thống những vấn đề về công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN nói chung và chủ yếu là tại HVANQGVN nói riêng. Trên cơ sở phân tích tìm ra những nguyên nhân để phát huy các ưu điểm và hạn chế các nhược điểm đã nảy sinh trong quá trình phát triển.

Luận án đã đề xuất được một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Các giải pháp phù hợp với thực tiễn đào tạo tại VN trong giai đoạn hiện nay, cụ thể: chuẩn hóa năng lực đội ngũ GV thanh nhạc trên các phương diện chuyên môn, nghiệp vụ SP và NCKH; đổi mới PPDH phát huy tính tích cực của SV và đổi mới mô hình, mục tiêu, nội dung CT, GT thanh nhạc.

Luận án cũng đã hệ thống hóa kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto; xây dựng một số dạng GT thanh nhạc tên tác phẩm dòng hát opera và hát thính phòng có thể làm tài liệu tham khảo cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Việc sưu tập tư liệu phục vụ cho đề tài sẽ giúp ích cho tủ sách nghiên cứu SP thanh nhạc tại HVANQGVN và các cơ sở đào tạo thanh nhạc trên cả nước.

Luận án khẳng định, trong giai đoạn mới, nếu tiến hành đổi mới mô hình, CT, GT thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa; nếu đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực của SV, nếu năng lực chuyên môn, giảng dạy và NCKH của GV thanh nhạc được chuẩn hóa, có khả năng thực hiện được nội dung CT, sử dụng được GT đổi mới thì hiệu quả đào tạo thanh nhạc sẽ được nâng cao; sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp cũng sẽ được đổi mới, đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập trong giai đoạn mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần thực hiện thành công mục tiêu của *Đề án phát triển Học viện Âm nhạc giai đoạn 2014 – 2020* trong lĩnh vực đào

tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Công tác nghiên cứu lý luận về PPSP chuyên ngành thanh nhạc được tiếp nối và liên tục phát triển tại VN.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Sự phạm thanh nhạc châu Âu và sự hình thành các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng và yêu cầu đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Chương 3: Giải pháp đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Chương 1

SỰ PHẠM THANH NHẠC CHÂU ÂU VÀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO THANH NHẠC HÀNG ĐẦU Ở VIỆT NAM

Thanh nhạc (vocalmusic) là một thuật ngữ có nguồn gốc từ phương Tây, du nhập vào Việt Nam khoảng những năm 50 của thế kỷ trước, qua các chuyên gia dạy hát người nước ngoài. Thanh nhạc là danh từ dùng để phân biệt thể loại tác phẩm viết cho giọng hát và nhạc cụ. “Thanh nhạc, tức âm nhạc có lời ca, là loại hình lâu đời nhất của nghệ thuật âm nhạc” [27;14]. Ngoài ra còn có loại tác phẩm tuy không có lời nhưng vẫn là tác phẩm thanh nhạc như một số bài vocalise của Rachmaninov, M. Glinca, M. Ravel... Trong *Từ điển Thuật ngữ âm nhạc* của Nguyễn Bách, thanh nhạc là một động từ được ghép bởi tính từ “vocal” (thuộc thanh âm) và danh từ “music” (âm nhạc). Theo tác giả, thanh nhạc được dịch từ tiếng nước ngoài “vocalmusic” [3;102]. Trong *Từ điển Anh Việt*, danh từ “Voice” có nghĩa âm thanh, tiếng nói, giọng nói. Trong cuốn *Thuật ngữ âm nhạc* của Đào Ngọc Dung, “Voice” được dịch nghĩa là giọng hát, bè hát. Một số chuyên gia về lĩnh vực đào tạo thanh nhạc cũng cho rằng thanh nhạc chính là chỉ loại nhạc cụ sống – giọng hát của con người. Như vậy, có thể tạm coi “thanh nhạc” là một thuật ngữ chỉ phương cách biểu hiện âm nhạc của con người – giọng hát. Nói cách khác, thanh nhạc là âm nhạc được thể hiện bằng giọng hát của con người. Đào tạo thanh nhạc là huấn luyện giọng hát để có được những giọng hát chuẩn xác, truyền cảm, có khả năng thể hiện được nội dung, xúc cảm âm nhạc với các hình tượng phong phú, đa dạng. Thời điểm mà đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp chính thức được thừa nhận cần có sự gắn kết với sự ra đời nghệ thuật ca hát đỉnh cao của nhân loại (opera) ở Ý vào đầu TK XVII. SP thanh nhạc chuyên nghiệp cũng chính thức được bắt đầu từ đây.

1.1. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc châu Âu

1.1.1. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc TK XVII

1.1.1.1. Tác giả, tác phẩm thanh nhạc tiêu biểu

Thanh nhạc TK XVII được đánh dấu bằng sự hình thành và phát triển rực rỡ của opera Ý theo phong cách của trường phái Bel canto (hát đẹp). Sau đó opera trở

nên phong phú ở Pháp và lan sang Đức, Anh. Nước Ý là cái nôi sản sinh ra nghệ thuật opera và đã tạo dựng nên thương hiệu cho phong cách này.

Đặc điểm cơ bản và quan trọng nhất trong kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto đó là hát liền âm một cách trau chuốt, bên cạnh đó là có sự pha trộn hoàn hảo các âm khu của giọng hát, trong đó âm thanh ở âm khu trung được trau chuốt hơn cả, đòi hỏi sự tròn trịa đầy đặn của các nguyên âm khi phát ra. Một điểm quan trọng khác nữa là các nốt cao không hát với âm lượng lớn mà chỉ có ý nghĩa tô điểm với âm hưởng luôn yếu hơn các nốt ở âm khu trung, nghĩa là hát lên cao thì hát nhỏ và nhẹ đi (rất hợp với giọng giả thanh của nam).

Về nguyên tắc, bel canto đòi hỏi sự hoàn thiện giọng hát với vẻ đẹp của âm thanh và kỹ xảo điêu luyện theo kiểu nhạc cụ. Người hát phải kiểm soát tốt về hơi thở, làm chủ màu sắc âm thanh trong cách hát liền âm, nảy ngắt âm, ngân âm, thực hiện các âm kéo dài, thể hiện thuần thục các âm rải, các gam diatonique, chromatique. Bên cạnh đó, bel canto còn đòi hỏi người hát có khả năng ứng tác được trong những phần cadenza và trên những dấu ngân tự do phải trên cơ sở sự hoàn thiện giọng hát để đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật diễn tả âm thanh.

Thời kỳ này, có nhiều tác phẩm được sáng tác theo phong cách bel canto. Đây cũng là những tác phẩm chuẩn mực cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Việc sử dụng các tác phẩm chuẩn mực trong giảng dạy thanh nhạc tạo điều kiện thuận lợi cho việc rèn luyện phát triển giọng hát, phát triển kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện tác phẩm cũng như trau dồi kiến thức âm nhạc cơ bản cho SV.

Người mở đầu cho cách hát này là Giulio Caccini (1545 – 1618) sau đó được Pietro Francesco Tosi (1647 – 1727) kế tục và sau này là Giambattista Mancini (1716 – 1800). Một số nhạc sĩ tiêu biểu sáng tác theo phong cách Bel canto thời kỳ này có thể kể đến: Claudio Monteverdi (1567 – 1643) với *Lascia temi morire* (Hãy để tôi chết) trong opera *L' Arianna*; Alessandro Scarlatti (1660 – 1725) với một số tác phẩm tiêu biểu như: aria *Le Violete* (Hoa violet) trong opera *Pirro e Demetrio*, aria *Gia il sole dal Gange* (Mặt trời từ phương đông) trong opera *L'Hones ta negli*

amori; A. Caldara (1670 -1736) với aria *Alma del core* (Sự chung thủy trong tình yêu đã chiến thắng sự lừa bịp) trong opera *La costanza in amor vince l'inganno...*

1.1.1.2. Phương pháp sư phạm thanh nhạc

Sự ra đời của các tác phẩm mang phong cách hát Bel canto đã hình thành nên những kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto. Thời kỳ này, ca sĩ castrato rất được ưa chuộng và việc giảng dạy giọng castrato trở thành nhu cầu tất yếu của xã hội. Nhiều GV thanh nhạc là ca sĩ castrato như: Pietro Francesco Tosi (1647 - 1727), Antonio Mamiliang Pistocchi (1659 - 1726), Antonio Bernacchi (1685 - 1756)... Vì vậy mà PPSP thanh nhạc cũng tập trung vào dạy giọng castrato.

Với nguyên tắc lời ca không làm cho âm thanh nặng nề, ảnh hưởng tới âm sắc, PPSP thanh nhạc thời kỳ này chủ yếu quan tâm tới việc hình thành các kỹ thuật, kỹ xảo âm thanh. Các nhà SP thanh nhạc của Ý giai đoạn này rất chú ý xây dựng kỹ thuật thanh nhạc và hình thành các kỹ xảo cho các giọng hát, như: recitative, cantilenna, portamento, passage, trillo, staccato, martellato... trên cơ sở thống nhất hơi thở ngực. Việc giảng dạy thanh nhạc chủ yếu làm cho giọng hát phát triển theo hướng khí nhạc. Trên cơ sở nắm vững các kỹ thuật thanh nhạc, sử dụng kỹ thuật điều luyện, hợp lý trong mối quan hệ giữa giai điệu và lời ca với nguyên tắc lời ca không làm cho âm thanh nặng nề, ảnh hưởng tới âm sắc; những nốt cao và nốt thấp của giọng hát được tạo ra một cách chính xác trên một vị trí thống nhất; âm thanh phần thấp cấu tạo tốt ở mặt nạ, lên cao chuyển lên giọng đầu.

Đây cũng là thời kỳ nghệ thuật ca hát màu sắc phát triển rực rỡ. Tác phẩm thanh nhạc thời kỳ này chủ yếu mang tính chất thính phòng, với phong cách trữ tình, nhẹ nhàng, không có ca trào lớn. Sân khấu biểu diễn thường trong các phòng hòa nhạc nhỏ với dàn nhạc nhỏ. Để hát các tác phẩm như vậy chỉ cần giọng hát với âm lượng vừa phải, giọng nam lên cao hát bằng giọng giả thanh (falsetto) theo nguyên tắc “càng hát lên cao, càng hát nhỏ đi”; tiêu chuẩn âm thanh nhẹ nhàng, mềm mại, thanh thoát. Đây chính là lý do khiến các giọng hát thời kỳ này đề cao kiểu hơi thở ngực.

Thời kỳ này, giọng hát của GV được coi là chuẩn mực nhất, là phương tiện trực quan duy nhất mà GV có thể sử dụng trong giảng dạy nên nó được khai thác triệt để. Quan điểm “hãy hát như tôi hát”, trở thành “kim chỉ nam” trong đào tạo thanh nhạc của các GV thanh nhạc thời kỳ này. Với quan điểm này, GV sử dụng chủ yếu phương pháp “thị phạm” trong giảng dạy thanh nhạc.

Thị phạm là PP trực quan, truyền nghề, dễ hiểu ở mức độ cao. Phương pháp này tác động một cách trực giác tới các giác quan của người học. Qua đó, theo GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, “... người học nắm bắt những yếu tố có thể là những tín hiệu về việc đó phải làm như thế nào như: nhìn, nghe, hưng phấn cảm xúc khi nghe những âm thanh đúng – tất cả những điều đó làm hưng phấn, động viên để người học vượt qua những nhiệm vụ phức tạp” [49;46]. Đây được coi là PPSP thanh nhạc đầu tiên mà con người sử dụng để dạy thanh nhạc. Sử dụng PP này, GV phải là những người có kinh nghiệm biểu diễn ở một loại giọng và sẽ truyền dạy cho người học thông qua con đường làm mẫu. Nếu GV có giọng hát tốt, cùng loại giọng với người học thì việc phát triển giọng hát của người học theo phương pháp này tương đối thuận lợi. Kinh nghiệm biểu diễn được GV tích lũy từ kinh nghiệm của các bậc tiền bối, cụ thể là kinh nghiệm biểu diễn của chính người thầy trong những năm tháng họ được học tập. Kinh nghiệm biểu diễn của GV cũng có thể được tích lũy qua quá trình hoạt động biểu diễn và kinh nghiệm biểu diễn của đồng nghiệp.

Sự lĩnh hội kiến thức của người học chủ yếu thông qua sự bắt chước của các bộ phận trong cơ quan phát âm một cách vô thức. Sự lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo nên phản xạ có điều kiện cho bộ máy phát âm khi ca hát. Tuy nhiên, phản xạ này không được ghi nhận bởi sự phân tích của tư duy mà chủ yếu chỉ là sự tái hiện bằng sự cảm nhận cảm tính của thính giác nên sự ghi nhớ cũng trở nên có giới hạn. Hạn chế phổ biến mà GV thường gặp khi giảng dạy nhiều loại giọng khác nhau đó là GV không thể thị phạm được tất cả các màu giọng.

Biện pháp xây dựng kỹ xảo phát âm thanh cho giọng hát có manh nha từ trước đã được vận dụng khá hiệu quả trong giai đoạn này đó là biện pháp dựa trên thói quen phát âm tiếng nói (cụ thể là tiếng Ý), bao gồm cách phát âm về nguyên

âm và phụ âm để tạo nên ca từ và âm thanh tròn trịa, đầy đặn, sáng sủa, rõ lời và truyền cảm. Biện pháp này rất hiệu quả khi được phối hợp với hơi thở tinh tế; nhờ vậy mà nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc cũng như SPTN thời kỳ này đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật diễn tả. Với cách hát này, việc sử dụng hơi thở ngược của các ca sĩ castrato TK XVII – XVIII đã trở thành phổ biến.

Thời kỳ này, PPSP có sự kế thừa và bổ sung giữa các thể hệ GV thanh nhạc; bên cạnh đó kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto cũng được định hình và phát triển, nhanh chóng trở thành phong cách và thương hiệu của Ý và vượt ra khỏi biên giới tới các nước châu Âu. Trong những thế kỷ sau, nghệ thuật hát Bel canto trong nghệ thuật opera có những thay đổi do sự thay đổi về sáng tác và điều kiện biểu diễn.

1.1.2. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc TK XVIII

1.1.2.1. Tác giả, tác phẩm thanh nhạc tiêu biểu

Thời kỳ này, opera nghiêm trang (opera seria) được khôi phục và thoát ra khỏi khủng hoảng (đầu TK XVIII, opera bắt đầu suy thoái từ Ý, ảnh hưởng sang các nước khác ở châu Âu); opera được phát triển nâng cao nội dung, hình thức, thể loại, phong cách nghệ thuật; thể loại opera trở nên phong phú: có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa nội dung kịch với âm nhạc; dàn nhạc trong opera được mở rộng và phát triển thành dàn nhạc giao hưởng độc lập. Nhiều aria trong opera của thời kỳ này cũng trở thành những tác phẩm mẫu mực cho giảng dạy thanh nhạc.

Có hai khuynh hướng cơ bản trong tác phẩm và phong cách biểu diễn thanh nhạc thời kỳ này: khuynh hướng đề cao của ngôn ngữ thơ ca trong âm nhạc và khuynh hướng chủ trương thơ ca không được làm ảnh hưởng đến âm nhạc. Hai đại diện tiêu biểu cho các khuynh hướng chính là nhạc sĩ thiên tài C.W. Gluck (1714 – 1787) và nhạc sĩ thần đồng W.A. Mozart (1756 – 1791). Cả C.W. Gluck và W.A. Mozart đều là những nhà cải cách opera một cách tích cực với mong muốn đưa nghệ thuật opera thoát khỏi tình trạng khủng hoảng hiện có. Tuy nhiên con đường cải cách của hai ông không giống nhau, thậm chí có điểm trái ngược nhau.

Trong tác phẩm của mình, C.W. Gluck có chủ trương âm nhạc phải phụ thuộc vào kịch và thể hiện ý tưởng của kịch. Một số opera tiêu biểu của C.W. Gluck như *Orphee và Euridice*, *Parid và Elena*, *Iphigenie ở Taurid*, *Alceste* và opera hài *The Pilgrimage to Mecca*. Trong khi đó, W.A. Mozart lại đại diện cho tư tưởng nội dung kịch trong opera phải phụ thuộc âm nhạc. Những opera đỉnh cao của W.A. Mozart như: hài kịch Đức *Vụ bắt cóc ở Serail* (1782); opera những tính cách (nhạc kịch hài của những lối sống) *Đám cưới Figaro* (1786); kịch âm nhạc tâm lý (W.A. Mozart gọi là kịch vui) *Don giovani* (1787); chuyện cổ tích âm nhạc triết lý, opera huyền ảo, phát triển trên cơ sở hài kịch Đức (singspiel) *Cây sáo thần*...

1.1.2.2. Phương pháp sư phạm thanh nhạc

Bel canto được mở rộng và sử dụng rộng rãi vào giữa TK XVIII. Đây cũng là thời hoàng kim của opera seria (opera nghiêm trang), của giọng castrato (nam hát bằng giọng giả thanh). TK XVII - XVIII, trường phái Bel canto đề cao tính khí nhạc của giọng hát, coi giọng hát như một loại nhạc cụ hoàn hảo, tinh vi và đầy cảm xúc. Loại nhạc cụ này phát huy tối đa khả năng biểu hiện và đạt tới đỉnh cao ở các giọng castrato trong suốt hơn một thế kỷ, trong các tác phẩm của các nhạc sĩ đương thời. Nhạc sĩ tiêu biểu nhất viết cho trường phái Bel canto thời kỳ này có thể kể đến W.A. Mozart với nhiều aria nổi tiếng trong các opera. Aria *Batti, batti, o bel Masetto* trong opera *Don Giovanni* là một ví dụ ... Luyện tập kỹ thuật hát của trường phái Bel canto vẫn là tiêu chí số một của các giọng hát khi thể hiện các tác phẩm thời kỳ này.

Vào cuối TK XVIII, giọng castrato không còn được ưu ái như thời kỳ trước; các vai nữ trong opera dần dần được các giọng nữ đảm nhiệm; PP thanh nhạc quan tâm đi sâu vào từng loại giọng cụ thể. Mặc dù PP thanh nhạc của các GV trong thời kỳ này còn có mặt chưa hoàn toàn thống nhất (đặc biệt là hơi thở), nhưng điểm chung là họ luôn hướng đến việc sử dụng lối hát Bel canto, đề cao kỹ thuật ca hát với hơi thở thâm mỹ tinh tế và đã đạt được những thành tựu nhất định.

Các khuynh hướng trong sáng tác đã phần nào tạo nên những khuynh hướng mới trong biểu diễn. Các PPSP thanh nhạc từ trước đó vẫn được GV thanh nhạc

thời kỳ này tiếp tục phát huy. Trên cơ sở thống nhất hơi thở ngực, vấn đề xây dựng kỹ thuật thanh nhạc với các kỹ xảo: recitative, legato, trillo, passage, portamento, gruppo, martellato, staccato... tiếp tục được các GV thanh nhạc Ý quan tâm giảng dạy, tiêu biểu như Giambattista Mancini (1716 – 1800). Việc nghiên cứu và giải thích PP thanh nhạc trên khía cạnh lý luận và xem xét, nghiên cứu sinh lý học của cơ quan phát âm cũng đã được Jean Baptiste Bierar (1710 – 1772) - ca sĩ nhạc kịch, nhà nghiên cứu và SP thanh nhạc người Pháp quan tâm. Theo ông, khi lấy hơi cần phải nâng và căng ngực, bụng phình căng khiến cho phía bên trong ngực sẽ chứa đầy không khí, tạo ra áp lực lớn hoặc nhỏ tùy thuộc vào yêu cầu hát. Với quan điểm ca hát chuyên nghiệp tập trung vào vấn đề hơi thở, các nhà nghiên cứu thanh nhạc của Nhạc viện Paris gồm: Mengoxi (ca sĩ, GV thanh nhạc), Gara (ca sĩ, GV thanh nhạc), Cherubini (nhạc sĩ) cho rằng, hơi thở khi hát trái ngược với hơi thở thường và thở khi nói; khi hát bụng phải hóp lại, hơi dâng lên ở phần trên, không cần thiết phải hít hơi nhiều mà tập trung điều khiển hơi một cách nghệ thuật, thoát ra từ từ từ lồng ngực không có tiếng động, đảm bảo cho giọng hát có lực và âm sắc tốt.

PPSP thanh nhạc của các GV, bên cạnh việc yêu cầu người học “hãy hát như tôi hát”, đã bổ sung thêm yêu cầu đối với người học “hãy làm như tôi nói”. Nghĩa là GV sử dụng PP gợi mở để SV hiểu vấn đề trước khi thực hiện các thao tác hoạt động. Sự bắt chước thông qua việc thị phạm của GV không phải là phương thức bắt buộc và duy nhất trong giảng dạy thanh nhạc. Ngược lại với PP thị phạm, gợi mở là PP giảng dạy chủ yếu bằng lời. Việc GV giảng dạy chủ yếu bằng PP gợi mở có hai xu hướng. GV có thể dùng lời để mô tả quy trình thực hiện các thao tác, còn người học nhận thức bằng tư duy. Hoạt động thực hành luyện tập của người học thông qua nhận thức sẽ trở nên bền vững hơn. Một xu hướng khác là GV có thể dùng lời để mô tả, hướng dẫn người học chủ yếu qua việc xây dựng các quan niệm trên cơ sở tâm lý học, tránh phân tích và nói về các chi tiết thuộc cơ chế làm việc của thanh quản. GV không đưa ra bất cứ khái niệm gì vào đầu người học với mục đích không gây cho họ có tâm lý ám ảnh, sợ hãi về vấn đề gì đó trong kỹ thuật thanh nhạc. GV dẫn dắt người học giải quyết các vấn đề về kỹ thuật một cách nhẹ nhàng, tự nhiên,

không gây căng thẳng, áp lực. Đây là PP giúp cho sự tiếp cận giữa GV và người học trở nên nhẹ nhàng, thân thiện. GV quan tâm nhiều đến người học ở khía cạnh trạng thái tâm lý để tác động, và người học sẽ được khơi gợi, tạo điều kiện để có được tinh thần tốt nhất khi luyện tập. Nếu người học có trí nhớ tốt, trí tưởng tượng phong phú, thông minh sẽ nắm bắt nhanh và nhớ tốt cảm giác về vấn đề kỹ thuật để tạo nên tiềm thức chuẩn mực về âm thanh. Việc giải quyết những vấn đề kỹ thuật bằng cảm giác bên trong cơ thể nên khi đã nắm bắt được thì vận dụng dễ dàng cho tác phẩm. Việc thể hiện tác phẩm hoàn toàn trên cơ sở ghi nhớ cảm xúc theo cảm giác nên không cần thiết phải huy động lý trí, ngay cả khi xử lý những kỹ thuật khó trong tác phẩm. Sử dụng PP gợi mở thường là những GV có kinh nghiệm trong giảng dạy. Kinh nghiệm giảng dạy của GV được tích lũy từ chính kinh nghiệm giảng dạy của người thầy của họ, từ những đồng nghiệp, qua thực tiễn giảng dạy, qua tìm hiểu, nghiên cứu...vì vậy họ có thể giảng dạy được nhiều loại giọng khác nhau. Các GV nhiều tuổi thường có xu hướng sử dụng và khai thác hiệu quả PP này. Việc yêu cầu “hãy hát như tôi nói” cho phép GV có thể dạy trực tiếp (trên lớp học) hoặc gián tiếp (qua điện thoại hoặc qua thư)...

Giảng dạy thanh nhạc được tiến hành song song với việc củng cố những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm của giọng hát, để từng bước tạo nên những thói quen đúng trong ca hát. Nhược điểm của giọng hát thường có nguồn gốc sâu xa từ hoạt động của các bộ phận tạo ra âm thanh trong cơ thể con người. Để điều chỉnh, phối hợp được các hoạt động tạo thuận lợi tối ưu cho ca hát, đòi hỏi phải có hiểu biết về các bộ phận này và có tác động phù hợp. Những vấn đề nêu trên đã được một số GV thanh nhạc thời kỳ này quan tâm và bước đầu vận dụng vào giảng dạy. Đây còn được gọi là biện pháp xây dựng kỹ xảo phát âm thanh trong ca hát phù hợp với hoạt động sinh lí. Bên cạnh đó, việc giảng dạy các tác phẩm thanh nhạc trong các opera với nhiều ngôn ngữ khác nhau khiến nhiều GV thanh nhạc giai đoạn này vẫn ưa dùng biện pháp dựa trên thói quen phát âm tiếng nói.

Như vậy, bên cạnh việc tiếp thu những PPSP thanh nhạc đã có từ trước, các GV thanh nhạc luôn có sự tìm tòi những PPSP mới trong giảng dạy thanh nhạc

nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, phong phú và phức tạp của tác phẩm cũng như yêu cầu thể hiện của ca sĩ và nhu cầu thưởng thức của xã hội.

1.1.3. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc TK XIX

1.1.3.1. Tác giả, tác phẩm thanh nhạc tiêu biểu

Âm nhạc trong opera thời kỳ này có nhiều đổi mới như: có thêm cấu trúc xuyên suốt, xây dựng hệ thống âm hình chủ đạo, sử dụng nhiều hợp xướng, các cảnh quần chúng, thanh nhạc gắn bó mật thiết với khí nhạc, đề cao khí nhạc giao hưởng, sử dụng các thủ pháp phối khí đa dạng. Với sự xuất hiện thêm ba thể loại opera mới (opera lịch sử, opera trữ tình, opera thần thoại) đã tạo nên sự phong phú và phức tạp trong việc thể hiện nội tâm nhân vật. Khuynh hướng thanh nhạc giai đoạn này không còn thuần chất như TK XVII, XVIII. Các tác phẩm của các tác giả đã đạt tới độ phức tạp ở đỉnh cao (như của G. Verdi, R. Wagner...) với nhiều phong cách khác nhau bởi sự phong phú của kịch bản và phát triển mang tính kịch của các vai diễn. Kỹ thuật và nghệ thuật thanh nhạc có thể được đánh giá là phát triển tối đa trong giai đoạn này.

Trong quá trình cải cách opera ở thế kỷ trước, C.W.V. Gluck đã đan xen tư tưởng đề cao ngôn ngữ thơ ca trong âm nhạc. Có lẽ đây là manh nha của âm nhạc lãng mạn mà F. Schubert là người kế thừa thành công hơn cả khi thơ ca và âm nhạc cùng hòa quyện trong các tác phẩm của ông. Ca khúc của F. Schubert bắt nguồn từ ca khúc dân gian và được sáng tác dựa trên kinh nghiệm âm nhạc châu Âu. F. Schubert đã làm một việc vô cùng vĩ đại đó là thống nhất được hai tư tưởng lớn cải cách opera ở thế kỷ trước (C.W.V. Gluck và W.A. Mozart) trong tác phẩm (ca khúc) của mình. Âm nhạc và lời ca không còn ở hai chiến tuyến tranh phần thắng bại mà trở nên thống nhất, hòa quyện, tạo nên đời sống mới cho ca khúc. Sự hoàn thiện về tư tưởng, tư duy thẩm mỹ và PP sáng tác đã khẳng định ca khúc có vị trí ngang tầm với các thể loại khác. Nhờ có F. Schubert mà ca khúc, lần đầu tiên trong lịch sử âm nhạc đã trở thành thể loại sánh ngang với các thể loại âm nhạc khác. Có thể kể đến một số ca khúc tiêu biểu như *Die Forelle* (Con cá Forelle), *Aù dem Wasser zu singen* (Bài ca chèo thuyền), *Am Meer* (Trước biển)... đặc biệt là hai liên

ca khúc: *Cô chủ cối xay xinh đẹp* (1823) gồm 20 bài và *Con đường mùa đông* (1827) gồm 24 bài.

Như vậy, bên cạnh khuynh hướng thanh nhạc tiếp tục nối tiếp từ thế kỷ trước, chính sự xuất hiện dẹt dàng đậm thắm của ca khúc thanh nhạc giai đoạn này làm xuất hiện thêm phong cách hát thính phòng. Mặc dù trên thực tế, hát thính phòng đã được xuất hiện từ trước, nhưng phải đến thời kỳ này mới định hình thành một phong cách để phân biệt với các phong cách hát khác. Yêu cầu nhạc khí hóa giọng hát trong các tác phẩm của các nhạc sĩ G. Verdi và R. Wagner cũng như đòi hỏi về tính chất trữ tình và phong cách biểu diễn thính phòng trong các tác phẩm của F. Schubert và các nhạc sĩ đương thời đã làm xuất hiện cùng lúc nhiều khuynh hướng thanh nhạc. Có khuynh hướng mới xuất hiện do những yêu cầu mới của tác phẩm, cũng có những khuynh hướng đã có từ trước đó nhưng được tiếp tục duy trì.

1.1.3.2. Phương pháp sư phạm thanh nhạc

Vào giữa TK XIX, bel canto trở nên đặc biệt hơn khi người ta phát triển lối hát mạnh mẽ trong truyền thống của Ý. Sự làm mới lại phong cách Bel canto đã phát sinh như là một hiệu quả tất yếu của opera TK XIX đó là dần dần phát triển tính kịch. Cách hát này cũng khiến cho ca sĩ opera có thể chiến thắng được phần đệm với cường độ lớn của dàn nhạc giao hưởng trong một nhà hát tầm cỡ. Thời kỳ này, giọng castrato phần nào bị mai một và dần đi vào quên lãng, lối hát Bel canto cũng bắt đầu bớt đi tính chất nhạc cụ. Bel canto được bổ sung các yếu tố khác về âm nhạc trong đó ưu tiên cho âm lượng để biểu hiện tính kịch của nhân vật cũng như đáp ứng sự phù hợp với âm lượng dàn nhạc. Cách hát lên cao bằng âm thanh đóng tiếng phối hợp với hơi thở và cộng minh linh hoạt đã bổ sung thêm một cách tiếp cận mới cho kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto.

Các nhà SP thanh nhạc thời kỳ này tiếp tục sử dụng các PP thanh nhạc từ thời kỳ trước trên cơ sở có sự tìm tòi của riêng mình. G. Lamperti (nhà SP thanh nhạc người Ý) là người tiếp nối thành công trường phái thanh nhạc của Ý, đặc biệt là của G. Caccini. Bên cạnh đó, ông thể hiện rõ quan điểm của mình trong giảng dạy thanh nhạc, đó là ca hát phải tuân theo quy luật tự nhiên, quy luật sinh lý học

chứ không phải giải phẫu học, là thính giác chứ không phải là sự hoạt động của cơ bắp. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng việc luyện tập các kỹ thuật là nền tảng để hình thành nên nghệ thuật thể hiện. Một số kỹ thuật cần luyện tập như: cantilena, portamento, staccato, crescedo/decrescendo, trillo... Trong PPSPTN, ông cho rằng cần quan tâm dựa vào cá tính của giọng để tác động phù hợp. Đây thực chất là PPSP thanh nhạc tổng hợp.

Các nhà SP thanh nhạc Pháp cũng có những quan điểm khác nhau về hơi thở: M. Garcia II (GS thanh nhạc Nhạc viện Paris) cho rằng cần phải sử dụng thở ngực hoành cách mô, còn M. Marchesi (học trò của Garcia II) lại thiên về thở hoành cách mô và bụng, trong khi đó, H.F. Manstein (nhà SPTN người Pháp) chỉ sử dụng hoàn toàn PP thở ngực của các ca sĩ Ý TK XVII - XVIII vào giảng dạy cho các học trò của mình. Các nhà SPTN Nga cũng không đồng nhất một kiểu thở khi giảng dạy. Nếu như Umberto Mazetti (giọng tenor lyric) tìm thấy sự tối ưu khi sử dụng kiểu thở ngực hoành cách mô, và Kamillo Eeverardi (học trò của M. Garcia và G. Lamperti, giọng baryton) cũng tìm thấy sự tối ưu của kiểu thở ngực bụng, thì P. Kbronicov (GV thanh nhạc nhạc viện Peterburg) vẫn trung thành với kiểu thở của các ca sĩ Ý TK XVII – XVIII. Ông khẳng định vấn đề quan trọng nhất của nghệ thuật hát là hơi thở và kiểu thở này sẽ đáp ứng được tất cả yêu cầu của nghệ thuật hát, nghĩa là hơi kéo dài, âm thanh sẽ rung và có sức mạnh.

Mặc dù có những quan điểm khác nhau về hơi thở, nhưng thời kỳ này, tổ chức dàn nhạc được phát triển với quy mô lớn, phòng hòa nhạc được mở rộng, hoành tráng với số lượng khán giả đông nên việc hát không có hệ thống tăng âm đòi hỏi giọng hát phải có âm lượng khỏe, độ vang lớn trên toàn bộ âm vực của giọng, nhất là những nốt cao. Để có được âm thanh tương xứng với sự hoành tráng của tác phẩm, dàn nhạc, sân khấu biểu diễn và khán giả, các kiểu thở ngực – sườn, thở ngực - bụng đã được các ca sĩ áp dụng và từng bước thay thế cho kiểu thở ngực.

Sự khác biệt rõ nhất trong PP thanh nhạc của một số nhà SP thanh nhạc của Ý và Nga ở thời kỳ này chính là kỹ thuật hát lên cao. Nếu như một số nhà SP thanh

nhạc Ý, trong giảng dạy áp dụng lối hát âm thanh lên cao đưa về phía trước, hát âm thanh đóng ở âm khu chuyển giọng thì một số nhà SP thanh nhạc Nga lại áp dụng lối hát âm thanh lên cao đưa về phía sau và hát âm thanh mở ở âm khu chuyển giọng. Sự khác biệt tưởng chừng như trái ngược giữa hai PP thanh nhạc kể trên lại tạo nên chiếc áo với màu sắc mới cho bel canto. Điều này chỉ khác nhau về cách thức tiếp cận còn về bản chất bel canto vẫn luôn là trường hái hát đẹp mà trên thực tế, bất kỳ trường phái thanh nhạc nào, ở thời kỳ nào cũng đều hướng tới và chinh phục theo cách riêng của mình. PPSP thanh nhạc từ thời kỳ trước vẫn được các GV áp dụng nhưng có sự linh hoạt và sáng tạo hơn - kết hợp cả thị phạm và gọi mở trong quá trình giảng dạy.

Phương pháp gọi mở nếu được GV sử dụng kết hợp với PP thị phạm sẽ làm tăng hiệu quả của giờ học thanh nhạc. Những GV giàu kinh nghiệm cả về lý luận và thực hành thường sử dụng phối hợp một cách hiệu quả PP thị phạm và gọi mở. Kinh nghiệm trong thực hành biểu diễn sẽ giúp GV thị phạm cho SV trọn vẹn những tác phẩm mà GV đã từng biểu diễn. Tuy nhiên việc này không nhất thiết phải diễn ra thường xuyên, vì có nhiều lúc GV chỉ cần mô phỏng những vấn đề cốt lõi để SV hình dung về màu sắc âm thanh, kỹ thuật thể hiện cũng như yêu cầu cảm xúc mà GV muốn truyền tải tới SV một cách đầy đủ và trọn vẹn nhất. Kinh nghiệm trong giảng dạy sẽ giúp GV đưa ra các biện pháp hợp lý thông qua việc giảng giải những vấn đề có liên quan, giúp SV hiểu bản chất của vấn đề trước khi thực hiện chúng. Yêu cầu SV “hãy hát như tôi hát” kết hợp “hãy hát như tôi nói” giải quyết được những vấn đề cơ bản trong PPSP thanh nhạc, trong trường hợp này, PP thị phạm và PP gọi mở sẽ bổ khuyết cho nhau và tạo nên PP mới.

Ở PP này GV sử dụng cả kinh nghiệm biểu diễn và kinh nghiệm giảng dạy. GV có thể sử dụng kinh nghiệm của chính bản thân mình trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của tiền bối và đồng nghiệp ở cả hai khía cạnh biểu diễn và giảng dạy. Vì vậy, sử dụng phối hợp PP thị phạm và gọi mở trong giảng dạy thanh nhạc đòi hỏi GV phải có kinh nghiệm về cả hai lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các biện pháp hỗ trợ

cũng được GV quan tâm như: phát thanh âm giọng hát phù hợp với qui luật hoạt động sinh lý, xây dựng kỹ xảo thanh nhạc dựa trên thói quen phát âm tiếng nói.

1.1.4. Khuynh hướng sự phạm thanh nhạc TK XX

1.1.4.1. Tác giả, tác phẩm thanh nhạc tiêu biểu

Thế giới TK XX biến đổi nhanh chóng và được biểu hiện ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực thanh nhạc. Những đòi hỏi thiết thực của thời đại tạo nên phong cách biểu hiện mới, phù hợp với những nhu cầu mới trong cuộc sống âm nhạc. Trong các khuynh hướng thanh nhạc TK XX chúng ta thấy xuất hiện nhiều lối đi với các ngã rẽ khác nhau. Các nhà SP thanh nhạc tích cực tìm tòi những giải pháp cho việc trình diễn thanh nhạc thời điểm chuyển tiếp của thế kỷ. Có sự phê phán lối đi trước đó, nhưng có những lối đi như những sự cố gắng tiếp nối cho những truyền thống của nền SP thanh nhạc đã được hình thành và phát triển những thế kỷ trước.

Trong bối cảnh phức tạp bởi sự phát triển của đời sống xã hội, lịch sử âm nhạc chuyên biến phức tạp với nhiều trào lưu, trường phái, phong cách khác nhau, opera giai đoạn này được sáng tác theo nhiều khuynh hướng: khuynh hướng âm nhạc ấn tượng (C. Debussy, M. Ravel); khuynh hướng âm nhạc cổ điển mới (I. Stravinsky), khuynh hướng dựa trên truyền thống nhưng có nhiều sự đổi mới về ngôn ngữ âm nhạc (P. Hindemith); khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa (Prokofiev), khuynh hướng tả chân (D. Shostakovitch, G. Puccini) khuynh hướng âm nhạc mười hai âm (A. Schoenberg, Messiaen) khuynh hướng âm nhạc tiên phong với trào lưu thử nghiệm (A. Berg , L. Berio)... Thời kỳ này, Romance cũng có những sáng tạo, tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm. C. Debussy và M. Ravel là hai nhạc sĩ tiêu biểu cho công cuộc cải cách với chủ trương dùng âm nhạc để vừa thể hiện những gì mà trường phái Ấn tượng và Biểu tượng đang làm trong thi ca, vừa chống lại khuynh hướng quá nhiều cảm xúc lãng mạn. Tuy nhiên, M. Ravel và C. Debussy bên cạnh những ảnh hưởng của R. Wagner, người ta vẫn cảm nhận được sự mượt mà, tròn trịa đầy đặn vương vấn của âm nhạc cổ điển trong các tác phẩm romance viết theo phong cách Bel canto. Có thể

kể đến một số romance như *Khúc ca Scotland* trong tập *Những giai điệu để lại* (M. Ravel) hay *Hội hè tao nhã* trong tập *Năm bài thơ của Baudelaire* (C. Debussy).. hay những romance của các nhạc sĩ Nga như S. Rachmaninov, N. Rimskycorsakov...

1.1.4.2. Phương pháp sư phạm thanh nhạc

TK XX, điều kiện khoa học phát triển có tác động tới mọi mặt đời sống xã hội. Những phát minh từ thế kỷ trước có liên quan đến âm nhạc đã có những tác động không nhỏ tới ca hát và PPSP thanh nhạc thời kỳ này như: sự ra đời của đĩa nhạc do hãng đĩa Columbia sản xuất (1948); sự ra đời của trung tâm tổng hợp âm thanh ở New York (1955); Công nghệ thu âm thanh nổi (1958); hãng Sony và Philip tung ra thị trường đĩa CD và năm 1989 là cuộc cách mạng của CNTT, từng bước toàn cầu hóa về mọi mặt của đời sống xã hội qua internet. Bên cạnh việc tìm hiểu để có được những kiến thức về tâm – sinh lý học và thanh học, việc nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hỗ trợ giảng dạy thanh nhạc trở thành vấn đề cấp thiết đối với GV thanh nhạc.

Kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình giảng dạy thanh nhạc của GV dù họ thuộc thời kỳ nào, khuynh hướng nào; dạy bằng PP nào. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, liên tục được bổ sung, bồi đắp những nhân tố mới, Bel canto của TK XVII - XVIII bước sang TK XX đã có một diện mạo mới đầy đặn và sâu rộng hơn, đáp ứng được những yêu cầu mới trong nghệ thuật ca hát. Giai đoạn này PP thanh nhạc được bổ sung thêm yếu tố mới như hơi thở yoga, PP đóng tiếng. Các PPSP thanh nhạc như: thị phạm, gợi mở, tổng hợp; các biện pháp dựa trên thói quen phát âm tiếng nói; biện pháp phát thanh âm giọng hát phù hợp với qui luật hoạt động sinh lý tiếp tục được phát huy.

Sự phát triển đạt tới đỉnh cao và phong phú các phong cách thể loại tác phẩm thanh nhạc giai đoạn này đòi hỏi GV thanh nhạc luôn phải phấn đấu vươn lên ở một tầm cao mới. Chính sự phức tạp của các tác phẩm thanh nhạc đã tạo nên những khuynh hướng thanh nhạc. Những khuynh hướng thanh nhạc mới đòi hỏi phải có sự đổi mới trong đào tạo thanh nhạc nhằm hình thành những giọng hát có kỹ thuật và thẩm mỹ phù hợp với từng khuynh hướng, đủ đam mê và tri thức để chuyển tải

được những yêu cầu mới, đa dạng, phức tạp của các tác phẩm thanh nhạc đỉnh cao trong kho tàng âm nhạc thế giới.

Như vậy, có thể nói, trải qua quá trình hình thành và phát triển với nhiều biến động, trên thế giới đã hình thành một số PP mang những nét đặc thù riêng của chuyên ngành thanh nhạc. Sự hình thành các PP là hệ quả tất yếu khách quan của quá trình vận động, phát triển nền SP thanh nhạc thế giới; phù hợp với xu hướng phát triển kỹ thuật thanh nhạc của từng giai đoạn lịch sử. Mỗi PP có những đặc điểm, yếu tố riêng nhưng chúng đều có những đặc điểm chung là giúp SV khám phá tri thức nghệ thuật thanh nhạc của nhân loại để biến thành tri thức của riêng mình, trên cơ sở đó vận dụng sáng tạo vào thực tiễn biểu diễn, nghiên cứu và đào tạo.

PPSP thanh nhạc thế giới được thể hiện rõ nét trong các trường phái thanh nhạc châu Âu TK XVII, XVIII, XIX, XX. Ngày nay, những chuẩn mực trong ca hát chuyên nghiệp và các khuynh hướng SPTN của những thế kỷ trước vẫn được gìn giữ và phát huy trong các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Đào tạo thanh nhạc là hoạt động đặc thù, phức tạp và vô cùng khó khăn, đòi hỏi GV thanh nhạc phải biết sử dụng một PP giảng dạy nhiều đối tượng, đồng thời cũng phải biết sử dụng nhiều PP giảng dạy cho từng đối tượng. Sử dụng liều lượng bao nhiêu, như thế nào phụ thuộc chủ yếu vào năng lực sử dụng các PP, năng lực nghiên cứu bổ sung những PP mới của GV thanh nhạc.

Cho tới TK XX - XXI, thuật ngữ Bel canto vẫn còn giá trị như truyền thống của nó tại nước Ý và tiếp tục được phát huy. Bằng sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại, phong cách hát theo trường phái Bel canto trở nên phong phú hơn trong những diện mạo mới. Khuynh hướng Bel canto của TK XVII - XVIII tiếp tục được duy trì trong các tác phẩm viết theo phong cách cổ điển; khuynh hướng Bel canto TK XIX tiếp tục phát huy trong các opera sáng tác theo phong cách mới. Như vậy, khuynh hướng Bel canto TK XX thực chất là sự pha trộn Bel canto của TK XVII, XVIII và XIX với những đòi hỏi nhiều hơn về sự phong phú, phức tạp về âm lượng giọng hát (sử dụng cộng minh linh hoạt) cũng như sự linh hoạt của hơi thở.

Sự đa dạng về phong cách tác giả, tác phẩm thế kỷ XX, XXI không cho phép người hát sử dụng một kiểu thở thuần chất. Hơi thở thanh nhạc có xu hướng phối hợp các kiểu thở - thở yoga. Giáo sư thanh nhạc G.L.Volpi (1892 – 1979) đã viết cuốn *Giọng hát song hành* và phân tích hiện tượng hơi thở trong ca hát được xây dựng trên hệ thống Yoga (nền tảng vật chất và tinh thần). Ông cho rằng, con người bằng ý chí kiểm soát toàn bộ cơ thể, đạt tới sự liên kết giữa ý thức và hơi thở sinh lý. Khi tập trung toàn bộ ý chí trên phần lưỡi gà của hàm ếch mềm sẽ đạt được sự hưng phấn, giọng hát sẽ âm vang trẻ mãi. Đây là một quan điểm mới có sự nghiên cứu vận dụng yoga vào trong ca hát và đã đạt được những thành công nhất định.

Như vậy, trong quá trình hình thành và phát triển nền sư phạm thanh nhạc thế giới đã xuất hiện nhiều xu hướng dạy thở trong giảng dạy thanh nhạc. Kiểu thở ngực với đặc trưng cơ bản là khi hít hơi lồng ngực trương rộng và được nâng lên do lượng hơi vào chứa đầy phần trên của phổi, các cơ bụng hơi co lại, cơ sườn và hoành cách mô ổn định, hơi được đẩy ra nhẹ, tạo điều kiện phát ra những âm thanh cao mềm mại, nhẹ nhàng nhưng với âm lượng nhỏ. Kiểu thở ngực - sườn có sự tham gia của cả lồng ngực và cơ sườn. Mặc dù lượng hơi vào phổi chưa đạt tối đa nhưng nó đã kích hoạt được sự đàn hồi của hoành cách mô và tạo nên lực đẩy cần thiết để hình thành những âm thanh khỏe, vang hơn ở những nốt cao so với kiểu thở ngực. Kiểu thở ngực – bụng là sự phối hợp giữa nâng ngực, nở cơ sườn và cơ bụng. Kiểu thở này đã thu hút được sự phối hợp tích cực của các cơ ngực, sườn, bụng, hoành cách mô trong quá trình hít thở và đáp ứng được yêu cầu âm thanh với âm lượng lớn trên toàn bộ âm vực. Thở bụng là kiểu thở khiến bụng phình căng, ngực và sườn gần như không chuyển động khi hơi được hít vào. Với lượng hơi hít vào nhiều, sâu tới tận đáy phổi, hoành cách mô bị kích thích, nén xuống dạ dày tạo nên sự căng của các cơ phía bụng dưới. Động tác đẩy hơi cần đến sự nỗ lực của các cơ bụng dưới phối hợp với sự đàn hồi của hoành cách mô. Kiểu thở này phù hợp với những giọng hát trung, trầm, có nội lực với âm thanh dày và khỏe. Thở yoga là kiểu thở toàn diện phát huy sự linh động của xương lồng ngực, sự co giãn của cơ hoành, hoạt động của cơ bụng và cơ lưng, giải phóng cơ vai và cơ gáy. Đây được coi là

kiểu thở hoàn hảo nhất. Luyện tập kiểu thở này giúp hơi thở và cơ thể trở nên thư thái, tinh thần phấn chấn và hưng phấn. Kiểu thở này có thể đáp ứng được mọi loại âm thanh cần thiết trong hát thính phòng và hát opera.

Nghiên cứu các kiểu thở cho thấy, trong giảng dạy thanh nhạc vận dụng kiểu thở cần phải quan tâm đến đối tượng giảng dạy và phong cách tác phẩm, tác giả của từng thời kỳ. G. Puccini (1858-1924) là nhạc sĩ có sự nghiệp sáng tác hình thành và phát triển trong giai đoạn giao thời giữa hai TK XIX - XX với phong cách sáng tác nổi trội về tính kịch và phát triển hành động. Có thể kể đến aria *Vissi d'arte* trong opera *Tosca*. Đây là tác phẩm kịch tính thể hiện nội tâm nhân vật Tosca trong nỗi đớn đau tột cùng trước cái chết oan nghiệt của người yêu. Aria này dành cho giọng nữ cao trữ tình kịch tính với lối hát theo phong cách Bel canto nhưng đầy nội lực và chiến thắng những nốt cao ở âm lượng lớn với kiểu thở phối hợp.

Phương pháp thanh nhạc đương đại chịu ảnh hưởng từ Ý. Nước Ý là cái nôi sản sinh ra nghệ thuật opera và đã tạo dựng nên thương hiệu cho Bel canto. Bel canto trở thành lõi của sự phát triển đa dạng các kỹ thuật phục vụ yêu cầu thể hiện nội dung tác phẩm. Ngày nay, kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các CT đào tạo thanh nhạc ở các học viện danh giá trên thế giới và là kim chỉ nam cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN.

1.2. Khái quát về ba cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hàng đầu ở VN

Trong quá trình hội nhập nền âm nhạc bác học nói chung, thanh nhạc nói riêng, đào tạo luôn giữ vai trò quan trọng trong định hướng phát triển sáng tác, biểu diễn và phê bình. Sự ra đời của SP thanh nhạc chuyên nghiệp trở thành tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong biểu diễn ca khúc cách mạng và opera ở VN. Trang lịch sử hào hùng của dân tộc, trong hai cuộc kháng chiến giành độc lập và bảo vệ tổ quốc ở thế kỷ trước, có sự hiện diện của ca khúc cách mạng và nghệ thuật opera. Sự hình thành của ca khúc cách mạng từ những năm 1930 cũng như nghệ thuật opera từ 1954 đến nay ở VN là tiền đề cho sự hình thành một nền ca hát mới bên cạnh nền ca hát truyền thống đã có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Theo PGS.TS Nguyễn Thị Tố Mai, “Các tác phẩm opera VN đã khẳng định ngôn ngữ tiếp

thu âm nhạc châu Âu và dựa trên âm nhạc cổ truyền cả trong cấu trúc, hình thức, giai điệu, điệu thức, tiết tấu lẫn lời ca và kỹ thuật thanh nhạc...” [65;148]. PGS.TS Nguyễn Đăng Nghị thì cho rằng, “Ca khúc cách mạng VN, theo thời gian, đã tự minh chứng là một dòng chảy mang tính văn hóa. Chuyển từ hướng ngoại sang hướng nội, tìm về với văn hóa cội nguồn là cơ sở tạo nên nền ca khúc cách mạng mang sắc thái Việt” [68;230]. Nội dung CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không thể thiếu các tác phẩm VN, trong đó opera và ca khúc cách mạng VN trở thành nội dung quan trọng. Để hát thành công những tác phẩm này, người hát phải có một quá trình luyện tập kỹ thuật thanh nhạc bài bản và đúng PP.

Những thế hệ nghệ sĩ đầu tiên của VN được đào tạo kỹ thuật hát chuyên nghiệp theo PP thanh nhạc châu Âu có thể kể đến: NSND Quý Dương, NGƯT Thúy Huyền, PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NGND Lô Thanh, GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, NSND Trần Hiếu, NGƯT Hồ Mộ La, TS Trần Ngọc Lan... Chính họ là những người bắc nhịp cầu nối tiếp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp thế giới vào VN. Họ cũng là những người đã truyền dạy và đào tạo nhiều thế hệ ca sĩ, nghệ sĩ, GV thanh nhạc tài năng cho đất nước trong thời gian qua và sẽ còn tiếp tục có ảnh hưởng tích cực tới đào tạo thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện trong giai đoạn mới.

1.2.1. Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, tiền thân là Trường Âm nhạc Việt Nam, được thành lập từ năm 1956. Năm 1961, trường mở đào tạo bậc đại học. Đây được coi là cái nôi của cả nước về đào tạo âm nhạc, là một trung tâm đào tạo âm nhạc lớn nhất VN và có tầm cỡ trong khu vực. Trong quá trình phát triển, với ba nhiệm vụ chính trị là đào tạo, biểu diễn và NCKH, Học viện đã đào tạo được nhiều thế hệ nghệ sĩ, GV, cán bộ âm nhạc, thanh nhạc cho đất nước.

Sự tiếp nối những thành công rực rỡ của nền SP thanh nhạc phương Tây, tiếp thu kỹ thuật thanh nhạc mới được bắt đầu từ những thế hệ GV thanh nhạc đầu tiên của VN. Thông qua con đường được đào tạo từ các chuyên gia thanh nhạc nước

ngoài, thông qua con đường du học, tự học, tự nghiên cứu, các GV thanh nhạc đã tiếp thu những tinh hoa của nền SP thanh nhạc thế giới áp dụng vào biểu diễn và giảng dạy tại cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu ở VN. Quá trình hình thành và phát triển HVANQGVN có thể được chia thành ba giai đoạn.

Giai đoạn trước năm 1975

Năm 1930, sự xuất hiện ca khúc VN có văn bản đầu tiên - *Cùng nhau đi hồng binh* của nhạc sĩ Đinh Nhu đã mở đầu cho dòng ca khúc cách mạng. Và “Từng bước đi của nó, là sự phản ánh những thành tựu của lịch sử cách mạng VN” [68;46]. Tuy nhiên, thời kỳ này, âm nhạc mới VN nói chung, tác phẩm thanh nhạc nói riêng còn non trẻ, đào tạo thanh nhạc mang tính tự phát nên SP thanh nhạc chuyên nghiệp chưa hình thành.

“Từ năm 1954, nhạc mới phát triển toàn diện, đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực: sáng tác, biểu diễn, đào tạo, nghiên cứu phê bình... theo hướng chuyên nghiệp và đã dần hội tụ các yếu tố cơ bản để ra đời opera, một nghệ thuật đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao” [65;49]. Theo PGS.TS Nguyễn Thị Tố Mai, đây là nguyên nhân căn bản dẫn đến sự ra đời của opera VN. Cũng theo PGS.TS Nguyễn Thị Tố Mai, thì “Các opera nước ngoài được biểu diễn ở VN đã thôi thúc các nhạc sĩ, nghệ sĩ biểu diễn VN có khát vọng sáng tác và biểu diễn opera của đất nước mình” [65;49]. Có lẽ sự ra đời của opera VN là nguyên nhân chính dẫn đến sự ra đời của nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp VN.

Năm 1956, với sự ra đời của Trường Âm nhạc VN (sau là Nhạc viện Hà Nội và nay là HVANQGVN), đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN chính thức được bắt đầu với mục tiêu đào tạo hát opera. Giảng dạy những khóa đầu tiên là các ca sĩ VN và một số cộng tác viên người nước ngoài. Khóa một do nghệ sĩ Quốc Hương giảng dạy, khóa hai có sự hợp tác của chuyên gia thanh nhạc Khương Gia Tường (Trung Quốc), khóa ba có sự cộng tác của các GV thanh nhạc như Alechxan Craxova (Nga) và NSND Badrize (Liên Xô).

Tuyển sinh những khóa đầu với số lượng SV không nhiều nhưng đều là những giọng hát xuất sắc như: Quý Dương, Trần Hiếu, Thúy Huyền, Thanh Đính,

Văn Cẩn, Quỳnh Giao, Nguyễn Trung Kiên... Kết thúc khóa học, các SV được luyện tập và biểu diễn thành công vở opera *Eugène Onegin* (P.I. Tchaikovsky) dưới sự hướng dẫn của GV thanh nhạc, NSND Badrize. Thành công của vở diễn có sự đóng góp của các nghệ sĩ đến từ các đơn vị nghệ thuật như Đài Tiếng nói VN, Nhà hát ca múa nhạc Trung ương, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị... và đặc biệt là sự góp mặt của SV thanh nhạc các khóa đầu như: NSND Quý Dương vai chính Onegin, NSND Trần Hiếu vai Gremin, nghệ sĩ Ngọc Dậu vai Tachiana... Những năm sau đó, lần lượt các vở opera nước ngoài được dàn dựng tại VN, do ca sĩ VN biểu diễn. Tiêu biểu opera của đất nước Triều Tiên *Núi rừng hãy lên tiếng* do chuyên gia Triều Tiên giúp đỡ dàn dựng.

Năm 1965, vở opera đầu tiên của VN – *Cô Sao* đã được dàn dựng và biểu diễn. Opera này của nhạc sĩ Đỗ Nhuận được ra mắt lần đầu vào ngày 2/9/1965, nhân kỷ niệm 20 năm thành lập nước VN dân chủ cộng hòa. Tham gia vở diễn là dàn nghệ sĩ tài năng của nền thanh nhạc VN lúc đó như: Quý Dương, Ngọc Dậu, Trung Kiên, Quang Hưng... Đây cũng là những nghệ sĩ được đào tạo thanh nhạc bài bản theo trường phái Bel canto.

Tiếp nối bước đi ban đầu của Đỗ Nhuận, vở opera *Bên bờ K'ông Pa của Nhật Lai* cũng đã ra mắt khán giả vào ngày 26/1/1968. Cũng năm 1968, vở opera *Bông Sen của Hoàng Việt* được dàn dựng và biểu diễn. Tháng 9/1971, Đỗ Nhuận ra mắt opera thứ hai – *Người tạc tượng*, tại Nhà hát lớn Hà Nội. Bên cạnh đó, ca khúc cách mạng thời kỳ này cũng đã có “bước trưởng thành về chủ đề, đề tài” [68;57], “về ngôn ngữ âm nhạc và chất lượng nghệ thuật” [68;68]. “Thể trường ca, lần đầu tiên xuất hiện ở VN, nó đã chuyển tải được một nội dung khá lớn.” [68;61]. Một số tác phẩm tiêu biểu như: *Người Hà Nội* (Nguyễn Đình Thi), *Ba Đình nắng* (Bùi Công Kỳ), *Sông Lô* (Văn Cao), *Du kích sông Thao* (Đỗ Nhuận)...

Thành công trong sáng tác và biểu diễn opera cũng như quá trình hình thành và hoàn thiện của ca khúc cách mạng đã góp phần định hướng cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN từ những bước đầu tiên và những năm tiếp theo đó là chuyên ngành hát opera.

Giai đoạn sau năm 1975

Khoảng thời gian mười năm sau chiến tranh đã mang theo những màu sắc mới với những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực trong công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Năm 1980, Đỗ Nhuận tiếp tục cho ra đời opera thứ ba *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*. Một năm sau đó, Nguyễn Đình Tấn cũng cho ra mắt opera *Tình yêu của em*. Sau ngày Sài Gòn được giải phóng, đất nước thống nhất, một số opera VN như *Cô Sao*, *Người tạc tượng* của nhạc sĩ Đỗ Nhuận tiếp tục được Nhà hát Nhạc vũ kịch dàn dựng và biểu diễn. Đây là đơn vị biểu diễn nghệ thuật uy tín, nơi hội tụ những tài năng được đào tạo từ HVANQGVN.

Các vở diễn thành công khiến cho diện mạo của nền sư phạm thanh nhạc VN có phần khởi sắc. Dẫu còn non trẻ, nhưng thành tựu đạt được, từ những bước đi đầu tiên khi đất nước còn chia cắt đến ngày độc lập, phần nào khẳng định tính đúng đắn trong việc lựa chọn hướng đi cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN. Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn con lốc nhạc nhẹ, nhạc hải ngoại phát triển tràn lan và tự phát. Thực trạng này đã phần nào làm suy yếu hoạt động sáng tác, biểu diễn và ảnh hưởng đến đào tạo nghệ thuật thanh nhạc chuyên nghiệp trong nước. Giai đoạn này công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng của thời kỳ bao cấp nên chưa có nhiều đổi mới. Mục tiêu đào tạo vẫn theo định hướng ban đầu – hát opera.

Giai đoạn này, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp Việt Nam chịu ảnh hưởng mô hình đào tạo của Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, các chuyên ngành được đào tạo theo mô hình đào tạo Trung cấp 04 năm, Đại học 05 năm. Nội dung CT ban đầu còn đơn giản, được xây dựng dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của GV là chủ yếu; sau đó được tiếp thu CT của nước ngoài, qua chuyên gia và một số GV được học tập từ chuyên gia nước bạn, hoặc tu nghiệp ở các nước Liên Xô (cũ), Triều Tiên, Bungari,... Sau này, một số GV được tu nghiệp ở một số nước khác nên tác phẩm giảng dạy đã phong phú hơn. Tuy nhiên, việc quy định cũng như lựa chọn tác phẩm giảng dạy trong giai đoạn này cơ bản phụ thuộc vào trình độ và sở thích của giảng viên.

Giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đổi mới (1986 đến nay)

Cuối những năm 80 của thế kỷ trước, khi hệ thống XHCN ở các nước Đông Âu tan rã, đội ngũ SV và GV thanh nhạc không có điều kiện đi học nước ngoài như trước. Những ca sĩ được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước đã nhanh chóng phát huy vai trò trong biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, có thể kể đến PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NSND Lô Thanh, GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, NSND Trần Hiếu, Thúy Huyền và một số GV khác.

Bước ngoặt lớn trong sự phát triển của đất nước chính là sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Cơ chế thị trường với những quan niệm về thương mại hóa nghệ thuật đã cổ súy cho việc hình thành thị trường âm nhạc ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sáng tác, biểu diễn và đào tạo thanh nhạc chính thống. Với việc nghệ thuật được coi như một sản phẩm hàng hóa đã phần nào tạo nên sự bấp bênh cho một nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp non trẻ.

Những năm đầu của thời kỳ đổi mới, công tác đào tạo thanh nhạc tại HVANQGVN gặp phải khó khăn trong tuyển sinh, cũng như sự thống nhất về mục tiêu, nội dung CT và PP giảng dạy. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên chia sẻ, đã có lúc, khoa thanh nhạc của HVANQGVN lúng túng giữa hai luồng quan điểm, một bên là đào tạo hát opera và một bên là đào tạo hát nhạc nhẹ. Từ đó dẫn đến có quan điểm cho rằng không nên học hát theo hệ thống kỹ thuật thanh nhạc châu Âu vì sẽ ảnh hưởng không tốt đến giọng. Đội ngũ GV thanh nhạc thì không có điều kiện học tập và tu nghiệp ở nước ngoài như trước. Sự cộng tác của chuyên gia nước bạn cũng trở nên thưa dần. Công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hoàn toàn do GV thanh nhạc VN đảm nhiệm. Những sáng tác mới ngang tầm với các opera của Đỗ Nhuận, Nhật Lai, Hoàng Việt... hay trường ca của Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận... như trước đó cũng gần như vắng bóng.

Bước vào thời kỳ hội nhập, đào tạo thanh nhạc VN tiếp thu thêm các mô hình đào tạo của các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Thời kỳ này, tại HVANQGVN, đào tạo thanh nhạc trình độ trung cấp 04 năm với mục tiêu đào tạo hát thính phòng cổ

diễn và hát ca khúc; đào tạo thanh nhạc trình độ đại học 04 năm với mục tiêu đào tạo hát opera và thính phòng; đào tạo thanh nhạc trình độ sau đại học hai đến ba năm với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành biểu diễn và phương pháp sư phạm chuyên ngành thanh nhạc.

Những năm đầu TK XXI, chương trình môn học thanh nhạc chuyên nghiệp bậc trung cấp và đại học đã được xây dựng và đưa vào sử dụng chính thức tại HVANQGVN (2007). Chúng ta đã có bộ GT cho từng giọng hoàn thành năm 2010, GT ứng dụng CNTT hoàn thành năm 2012, do GS. NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn. Tuy nhiên, việc rút ngắn quỹ thời gian đào tạo từ 05 năm xuống còn 04 năm đã có ảnh hưởng không nhỏ tới thực hiện CT, đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành học.

Tọa lạc tại thủ đô Hà Nội, HVANQGVN có một cơ ngơi khang trang vào bậc nhất khu vực, đào tạo nhiều chuyên ngành âm nhạc với một đội ngũ GS, PGS, TS đầu ngành, với hệ thống giảng đường, thư viện, tài liệu phục vụ giảng dạy đảm bảo chất lượng. Khoa thanh nhạc của học viện với lực lượng giảng dạy gồm nhiều thế hệ, trong đó nổi bật là lớp GV thuộc thế hệ thứ nhất. Đây vẫn là lực lượng giảng dạy nòng cốt của HVANQGVN được đào tạo trong nước và nước ngoài. Họ đã gắn bó với học viện từ khi thành lập cho đến ngày nay, đồng thời là trụ cột trong công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở tất cả các bậc học từ trung cấp, đại học và sau đại học, các mô hình đào tạo đại trà, nguồn nhân lực chất lượng cao và tài năng đỉnh cao.

Những năm gần đây, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp bước vào giai đoạn khó khăn chung của các trường đại học, các học viện âm nhạc và nhạc viện trong việc bắt nhịp với yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4//11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Cũng như HVANQGVN, HVAN Huế và NVTPHCM là những cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hàng đầu ở VN, đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền âm nhạc.

1.2.2. Học viện Âm nhạc Huế và Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh

Nếu như trước 1975, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp mới chỉ có ở Hà Nội thì sau 1975 đã chính thức được đào tạo ở cả Huế và TPHCM. Đội ngũ ca sĩ được đào tạo bài bản theo kỹ thuật của trường phái Bel canto cũng tăng dần về số lượng và chất lượng trên phạm vi toàn quốc.

Học viện âm nhạc Huế

Tiền thân của HVAN Huế là trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Huế (1962). Thời gian đầu đào tạo cổ nhạc và tân nhạc, không có vai trò đáng kể gì trong việc đào tạo và hoạt động hát chuyên nghiệp. Sau này, HVANQGVN có chia sẻ với HVAN Huế những hạt nhân trong giảng dạy thanh nhạc và xây dựng khoa thanh nhạc (nay là khoa thanh nhạc và Guitar) tạo nên điểm nhấn trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Ngày nay, HVAN Huế là cơ sở đào tạo âm nhạc, thanh nhạc lớn nhất miền Trung VN với mô hình đào tạo có nhiều nét tương đồng với HVANQGVN.

Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh

Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn (1956), là trung tâm đào tạo âm nhạc lớn tại Miền Nam và trong cả nước. Khoa thanh nhạc được thành lập năm 1975 với lực lượng giảng dạy thế hệ đầu tiên được chi viện từ HVANQGVN như PGS. NSND Mai Khanh, NSƯT Quốc Trụ... Sau đó, các thế hệ GV tiếp nối được đào tạo cơ bản trong nước và nước ngoài. Mô hình đào tạo các chuyên ngành nói chung, thanh nhạc nói riêng thống nhất theo mô hình của HVANQGVN.

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN đang nối tiếp chặng đường phát triển của SP thanh nhạc châu Âu. Sự kế thừa và tiếp nối những thành tựu của giai đoạn trước là điều tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không phải là ngoại lệ.

Tiểu kết chương 1

Trải qua quá trình hình thành và phát triển hơn bốn thế kỷ, nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp thế giới đã xuất hiện các xu hướng khác nhau về PPSP thanh nhạc: thị phạm, gợi mở, tổng hợp... cũng như biện pháp xây dựng kỹ xảo phát âm thanh dựa trên cơ chế phát âm và ngôn ngữ cụ thể. Thành tựu lớn nhất của nền sư phạm thanh nhạc chuyên nghiệp thế giới chính là đội ngũ GV tài năng với những công trình nghiên cứu có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn.

Nền SP thanh nhạc non trẻ VN chỉ với gần 60 năm hình thành và phát triển cũng tự hào vì có đội ngũ GV thanh nhạc tiêu biểu như GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NGND Lô Thanh và một số GV khác như Quốc Hương, NGƯT Hồ Mộ La, NSND Quý Dương, NSND Lê Dung, NSND Trần Hiếu, TS Trần Ngọc Lan... Các PPSP thanh nhạc nước ngoài du nhập vào VN chủ yếu thông qua đội ngũ GV này.

Ngày nay, trong bối cảnh nền kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước có những đổi mới, HVANQGVN cùng với NVTPHCM và HVAN Huế cũng đang có sự chuyển mình, bắt nhịp với sự phát triển chung theo hướng bền vững và hội nhập với các trung tâm đào tạo thanh nhạc tiên tiến trên thế giới.

Việc nghiên cứu và ứng dụng những thành quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp của thế giới vào VN là một công việc khoa học và mang tính cấp thiết trong những năm đầu của TK XXI.

Chúng tôi sẽ phân tích thực trạng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trên phương diện đội ngũ GV và phương pháp giảng dạy, nội dung chương trình và giáo trình thanh nhạc, công tác đánh giá kết quả đào tạo ở chương hai.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ YÊU CẦU ĐỔI MỚI

ĐÀO TẠO THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP

Trong chương 2, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích về thực trạng cùng với thành tựu, hạn chế, của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân của những hạn chế để tìm ra các nhu cầu cần đổi mới trong giai đoạn mới trên các phương diện: đội ngũ GV, CT, GT và kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo.

2.1. Thực trạng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện

Khi bàn về thực trạng của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN, chúng tôi hiểu rằng đây là một lĩnh vực rộng bao trùm cả lĩnh vực giảng dạy, NCKH và biểu diễn. Trong phạm vi của luận án, chúng tôi xin được đi sâu và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản về đội ngũ GV thanh nhạc chuyên nghiệp, về CT, GT, về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo tại các học viện âm nhạc và nhạc viện tại VN.

2.1.1. Về đội ngũ giảng viên thanh nhạc

2.1.1.1. Giảng viên thanh nhạc và sự đa dạng trong các lĩnh vực hoạt động

Đội ngũ GV thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện tại Việt Nam không giới hạn hoạt động trên lĩnh vực biểu diễn. Họ tham gia đều khắp trên nhiều lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH) và biểu diễn.

Trong lĩnh vực đào tạo: các GV đã góp phần đào tạo nhiều thế hệ nghệ sĩ cho đất nước. Một số GV tiêu biểu như: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên với các lứa học trò thành đạt như: NSND Quang Thọ, NSND Lê Dung, ThS.NSUT Mai Tuyết, ThS Đăng Dương, ThS Lan Anh, ThS Bích Thủy, ThS Thăng Long, ThS Phương Nga, ThS Anh Dũng, ThS Tuấn Anh, ThS Duyên Huyền... NGƯT Hồ Mộ La có các học trò như: ThS Thu Lan, ThS Anh Thơ... NSND Trần Hiếu có các học trò như: ThS Quốc Hưng, Tấn Minh... Và một số GV khác cũng đã đào tạo nhiều thế

hệ nghệ sĩ cho đất nước như các GV: NSƯT Quốc Trụ, NGƯT Diệu Thúy, TS. NSƯT Trần Ngọc Lan, GV Gia Khánh, Gia Hội, Mỹ Bình...

Trong lĩnh vực nghiên cứu: gương mặt xuất sắc nhất phải kể đến GS.NSND Trung Kiên với nhiều công trình dịch thuật, xây dựng CT, biên soạn GT, sách chuyên khảo, đề tài NCKH cấp Bộ đã, đang và sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN. Ngoài ra, một số GV cũng đã có những đóng góp nhất định trong lĩnh vực này như PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NGND Lô Thanh, NGƯT Hồ Mộ La, TS Trần Ngọc Lan...

Trong lĩnh vực biểu diễn: Một số GV từng là giọng ca vàng tỏa sáng trong nước và khu vực. GV đạt giải thưởng quốc tế và trong nước về biểu diễn thanh nhạc có thể kể đến GS.NSND Trung Kiên, NSND Lê Dung, NSND Quang Thọ, TS.NSƯT Ngọc Lan, ThS Bích Thủy, ThS Lan Anh, ThS Phan Thu Lan, ThS Đăng Dương, ThS Quốc Hưng, ThS Anh Thơ, ThS Tạ Minh Tâm, ThS Bích Hồng, ThS Ngọc Định, ThS Phương Nga...

Hiện nay, tại các học viện âm nhạc và nhạc viện, nhiều GV thanh nhạc không chỉ thành công trong lĩnh vực biểu diễn mà họ còn là những người đã từng giữ các vị trí quản lý các cấp: tổ chuyên môn, khoa chuyên ngành, lãnh đạo cấp học viện, nhạc viện, lãnh đạo cấp Bộ. Một số điển hình như: GS.NSND Trung Kiên (nguyên làm thứ trưởng bộ Văn hóa Thông tin, Cục trưởng Cục Nghệ thuật Biểu diễn), TS Ngọc Thắng (nguyên giám đốc HVAN Huế), ThS. NSƯT Minh Tâm (hiện là phó giám đốc NV TPHCM). Và còn nhiều GV đã từng giữ vị trí trưởng khoa thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện như: NSND Quý Dương, NGƯT Thúy Huyền, PGS.NSND Mai Khanh, PGS.NGND Lô Thanh, NGƯT Diệu Thúy, NSND Quang Thọ, NSƯT Quốc Trụ,...

2.1.1.2. Các thế hệ GV thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện

Theo thống kê của chúng tôi, tính đến tháng 5 năm 2015, tổng số GV thanh nhạc của ba cơ sở đào tạo hàng đầu VN là 27 GV, bên cạnh đó là đội ngũ đông đảo GV thỉnh giảng. Chúng tôi tạm chia đội ngũ GV thanh nhạc thuộc 6 thế hệ. Các thế hệ GV nối tiếp sự hình thành và phát triển trong suốt chiều dài của lịch sử gần sáu

thập niên đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN. Ở mỗi thế hệ đều có những điểm mạnh được thừa hưởng của các thế hệ trước và mang dấu ấn, hơi thở của thời đại, trong đó rõ nét nhất là vai trò của GV thuộc các thế hệ đầu với sức lan tỏa sâu rộng ở mọi hoạt động trong lĩnh vực thanh nhạc hiện nay như biểu diễn, đào tạo, nghiên cứu và quản lý... Sự phân chia thành các thế hệ GV chỉ mang tính tương đối. Các thế hệ GV thanh nhạc luôn sát cánh bên nhau, là lực lượng nòng cốt tham gia biểu diễn và đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong thời gian qua và đã đạt được những thành công nhất định.

Giảng viên thanh nhạc thế hệ thứ nhất

Họ là những ca sĩ hoạt động biểu diễn trước Cách mạng tháng Tám và trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, sau đó làm công tác đào tạo thanh nhạc. Trước năm 1975, cả nước mới chỉ có Nhạc viện Hà Nội (nay là HVANQGVN) đào tạo thanh nhạc trình độ ĐH. Vì vậy, GV thế hệ thứ nhất chủ yếu giảng dạy ở đây. Họ còn là những SV tốt nghiệp khóa đầu tiên của Trường Âm nhạc VN (tiền thân của HVANQGVN), có thể kể đến: NSND Quý Dương, NGƯT Vũ Thúy Huyền, NSND Trần Hiếu, NSND Mai Khanh... và không ít GV được học tập và tu nghiệp ở nước ngoài như NSND Quý Dương, PGS.NSND Mai Khanh, GS.NSND Trung Kiên, PGS.NGND Lô Thanh... Đây là thế hệ GV đã trực tiếp tiếp thu những tinh hoa trong nghệ thuật hát opera của thế giới và truyền dạy lại cho học trò của mình. Họ được đánh giá là có *tâm*, có *tâm*, hết lòng vì sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp cho đất nước. Điều này được các GV thể hiện rất rõ ở những cống hiến của họ trên lĩnh vực biểu diễn, nghiên cứu, đào tạo và quản lý. Hiện nay, đội ngũ GV này hầu hết đều đã nghỉ hưu, tuy nhiên một số vẫn tham gia giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp ở các cơ sở đào tạo.

Giảng viên thanh nhạc thế hệ thứ hai

Sau năm 1975, HVAN Huế và NVTPHCM cùng với HVANQGVN góp phần đào tạo thanh nhạc trình độ ĐH. Đây cũng là khoảng thời gian HVANQGVN chi viện cho hai cơ sở đào tạo miền Trung và Nam bộ những hạt nhân như:

PGS.NSND Mai Khanh (NVTPHCM) và PGS.NGND Lô Thanh (HVAN Huế) và một số GV tài năng khác. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo cũng bắt đầu xuất hiện thế hệ GV kế tiếp. Đây là thế hệ đội ngũ kế cận, vừa là học trò, vừa là đồng nghiệp nối tiếp thế hệ thứ nhất, như NSƯT Gia Hội, NSƯT Doãn Tân, NGƯT Diệu Thúy, Mỹ Bình, NSND Quang Thọ... của HVANQGVN; Hoàng Công Nghệ của HVAN Huế; NSƯT Quốc Trụ, NSƯT Anh Đào, NSƯT Ngô Thị Liễu (Mỹ An), NSƯT Bùi Duy Tân, NSƯT Măng Thị Hội... của NVTPHCM.

Giảng viên thanh nhạc hai thế hệ đầu là những hạt giống vàng được ươm mầm từ trong chiến tranh, được đào tạo bởi các chuyên gia ở trong nước và họ được học tập, tu nghiệp ở nước ngoài. Hiện nay, số GV của thế hệ này còn tham gia các hoạt động giảng dạy tại các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không nhiều, chiếm tỉ lệ khoảng 11,86 % [PL1, b1, tr150].

Giảng viên thanh nhạc thế hệ thứ ba

Họ là lớp ca sĩ sinh ra trong thập niên 50 của thế kỷ trước. Họ tham gia hoạt động biểu diễn và phát triển mạnh trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Từ khi đất nước thống nhất, đội ngũ này tham gia công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, như: NSND Lê Dung, TS.NSƯT Ngọc Lan (HVANQGVN); TS Ngọc Thắng (HVANH)... Đây cũng là lực lượng được đào tạo bài bản trong nước, tham gia các hoạt động giảng dạy tại các cơ sở đào tạo đạt hiệu quả cao. Họ cũng là những người vừa mới hoặc đang trong thời gian chuẩn bị nghỉ hưu. Tuy nhiên, họ vẫn tích cực đóng góp trong hoạt động giảng dạy tại các học viện âm nhạc và nhạc viện, chiếm tỉ lệ khoảng 8,47 % [PL1, b1, tr150].

Hầu hết GV thuộc thế hệ 1,2,3 đều được đào tạo hoặc tu nghiệp ở nước ngoài. Được đào tạo ở Liên Xô (cũ) có GS.NSND Trung Kiên, NGƯT Hồ Mộ La; tại Trung Quốc có PGS.NGND Lô Thanh; được đào tạo tại Sophia - Bulgary có Quốc Trụ, Gia Khánh... Ngoài ra một số GV đã được thực tập ở một số nước có đào tạo thanh nhạc uy tín như: thực tập tại nhạc viện Matxcova - Liên xô (cũ) có Thúy

Huyền, Mỹ Bình, Lê Dung; tại Sophia - Bulgary có Quý Dương, Anh Đào, Diệu Thúy; tại Ý có Trần Ngọc Lan.

Giảng viên thanh nhạc thể hệ thứ tư

Đây là lớp ca sĩ hoạt động nghệ thuật từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và tiếp nối công tác giảng dạy của GV các thể hệ trước. Họ được sinh ra trong những năm xây dựng hòa bình ở miền Bắc và những năm đầu của cách mạng miền Nam. Cùng với GV thanh nhạc thể hệ trước, họ là đội ngũ ca sĩ chủ lực và tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong biểu diễn và đào tạo những năm đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Hiện họ là lực lượng nòng cốt trong các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu VN. Tại HVANQGVN có: ThS.NSƯT Phan Thu Lan (1963), NSƯT Nguyễn Phương Lan (1962), ThS.NSƯT Mai Tuyết (1963)... Tại NVTPHCM có: ThS.NSƯT Tạ Minh Tâm (1960), NSƯT Nguyễn Thị Ánh Tuyết (1960), Trần Thị Hồng... GV thanh nhạc thể hệ thứ tư là những người có tuổi đời, tuổi nghề đang ở độ chín muồi cho sự cống hiến. GV thuộc thể hệ này cũng không nhiều, hầu hết đều kết hợp giảng dạy và làm công tác quản lý, chiếm tỉ lệ khoảng 15,25 % [PL1, b1, tr150].

Giảng viên thanh nhạc thể hệ thứ năm

Đây là lớp GV hoạt động nghệ thuật vào những năm cuối TK XX, đầu TK XXI và bắt đầu giảng dạy thanh nhạc khoảng mười năm trở lại đây. Đây cũng là lớp GV chính đang giảng dạy ở các cơ sở đào tạo. Hoạt động chủ yếu của GV thể hệ này là biểu diễn và giảng dạy, chiếm tỉ lệ khoảng 38,98 % [PL1, b1, tr150]. Tại HVANQGVN có các GV: ThS. NSƯT Quốc Hưng (1970), ThS Ngọc Định (1970), ThS Dương Hồng Lan (1974), ThS Bùi Lan Anh (1976), ThS Lê Thị Thơ (1976), ThS Nguyễn Phương Nga (1978), ThS Phương Uyên (1978), ThS Đào Nguyên Vũ (1979), ThS Vũ Mạnh Dũng (1979), ThS Đăng Dương (1976). Tại NVTP HCM có các GV: ThS Nguyễn Khánh Trang (1970), ThS Phạm Thế Vỹ, Ths Huỳnh Văn Bằng, Ths Lê Quốc Dũng, Ths Hoàng Thu, Nguyễn Thị Đóa Vân, Ths Phạm Minh Thu, Lê Thị Thu Giang, Diệp Quốc Việt, Bùi Hữu Quốc Hùng, Võ Thụy Ngọc

Tuyền (1974), Ths Lâm Trúc Quyên, Ths Nguyễn Như Ngọc, Bùi Triệu Yên, Ths Nguyễn Thị Hương(1979). Tại HVAN Huế có các GV: ThS Nguyễn Thị Lan Anh (1978)...

Giảng viên thanh nhạc thuộc thế hệ thứ sáu

Họ bắt đầu hình thành và để lại dấu ấn riêng trong biểu diễn khoảng mười năm trở lại đây. Họ là lứa SV mới tốt nghiệp ra trường, được phân công công tác giảng dạy. GV thanh nhạc thuộc thế hệ này là lực lượng trẻ, đang ở độ tuổi sung sức cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật của đất nước và bắt đầu làm quen với công tác giảng dạy thanh nhạc. Tại HVANQGVN có các GV: ThS Nguyễn Thị Tân Nhân, CN Nguyễn Phúc Tiệp, ThS Lê Anh Dũng... Tại NVTPHCM có các GV: ThS Lê Như Ngọc Mai, Ths Huỳnh Quang Thái, ThS Nguyễn Thị Kha Ly, Hồng Ân... Tại HVAN Huế có các GV: Nguyễn Thị Cúc (1981), Lê Thị Cẩm Nhung (1985), Đoàn Quốc Duy (1985), Lê Thụy Khanh (1986), Trần Thị Vân ((1988), Lê Thị Hà Vy (1983), Nguyễn Thị Bích Lan (1986)...

Hầu hết GV thế hệ này đều là những ca sĩ tài năng, có công hiến nhất định cho nền âm nhạc VN. Tuy nhiên, vì đang ở lứa tuổi phù hợp với hoạt động biểu diễn nên đại đa số GV thanh nhạc thế hệ này quan tâm đầu tư nhiều vào công việc biểu diễn hơn, chiếm tỉ lệ khoảng 25,42 % [PL1, b1, tr150].

Về số lượng GV tham gia giảng dạy, tính đến tháng 5 năm 2015, HVANQGVN có 14 GV cùng với một số cộng tác viên; tại HVAN Huế có 08 GV và một số cộng tác viên; NVTPHCM có 06 GV và một số cộng tác viên. Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây, đội ngũ GV thanh nhạc gần như không có sự cọ xát về chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài. Nhìn chung, sự thành công ở diện rộng bao gồm các lĩnh vực biểu diễn, đào tạo, nghiên cứu và quản lý chủ yếu được ghi nhận ở GV các thế hệ đầu. Một số GV thanh nhạc ở các thế hệ sau được ghi nhận chủ yếu ở lĩnh vực biểu diễn. Hoạt động giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV trẻ còn có những bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.

2.1.2. Về năng lực chuyên môn, giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Đào tạo thanh nhạc trình độ đại học tại các học viện âm nhạc, nhạc viện là huấn luyện giọng hát để người học trở thành ca sĩ hát opera và hát thính phòng. Ca sĩ chuyên nghiệp phải là “một chuyên gia nắm vững cả lý luận và thực hành biểu diễn... nếu không có được những khả năng ấy thì chỉ là một người hát nghiệp dư mà thôi” [38;11]. Như vậy, để đào tạo được đội ngũ ca sĩ chuyên nghiệp thì năng lực của đội ngũ GV phải tương xứng. Nằm trong hệ thống các cơ sở đào tạo ĐH, các học viện âm nhạc, nhạc viện không tránh khỏi những khó khăn và hạn chế trong bối cảnh đất nước có nhiều biến động theo hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Trên thực tế, trong đội ngũ GV thanh nhạc còn có những mặt chưa thực sự đáp ứng được những yêu cầu mới của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

2.1.2.1. Năng lực chuyên môn

Theo GS.NSND Nguyễn Trung Kiên “Thầy giáo là người hướng dẫn toàn diện cho học sinh; mọi lời khuyên phải biểu thị sự tìm tòi, sáng tạo, tinh tế và có hệ thống... Người thầy giáo phải kiên trì, đòi hỏi ở mình một thái độ nghiêm túc với công việc trước khi đòi hỏi học sinh” [38;121]. Người GV thanh nhạc chuyên nghiệp, thường phải là nghệ sĩ biểu diễn thanh nhạc, nhưng không có nghĩa là tất cả nghệ sĩ biểu diễn thanh nhạc đều có thể trở thành GV thanh nhạc chuyên nghiệp. Việc biểu diễn của GV thanh nhạc trong phạm vi các học viện âm nhạc và nhạc viện phải gắn kết với mục tiêu đào tạo và phải mang ý nghĩa thực nghiệm phục vụ cho công tác đào tạo. Cụ thể ở đây là biểu diễn hát opera và hát thính phòng. Hiện nay, bên cạnh một số GV giảng dạy thanh nhạc ở các học viện âm nhạc và nhạc viện tham gia rất tích cực vào các hoạt động biểu diễn phục vụ công tác đào tạo và phục vụ xã hội [PL2; h12&13; tr 150,151], cũng có một số GV chưa thực sự tích cực với hoạt động này.

Bên cạnh đội ngũ GS,TS, GV đầu ngành đi đầu trong việc trau dồi chuyên môn thì vẫn còn có hiện tượng GV thanh nhạc chưa nắm vững kiến thức chuyên ngành. Việc GV chưa có sự phân định rõ ràng về kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto nên khi áp dụng vào giảng dạy có xu hướng máy móc, cứng nhắc,

không phù hợp có thể được coi là điển hình. Âm thanh đóng tiếng cho giọng nam “vẫn còn là một kỹ thuật chưa được hiểu một cách đầy đủ, chưa được áp dụng tốt ở các khoa thanh nhạc của các Nhạc viện nước ta” [38;144]. Có xu hướng dạy giọng nữ quan tâm tới mở rộng âm khu ngực mà chưa chú ý hướng dẫn SV luyện tập âm khu hỗn hợp và âm khu giọng đầu để đồng nhất âm thanh của giọng. Việc lạm dụng âm khu giọng ngực khiến âm thanh thô, có sự khác biệt về âm sắc giữa các âm khu, thiếu sự hỗn hợp cần thiết. Sử dụng âm khu ngực nhiều sẽ có thể dẫn tới hiện tượng mệt thanh đới, chùng thanh đới, biến dạng âm sắc, giọng hát bị khàn... Ngược lại, cũng có xu hướng ham luyện thanh quá cao ở những giọng mới chuyển. Điều này cũng rất nguy hiểm vì “... khi luyện giọng thường xuyên tập lên những nốt quá cao dễ gây ra bệnh về thanh đới phải nghỉ học để chữa bệnh, mất nhiều thời gian” [49;86]. Bên cạnh đó, “Mục đích luyện thanh mới chỉ đáp ứng yêu cầu làm âm giọng hát trước khi hát các tác phẩm thanh nhạc, chưa chú ý nhiều đến việc thực hiện những bài mẫu âm luyện thanh nhằm phát triển giọng hát, phát triển các kỹ thuật hát, nghĩa là tập các bài tập (etude) kỹ thuật theo trình tự, bài bản nhất định”[49;86]. Qua khảo sát, 26,67% ý kiến cho rằng “đội ngũ GV thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở năng lực sử dụng hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto” [PL7; tr202].

2.1.2.2. Năng lực giảng dạy

Trong môi trường chuyên nghiệp như các học viện âm nhạc và nhạc viện, có GV quan niệm rằng giảng dạy thanh nhạc theo PP truyền nghề với kinh nghiệm đơn thuần là tối ưu. Với quan niệm như vậy, họ cho rằng rèn luyện kỹ năng thanh nhạc là phải gò SV theo hướng dẫn của GV, dẫn đến sự gò bó, áp đặt và kết quả là các SV thể hiện đều giống nhau, mất đi tính sáng tạo. Qua khảo sát [PL7; tr199], có đến 72,06% SV được học thanh nhạc chủ yếu bằng PP thị phạm. Thiết nghĩ, trong hướng dẫn hoạt động nghệ thuật, GV phải là người giúp SV biến hoạt động ca hát bản năng ban đầu thành một hoạt động mang tính sáng tạo chuyên nghiệp.

GS. NSND Nguyễn Trung Kiên khẳng định rằng, “Các thầy cô giáo trong quá trình học tập ở bậc đại học, thậm chí cả bậc cao học chưa có được sự đào tạo để

trở thành những GV có kiến thức toàn diện để có thể đáp ứng với những đòi hỏi trong giảng dạy đào tạo ra một ca sĩ có kiến thức toàn diện” [49;19]. Đây là một thực tế cho thấy một bộ phận không nhỏ GV tham gia giảng dạy thanh nhạc hiện nay còn có những điểm bất cập so với đòi hỏi của yêu cầu giáo dục trong các học viện âm nhạc và nhạc viện về năng lực giảng dạy. Có đến 60% ý kiến GV được hỏi cho rằng “GV thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở năng lực giảng dạy dòng hát opera” [PL7; tr202].

Giảng dạy về thanh nhạc nhưng có GV không tạo được sự hấp dẫn, không gây được không khí âm nhạc trong lớp học, giờ học khô cứng, nặng nề theo khuôn mẫu. Việc hát mẫu (thị phạm) của GV có lúc chưa thật chuẩn xác ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Không ít GV hạn chế về năng lực sử dụng ngôn ngữ khi tổ chức các hoạt động giảng dạy thanh nhạc, nhất là khi giảng dạy các tác phẩm hát bằng ngôn ngữ gốc (Ý, Đức, Nga, Pháp). Việc giải thích, hướng dẫn SV về kiến thức chuyên ngành cũng chưa thật sự chuẩn xác. Vấn đề sử dụng hơi thở, phương pháp chuyển giọng và phương pháp xây dựng kỹ xảo phát âm thanh còn có những mặt chưa thống nhất. Hạn chế của GV còn thể hiện ở khả năng tổ chức các hoạt động trên lớp cũng như ngoại khóa cho SV. Xu hướng đổi mới PPDH với quan điểm “dạy học tích cực” đã đặt ra những yêu cầu đòi hỏi mọi GV phải cố gắng thực hiện trong các giờ lên lớp, nhưng phần đông GV chưa quan tâm nhiều đến phương pháp luận của vấn đề cũng như khả năng thực hiện thiếu hiệu quả. Thực tế, GV thường thực hiện đổi mới PPDH theo lối bắt chước, thiếu chủ động hoặc không thực hiện đổi mới.

Qua khảo sát [PL7; tr199], chúng tôi nhận được ý kiến phản hồi từ phía SV về việc sử dụng PP dạy học của GV. Số SV được hỏi cho rằng GV của họ: giảng dạy bằng PP thị phạm chiếm khoảng 72,6%; giảng dạy bằng PP gợi mở chiếm khoảng 16,17%; giảng dạy bằng PP phối hợp thị phạm và gợi mở chiếm khoảng 11,76%. Con số này cho thấy, đại đa số GV vẫn ưa sử dụng PP thị phạm trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, nhiều GV chưa quan tâm sử dụng PP gợi mở, số GV sử dụng phối hợp cả hai PP cũng không nhiều.

Các nguyên tắc SP cũng có lúc chưa được vận dụng nghiêm túc và triệt để như: GV cho SV hát nhiều bài tập khác nhau với thời gian dài khiến SV mất tập trung hoặc việc giữ nguyên bài tập trong suốt các buổi học, cho nhiều đối tượng học không phải không diễn ra. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên cho rằng “nhắc lại bài tập nguyên xi máy móc sẽ ít có hiệu quả” [49;84]. Việc nắm vững và vận dụng triệt để các nguyên tắc SP thanh nhạc cũng đã được nhiều GV quan tâm. Tuy nhiên, thực tế, không ít SV cho rằng GV của họ giảng dạy đôi lúc quá thiên về giải quyết kỹ thuật mà chưa chú ý hướng dẫn họ vấn đề nghệ thuật thể hiện tác phẩm. Tiết học thanh nhạc đối với họ trở nên căng thẳng khiến việc tiếp thu bài cũng như biểu cảm tác phẩm phần nào bị hạn chế. Cũng có SV, khi được hỏi cho rằng họ không thực sự thích thú với toàn bộ hoặc một số tác phẩm trong CT học của họ, vì vậy mà họ chỉ học một cách đối phó chứ không hứng thú. Điều này thể hiện việc GV giao bài chưa thực sự phù hợp với năng lực cũng như giai đoạn phát triển kỹ thuật và nghệ thuật (quá khó hoặc quá dễ), khiến SV làm việc quá sức hoặc chủ quan.

Cũng có GV chưa thực sự sâu sát tới từng cá nhân SV về cả chuyên môn cũng như những vấn đề liên quan đến đời sống tình cảm, tâm sinh lý, điều này đã tạo nên những khoảng cách “vô hình” giữa GV và SV ảnh hưởng tới sự tương tác đa chiều trong quá trình học tập của SV. Tất cả những vấn đề nêu ở trên phản ánh hiện tượng các nguyên tắc SP thanh nhạc chưa được thực hiện triệt để trong quá trình giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp.

2.1.2.3. Năng lực tự học, nghiên cứu khoa học và sử dụng ngoại ngữ

Về năng lực tự học

Đội ngũ GV thanh nhạc chủ yếu được đào tạo chuyên ngành biểu diễn nên sẽ có lợi thế khi học nâng cao theo cùng chuyên ngành. Hiện nay chúng ta chưa có mã ngành đào tạo biểu diễn chuyên ngành thanh nhạc bậc tiến sĩ, vì vậy, nhiều GV ngần ngại khi đăng ký dự tuyển ở bậc học này, số lượng GV thanh nhạc tham gia học tập ở trình độ cao còn ít, đội ngũ GV thanh nhạc có trình độ cao trong các học viện âm nhạc và nhạc viện ở VN cũng không nhiều. Tính đến tháng 5/2015, cả

nước mới chỉ có: 01 GS (NguyễnTrung Kiên), 02 PGS (Mai Khanh, Lô Thanh) và 03 tiến sĩ (Trương Ngọc Thắng, Võ Văn Lý, Trần Ngọc Lan).

Về năng lực NCKH

Vấn đề NCKH trong GV thanh nhạc chủ yếu ở đội ngũ GV có trình độ cao và một số GV có kinh nghiệm. So với các chuyên ngành khác, số lượng GV thanh nhạc tham gia NCKH còn rất khiêm tốn, nhất là các GV trẻ. Theo thống kê của chúng tôi thì các hoạt động NCKH chủ yếu rơi vào nhóm GV thuộc thể hệ thứ nhất và thứ hai. Nhóm GV thuộc các thể hệ sau chiếm tỉ lệ khá lớn, khoảng 60% [PL1; b1; tr150], nhưng gần như chưa được ghi nhận về kết quả NCKH. Qua khảo sát, 89% ý kiến cho rằng GV thanh nhạc chuyên nghiệp hạn chế ở năng lực “nghiên cứu đề tài, viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, hội nghị, hội thảo...” [PL7; tr202].

Về năng lực sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành

Do đặc thù của chuyên ngành, những tác phẩm thanh nhạc trong chương trình đào tạo chủ yếu được lấy từ kho tàng âm nhạc thế giới mà chủ yếu là từ các nước có nền âm nhạc phát triển như Đức, Ý, Nga, Pháp. Với yêu cầu hát bằng ngôn ngữ gốc, nhiều SV cho rằng họ gặp phải khó khăn khi GV của họ hướng dẫn cách phát âm một số ngôn ngữ chưa thật chuẩn xác. Qua khảo sát, số SV được học hát bằng tiếng Đức có 36,76%; bằng tiếng Nga là 35% và bằng tiếng Pháp là 16,76%, tiếng Ý là 100% [PL7; tr198]. SV học hát tiếng nước ngoài chủ yếu qua sự hướng dẫn của GV. Việc lựa chọn tác phẩm cho SV phần nào cho thấy, GV hầu hết có lợi thế ở phát âm tiếng Ý, các tiếng Đức, Nga và Pháp GV còn có những hạn chế nhất định. Thực tế chỉ một vài GV lâu năm được học tập, thực tập ở các nước có nền SP thanh nhạc phát triển như Nga, Ý, Bungary... có nền tảng ngoại ngữ thuận lợi cho việc giảng dạy tác phẩm nước ngoài bằng ngôn ngữ gốc. GV các thể hệ sau chủ yếu được học ngoại ngữ là tiếng Anh, năng lực sử dụng các ngôn ngữ khác phụ thuộc vào sự tự trau dồi. Qua khảo sát, có 96,67% GV cho rằng “GV thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở năng lực hướng dẫn SV phát âm một số ngoại ngữ chuyên ngành” [PL7; tr202].

2.1.2.4. Năng lực sử dụng phương tiện dạy học và giáo trình thanh nhạc

Về sử dụng phương tiện dạy học

Piano là phương tiện không thể thiếu trong dạy học thanh nhạc chuyên nghiệp. Tại các học viện âm nhạc và nhạc viện, piano được trang bị đầy đủ cho tất cả các phòng học chuyên ngành, nhưng thực tế vẫn còn có một số GV chưa thạo sử dụng piano trong dạy học thanh nhạc. "... trình độ đánh đàn piano của đa số GV còn yếu, do vậy ngại cho HSSV tập hát những bài tập kỹ thuật" [49;86]. Đối với GV thanh nhạc, việc sử dụng piano trong thể hiện các mẫu câu luyện thanh là rất quan trọng. Việc thể hiện các mẫu câu luyện thanh một cách chuẩn xác về trường độ, tốc độ, đặc biệt là sắc thái theo đúng yêu cầu của từng loại kỹ thuật là yếu tố quan trọng giúp cho việc dạy học thanh nhạc đạt hiệu quả tốt. Tuy nhiên, với một số GV thì đây lại là một vấn đề không dễ dàng. Qua khảo sát, chúng tôi nhận được 27,94% ý kiến phản hồi từ phía SV cho rằng GV của họ sử dụng piano bình thường, thậm chí là không hiệu quả trong lớp học. Những phương tiện hỗ trợ giảng dạy cũng chưa được GV chú ý khai thác. Chỉ có 5,88% SV được sử dụng CD nhạc mẫu; 25% CD hát mẫu và 10,29% CD nhạc đệm trong giờ học thanh nhạc. Trong khi 100% SV khẳng định việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học trong các tiết học thanh nhạc là cần thiết và rất cần thiết [PL7; tr199]. Như vậy khả năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học của GV phần nào chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của SV. Cũng có 26,67% ý kiến GV được khảo sát cho rằng "GV thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở năng lực sử dụng phương tiện dạy học..." [PL7; tr202]

Về sử dụng giáo trình thanh nhạc

Qua trao đổi, GS.NSND Nguyễn Trung Kiên trả lời về việc hiện nay GV thanh nhạc chưa triển khai nghiêm túc yêu cầu của GT. Thói quen giảng dạy những tác phẩm mình đã biểu diễn, đã thuộc làm hình thành tính tích cực của GV trong việc nghiên cứu tài liệu, GT và thực hiện nội dung CT. Việc giảng dạy các bài vocalise cũng mới chỉ giới hạn ở một vài tác giả, cá biệt có cơ sở đào tạo hầu hết GV chỉ sử

dụng vocalise của một tác giả để giảng dạy cho SV. Bên cạnh đó không ít GV lúng túng khi chỉ có tên tác phẩm và không tìm ra được một tác phẩm cụ thể với phần đệm piano. Giáo trình bản phổ một số tác phẩm nước ngoài đã có nhưng GV không sử dụng mà sử dụng những bản phổ không chuẩn xác. Qua khảo sát, có 40% ý kiến cho rằng “GV thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở năng lực sử dụng giáo trình” và 20% cho rằng “GV hạn chế ở năng lực soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng” [PL7; tr202].

Về năng lực ứng dụng CNTT vào giảng dạy

Một thực tế là GV thanh nhạc rất dè dặt trong việc sử dụng tin học và ứng dụng CNTT vào quá trình giảng dạy. Việc triển khai sử dụng GT ứng dụng CNTT vào các lớp học còn ít. 100% SV được hỏi cho rằng việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học thanh nhạc là cần thiết và rất cần thiết trong tiết học thanh nhạc. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 25% SV khẳng định là GV của họ có sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học là CD hát mẫu, nhạc mẫu và nhạc đệm trong lớp học [PL7; tr199]. Trong khi đó, 36,67% ý kiến GV cho rằng “GV thanh nhạc chuyên nghiệp hạn chế ở năng lực sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học: CD hát mẫu, nhạc mẫu, nhạc đệm” [PL7; tr202]

Trên đây là một số hạn chế cơ bản mà GV đã vấp phải và sẽ còn vấp phải trong quá trình giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Thực tế, đội ngũ GV thanh nhạc mặc dù đã được quan tâm bổ sung về số lượng và nâng cấp về chất lượng nhưng vẫn còn có những mặt chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đào tạo mới đặc biệt là đào tạo sau đại học. Một số hạn chế của GV đã được phân tích ở trên như: thiếu kiến thức về chuyên ngành, kiến thức về sư phạm, khó khăn về ngoại ngữ dành cho chuyên ngành, khả năng sử dụng piano cũng như các phương tiện hỗ trợ dạy học, năng lực nghiên cứu...

2.1.3. Về chương trình, giáo trình Thanh nhạc chuyên nghiệp

CT, GT thanh nhạc từ khi ra đời, đã khẳng định tính chuyên nghiệp trong đào tạo thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Đây cũng có thể được coi

là những thành tựu nổi bật của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới, trước yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện theo hướng phát triển bền vững và hội nhập, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không tránh khỏi những bất cập.

2.1.3.1. Mô hình đào tạo

Trong khi thuật ngữ “đại trà” được Bộ GD&ĐT sử dụng để phân biệt ba loại hình đào tạo cùng phát triển trong giai đoạn mới: CT đào tạo đại học đại trà, CT đào tạo đại học chất lượng cao và CT đào tạo đại học liên kết nước ngoài. Chương trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp của các học viện âm nhạc và nhạc viện tập trung vào đào tạo tài năng đỉnh cao và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, chương trình đào tạo tài năng đỉnh cao tập trung đào tạo những tài năng trẻ thành ca sĩ chuyên nghiệp, họ cần trải qua một quá trình hoàn thiện giọng hát và phát triển kỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc. Chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung vào đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho chuyên ngành thanh nhạc. Chương trình đào tạo tài năng đỉnh cao và nguồn nhân lực chất lượng cao cũng được thực hiện theo định hướng trên nhằm cung cấp lực lượng cán bộ chuyên nghiệp trong lĩnh vực thanh nhạc trên phạm vi toàn quốc.

Tính đến năm 1975, ở VN có HVANQGVN (lúc đó là Trường Âm nhạc VN) đào tạo bậc ĐH thanh nhạc. Năm bắt nhu cầu học tập và phát triển đội ngũ ca sĩ chuyên nghiệp trình độ ĐH khu vực Miền Trung Tây Nguyên và Nam Bộ, cùng với HVANQGVN, HVAN Huế, NVTPHCM cũng đã chính thức được Bộ VHTT và Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo thanh nhạc bậc đại học với thời lượng CT là 05 năm. Đây là mô hình đào tạo có chất lượng cao đã được một số nước trên thế giới công nhận. Sau này, mô hình đào tạo biểu diễn thanh nhạc hệ đại học đã rút xuống còn 4 năm do nhu cầu của thời đại và ảnh hưởng của xã hội “kinh tế thị trường”. Trong giai đoạn mới, mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng lấy chuẩn quốc tế rồi từng bước bổ sung theo các chuẩn VN; liên tục cập nhật, bổ sung GT, tuyển tập và tác phẩm mới của thế giới vào CT của VN đáp ứng với điều kiện của giai đoạn mới. Năm 2000, HVANQGVN (lúc đó là Nhạc viện Hà Nội) bắt đầu có

mô hình đào tạo sau đại học mã ngành biểu diễn và SP thanh nhạc trình độ thạc sĩ. Hiện nay các học viện âm nhạc và nhạc viện tại VN đang đào tạo đa hệ: ca sĩ biểu diễn thanh nhạc bậc trung cấp 04 năm, bậc đại học 04 năm, bậc cao học 02 năm; đào tạo sư phạm thanh nhạc bậc cao học 02 năm, tiến sĩ 03 năm. Các mã ngành sư phạm thanh nhạc bậc đại học, biểu diễn thanh nhạc bậc tiến sĩ chưa được đào tạo. Các mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao và nguồn nhân lực chất lượng cao cũng đang từng bước được triển khai dưới dạng tự tổ chức và liên kết đào tạo.

2.1.3.2. Nội dung chương trình môn học thanh nhạc

Về mục tiêu

Mục tiêu của CT trung cấp là “đào tạo diễn viên hát đơn ca, tốp ca, hợp xướng (chuyên ngành hát ca khúc và hát thính phòng) để cung cấp cho các đơn vị nghệ thuật ca múa nhạc; tạo nguồn tuyển sinh vào cao đẳng và ĐH” [40;1]. CT thanh nhạc trung cấp chưa đặt vấn đề đào tạo hát opera [PL1; b2; tr150].

Mục tiêu của CT đại học là “đào tạo hát nhạc kịch, hát âm nhạc thính phòng và các GV dạy thanh nhạc có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp ở trình độ đại học” [42;1]. Mục tiêu cơ bản là đào tạo hát opera, hát thính phòng và GV thanh nhạc trình độ ĐH. Trong đó mục tiêu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được hiểu một cách sâu sắc là đào tạo ca sĩ chuyên nghiệp cho các chuyên ngành sâu chứ không đào tạo loại ca sĩ đa năng.

Về nội dung chương trình môn học thanh nhạc

Chương trình môn học thanh nhạc bậc ĐH của HVANQGVN hiện nay được đánh giá là CT có tính chất chuẩn quốc gia. Nhạc viện TPHCM và HVAN Huế chịu ảnh hưởng và kế thừa CT đào tạo thanh nhạc bậc ĐH của HVANQGVN. Chính vì vậy, khi phân tích CT môn học thanh nhạc chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc, chúng tôi cho rằng việc phân tích CT môn học thanh nhạc của HVANQGVN có thể mang tính đại diện chung. Tính đến năm 2014, chúng ta có ba CT môn học thanh nhạc được xây dựng vào các năm 2002, 2006 và 2007. Trong đó, CT xây dựng năm 2002 là CT nội bộ của HVANQGVN (khi đó là Nhạc viện Hà Nội). Sau 04 năm

thực hiện thử nghiệm, năm 2006 chương trình đã có sự điều chỉnh bổ sung và trở thành CT chính thức. Chương trình xây dựng năm 2006 có ý nghĩa là CT thanh nhạc đầu tiên được Bộ VHNTT nghiệm thu và chính thức đưa vào thực hiện tại các cơ sở đào tạo hàng đầu của VN. Nội dung CT đã được mở rộng thêm tới các tác phẩm vocalise, dân ca VN và aria TK XX; bước đầu đặt vấn đề bổ trợ các chuyên đề nhằm tăng khả năng thực hành và lý luận cho người học. Chương trình tiếp tục được điều chỉnh vào năm 2007 chủ yếu ở nội dung kiểm tra giữa kỳ, thi học kỳ và thi tốt nghiệp [PL3; tr169].

Trong mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành học thanh nhạc đều đặt vấn đề đào tạo biểu diễn và SP thanh nhạc. Tuy nhiên, trên thực tế, các học viện âm nhạc và nhạc viện trong việc xây dựng CT chủ yếu vẫn là dành cho biểu diễn thanh nhạc và xây dựng chung cho cả hát opera và hát thính phòng. Số lượng tác phẩm cho từng loại giọng trong CT là rất lớn (1709 tác phẩm) thể hiện sự công phu của người sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn, trong đó có 577 aria chiếm tỉ lệ 33,76%, 801 romance, ca khúc TK XVIII - XX chiếm tỉ lệ 46,87%, 331 ca khúc và dân ca VN chiếm tỉ lệ 19,37% [PL1; b5; tr152]. Tác phẩm nước ngoài được biên soạn cho từng loại giọng, từng năm, số lượng tác phẩm giọng Soprano và Tenor nhiều hơn so với số lượng tác phẩm các giọng khác. Đây cũng là hai giọng thường xuất hiện trong quá trình tuyển sinh và đào tạo tại các học viện âm nhạc và nhạc viện trong những năm qua. Đào tạo hát opera và hát thính phòng năm thứ nhất và năm thứ hai có cùng nội dung; năm thứ ba và thứ tư có sự phân dòng nhưng có sự khác biệt đáng kể, chủ yếu là số lượng và mức độ tác phẩm aria và romance, còn bài luyện thanh và ca khúc có phần tương đương.

Chương trình thi các học kỳ thanh nhạc chuyên nghiệp trình độ ĐH được xây dựng chung cho cả hai đối tượng hát opera và hát thính phòng. Riêng nội dung và số lượng tác phẩm thi tốt nghiệp của hai dòng có khác nhau [PL1; b2&3; tr150, 151]. Hiện nay, các CT riêng cho từng chuyên ngành (biểu diễn và sư phạm), dòng hát (hát thính phòng, hát opera), từng mô hình (đào tạo tài năng đỉnh cao, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao) đang trong lộ trình xây dựng và thực hiện.

Nội dung và số lượng tác phẩm dòng hát opera: bao gồm aria trích trong các nhạc kịch của tác giả TK XVII, XVIII, XIX, XX; romance và ca khúc TK XVII, XVIII, XIX. Số lượng tác phẩm cụ thể, trong đó tác phẩm nước ngoài: 43/62 chiếm 69,4%; Tác phẩm VN: 19/62 chiếm 30,6% [PL1; b5; tr152].

Nội dung và số lượng tác phẩm dòng hát thính phòng: bao gồm aria của tác giả TK XVII, XVIII trích trong các opera, operette, oratorio, romance và ca khúc TK XVII, XVIII, XIX, XX; các tổ khúc thanh nhạc, các ca khúc VN, các bài dân ca VN và vocalise nước ngoài. Số lượng tác phẩm cụ thể: tác phẩm nước ngoài: 42/62 chiếm 68 % tổng số tác phẩm quy định trong chương trình; tác phẩm VN: 20/62 chiếm 32 % tổng số tác phẩm quy định trong chương trình [PL1; b6; tr153].

Điều chỉnh CT đào tạo nói chung, CT môn học nói riêng là việc làm cần thiết và là vấn đề mang tính thường niên của mọi cấp học, bậc học, ngành học. Thông qua hai lần điều chỉnh CT môn học, chúng ta thấy những vấn đề đã bổ sung một cách thiết thực đó là: thể loại tác phẩm, số lượng bài học từng năm, số lượng và nội dung kiểm tra thi giữa học kỳ, cuối học kỳ và thi tốt nghiệp [PL3; tr169]. Trong giai đoạn mới, những yêu cầu về các chuyên đề bổ trợ ngày càng cấp thiết hơn với sự tham gia giảng dạy của giáo sư đầu ngành. Hiện nay, các học viện âm nhạc và nhạc viện đang từng bước bổ sung nội dung CT cho từng chuyên ngành (biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc); cho từng dòng (hát opera, hát thính phòng) của các mô hình đào tạo (tài năng đỉnh cao, nguồn nhân lực chất lượng cao).

Về chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của ngành học thể hiện rõ ở yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ học tập của SV chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc. Trong đó, đòi hỏi SV tốt nghiệp ngành biểu diễn thanh nhạc trình độ ĐH phải nắm vững những vấn đề cốt lõi như: kỹ năng biểu diễn thanh nhạc (hát opera hoặc hát thính phòng), NCKH... Hiện nay, việc đào tạo ca sĩ đạt trình độ ĐH đang được triển khai rầm rộ tại một số trường nghệ thuật địa phương và các trường SP. Chúng ta cần thận trọng trong việc “phát triển” nặng về số lượng và cần đặc biệt quan tâm tới chất lượng đào tạo, phần

đầu đạt chuẩn đầu ra của các trung tâm đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nổi tiếng của đất nước.

Tính đến thời điểm này, CT chuyên ngành thanh nhạc đã được xây dựng về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Trong thời gian tới CT sẽ đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu đào tạo thanh nhạc theo hướng đa dạng hóa, nếu được bổ sung và chuyên sâu hơn cho các mô hình đào tạo.

2.1.3.3. Giáo trình giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp

Từ khi thành lập trường Âm nhạc VN (1956) đến nay đã gần sáu thập kỷ, đó cũng là thời gian phát triển của sự nghiệp đào tạo âm nhạc, trong đó có đào tạo thanh nhạc. Qua trao đổi, GS.NSND Nguyễn Trung Kiên cho biết, trong gần 60 năm trường thành và phát triển thì có tới hơn 50 năm đào tạo thanh nhạc chưa chính thức có được GT chuyên ngành thanh nhạc bậc ĐH. Từng cơ sở đào tạo đã cố gắng biên soạn GT cho mình và với cơ sở khoa học đó đã cố gắng đạt được những kết quả không nhỏ, tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, toàn diện, vấn đề không có GT thống nhất cho đào tạo thanh nhạc bậc ĐH là một khiếm khuyết lớn cần nhanh chóng khắc phục. Thời kỳ các cơ sở đào tạo âm nhạc mới thành lập, cùng với việc xây dựng CT, việc biên soạn GT thanh nhạc cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn tài liệu. Bên cạnh đó, một vấn đề tồn tại trong nhiều năm là việc sử dụng ngôn ngữ gốc của tác phẩm còn hạn chế đối với GV và SV. Sau này, những bước đi đầu tiên trong việc biên soạn GT chủ yếu bằng PP kế thừa GT quốc tế, mà chủ yếu là thừa hưởng các GT của Liên Xô (cũ) và các nước XHCN khác. Khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, GT tiếp tục được bổ sung thêm bằng các GT của Ý, Đức, Pháp... Ngày nay, GT tiếp tục được cập nhật bởi các GT mới của thế giới.

Bộ Văn hóa – Thông Tin đã ký quyết định số 8762/ QĐ-BVH-TT ngày 23/11/2006 về việc biên soạn GT chuyên ngành Thanh nhạc ĐH. Người biên soạn là PGS. NSND Nguyễn Trung Kiên. GT được nghiệm thu ngày 26/01/2007. Cùng với GT chuyên ngành Thanh nhạc Trung cấp được biên soạn và nghiệm thu năm 2001, sự nghiệp đào tạo thanh nhạc tại HVANQGVN đã có những bước phát triển vững chắc đạt được những kết quả tốt đẹp.

Giáo trình chính

Năm 2007, lần đầu tiên có GT thanh nhạc chính thức phục vụ dạy và học thanh nhạc bậc ĐH bốn năm cho các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu VN. Bộ GT này do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn và đã được Bộ VHTTDL nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hệ thống các tác phẩm aria và các romance nước ngoài trong GT chủ yếu bằng ngôn ngữ gốc tiếng Đức, Ý, Nga... (có dịch nghĩa lời Việt). Giáo trình này được trình bày dưới dạng bản phổ bao gồm các trích đoạn aria và các romance cho các giọng. GT giọng nữ cao gồm 33 tác phẩm (năm thứ nhất), 29 tác phẩm (năm thứ hai), 27 tác phẩm (năm thứ ba) và 33 tác phẩm (năm thứ tư). GT giọng nam cao gồm: 30 tác phẩm (năm thứ nhất), 27 tác phẩm (năm thứ hai), 28 tác phẩm (năm thứ ba) và 27 tác phẩm (năm thứ tư). GT giọng nam trung trầm 29 tác phẩm (năm thứ nhất), 30 tác phẩm (năm thứ hai), 28 tác phẩm (năm thứ ba) và 29 tác phẩm (năm thứ tư). Số lượng tác phẩm được biên soạn trong bộ GT là rất lớn thể hiện sự công phu trong sưu tầm, tuyển chọn của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên. Các tác phẩm được biên soạn cho từng loại giọng, theo từng năm. Tác phẩm trong giáo trình chủ yếu của các tác giả TK XVIII, XIX.. Giáo trình được sử dụng khá hiệu quả trong công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trình độ ĐH cho các học viện âm nhạc và nhạc viện tại VN.

Bên cạnh đó, GT thanh nhạc dạng hệ thống tên các tác phẩm, tác giả cũng đã được biên soạn cho từng năm học. Giáo trình này cũng do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn. Có tác phẩm nước ngoài (aria, romance và ca khúc cổ điển đương đại) và tác phẩm VN (ca khúc và dân ca). Nhìn vào bảng thống kê [PL1; b8; tr153], ta thấy số lượng tác phẩm nước ngoài nhiều hơn tác phẩm VN, tác phẩm aria nhiều hơn các loại tác phẩm khác, tác phẩm giọng cao nhiều hơn tác phẩm cho giọng trung trầm. Tác phẩm aria được phân loại cụ thể cho từng giọng, từng năm, tác phẩm romance được phân theo từng năm nhưng chưa sắp xếp theo từng giọng, tác phẩm VN phân chia theo giai đoạn một và hai, dân ca không có sự phân chia.

Như vậy, GT chính thức mới bắt đầu xuất hiện những năm đầu TK XXI và bước đầu đã phát huy được những hiệu quả tích cực trong đào tạo thanh nhạc bậc ĐH. GT này soạn chung cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp chưa phân dòng. Chúng tôi mong rằng HVANQGVN sẽ sớm có GT phân dòng trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo mới.

Trong năm qua, trước khi hình thành GT chính thức được Bộ VHTTDL ký duyệt và ban hành, các cơ sở đào tạo đã có nhiều cố gắng biên soạn GT tại các cơ sở đào tạo. Việc xây dựng GT phục vụ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đã được lãnh đạo cũng như các GS đầu ngành của HVANQGVN đặc biệt quan tâm. Một trong những GT đầu tiên của HVANQGVN phải kể đến *Tuyển tập thanh nhạc (1977)* của PGS.NSND Mai Khanh. Giáo trình này được biên soạn phục vụ đào tạo thanh nhạc bậc ĐH và được hoàn thành nhân kỷ niệm hai mươi năm thành lập Trường Âm nhạc VN (tiền thân của HVANQGVN). Thời điểm đó đào tạo thanh nhạc bậc ĐH rất ít SV và mục tiêu là đào tạo hát opera nên GT cũng được soạn theo hướng này. Số lượng tác phẩm trong GT không nhiều, gồm 25 bài hát từ trình độ năm thứ nhất đến năm thứ năm. Giáo trình này gồm có các tác phẩm VN và tác phẩm nước ngoài. Tác phẩm VN có dân ca (quan họ Bắc Ninh và dân ca Nam bộ), các aria và ca khúc (đều có phần đệm piano) của các tác giả Phan Nhân, Đỗ Nhuận, Lương Vĩnh, Trần Kiệt Tường, Vân Đông, Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Văn Ký, Nguyễn Tài Tuệ; các tác phẩm nước ngoài bao gồm một số aria và romance của các tác giả TK XIX như F. Schubert, P.I. Tchaicovsky, Flotow, M.I.Glinka, A. Alabiev, G. Verdi. Trong GT, tác phẩm TK XVII, XVIII chưa thấy đề cập nhiều; tác phẩm TK XX, dân ca VN các vùng miền núi phía Bắc, Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn thiếu.

Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin

Năm 2012, lần đầu tiên có GT thanh nhạc bao gồm phần bản phổ tác phẩm, nhạc mẫu và nhạc đệm tác phẩm nước ngoài do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn và được Bộ VHTTDL nghiệm thu. Đây là loại GT dạng ứng dụng CNTT và truyền thông, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Năm 2013, nối tiếp

nghiên cứu của GS. NSND Nguyễn Trung Kiên, NSND Quang Thọ cũng đã biên soạn GT thanh nhạc bao gồm phần bản phổ tác phẩm, nhạc mẫu và nhạc đệm tác phẩm VN. Trong sự đổi mới về giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN, chúng ta đang tiến hành thử nghiệm các GT này.

Trước đây, nhiều tác phẩm VN trong GT thanh nhạc không có phần đệm piano. Nguyên nhân được xác định là do nhiều nhạc sỹ sáng tác không viết phần đệm cho ca khúc, hoặc một số ca khúc có phần đệm piano do người khác viết nhưng không hiệu quả. Hiện nay, việc soạn phần đệm cho tác phẩm VN đang được tiến hành một cách bài bản và đã thu được những thành công nhất định, nhưng cần được tiến hành một cách hoàn chỉnh đối với toàn bộ các ca khúc VN. Phần đệm piano cho các bài bản dân ca còn gặp nhiều khó khăn hơn vì đây là loại bài bản có nhiều dị bản, việc đệm piano cho dân ca là một thử thách lớn đối với nhiều GV đệm đàn piano. Trong quá trình khảo sát thư viện của NVTPHCM (tháng 2/2014) chúng tôi thấy GT, tài liệu phục vụ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp chủ yếu sử dụng tài liệu và GT của HVANQGVN. Việc sử dụng tài liệu GT của HVANQGVN trong nghiên cứu và giảng dạy thanh nhạc ở đây trở thành vấn đề tất yếu. Khi khảo sát thư viện của HVAN Huế (tháng 5/2015) chúng tôi được biết ngoài bộ GT của PGS.NGND Lô Thanh (năm 1996), tại đây đang sử dụng những tài liệu, GT thanh nhạc của HVANQGVN. Có thể nói, GT thanh nhạc bước đầu đã có sự thống nhất, các cơ sở đào tạo chủ yếu sử dụng GT chính của GS.NSND Trung Kiên. Giáo trình này đã hỗ trợ GV và SV rất nhiều trong việc dạy và học biểu diễn thanh nhạc.

Tuy nhiên trước yêu cầu đổi mới của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa thì chương trình và giáo trình thanh nhạc cho các bậc học cần phải tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện.

Trong đề tài *Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới*, GS. NSND Nguyễn Trung Kiên đã khẳng định việc “đa dạng hóa các loại hình đào tạo” phải trên cơ sở “đa dạng hóa mục tiêu đào tạo, đa dạng hóa nội dung chương trình, GT đào tạo và công nghệ đào tạo, đa dạng hóa nguồn kinh phí và phương thức tổ chức đào tạo” [44;447]. Nói cách khác, đa dạng hóa mục tiêu, nội dung CT, GT

đào tạo là điều kiện để đa dạng hóa mô hình đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn mới, trong đó có đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Trong năm 2013, 2014, 2015, qua trực tiếp trao đổi với một số GS, TS, GV và SV ở các học viện âm nhạc và nhạc viện, chúng tôi đã thu nhận được một số ý kiến phản hồi về vấn đề đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới [PL5; tr189]. Chúng tôi đã tiến hành xin ý kiến của chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực thanh nhạc; trao đổi với một số GV có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm và GV trẻ. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số SV đang học tập tại trường, sắp tốt nghiệp ra trường và cựu SV của trường. Chúng tôi cho rằng ý kiến phản hồi từ phía các chuyên gia, các nhà quản lý, GV và SV là chân thực, khách quan. Các ý kiến chủ yếu xoay quanh về vấn đề đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp như: CT, GT đào tạo, năng lực đội ngũ GV, động cơ thái độ và năng lực học tập của SV, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo... Chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến SV về một số vấn đề trong dạy và học thanh nhạc [PL7;tr196].

Nhìn chung các ý kiến tương đối đồng nhất với những vấn đề chúng tôi đã phân tích ở trên. Những vấn đề chính: cần phải đa dạng hóa mô hình, mục tiêu, nội dung CT, GT; đào tạo thanh nhạc cần theo hướng phân dòng hát thính phòng và hát opera; cân đối các loại giọng ở các mô hình đào tạo là cần thiết; tăng cường về cơ sở vật chất và đặc biệt quan tâm phát triển đội ngũ GV thanh nhạc về số lượng và chất lượng.

2.1.4. Về công tác kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo

Đánh giá trong tuyển sinh bước đầu đã có những đổi mới phù hợp với yêu cầu tự chủ trong công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Tuy nhiên, theo một số chuyên gia đầu ngành, đánh giá trong tuyển sinh thanh nhạc vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cảm tính, chưa có một căn cứ cụ thể bằng văn bản về các mức độ yêu cầu trong đánh giá, chưa quy định thời gian tối đa và tối thiểu cho phần trình bày của từng thí sinh. Bên cạnh đó, việc đánh giá SV thường xuyên trong quá trình giảng dạy, sau mỗi tiết học cũng chưa trở thành nề nếp.

Một số vấn đề về thi tốt nghiệp ĐH thanh nhạc

Năm học 2013- 2014, HVANQGVN yêu cầu SV dự thi tốt nghiệp thanh nhạc ở một trong hai dòng hát opera hoặc hát thính phòng. Chương trình thi hát opera gồm 8 tác phẩm, phải có đủ các thể loại thanh nhạc: 01 vocalise (không giới hạn tác giả); 03 aria TK XVII – XVIII, XIX, XX; 02 romance; 01 ca khúc VN; 01 dân ca VN. Chương trình thi hát thính phòng gồm có 10 tác phẩm, phải có đủ các thể loại thanh nhạc: vocalise, dân ca, aria TK XVII – XVIII, romance nước ngoài và romance VN. Yêu cầu SV biểu diễn trực tiếp với phần đệm piano tại phòng hòa nhạc (không được hát lại tác phẩm đã thi ở những học kỳ trước, không sử dụng phương tiện hỗ trợ tăng âm lượng). Đánh giá theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,1.

Cũng năm học 2013-2014, NV TPHCM yêu cầu SV trình bày 8 tác phẩm (không phân biệt hát thính phòng hay hát opera), gồm: 01 vocalise của Concone, 01 dân ca VN, 02 ca khúc VN, 02 aria, 02 romance (SV được phép hát lại các tác phẩm đã thi ở học kỳ trước). SV biểu diễn trực tiếp với đàn piano tại Hội trường. Đánh giá theo thang điểm 10, điểm lẻ làm tròn đến 0,5.

Năm học 2013 – 2014, tại hai cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hàng đầu VN là HVANQGVN và NVTPHCM có tổng số 44 SV dự thi tốt nghiệp. Tại HVANQGVN có 27 SV dự thi vào các ngày 9,10 và 11/6/2014. Tại NVTPHCM có 17 SV dự thi vào các ngày 8,9 và 10/7/2014. Qua quan sát CT thi cũng như nội dung mà SV chuẩn bị trước khi thi, chúng tôi thấy có một số vấn đề sau:

Vẫn còn có SV lựa chọn CT thi chưa thực sự phù hợp với năng lực bản thân. 100% SV của NVTPHCM lựa chọn CT thi tốt nghiệp dòng hát opera, trong khi, số giọng hát đạt chuẩn về cả âm vực giọng, kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện dòng hát này chỉ có vài em. Sinh viên của HVANQGVN lựa chọn CT thi đã có sự phân dòng, nhưng vẫn còn có một số SV lựa chọn bài chưa thực sự phù hợp với năng lực. Một số CT thi thiếu tác phẩm TK XX, hoặc lựa chọn tác phẩm quá dễ so với yêu cầu của CT chuẩn. Với CT biểu diễn gồm 08 - 10 tác phẩm, đa số SV đã chú ý sắp xếp thứ tự tác phẩm trong CT thi. SV đã quan tâm đến sự logic trong nội dung cũng

như phong cách thể hiện giữa các tác phẩm sao cho có thẩm mỹ và đạt hiệu quả cao nhất đối với người thể hiện và người thưởng thức. Một số SV đã chú ý dàn dựng cho từng tiết mục và dàn dựng tổng thể CT thi tạo nên những hiệu quả bất ngờ cho hội đồng giám khảo. Một số hình thức thể hiện được SV vận dụng như nhóm bè, hợp xướng. Bên cạnh đó, không ít SV chưa chú ý hoặc dàn dựng chưa hợp lý các tiết mục trong CT thi của mình. Có SV chỉ quan tâm tới thể hiện từng tiết mục mà chưa chú ý đến tổng thể CT. Thứ tự tác phẩm dự thi được nhiều SV lựa chọn ở NVTPHCM là: vocalise, dân ca, ca khúc VN, romance, aria chưa thực sự phù hợp với CT thi của một số SV.

Có SV chỉ quan tâm tới việc thể hiện đúng cao độ tiết tấu, kỹ thuật tác phẩm mà chưa chú ý tới hoặc không thể hiện được nội dung tư tưởng, nghệ thuật tác phẩm. Hiện tượng biểu diễn “nhập vai” là vô cùng hiếm. Bên cạnh đó vẫn còn có hiện tượng SV bắt chước nguyên xi giọng hát, phong cách của GV nên thiếu sự sáng tạo. Hầu hết SV khi được phỏng vấn đều khẳng định rằng học đại học thanh nhạc là học hát opera, trong khi cách hát của họ chủ yếu vẫn là hát thính phòng. Khả năng diễn xuất kịch của SV trong các aria còn hạn chế; có hiện tượng ca khúc hóa khi hát aria và romance. Âm lượng giọng hát chưa đáp ứng được yêu cầu của hát opera, nhất là khi hát các tác phẩm TK XX.

Qua quan sát kỳ thi tốt nghiệp năm 2014 ở hai cơ sở đào tạo hàng đầu VN (HVANQGVN, NVTPHCM), chúng tôi nhận thấy năng lực giọng hát của SV có thể phân luồng thành ba dòng: hát opera, hát thính phòng và hát ca khúc. Những giọng hát có kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện đạt chuẩn mực của hát opera rất hiếm, chủ yếu là hát thính phòng và hát ca khúc, ca khúc mang âm hưởng dân gian.

Hầu hết giọng hát được đào tạo hát opera (41/44 chiếm tỉ lệ 93,18%) nhưng chỉ quen hát với âm lượng của hát thính phòng và hát ca khúc. Bên cạnh đó có sự chênh lệch đáng kể trong việc đào tạo các loại giọng. Cụ thể, giọng Soprano 27/44, chiếm 61,36%; giọng Tenor: 14/44 chiếm 31,82%; giọng Barytone: 3/44 chiếm 6,82%; giọng Basse, Mezzo, Alto: 0% [PL2; biểu đồ 3&4; tr168].

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Sự biến động của đất nước trên tất cả các lĩnh vực cơ bản là nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự lúng túng, nhiều lúc bối rối của lực lượng hoạt động văn học nghệ thuật, trong đó có đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã khẳng định “Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm... Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa...” [21;2]. Công tác xã hội hóa, phổ cập đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở một số cơ sở địa phương một mặt đã góp phần làm cho đời sống âm nhạc trong nước có một diện mạo mới, nhưng mặt khác cũng đã làm cho vị thế của thanh nhạc chuyên nghiệp có phần chưa được đánh giá đúng với tầm quan trọng của nó trong một nền âm nhạc.

Từ những cách nhìn của xã hội như vậy đã có những ảnh hưởng tiêu cực vào nhà trường, các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu của đất nước. Sự đầu tư các nguồn lực, chất xám, kinh tế cho công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp phần nào bị coi nhẹ. Bên cạnh đó, sự phát triển thiếu kiểm soát của các CT ca hát trên các phương tiện thông tin đại chúng đã tạo nên những suy nghĩ và cách đánh giá chưa chuẩn xác về âm nhạc nói chung và thanh nhạc chuyên nghiệp nói riêng.

Một số CT ca hát kết hợp trò chơi, những “chiêu trò” phản cảm đối với thẩm mỹ lành mạnh của xã hội đã phần nào rời xa những thành tựu của nền nghệ thuật thanh nhạc Cách mạng đã đạt được trong những năm tháng kháng chiến cứu nước. Công nghệ đào tạo ca sĩ nhạc pop của nước ngoài đã du nhập vào VN qua các phương tiện thông tin đại chúng khiến lớp trẻ có cái nhìn chưa đúng về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Mặt khác, công tác tuyển sinh đại học thanh nhạc những năm gần đây gặp phải khó khăn. Đây cũng

là một trong những nguyên nhân hạn chế trong quá trình phát triển của nền âm nhạc VN nói chung và nền thanh nhạc chuyên nghiệp VN nói riêng.

“Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, tuy có được cải thiện và nâng cấp một bước, song so với yêu cầu đặc thù của công tác đào tạo tài năng và năng khiếu nghệ thuật còn rất bất cập...” [22;45]. Những năm qua, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đã có sự đầu tư, nhưng với yêu cầu đào tạo mới thì cơ sở vật chất như vậy vẫn chưa thực sự đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu đa dạng hóa mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Chất lượng các phòng học, các phương tiện giảng dạy (piano), sân khấu biểu diễn có nơi chưa phù hợp với đặc thù của chuyên ngành.

Có sự bất cập giữa đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo tại các đơn vị nghệ thuật. Công tác tuyển sinh đã từng bước được quan tâm đổi mới. Tuy nhiên với mô hình đào tạo như hiện nay, SV tốt nghiệp đại học thanh nhạc phải sau 8 năm học (04 năm học trung cấp và 04 năm học đại học) thì mới được hưởng lương như các đối tượng tốt nghiệp đại học (04 năm) các ngành nghề khác. Đây cũng là nguyên nhân khiến những năm gần đây công tác tuyển sinh gặp phải khó khăn cả về số lượng và chất lượng bởi nhiều SV ngại khi tham gia học tập ở mô hình này.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Hiện tượng SV không có PP học tập phù hợp và động cơ thái độ học tập không rõ ràng là khá phổ biến. Họ chưa biết gắn kết nội dung học tập với thực tiễn nghề nghiệp, giữa học và hành. Một số SV mơ ước trở thành ca sĩ nhạc pop, không mặn mà với dòng hát opera và hát thính phòng mà mình đang theo học. Chính điều này làm kìm hãm sự phát triển kỹ thuật cũng như nghệ thuật của bản thân SV, đồng thời cũng làm ảnh hưởng tới việc học tập nghiêm túc của các SV khác. Nhiều SV chưa có sự chủ động trong tự học, thiếu sự tin tưởng ở chuyên môn cũng như PP của GV nên học tập không tiến bộ. Có SV mắc thói quen xấu trong thời gian học tập ở bậc trung cấp về cả kỹ thuật, nghệ thuật và phẩm chất tư cách. Xuất hiện “những tấm gương hoen ố về đạo đức nghề nghiệp, sự tha hóa trong rèn luyện, học tập, sinh hoạt, sự vô ơn đối với thầy không phải là hiếm” [38;23]. Hiện tượng SV

ngỉ học tùy tiện có chiều hướng gia tăng. Nhiều SV không có sự quan tâm đầu tư thích đáng về mọi mặt cho các giờ học chuyên ngành. Không ít SV sau khi thi đỗ vào trường có xu hướng giảm sút về sức khỏe thể chất và tinh thần cũng như ý thức, thái độ học tập.

Việc đánh giá chất lượng chuyên môn của SV thường được “đề dành” cho tới các thời điểm giữa kỳ và cuối kỳ nên phổ biến hiện tượng SV học và thi đối phó, học dồn, học ép trong vài buổi trước khi thi. Tác phẩm quy định trong CT học và thi chưa được SV thực hiện nghiêm túc. Có SV chỉ tập trung vào một số bài để kiểm tra và thi. Có SV không quan tâm đến mức độ kết quả thi, chỉ miễn qua là được. Sự cạnh tranh và sức phấn đấu trong học tập và định hướng nghề nghiệp tương lai của SV phần nào bị mờ nhạt.

Xu hướng thương mại hóa, hạ thấp chức năng giáo dục nghệ thuật, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí trong một bộ phận không nhỏ ca sĩ và những người làm công tác đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đã có chiều hướng gia tăng. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đang trong tình trạng thiếu môi trường hoạt động biểu diễn rèn luyện các kỹ năng cũng như năng lực cho SV dòng hát opera và hát thính phòng. Việc giảng dạy, học tập và biểu diễn của một số ít GV và SV thanh nhạc đang trong tình trạng “thiếu sự khác biệt”. Đây là thực tế đáng báo động vì nghệ thuật chân chính không chấp nhận sự bắt chước máy móc, cứng nhắc. Nghệ thuật là sự sáng tạo. Sáng tạo được biểu hiện ở sự khác biệt. Sự khác biệt phải được hình thành trên hệ quy chiếu chuẩn mực được xây dựng trên nền tảng tư duy âm nhạc mạch lạc, sáng tạo được đúc kết qua một quá trình học tập và rèn luyện nghiêm túc, khoa học. Về điều này, trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp chúng ta dường như đang thiếu. Bên cạnh đó, nội dung và thang điểm đánh giá tại các cơ sở đào tạo chưa được thực hiện một cách đồng bộ.

2.2.3. Nguyên nhân căn bản và phổ biến

Nguyên nhân căn bản: Việc đào tạo đội ngũ GV thanh nhạc chưa được quan tâm đầu tư đúng mức từ bậc đại học, vì vậy mà chất lượng GV chưa thực sự tương xứng với yêu cầu đào tạo. Đội ngũ GV đầu ngành, có trình độ chuyên môn cao và

được đào tạo cơ bản ở nước ngoài trước đây đã lớn tuổi và nghỉ hưu nhiều. Đội ngũ GV là các GS, PGS, TS ở các học viện âm nhạc và nhạc viện chiếm tỉ lệ rất thấp. Việc quan tâm tạo điều kiện về chuyên môn, kinh phí, thời gian cho các hoạt động NCKH của GV khoa thanh nhạc, nhất là các GV trẻ, trong hầu hết các cơ sở đào tạo có phần chưa được sâu sát. Sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo về vấn đề này còn chưa quyết liệt nên đã tạo ra lỗ hổng lớn trong việc phát triển năng lực của đội ngũ GV thanh nhạc.

Nguyên nhân phổ biến: Các mô hình, CT đào tạo mới đã được quan tâm, nhưng có những vấn đề chưa bắt kịp được yêu cầu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Biên soạn GT theo hướng đa dạng hóa đang từng bước được triển khai nhưng tốc độ còn chậm. Việc sử dụng GT chưa thật hiệu quả do năng lực đội ngũ GV còn hạn chế. Một bộ phận GV chưa chú ý gắn kết hoạt động biểu diễn của mình với công tác giảng dạy đáp ứng mục tiêu đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của ngành học. Vấn đề biểu diễn thực nghiệm phục vụ nhiệm vụ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp chưa được GV quan tâm đúng mức.

Như vậy, thực trạng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN trong giai đoạn hiện nay có những thành tựu cũng như những khó khăn hạn chế nhất định. Chúng tôi đã phân tích những nguyên nhân của những hạn chế dẫn đến những bài học kinh nghiệm cần rút ra. Từ đó, tìm ra những giải pháp nhằm phát huy những ưu điểm và thành tựu, khắc phục những hạn chế trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Chính từ những nguyên nhân nói trên, yêu cầu đổi mới đào tạo thanh nhạc càng trở nên cấp thiết trong những năm sắp tới.

2.3. Những quan điểm về yêu cầu đổi mới trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

2.3.1. Sự cần thiết phải đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN đã phát triển gần 60 năm với những thành tựu nổi bật về đào tạo, biểu diễn và nghiên cứu thể hiện ở đội ngũ, CT đào tạo và GT giảng dạy. Tuy nhiên, trước chặng đường mới, cùng với những định hướng đổi mới về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của đất nước, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN cần phải đổi mới vì những lí do sau:

2.3.1.1. Do yêu cầu phát triển văn hóa và con người đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững

Nghị quyết số 33-NQ/TW9 ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI khẳng định phải “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người VN đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước” [21;1]. Nghị quyết cũng đã nêu rõ một trong những định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người VN là “Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân,... xây dựng nền văn hóa VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc...” [21;2]. Việc nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ nói chung, âm nhạc – thanh nhạc nói riêng cho nhân dân, thiết nghĩ cần phải bắt đầu từ đào tạo. “Trong sự khởi sắc của văn hóa nghệ thuật nói chung, âm nhạc vượt trội lên như một mũi nhọn, đạt được kết quả khá toàn diện và mang lại hiệu quả xã hội rộng rãi. Kết quả đáng khích lệ trước hết có thể khẳng định nghệ thuật âm nhạc đã có hướng đi đúng, phương pháp phát triển đúng, đó là đi lên từ đào tạo, phát triển nghệ thuật chung trên cơ sở phát triển đào tạo, với mục tiêu hàng đầu là đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo” [24;5]. Đây cũng là hướng đi đúng cho đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp Việt Nam trong giai đoạn mới – đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

2.3.1.2. Do yêu cầu đổi mới đào tạo nghệ thuật trong giai đoạn mới

Ngày 10/2/2009, Ban Bí thư đã ra thông báo số 219-TB/TW về việc triển khai chín đề án thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới”. Một trong những đề án được xác định là cơ bản và cấp thiết là *Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường VHNT*. Trong đó, đổi mới GD&ĐT tại các học viện âm nhạc và nhạc viện là khâu mũi nhọn để nâng cao hiệu quả đào tạo, nâng cao chất lượng biểu diễn nghệ thuật, phục vụ sự nghiệp cách mạng, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 9/1/2014, Bộ VHNTDL đã chính thức phê duyệt *Đề án phát triển HVANQGVN giai đoạn 2014 - 2020*. Trong đề án đã nêu rõ mục tiêu phát triển tổng quát của Học viện “khẳng định vai trò, vị trí là cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp hàng đầu của

VN; cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực âm nhạc cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, biểu diễn trên toàn quốc; đồng thời tham gia hội nhập quốc tế.” [10;1]. Đề án chia thành hai giai đoạn:

Giai đoạn 1 (2014 – 2015): “... chú trọng chuẩn hóa đội ngũ, CT, GT, cơ sở vật chất, làm tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Mục tiêu cụ thể: tổ chức các CT đào tạo phù hợp với các hệ đào tạo theo quy định hiện hành; Xây dựng bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và biểu diễn trong giai đoạn mới; ... Đổi mới, bổ sung CT, GT và hệ thống tài liệu tham khảo; Thực hiện triệt để PP giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy và chuẩn hóa CT đào tạo; Đẩy mạnh công tác NCKH và ứng dụng CNTT, gắn kết với đào tạo, biểu diễn thực hành, phục vụ xã hội, đồng thời góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc...” [10;1].

Giai đoạn 2 (2016 – 2020): với tầm nhìn HVANQGVN sẽ trở thành trung tâm đào tạo âm nhạc có uy tín trong khu vực, đủ năng lực để hội nhập quốc tế. Mục tiêu cơ bản là “tiếp tục chuẩn hoá đội ngũ, CT, GT, cơ sở vật chất của Học viện để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.” [10;1].

2.3.1.3. Do yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Ngày 18/7/2014, Bộ GD&ĐT cũng đã có thông tư 23/2014/TT-BGDĐT Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ ĐH. Quy định nêu rõ: CT chất lượng cao là CT đào tạo có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn CT đào tạo đại trà với các tiêu chí về CT đào tạo, tuyển sinh, đội ngũ GV và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện CT chất lượng cao. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không nằm ngoài qui định trên.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực biểu diễn và sư phạm thanh nhạc là nhu cầu cấp bách của xã hội. Các học viện âm nhạc và nhạc viện cần có lộ trình cho sự phát triển đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng này. Đây là hướng đi đúng, góp phần cho sự phát triển bền vững và hội nhập thế giới trong lĩnh vực đào tạo âm nhạc nói chung, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nói riêng.

2.3.1.4. Do yêu cầu về đào tạo tài năng đỉnh cao hướng tới sự hội nhập với thế giới trong lĩnh vực biểu diễn và SP thanh nhạc

Bên cạnh công cuộc đổi mới nâng tầm đội ngũ ca sĩ biểu diễn theo kiểu đại trà và bổ sung đội ngũ có chất lượng cao có khả năng hội nhập khu vực và thế giới về ca hát chuyên nghiệp và giảng dạy chuyên nghiệp; chúng ta cần quan tâm tới việc đào tạo tài năng đỉnh cao. Số lượng tài năng đỉnh cao là rất hiếm, nhưng cần phải có và phải được phát hiện và đào tạo kịp thời, ngay từ bây giờ. Việc tổ chức một đội ngũ tài năng trẻ có chế độ đào tạo đặc biệt dành cho thầy và trò sẽ giúp cho các đoàn thí sinh đi thi Concours quốc tế về thanh nhạc của Việt Nam gặt hái được nhiều thành công hơn nữa. Chính đội ngũ này sẽ làm nên thương hiệu cho nền nghệ thuật thanh nhạc VN trên trường quốc tế. Hội nhập với thế giới bằng nền nghệ thuật ca hát đỉnh cao là hướng đi đúng.

2.3.1.5. Do yêu cầu của sự phát triển cân bằng và hài hòa các dòng hát đòi hỏi phải đa dạng hóa mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp phải góp phần chuẩn hóa trình độ đội ngũ ca sĩ về chuyên môn, nhận thức, tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; vừa góp phần chuyển hóa về chất hoạt động biểu diễn của các ca sĩ thị trường, giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng thẩm mỹ cho nền ca hát VN, góp phần định hướng phát triển cân bằng hài hòa các dòng ca hát trong xã hội.

Trong bối cảnh đất nước bước vào công cuộc đổi mới hội nhập và phát triển, nền giáo dục đổi mới “căn bản và toàn diện”, HVANQGVN đang triển khai *Đề án phát triển Học viện giai đoạn 2014 – 2020*, và gần đây nhất, Thông tư 23/2014/TT-BGD&ĐT về *Quy định đào tạo trình độ đại học chất lượng cao*, đã đặt ra những hướng nghiên cứu mới cho đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, đặc biệt là nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành âm nhạc, trong đó có chuyên ngành thanh nhạc. Như vậy, đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, đến thời điểm này không thể không đổi mới và phải đổi mới một cách căn bản, toàn diện. Đổi mới căn bản, toàn diện không có nghĩa là “làm lại tất cả, làm lại từ đầu” mà là

đổi mới trên cơ sở xem xét, kế thừa và thay đổi những gì cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

2.3.2. Những quan điểm về đổi mới một số khâu quan trọng của quá trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Năm 2009, HVANQGVN được Bộ VH, TT & DL trao trách nhiệm nghiên cứu đề tài trọng điểm cấp Bộ “*Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới*” do PGS. NSND Nguyễn Trung Kiên làm chủ nhiệm công trình. Công trình nghiên cứu “*Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới*” đề xuất một cách có hệ thống trên cơ sở khoa học đổi mới những vấn đề lớn của hệ thống đào tạo âm nhạc VN dân tộc và hiện đại. Nghiên cứu đề xuất những tiêu chí cho việc đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc VN trong giai đoạn mới trên cơ sở tham khảo mô hình đào tạo âm nhạc của các nước trên thế giới.

Từ những định hướng lớn đó, sự nghiệp đào tạo thanh nhạc là một trong những loại hình đào tạo có yêu cầu lớn của xã hội không thể không có những đổi mới, những thay đổi phù hợp nhằm tiếp tục tạo nên những kết quả tốt đẹp đáp ứng với những yêu cầu ngày càng cao, càng đa dạng của xã hội.

Trong “*Đề án phát triển Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2014 - 2020*”, lãnh đạo Học viện đã chỉ rõ cần “*Chú trọng chuẩn hoá đội ngũ, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất Học viện để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế*” [31;2]

GS.NSND Nguyễn Trung Kiên khẳng định rằng, khâu đột phá trong đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp giai đoạn hiện nay nên chọn là nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên.

Việc đổi mới toàn diện hệ thống quá trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tức là đổi mới từ mục tiêu, nội dung CT, GT, đội ngũ giảng viên và phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập... Đây cũng là các thành tố cơ bản nằm trong hệ thống quá trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, vì vậy đổi mới từng thành tố là góp phần đổi mới hệ thống. Đổi mới hệ thống thì không thể có thành tố nào đó không đổi mới, mỗi thành tố không đổi mới sẽ kìm hãm sự phát

triển chung của hệ thống, tác động tiêu cực tới các thành tố khác. Tuy nhiên, việc đổi mới cần được nghiên cứu xây dựng lộ trình cụ thể. Theo chúng tôi, trước mắt vấn đề CT, GT và đội ngũ GV và PPDH là những thành tố cần được quan tâm đổi mới.

2.3.2.1. Chuẩn hóa đội ngũ GV là động lực thúc đẩy quá trình đổi mới căn bản toàn diện đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Cùng với SV, GV là thành tố không thể thiếu của quá trình dạy học; họ là người đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng phương pháp dạy học mới, là người triển khai kế hoạch đào tạo, thực hiện chương trình, sử dụng giáo trình, là người đánh giá kết quả đào tạo, và là người chịu trách nhiệm chính về kết quả học tập của SV. Như vậy GV là người chịu trách nhiệm chủ yếu ở hầu hết các thành tố của quá trình dạy học. Để đổi mới đào tạo hiệu quả thì trước tiên và cốt lõi cần phải chuẩn hóa năng lực của GV, hay nói một cách khác, việc chuẩn hóa năng lực của GV cũng chính là động lực thúc đẩy quá trình đổi mới. Đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không nằm ngoài yêu cầu trên.

Chuẩn hóa đội ngũ GV phải được coi là khâu then chốt của quá trình đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Giảng viên thanh nhạc chuyên nghiệp phải là người được đào tạo chuyên ngành biểu diễn hoặc sư phạm biểu diễn thanh nhạc bậc cao học trở lên. Bên cạnh đó họ phải không ngừng bổ sung kiến thức về lịch sử, phương pháp chuyên ngành; phải có năng lực NCKH, sử dụng Piano, phát âm một số ngoại ngữ như Ý, Đức, Nga, Pháp...

2.3.2.2. Đa dạng hóa mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

So sánh mô hình các CT đào tạo thanh nhạc được biểu thị bằng hình tháp [PL2; biểu đồ 1; tr167], trong đó, đào tạo xã hội hóa theo hướng mở rộng, thu hẹp dần trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và tài năng đỉnh cao.

Mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao bổ sung cho lực lượng GV thanh nhạc

Đào tạo những tài năng âm nhạc đặc biệt xuất sắc đã từ lâu trở thành một yêu cầu quan trọng. Ngành nghệ thuật cũng như nhiều ngành khoa học khác, tài năng đỉnh cao luôn là những đòi hỏi quan trọng. Kế hoạch đào tạo thanh nhạc theo mô

hình này cần quan tâm đặc biệt tới các sinh viên có năng khiếu đặc biệt. Cần phải chính thức tạo ra trong quy trình đào tạo với mô hình đặc biệt, với những quy định thực sự khoa học trên cơ sở những tiêu chí đào tạo, bồi dưỡng tài năng đỉnh cao cho đất nước. Kế hoạch này phải là những hoạch định mang tính chiến lược lâu dài và chính những hiệu quả này sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho đất nước. Trong mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao của ngành thanh nhạc trong giai đoạn mới, cần phải xây dựng một chế độ chính sách riêng nhằm động viên được lực lượng GS và các tài năng trẻ

Mô hình đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao bổ sung cho lực lượng GV thanh nhạc

Trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của ngành thanh nhạc gồm có lĩnh vực biểu diễn và sư phạm. Đây là hai lĩnh vực có những nét đặc thù khác nhau. Chúng tôi cho rằng người GV thanh nhạc xuất sắc phải là những nghệ sĩ có tài; nhưng không phải tất cả những người nghệ sĩ có tài đều có thể trở thành GV thanh nhạc giỏi nếu như không có sự bổ sung kiến thức về lĩnh vực SP và NCKH. Vì vậy, để trở thành nguồn nhân lực trình độ cao, người nghệ sĩ còn cần bổ sung cho bản thân những kiến thức về khoa học xã hội, văn hóa học, nghệ thuật học, âm nhạc học. Để có được những kiến thức nói trên, người nghệ sĩ phải nâng cao trình độ bản thân thông qua học sau đại học. Đào tạo GV thanh nhạc có học vị thạc sĩ và tiến sĩ chính là với mục đích bổ sung nguồn nhân lực trình độ cao cho các cơ sở đào tạo thanh nhạc đại học trên phạm vi toàn quốc.

Mô hình liên kết đào tạo nước ngoài bổ sung lực lượng GV có khả năng hội nhập quốc tế

Đây là xu hướng phù hợp với đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hiện nay. Mô hình này có thể được triển khai theo hướng liên kết các học viện âm nhạc và nhạc viện của VN với nước ngoài dưới hình thức trao đổi SV và GV. Mô hình này đòi hỏi các học viện âm nhạc và nhạc viện phải tiếp cận một số yếu tố có liên quan như ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy, ngôn ngữ sử dụng khi xây dựng CT, GT; khai thác PP dạy gián tiếp, dạy từ xa với sự hỗ trợ của các phương tiện hiện đại.

Kế hoạch này phải là những hoạch định mang tính chiến lược lâu dài và chính những hiệu quả này sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho đất nước. Trong mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao của ngành thanh nhạc trong giai đoạn mới, chúng ta phải xây dựng một chế độ chính sách riêng nhằm động viên được lực lượng giáo sư và các tài năng trẻ.

2.3.2.3. Đa dạng hóa giáo trình thanh nhạc chuyên nghiệp

Đào tạo thanh nhạc mang tính đặc thù. Với từng mô hình đào tạo mới cần có những giáo trình mới đáp ứng được tính đặc thù của ngành học, tránh tình trạng sử dụng một giáo trình cho các mô hình đào tạo, chuyên ngành đào tạo, các dòng chuyên sâu. Đa dạng giáo trình thể hiện ở việc phong phú các dạng giáo trình để giảng viên có nhiều sự lựa chọn tác phẩm trong việc soạn giáo án phù hợp với trình độ của sinh viên, phù hợp với từng vùng miền, phù hợp với đối tượng sinh viên là người Việt Nam hay người nước ngoài. Đa dạng giáo trình còn thể hiện ở việc giáo trình có thể sử dụng nội bộ, sử dụng chung cho các cơ sở đào tạo trong nước, khu vực và quốc tế.

Như vậy, hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn đổi mới của đất nước theo hướng phát triển bền vững và hội nhập cần lưu ý tới mô hình, giáo trình và đội ngũ giảng viên thanh nhạc.

2.3.3. Nhiệm vụ và yêu cầu về đổi mới trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

2.3.3.1. Nhiệm vụ

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp sẽ tạo ra các lớp ca sĩ có khả năng truyền tải các tác phẩm thanh nhạc có giá trị của nền âm nhạc thế giới; sáng tạo những giá trị mới định hướng thẩm mỹ cho công chúng; đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh của xã hội. Điều này, đòi hỏi học viện âm nhạc và nhạc viện phải nắm vững hơn nữa về thực tế đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới, sự gắn kết hữu cơ giữa học viện âm nhạc và nhạc viện với nhà hát nhạc vũ kịch, đoàn nghệ thuật, đơn vị, tổ chức sử dụng ca sĩ được đào tạo chuyên nghiệp. Không bám sát và nắm vững những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của ca sĩ mà môi trường biểu diễn đặt ra, các học viện âm nhạc và nhạc viện không thể có quá trình đào tạo đúng

hướng và hiệu quả. Nhiệm vụ của GV dạy thanh nhạc chuyên nghiệp không chỉ có khả năng chuyên môn biểu diễn thanh nhạc mà còn phải có “nghề dạy học” và có hiểu biết rộng về kiến thức lý luận trong lĩnh vực chuyên môn của mình, cụ thể ở đây là lịch sử và PP chuyên ngành thanh nhạc. Nhiệm vụ về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp đặt ra yêu cầu đối với người GV phải bồi dưỡng trình độ về kiến thức, kỹ năng âm nhạc học, kỹ năng SP ngay từ khi còn là SV. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về năng lực để thực hiện CT, GT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

2.3.3.2. Yêu cầu về đổi mới

Yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” (NQ 29-NQ/TW-2013) theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, đã chỉ rõ yêu cầu chuyển từ cách tiếp cận nội dung kiến thức sang cách tiếp cận hình thành năng lực và phẩm chất của người học có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Yêu cầu cấp bách đối với giáo dục và đào tạo hiện nay là đổi mới PPDH theo hướng “dạy học tích cực” nhằm giúp SV tích cực, chủ động, sáng tạo chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học; nhằm phát huy phẩm chất, năng lực của bản thân.

Về bản chất đổi mới trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp phải là sự đổi mới từ nhận thức, quan niệm dạy học. Việc đổi mới này hướng tới quyền lợi học tập của SV, với những yêu cầu đổi mới các hoạt động SP về: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học... Mục tiêu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới là đào tạo các ca sĩ chuyên nghiệp hát opera và hát thính phòng, trong đó chú trọng đào tạo tài năng đỉnh cao, hướng tới phát triển bền vững hội nhập quốc tế. Những yêu cầu cụ thể trong đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp:

Yêu cầu đổi mới nội dung chương trình

Đổi mới nội dung không có nghĩa là thay đổi toàn bộ những nội dung đang dạy và học mà ta phải kế thừa có thay đổi và cải tiến, nâng cao theo mục tiêu cần hướng tới là đào tạo phẩm chất năng lực là chính thay vì cung cấp kiến thức, kỹ năng là chính. Do đó, cần kiên quyết bớt đi những nội dung không thiết thực, thêm

vào những nội dung có tác dụng tích cực với SV khi ra công tác thực tế. Cụ thể, tăng cường các nội dung học bổ trợ; tăng cường các tác phẩm mới, các tài liệu bổ sung cho GT chính ở dòng hát opera và hát thính phòng.

Yêu cầu đổi mới PP giảng dạy của GV

Đây là một yêu cầu chung bắt buộc ở tất cả bậc học. Trong giảng dạy thanh nhạc, bên cạnh cách dạy truyền thống theo kiểu truyền nghề vẫn được sử dụng ở hầu hết các cơ sở, PPDH cũng cần phải được cải tiến bổ sung. Đổi mới PP phải trên cơ sở kế thừa, bổ sung, phát triển PP sẵn có, cần loại bỏ yếu tố chưa có hiệu quả, thêm vào sáng kiến có hiệu quả cao, tích cực và hấp dẫn người học. Bồi dưỡng năng lực SP cho GV nhằm đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới là: sự hiểu biết sâu về nội dung giảng dạy; sự nhiệt tình, gần gũi SV, cách thể hiện tình cảm để khuyến khích, động viên, thuyết phục làm hình thành ở SV lòng yêu nghề; phối hợp linh hoạt các PPDH phù hợp với điều kiện thực tế. Vì mặt bằng năng lực SV không đồng đều nên GV phải chú ý rằng PP này có thể hợp với SV này nhưng chưa chắc đã đem lại hiệu quả đối với sinh viên khác. Vì vậy, GV cần có sự đánh giá sát năng lực thực hành đối với từng SV và có sự vận dụng linh hoạt các PP khác nhau mới có thể đem lại hiệu quả cao.

Yêu cầu đổi mới PP học của SV

Hạn chế của SV hiện nay là học một cách thụ động, chờ GV hướng dẫn, nhắc nhở. Sinh viên ít tự học, tự đọc, tự nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nội dung phải luyện tập. Rất ít SV có ý thức tìm hiểu các tư liệu liên quan đến tác phẩm, đến việc luyện tập tác phẩm, hầu hết còn ỷ lại và trông chờ sự hướng dẫn cặn kẽ của GV theo lối “cầm tay, chỉ việc”. Vì vậy, GV cần phải làm cho cách học của SV phải thay đổi. Để hình thành được những kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến thanh nhạc SV cần phải có sự rèn luyện thường xuyên, liên tục và đúng PP. Việc tự rèn luyện ngoài những giờ trên lớp là rất cần thiết để nâng cao tính tích cực, tự giác, hứng thú trong học tập; bồi dưỡng khả năng tìm kiếm, khám phá, giải quyết vấn đề; độc lập, chủ động phối hợp học tập trong sự tương tác. Sinh viên phải tự tìm hiểu, khám phá kiến thức; tự học, tự đọc sách, tìm hiểu tư liệu, nhất là tư liệu âm thanh,

tự giác luyện tập các tác phẩm. Giảng viên cần giới thiệu cho SV những tư liệu tham khảo, đọc thêm cần thiết. Bên cạnh đó, GV cũng cần đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp SV có cơ hội được thể hiện năng lực của mình. Như vậy, những yêu cầu hội tụ cần thiết đối với GV thanh nhạc chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới đó là: GV thanh nhạc phải có kiến thức văn hóa, trình độ chuyên môn, bao gồm sự hiểu biết, cập nhật kiến thức lý luận về chuyên ngành và kỹ năng chuyên môn; có năng lực sư phạm bao gồm kiến thức về giáo dục học và kỹ năng nghiệp vụ giảng dạy; có năng lực tự học, học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo nước ta đang bước vào giai đoạn quan trọng, mang tính quyết định: giai đoạn đổi mới “căn bản toàn diện” theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW-2013), “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo” [20;2].

Trong luận án này, các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nhằm bắt nhịp với chính sách chung về cải cách cơ bản và toàn diện giáo dục của Đảng và Nhà nước; thực hiện định hướng Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới “căn bản, toàn diện” giáo dục đào tạo theo hướng “Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục VN đạt trình độ tiên tiến trong khu vực” [20;3].

Đây cũng là giai đoạn giáo dục đào tạo nói chung, đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp nói riêng, trong đó có thanh nhạc chuyên nghiệp đang đứng trước những vận hội và thách thức mới - chuẩn hóa, hội nhập khu vực và thế giới.

Tiểu kết chương 2

Những thành tựu trong thực trạng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện được thể hiện ở đội ngũ GV được đào tạo bài bản và đã từng học tập ở nước ngoài, có năng lực hoạt động đều khắp trên nhiều lĩnh vực như biểu diễn, giảng dạy và NCKH. Thành tựu của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các học viện âm nhạc và nhạc viện còn thể hiện ở hệ thống CT, GT luôn được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong hướng tới hội nhập quốc tế, phát triển cân bằng và hài hòa các chuyên ngành chuyên sâu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo tài năng đỉnh cao... thì các học viện âm nhạc và nhạc viện đã bộc lộ một số mặt hạn chế.

Hạn chế cơ bản trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN chính là đội ngũ GV, CT và GT môn học. Nguyên nhân căn bản của sự bất cập trong quá trình đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN được xác định chính là năng lực của GV, đặc biệt là năng lực SP và NCKH. Trong quan điểm đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN hiện nay, vấn đề cốt lõi đó là chuẩn hóa năng lực GV tương xứng với yêu cầu đổi mới và đa dạng hóa CT, GT đào tạo. Nguyên nhân của sự bất cập còn là: các mô hình đào tạo mới triển khai còn chậm; chưa có CT tương xứng với mô hình đào tạo mới theo hướng đa dạng hóa; chưa có đầy đủ GT theo các dòng thanh nhạc cụ thể hóa theo mô hình mới; các cơ sở đào tạo chưa có sự thống nhất phương thức đánh giá kết quả học tập; Hoạt động thực tập nghề nghiệp chưa được tổ chức bài bản; SV chưa có PP học tập phù hợp; động cơ, thái độ, ý thức học tập của SV phần nào có sự giảm sút. Và điều quan trọng là chưa có đội ngũ GV thanh nhạc sẵn sàng cho sự đổi mới.

Chính bởi những nguyên nhân nói trên, chúng ta thấy rõ yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN dù đây mới chỉ là những vấn đề được gợi mở cho một quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng.

Chương 3

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP

Đề án phát triển HVANQGVN được Bộ VHTTDL phê duyệt (giai đoạn 2014 – 2020) nêu rõ: chú trọng *chuẩn hóa đội ngũ, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất*, làm tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Công việc đổi mới này trước hết là những giải pháp “Chuẩn hóa đội ngũ GV” đào tạo thanh nhạc tại HVANQGVN – cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu của đất nước. Điều này trước hết đòi hỏi các cấp lãnh đạo của Bộ, của Học viện phải đánh giá đúng tầm quan trọng của việc chuẩn hóa đội ngũ đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp và có những biện pháp khoa học, hiệu quả trong việc tiến hành đổi mới này. Bên cạnh đó, bản thân người GV cũng cần hiểu rõ nhu cầu cần thiết phải đổi mới và nâng cao năng lực về mọi mặt. Mục tiêu cụ thể trong công cuộc đổi mới còn bao gồm các giải pháp khác: “tổ chức các CT đào tạo phù hợp với các hệ đào tạo theo quy định hiện hành; Xây dựng bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và biểu diễn trong giai đoạn mới; ... Đổi mới, bổ sung CT, GT và hệ thống tài liệu tham khảo; Thực hiện triệt để PP giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị giảng dạy và chuẩn hoá CT đào tạo; Đẩy mạnh công tác NCKH và ứng dụng công nghệ, gắn kết với đào tạo, biểu diễn thực hành, phục vụ xã hội, đồng thời góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc...” [10;1]. Đổi mới căn bản và toàn diện đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó chuẩn hóa đội ngũ GV thanh nhạc là khâu then chốt.

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới đòi hỏi GV phải được chuẩn hóa để tiến tới thực hiện các CT đào tạo tài năng đỉnh cao, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; từng bước đáp ứng được yêu cầu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong nước và hướng tới hội nhập khu vực và thế giới. Việc phân dòng trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp là xu thế tất yếu do nhu cầu của xã hội, của người học và sự phát triển nền âm nhạc trong giai đoạn mới. Chính thực tế

này đòi hỏi phải có những giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Một trong những giải pháp được coi là then chốt trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được xác định chính là chuẩn hóa năng lực đội ngũ GV. Năng lực đội ngũ GV thanh nhạc bao gồm năng lực chuyên môn, giảng dạy, biểu diễn và NCKH. Trong đó giảng dạy và NCKH là năng lực cơ bản của người GV thanh nhạc bậc đại học. Bên cạnh đó yêu cầu năng lực biểu diễn phải gắn với việc phục vụ thực nghiệm kết quả đào tạo. Năng lực chuyên môn gắn liền với năng lực giảng dạy, biểu diễn và NCKH.

3.1. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên

3.1.1. Nâng cao năng lực chuyên môn hướng tới đào tạo đỉnh cao trong hát thính phòng và hát opera

3.1.1.1. Nghiên cứu về hệ thống kỹ thuật của trường phái Bel canto

Như đã phân tích ở chương một, Bel canto du nhập vào các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN từ giữa TK XX. Hiện nay, phong cách hát thính phòng và hát opera là yêu cầu cơ bản của CT đào tạo thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Vì vậy, nghiên cứu nghiêm túc hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto và vận dụng vào giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới là vấn đề mang tính cấp thiết, góp phần nâng cao năng lực giảng dạy của GV, nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN trong giai đoạn mới. Hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto gồm kỹ thuật phát triển giọng và kỹ thuật hát.

Kỹ thuật phát triển giọng

Kỹ thuật phát triển giọng là những yêu cầu cơ bản, làm tiền đề cho việc luyện tập kỹ thuật hát và nghệ thuật diễn xuất các hình tượng âm nhạc. Kỹ thuật phát triển giọng bao gồm các vấn đề liên quan tới bộ máy phát âm thanh như: hơi thở, chuyển giọng, vị trí, điểm tựa, khẩu hình, âm sắc, cộng minh, trong đó, hơi thở và chuyển giọng là hai vấn đề cốt lõi. Các chuyên gia về thanh nhạc coi hơi thở là nghệ thuật của ca hát, còn chuyển giọng lại là tiền đề tạo nên giọng hát có âm vực

rộng lớn với khả năng biểu cảm phong phú, đa dạng các hình tượng nghệ thuật bằng âm thanh.

Hơi thở: khởi nguồn của sự sống chính là hơi thở và nó là nghệ thuật của ca hát. Hơi thở trong ca hát được phân thành các kỳ: hít vào, nén hơi và thở ra, trong đó thở ra giữ thời lượng lâu nhất và quyết định đến chất lượng của âm thanh. Tập hơi thở ca hát cần phải tập riêng rẽ từng kỳ, sau đó phối hợp các kỳ và điều chỉnh thời gian cho từng kỳ trên nguyên tắc “hít nhanh, thở chậm”. Những bộ phận liên quan trực tiếp đến chất lượng hơi thở chủ yếu là khí quản, phổi, cơ hoành, xương cơ sườn, cơ bụng và tư thế đứng hát. Việc hướng dẫn SV luyện tập hơi thở cũng cần tuân thủ theo đúng nguyên tắc SPTN: luyện tập cần đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp; luyện tập thường xuyên, phù hợp với từng đối tượng ở từng trình độ; luyện tập kỹ thuật song song với việc luyện tập thể hiện nghệ thuật tác phẩm.

Vị trí âm thanh: Vị trí “nông” của âm thanh được xác định ở nướu răng cửa hàm trên; còn vị trí “cao” của âm thanh được xác định nằm ở sau mũi, giữa răng cửa hàm trên và đỉnh sọ. Vị trí cao khó cảm nhận, khó xác định, vì vậy, giai đoạn đầu cần củng cố âm thanh ở vị trí nông. Khi luyện tập chuyển giọng, giọng hỗn hợp, giọng giả thanh, âm thanh đóng bắt buộc phải hát ở vị trí cao. Hát có vị trí âm thanh là nền tảng của ca hát ở bất kỳ dòng nhạc nào, đây cũng là điểm chung của kỹ thuật hát giữa các dòng hát.

Điểm tựa âm thanh: là điểm tựa của làn hơi đưa âm thanh ra bên ngoài. Điểm tựa của âm thanh được xác định nằm ở lồng hai xương chậu tạo nên sự vững chãi của cột hơi và sự đẩy đặn cho âm thanh sau khi phát ra. Để có điểm tựa âm thanh tốt, cần luyện tập để có một tư thế hát phù hợp.

Tư thế hát: dù đứng, ngồi, hay di chuyển khi ca hát thì cũng phải đảm bảo cột hơi trên điểm tựa vững chãi. Đó là lý do vì sao ở mọi tư thế hát luôn phải giữ cho lưng thẳng, mở rộng lồng ngực, đầu ngay ngắn, không so vai... Nếu như tư thế cơ thể phù hợp là điều kiện cho hơi thở tốt (động lực tạo ra âm thanh) thì khẩu hình lại là cái khuôn quyết định đến việc tạo nên ngôn ngữ với âm thanh đẹp và rõ lời.

Khẩu hình: được hiểu là sự đóng mở một cách hợp lý của các bộ phận liên quan đến phát âm nhà chữ như: môi, răng, hàm, lưỡi và lưỡi gà. Luyện tập khẩu hình khi ca hát chủ yếu bằng các nguyên âm kết hợp với các phụ âm. Luyện tập khẩu hình hoạt động linh hoạt mềm dẻo phục vụ tốt cho việc phát âm, nhà chữ trong ca hát là điều rất quan trọng đối với bất cứ dòng hát nào, và hát bằng ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, tùy từng ngôn ngữ mà sự kết hợp giữa các nguyên âm và phụ âm có khác nhau. Dòng ca hát nào cũng phải sử dụng bộ máy phát âm của con người với cơ chế phát âm theo một quy trình nhất định, trong đó khâu nhà chữ rất quan trọng vì nhà chữ rõ ràng thì người nghe mới cảm nhận được nội dung và ý nghĩa của bài hát. Nhà chữ rõ ràng đồng thời cũng sẽ tạo nên những âm thanh đẹp, âm thanh và ngôn ngữ cùng hòa quyện để tạo nên giọng hát đẹp, truyền cảm. Vì vậy, luyện tập khẩu hình ca hát là khâu vô cùng quan trọng trong quy trình học thanh nhạc.

Âm sắc: âm sắc là yêu cầu quan trọng số một của một giọng hát. Âm sắc chính là đặc trưng của giọng hát. Màu sắc của giọng được tạo nên do hoạt động thay đổi của vị trí môi, răng, lưỡi, mà kết quả nghe được các từ và hiểu được ý nghĩa của lời nói, cảm xúc của người hát. Vì vậy trong quá trình luyện tập các kỹ thuật, cần chú ý không được làm đổi màu âm sắc giọng hát, đặc biệt là khi luyện tập kỹ thuật chuyên giọng nữ và âm thanh đóng tiếng của giọng nam.

Cộng minh: là hiện tượng các xoang trong cơ thể tham gia vào việc họa lại âm thanh được phát ra từ thanh đới qua vị trí âm thanh và làm cho nó vang hơn hay nhỏ đi do ý đồ thể hiện của người hát. Các xoang cộng minh tác động tích cực tới âm thanh bao gồm: yết hầu, thanh quản, hốc mũi, hốc miệng, xoang trán... Yết hầu (cổ họng) gồm các vùng nằm phía sau hốc mũi, hốc miệng và thanh quản. Hốc miệng chính là phần trên của cổ họng. Các cơ ở miệng đều có thể co giãn được và là vùng cộng hưởng lớn của âm thanh giọng hát. Những nốt trung, trầm và cao đều sử dụng hốc miệng để tạo độ vang của âm thanh. Hốc mũi là lối đi từ phía sau mũi đến cổ họng, là nơi tạo ra cảm giác rung rõ ràng nhất khi giọng được phát ra một cách tự nhiên. Thường sử dụng cộng minh hốc mũi (chứ không phải xoang mũi) làm tăng âm lượng cho các nốt trung và cao của giọng. Để tránh tình trạng đưa âm thanh vào

xoang mũi, người ta thường phối hợp động tác nhấc lưỡi gà và hạ cổ họng để tạo ra khoảng không giữa hốc mũi và yết hầu, tạo lối đi thông thoáng cho âm thanh được cộng minh phối hợp các xoang hay từng xoang trên đường nó di chuyển từ nốt cao đến nốt thấp và ngược lại. Xoang trán là khoảng trống bên trên, giữa hai lông mày. Tất cả các giọng cao, đặc biệt là nam cao phải sử dụng xoang này để tạo nên âm thanh ở vị trí cao hay còn gọi là giọng óc. Việc hướng dẫn SV luyện tập phối hợp các xoang liên quan đến ca hát là cần thiết. Tuy nhiên, tuyệt đối không lạm dụng xoang mũi và không sử dụng xoang tai trong ca hát. Tránh xu hướng đưa âm thanh vào xoang mũi và tạo nên giọng mũi với âm sắc nghèo nàn và hạn chế sự phát triển của giọng. Hát có cộng minh là phương pháp hát khoa học, là điều kiện tiên quyết cho việc chuyên giọng mở rộng âm vực giọng hát. Tuy nhiên, việc vận dụng PP hát cộng minh vào thể hiện các tác phẩm cần chú ý đến liều lượng sao cho phù hợp với phong cách và thể loại.

Kỹ thuật hát

Kỹ thuật hát bắt nguồn từ yêu cầu thể hiện nội hàm nghệ thuật hàm chứa trong tác phẩm. Đây là những kỹ thuật mà giọng hát phải được rèn luyện để có thể thể hiện một cách tinh tế, đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật diễn tả hình tượng âm nhạc trong các aria và romance. Các kỹ thuật hát, bao gồm: recitative (hát nói), cantilena (hát liền giọng), portamento (hát luyện giọng), passage (hát lướt nhanh nhiều nốt), staccato (hát nảy nhẹ), trillo (hát rung láy) và một số kỹ thuật khác.

Recitative: cách hát du dương, hát gần với nói nhưng có giai điệu được quy định cụ thể trong tác phẩm. Với kỹ thuật này, hơi thở là tiêu chí số một quyết định đến chất lượng âm thanh và khả năng biểu cảm. Vì vậy, bước đầu, GV hướng dẫn SV tập nói trên nền hơi thở... sau đó luyện tập riêng các recitative. Ví dụ: Recitative và aria *Ombra mai fu* trong opera *Serse* của G.F. Handel.

Portamento là cách hát luyện hai nốt một cách nhẹ nhàng các quãng gần và xa, luyện từ cao xuống thấp hoặc luyện từ thấp lên cao với nhịp độ chậm. Cần phải tập hát cao độ chuẩn xác với âm thanh gọn và vị trí ổn định. Với các quãng xa, phải chú ý động tác ép bụng dưới để hơi thở có sức bật và đẩy ra liên tục. Ví dụ: aria

Caro nome che il mio cor trong opera *Rigoletto* của G.Verdi, phần Allegro moderato, nhịp 10,11,12 [PL10; VD1; tr240], hay aria *Spiel' ich die Unschuld vom Lande* trong *Die fledermaus* của J. Strauss, phần Allegro moderato, nhịp 40, 41[PL10; VD2; tr240].

Cantilena là kiểu hát cơ bản, thường gặp trong hầu hết các bài hát. Đây cũng là một trong những kỹ thuật điển hình của các tác phẩm TK XVII và xuyên suốt các thế kỷ sau. Yêu cầu âm thanh được phát ra đều đặn, mượt mà với vị trí ổn định, hơi thở liên tục, điểm tựa âm thanh vững chãi, khẩu hình và cộng minh linh hoạt. Ví dụ: *Ave Maria* của G.Caccini, nhịp 5 - 12 [PL10; VD3; tr241], hay aria *Tosca Vissi d'arte* trong opera *Tosca* của G. Puccini, nhịp 34,35 [PL10; VD4; tr241].

Passage là kỹ thuật thanh nhạc điển hình của TK XVIII, đặc biệt trong âm nhạc của W.A. Mozart. Đây là cách hát những giai điệu một cách linh hoạt, rõ ràng, gọn gàng với tốc độ nhanh, tập lướt nhanh tốt cho hát những nốt ở âm khu cao. Yêu cầu nắm vững kỹ thuật phát triển giọng và kỹ thuật cantilena. Luyện tập giọng hát với vị trí và âm sắc đều, hơi thở ổn định, âm lượng nhẹ, lướt âm. Thời gian đầu tập với tốc độ chậm sau đó tăng dần tốc độ. Chú ý hàm dưới buông lỏng, hít thở sâu và nhanh, đẩy hơi nhẹ nhàng, liên tục, vị trí âm thanh cao, bật âm thanh nhẹ nhàng, dứt khoát; cao độ chuẩn xác, rõ ràng, nét tiếng. Ví dụ aria *Der Zerline Batti batti, obe Masetto* trong opera *Don Juan* của W.A. Mozart, nhịp 74,77 [PL10; VD8; tr243], hay aria *Mein herr Marquis* trong *Die Fledermaus* của J. Strauss, nhịp 73-79 [PL10; VD7; tr243].

Staccato là kỹ thuật hát các âm thanh tách rời, sắc, nhọn, ngắn, gọn, bật linh hoạt với hơi thở liên tục, nhẹ nhàng, có tính đàn hồi và bay. Yêu cầu nén hơi, không căng cơ bụng; bật hơi bụng nhanh, nhẹ, tránh làm rung chuyển lồng ngực. Các loại giọng đều cần phải tập kỹ thuật này để có sự linh hoạt. Ví dụ: aria *Der Holle Rache* trong opera *Die Zauberflote* của W.A. Mozart, phần allegro assai, nhịp 25,27 [PL10; VD6; tr242], hay aria *Spiel' ich die Unschuld vom Lande* trong opera *Die fledermaus* của J. Strauss, phần Allegro moderato, nhịp 74-78 [PL10;VD5; tr242].

Trillo là kỹ thuật ngân hai nốt với trường độ cực nhanh. Đây là kỹ thuật điển hình của giọng nữ cao màu sắc, cũng là một đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ca hát ở thời kỳ âm nhạc TK XVII - XIX. Âm thanh được rung đúng và đẹp là âm thanh có màu sắc rõ ràng, vị trí ổn định trước khi được cộng minh. Để thực hiện tốt hoạt động cộng minh của âm thanh, đòi hỏi hơi thở phải được tiết chế và sử dụng tinh tế; nén hơi vững vàng, đặt âm thanh đầu vào vị trí âm thanh cao với cường độ piano. Ví dụ: aria *Caro nome che il mio cor* trong opera *Rigoletto* của G. Verdi, phần allegro moderato, nhịp 19 - 24 [PL10; VD9; tr244], hay aria *Spiel' ich die Unschuld vom Lande* trong opera *Die fledermaus* của J. Strauss, phần allegro moderato, nhịp 41- 44 [PL10; VD10; tr244].

Một số kỹ thuật gần với kỹ thuật hát trillo như: appoggiatura (hát những nét láy đơn giản), acciaccature (kỹ thuật hát láy nhanh), gruppo (kỹ thuật hát chùm láy/lượn). Một số kỹ thuật khác cũng rất quan trọng như: filare (ngân nhỏ) và filare la voice (ngân dài) có tác dụng rèn luyện giọng hát đạt tới độ tinh tế khi thể hiện tác phẩm. Filare là bắt đầu âm thanh với sắc thái piano từ đầu đến cuối, đẩy hơi nhẹ nhàng, đều đặn trên vị trí ổn định. Filare la voice là phát âm thanh ở vị trí cao với cường độ từ piano đến forte và ngược lại với âm thanh xộp, thanh thoát. Yêu cầu mở khẩu hình ổn định, hạ thấp thanh quản, lưỡi gà treo, nén hơi. Ngoài ra còn một số kỹ thuật như : martellato (hát bật âm), puntato (nhấn tiếng), marcato (dẫn tiếng) cũng giúp cho giọng hát trở nên tinh xảo hơn trong nghệ thuật thể hiện âm thanh. Martellato với hơi thở chắc, gọn, thanh đới khép chặt, hai nốt với thanh âm đồng đều, không liền giọng, không nảy giọng, không ngân, có tiếng ngắt giữa các nốt. Puntato với âm thanh tách rời nhau, như bị nén xuống; âm thanh không liền như legato, không sắc nhọn như staccato; yêu cầu ngân đủ trường độ nhưng các âm không nối liền nhau mà phát ra riêng biệt. Đây là cách diễn đạt thường gặp trong những bài hành khúc. Marcato thể hiện những âm thanh tách rời, bị dẫn mạnh xuống, biểu thị tình cảm bị dồn nén, căm hờn. Kỹ thuật hát chạy gam diatonic, gam bán cung chromatic, gam ngũ cung, rải hợp âm... với tốc độ nhanh cũng là loại kỹ thuật khó. Luyện tập nhuần nhuyễn những kỹ thuật này giúp cho giọng hát trở nên

linh hoạt, tinh tế. Một giọng hát hoàn hảo còn phải xử lý tốt cường độ âm thanh theo yêu cầu của tác phẩm, cụ thể: pp (rất nhẹ), p (nhẹ, êm, dịu), mp (nhẹ vừa), mf (mạnh vừa), f (mạnh), ff (rất mạnh), crescendo (mạnh dần), decrescendo (nhẹ dần); fp (mạnh rồi nhẹ ngay), sf (mạnh đột ngột), sp (nhẹ đột ngột). Yêu cầu âm lượng thay đổi nhưng chất lượng âm thanh không thay đổi.

Kỹ thuật và nghệ thuật là hai vấn đề quan trọng hàng đầu trong quy trình đào tạo thanh nhạc, trong đó, kỹ thuật là phương tiện để người hát thể hiện ý đồ của nghệ thuật - truyền đạt đến người thưởng thức những hình tượng, nội dung của tác phẩm bằng cảm xúc chân thực. Trong thực tế, một kỹ thuật có thể được dùng thể hiện trong nhiều tác phẩm và ngược lại, một số tác phẩm yêu cầu phải sử dụng phối hợp nhiều loại kỹ thuật [PL10; VD10; tr244]. Việc nắm vững hệ thống các kỹ thuật thanh nhạc và hướng dẫn SV luyện tập các kỹ thuật một cách bài bản, đều đặn, thường xuyên, đúng PP là trách nhiệm của mỗi GV. Bên cạnh đó, GV thường xuyên quan tâm đến cảm xúc của SV ở mỗi loại kỹ thuật sẽ giúp SV tiếp nhận các kỹ thuật một cách tự nhiên hơn, bởi về bản chất, kỹ thuật là PP thể hiện cảm xúc. Đây cũng chính là vấn đề cốt lõi trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

3.1.1.2. Phân loại giọng hát thính phòng và hát opera

Có hai nhiệm vụ cơ bản trong quá trình giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN đó là giảng dạy về giọng và giảng dạy thực hành biểu diễn tác phẩm. Đây là hai công việc khá nặng nhọc và kỳ công, với ba quy trình: định hình loại giọng có cơ cấu phát âm và âm sắc ổn định; huấn luyện để giọng hát phát huy tối đa khả năng về kỹ thuật thể hiện và nghệ thuật diễn xuất; dàn dựng tác phẩm phù hợp với từng loại giọng. Để có thể giúp SV thể hiện tốt tác phẩm thì trước tiên, GV phải giúp họ hoàn thiện phương tiện thể hiện đó chính là giọng hát. Vì vậy, GV phải hiểu biết tường tận tính năng của từng loại giọng thì mới có thể tác động, điều chỉnh và sử dụng hiệu quả. Đó là lí do vì sao GV thanh nhạc phải nghiên cứu kỹ những vấn đề liên quan đến giọng.

Phân tích giọng hát: Phương tiện dạy hát và học hát về cơ bản chính là giọng hát của GV và SV. Phân tích để hiểu rõ giọng hát và những vấn đề liên quan đến

giọng hát, nắm vững cấu tạo bộ máy phát âm và nguyên lý phát thanh và nguyên lý phát âm thanh là công việc cần được thực hiện nghiêm túc. Bộ máy phát âm của con người do nhiều bộ phận cấu thành, được tổ chức thành các bộ phận chính như: bộ phận tạo ra động lực phát thanh bao gồm các bộ phận về hô hấp như phổi, khí quản, thanh quản, lồng ngực, hoành cách mô; bộ phận phát ra âm thanh là cơ quan chủ yếu để phát ra âm thanh là hai dây thanh, còn gọi là thanh đới; bộ phận khuếch đại âm thanh là các xoang cộng minh có tác dụng làm tăng âm lượng; các xoang cộng minh gồm khoang trống trong đầu, mồm, mũi, yết hầu, ngực, cổ; bộ phận nhả chữ có nhiệm vụ nhả chữ trong nói và hát gồm các bộ phận môi, răng, hàm, lưỡi. Sau khi hít hơi vào, lúc thở ra, luồng hơi tác động và làm rung thanh đới tạo nên âm thanh. Âm thanh khởi phát nhỏ và nhẹ được truyền từ cổ họng đi ra phía trước, nhờ sự tham gia cộng hưởng của các xoang cộng minh mà âm thanh trở nên vang, sáng, đầy đặn. Sau cùng âm thanh được định hình thành các ngôn ngữ nhờ tư duy của con người và sự phối hợp của các bộ phận như môi, răng, hàm, lưỡi. Hoạt động của các bộ phận có liên quan trực tiếp tới chất lượng âm thanh của giọng hát. Vì vậy, việc rèn luyện để các bộ phận hoạt động tốt, dẻo dai, linh hoạt là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. GV nắm vững cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các bộ phận trong cơ quan phát âm thanh để từ đó có PP giảng dạy khoa học.

Phân loại giọng hát: Trước khi huấn luyện một giọng hát, GV phải xác định được loại giọng hát để có PP tác động phù hợp bằng hệ thống kỹ thuật và tác phẩm tương ứng với loại giọng được xác định. Giọng hát chuyên nghiệp phải được xác định ở hai khía cạnh: thuộc loại giọng nào (cao, trung, hay trầm) và thuộc dòng hát nào (thính phòng hay opera). Việc xác định giọng trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng phân dòng đòi hỏi GV phải có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm về vấn đề này.

Đã có nhiều tổng kết về PP xác định giọng hát, và thường qua một hoặc vài tiêu chí. Xác định giọng hát thông qua âm sắc là quan trọng nhất. GV có thể yêu cầu SV hát một bài hát bất kỳ, qua đó xác định *âm sắc* giọng hát thuộc loại trầm hùng, âm áp sáng sủa hay lạnh lạnh... Âm vực cũng là một tiêu chí GV thường sử dụng để

xác định và phân loại giọng. GV có thể yêu cầu SV luyện mẫu âm đơn giản trên đàn piano, xác định nốt thấp nhất và cao nhất mà SV thực hiện được. GV chú ý những điểm đổi giọng giữa các âm khu của giọng hát trong quá trình luyện thanh cho SV. Những nốt chuyển giọng cũng cho biết giọng hát thuộc loại nào. Thông qua tầm cỡ tác phẩm (tessitura) phù hợp với giọng cũng là một tiêu chí quan trọng để khẳng định giọng hát thuộc loại nào. Với giọng hát còn khiến GV phân vân giữa hai loại giọng, thì GV lựa chọn tác phẩm thuộc loại giọng gần với năng lực giọng hát của SV. Thông qua quá trình luyện tập tác phẩm, GV sẽ có câu trả lời chính xác hơn. Bên cạnh đó, GV cũng có thể dự đoán được loại giọng của SV bằng cách *quan sát hình thể*, trong đó đặc biệt là cấu trúc cổ. Nếu cổ ngắn và đầy thường là dấu hiệu của những giọng có âm thanh cao thuận lợi; cổ dài và gầy thường là dấu hiệu của những giọng có âm thanh trung hoặc trầm. Sự hỗ trợ của y học hiện đại, thông qua việc đo thanh đới, cũng sẽ là tiêu chí quan trọng giúp cho việc phân loại giọng có cơ sở khoa học cao. Giảng viên có thể sử dụng một hoặc nhiều tiêu chí để xác định loại giọng của SV. Họ có thể xác định chính xác loại giọng của SV ngay từ những giờ học đầu tiên, nhưng cũng có thể sau một thời gian giảng dạy, vì có giọng hát sau một thời gian luyện tập mới bộc lộ đúng phẩm chất. Việc GV nắm bắt và vận dụng phối hợp các tiêu chí để xác định hoặc xác định lại một cách chuẩn xác loại giọng là căn cứ để GV soạn giáo án, xây dựng CT học tập riêng cho SV.

Có thể sử dụng một PP hay phối hợp nhiều PP để phân loại giọng hát tùy theo năng lực của GV cũng như tính chất của loại giọng. Trong dạy học thanh nhạc chuyên nghiệp, trước tiên, GV cần phân loại giọng cao, trung, trầm. Trong các loại giọng đó lại có thể phân chia thành các loại giọng như trữ tình, kịch tính hoặc màu sắc... cuối cùng là phân loại giọng theo dòng hát. Thời gian đầu giọng hát có thể được phân loại theo từng loại giọng. Qua một thời gian học tập, giọng hát sẽ bộc lộ rõ tổ chất của giọng hát thính phòng hay opera. Trong giai đoạn mới, phân loại giọng hát phải hướng tới đào tạo đỉnh cao trong hát thính phòng và hát opera.

- *Phân loại giọng dòng hát thính phòng*: Giọng cao có: giọng tenor là giọng có nhiều khả năng diễn tả với tính chất linh hoạt, âm thanh sáng sủa, khỏe mạnh, đầy

đạn; giọng soprano với tính chất trong sáng. Giọng trung có: giọng barytone là giọng pha giữa tenor và bass, âm sắc ấm áp, âm thanh mềm mại, vang rền, tính chất trữ tình; giọng mezzo là giọng hát trung gian giữa soprano và alto, mang màu sắc ấm áp, êm dịu, hơi tối, khỏe, vang rền. Giọng trầm có: giọng bass âm sắc trầm hùng, dày, vững chắc, ít linh hoạt; giọng alto có âm sắc tối, ấm áp, đầy đặn.

- *Phân loại giọng dòng hát opera*: Giọng nam cao có thể được phân loại gồm: nam cao trữ tình (tenor lyric), nam cao kịch tính (tenor dramatic), nam cao nhẹ (tenor contralto). Giọng nam trung có thể phân loại gồm: nam trung trữ tình (baryton lyric) có âm sắc ấm áp, mềm mại, gần giống giọng nam cao; nam trung kịch tính (barytone dramatic) vang khỏe, âm sắc tối so với giọng nam trung trữ tình. Bên cạnh giọng nam trầm (basse) còn có loại giọng rất hiếm - giọng nam cực trầm (ocstavist). Giọng nữ cao có thể phân loại gồm: nữ cao màu sắc (soprano colorature) âm sắc trong sáng, linh hoạt, nhẹ nhàng; có khả năng hát nẩy tiếng ở âm khu cao; nữ cao trữ tình (soprano lyric) âm sắc mềm mại, uyển chuyển, vang, khỏe; nữ cao kịch tính (soprano dramatic); âm sắc dày dặn, gần giống giọng nữ trung, nhưng vang khỏe ở âm khu trầm. Giọng nữ trung có thể phân loại gồm: nữ trung cao (mezzo soprano), nữ trung trung (mezzo), nữ trung trầm (mezzo alto). Bên cạnh đó còn có giọng nữ trầm (alto). Việc phân loại giọng một cách tỉ mỉ đối với dòng hát này là để phù hợp với tính cách nhân vật cần thể hiện trong opera mà SV sẽ được học sau này.

Việc phân loại giọng càng tỉ mỉ và chuẩn xác, kết hợp với việc giao bài phù hợp là những yếu tố đầu tiên quyết định chất lượng giảng dạy; đồng thời khẳng định năng lực của GV. Trong giai đoạn mới, việc GV nghiên cứu kỹ những vấn đề liên quan đến giọng là để dạy chuyên sâu một loại giọng và có thể dạy được nhiều loại giọng phù hợp với từng dòng hát.

3.1.1.3. Nghiên cứu phong cách hát thính phòng và hát opera

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN đang hướng tới các mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao và nguồn nhân lực chất lượng cao ở cả hai dòng hát thính phòng

và hát opera. Vì vậy, GV nghiên cứu kỹ để dạy tốt các phong cách hát là điều cần thiết để từng bước nâng cao năng lực giảng dạy.

Theo GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, hát thính phòng là nghệ thuật hát biểu diễn những thể loại romance, ca khúc, hợp ca. Hát Thính phòng đòi hỏi người biểu diễn biểu hiện phong phú tinh tế sắc thái (mỗi bài hát là một cảnh diễn). Ông cho rằng hát thính phòng không bắt buộc phải là những giọng hát khỏe. Cách hát Bel canto TK XVII - XVIII được sử dụng tối đa trong phong cách hát thính phòng. Đây là cách hát trên cơ sở san bằng các âm khu, âm vực rộng, âm sắc thanh nhã, âm thanh tròn, hỗn hợp trên điểm tựa, giọng hát đầy đặn và âm vang.

Opera là loại tác phẩm âm nhạc có kịch bản văn học, có cốt truyện, nhân vật, tình huống sân khấu... nên hát opera còn được hiểu là hát kết hợp với diễn kịch. Vì vậy, hát opera đòi hỏi giọng hát với kỹ thuật điêu luyện để thể hiện tác phẩm với trình độ nghệ thuật cao; đòi hỏi người hát phải biết diễn nhằm phù hợp với tính kịch trên sân khấu kịch. Biểu diễn trên sân khấu hát thính phòng và opera có sự khác biệt. Trong sân khấu opera, ca sĩ không phải chịu trách nhiệm một mình cả vở diễn mà có nhiều thứ hỗ trợ như: có toàn bộ buổi biểu diễn gồm nhiều màn chứ không phải chỉ một vài phút; có người chỉ huy, người nhắc vở; có thời gian để luyện thanh trước từng màn; có phụ trợ để gây hiệu quả như hóa trang, trang phục, bài trí... Còn trên sân khấu thính phòng là một CT biểu diễn những tác phẩm đơn lẻ, đặc biệt là các romance với thời lượng diễn ra tương đối dài. Những bài này khác nhau về phong cách, hình tượng, đòi hỏi ca sĩ phải mau chóng nhập vào từng tác phẩm trong thời gian ngắn. Ca sĩ phải trình bày toàn bộ lịch sử cuộc sống hoặc diện mạo những số phận trong những bối cảnh riêng biệt mà không có sự hỗ trợ phong phú như trong sân khấu opera. Có thể nói biểu diễn sân khấu opera phần nào thuận lợi hơn biểu diễn sân khấu hát thính phòng. Tuy nhiên, yêu cầu cao về giọng và khả năng diễn xuất mang tính kịch của sân khấu opera lại là điều mà ca sĩ hát thính phòng phải phấn đấu.

Hiện nay, phong cách hát thính phòng và hát opera vẫn là yêu cầu cơ bản của CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN. Trong giai đoạn mới, đào tạo phong

cách hát thính phòng phải được coi là *nòng cốt* và đào tạo phong cách hát opera là *mũi nhọn* để sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN có thể vươn xa hơn, phát triển bền vững và hội nhập thế giới. GV phải nắm vững và phân biệt hai phong cách hát này là để giảng dạy hiệu quả dòng hát được phân công dạy.

3.1.1.4. *Trau dồi kỹ năng phân tích tác phẩm*

Phân tích nội dung văn học trong tác phẩm thanh nhạc

Một tác phẩm thanh nhạc bao gồm ít nhất ba yếu tố: nét giai điệu, tiết tấu và lời ca (thơ ca). Người GV thanh nhạc muốn dạy tốt không thể không nghiên cứu sâu về cả ba yếu tố trên. Thơ và nhạc nâng đỡ nhau để tác phẩm trở nên đẹp hơn, bay bổng hơn; “cả nhạc và lời đều quan trọng. Hai người anh em thơ, nhạc cộng sinh trong tác phẩm và cần cả mỗi bên 50% để trở thành tác phẩm 100%, hoàn chỉnh và sống mãi với thời gian” [4;60]. Nhiều tác phẩm thanh nhạc, nhất là các opera có mối quan hệ mật thiết với kho tàng văn học thế giới, người GV thanh nhạc cần có những tri thức trong lĩnh vực này. Nhiều tác phẩm âm nhạc – thanh nhạc được gợi ý từ văn chương lấy chất liệu từ bi kịch Hi Lạp cổ đại như opera *Iphigénie* của C.W.V. Gluck lấy chất liệu từ bi kịch của Agamemnon (thống soái liên quân Hi Lạp), trước khi đi đánh thành Troye, buộc phải giết con gái út của mình là nàng Iphiganie để tế nữ thần săn bắn Artemis. Có tác phẩm lấy chất liệu từ kịch bản văn học như: P.I. Tchaikovsky viết opera *Evgeni Onegin* dựa trên nội dung truyện thơ của Puskin (1779-1837), nhà thơ Nga, với tác phẩm cùng tên; bi kịch *Boris Godunov* của Puskin được Mussorgsky (khởi viết) và Rimsky Korsakov (hoàn thiện) trong opera cùng tên; opera *Werther* của Massenet với kịch bản dựa theo tiểu thuyết của Goethe...

Bên cạnh những aria trích trong các opera, đối với người GV thanh nhạc việc nghiên cứu lời ca trong các romance và các ca khúc có một tầm quan trọng nhất định. Tác phẩm âm nhạc TK XIX khai thác tối đa chất liệu từ văn chương trong sáng tác âm nhạc nói chung, sáng tác thanh nhạc nói riêng. F. Schubert là nhạc sĩ tiêu biểu với liên ca khúc *Con đường mùa đông* và *Cô chủ cối xay xinh đẹp* dựa trên lời thơ của Wilhelm Muller. Nghiên cứu tác phẩm thanh nhạc nếu GV chỉ coi trọng

đến kỹ thuật xử lý âm nhạc mà sao nhãng phần lời ca thì đã bỏ qua 50% hiệu quả của tác phẩm. Để có thể hiểu biết đầy đủ và sâu sắc nội dung tác phẩm qua lời ca, GV phải có kiến thức về văn chương và tìm hiểu về những danh nhân trong lĩnh vực VHNT có liên quan đến các sáng tác thanh nhạc qua các thời kỳ lịch sử. Một số cái tên quen thuộc mà chúng ta cần quan tâm như: Shakespeare (1564 – 1616) nhà thơ Anh, Moliere (1622 – 1678) nhà biên kịch người Pháp, Goethe (1749 – 1832) và Schiller (1759 – 1805) người Đức, Puskin (1779 – 1837) nhà thơ Nga... Việc tìm hiểu những vấn đề liên quan đến tác phẩm, đặc biệt là ngôn ngữ thơ ca, sẽ giúp GV thanh nhạc hiểu đầy đủ nội dung tác phẩm và vận dụng vào giảng dạy hiệu quả.

Phân tích cấu trúc, nội dung và đặc điểm âm nhạc các tác phẩm

Tác phẩm trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, ban đầu chủ yếu là các aria, romance, ca khúc được trích từ các opera (nhạc kịch), oratorio (thanh xướng kịch), cantate (đại hợp xướng), messe (nhạc lễ Mixa)... của các trường phái âm nhạc TK XVII, XVIII, XIX, XX. Sau này CT được bổ sung thêm các tác phẩm sáng tác riêng cho từng thể loại như aria concert, ca khúc VN và dân ca.

Chương trình thường sử dụng aria dạng aria “da capo”. Đây là aria được xây dựng trên chất liệu âm nhạc tương phản, viết ở hình thức ba đoạn, thường bắt đầu bằng phần hát nói (recitative), chuẩn bị cho sự xung đột và bùng nổ tình cảm của nhân vật. Phần một của aria là sự khẳng định tình cảm nhân vật và được phát triển trong phần hai, phần ba tái hiện lại giai điệu âm nhạc của phần một (tái hiện nguyên dạng hoặc có sự thay đổi) như sự khẳng định kết quả của sự giải quyết của đấu tranh nội tâm. Ví dụ: aria Rinaldo *Lascia ch'io pianga* trích opera *Rinaldo* của G. Handel. Bên cạnh đó, aria viết ở hình thức hai đoạn tương phản cũng được sử dụng nhiều trong CT, với kết cấu gồm hai phần, mỗi phần được viết ở hình thức hai hoặc ba đoạn đơn, đoạn thứ nhất (phần mở đầu) với nhịp độ chậm, thường mang tính chất u buồn, trang nghiêm hoặc trữ tình, đoạn sau sôi nổi mang tính chất chiến đấu hay anh hùng ca. Ví dụ: aria của Ruxlan trong *Ruxlan và Lutmila* của M.I. Glinka... Aria dạng cấu trúc kiểu rondo cũng được lựa chọn đưa vào CT. Chủ đề chính của aria được nhắc lại nhiều lần bao quanh những ý nhạc tương phản, thể hiện nội dung

tính cách nhân vật và thường có màu sắc hài hước. Có thể giải quyết những nhiệm vụ tâm lý phức tạp trong những tình huống kịch tính sâu sắc, như: aria *Orphee* trong opera *Orphee* của C.W.V. Gluck... Ngoài ra cũng có nhiều aria dạng cấu trúc ba đoạn đơn như: *Quando m'en vo* (Tôi luôn vui vẻ) trong opera *La Boheme* của G. Puccini; Cô Sao *Em nghĩ sao không ra* trong opera *Cô Sao* của Đỗ Nhuận; hoặc aria có cấu trúc ở hình thức hai đoạn đơn như: *Vedrai carino* (Tôi đã biết thủ đoạn) trong opera *Don Giovanni* của W.A. Mozart... Các aria sử dụng chủ yếu điệu thức trưởng thứ của âm nhạc kinh điển châu Âu với các thủ pháp chuyển điệu, kết hợp li điệu và chuyển điệu, như: Aria của Rinaldo trong opera *Rinaldo* của G. Handel được viết ở giọng F dur chuyển sang C dur, a moll, d moll, rồi trở về F dur. Aria *Violette Ah, fors' è lui che l'anima* trích opera *La Traviata* của G. Verdi được sử dụng đan xen các điệu tính f moll, F dur, As dur để tạo sự mâu thuẫn trong nội tâm nhân vật. Đối với nhạc sĩ Đỗ Nhuận trong aria *Em nghĩ sao không ra* - opera *Cô Sao*, ông đã sử dụng đan xen điệu thức bảy âm châu Âu (giọng mi thứ) với các quãng đặc trưng trong âm nhạc dân gian VN tạo nên âm hưởng dân gian trong thủ pháp sáng tác âm nhạc. Người GV thanh nhạc muốn hiểu rõ về hình tượng âm nhạc, cần nắm vững các đặc trưng của âm nhạc gồm giai điệu, hòa âm, phối khí, tiết tấu, nhịp điệu, âm sắc, cường độ, trong đó giai điệu đóng vai trò chính trong việc tạo dựng hình tượng chính cho tác phẩm aria. Ngoài yếu tố quan trọng là giai điệu của tác phẩm thì hòa âm là vô cùng quan trọng đối với các tác phẩm trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Việc hát cùng với phần đệm piano là yêu cầu bắt buộc trong quy trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Người GV thanh nhạc cần hiểu rằng hòa âm tạo nên màu sắc cho tác phẩm, khơi gợi cảm xúc cho người hát và tạo ấn tượng cho người nghe. Cấu trúc tác phẩm thanh nhạc TK XVII, XVIII, thường vuông vắn, cân đối và phát triển theo quan hệ công năng của các hợp âm ba chính. Hòa âm trong các tác phẩm thanh nhạc TK XIX thường thiên về màu sắc trữ tình, sử dụng những âm ngoài hợp âm, và khai thác những công năng phụ. Những thủ pháp về hòa âm của các thời kỳ đều tạo nên những hình tượng và thẩm mỹ âm nhạc

đặc trưng. GV thanh nhạc sẽ giảng dạy tốt hơn khi nghiên cứu và nắm vững những vấn đề này.

Tại VN, đào tạo hát thính phòng nói chung và hát romance nói riêng có một vị trí rất quan trọng mà người GV thanh nhạc chuyên nghiệp cần đi sâu nghiên cứu. Romance chủ yếu có các dạng cấu trúc ở các hình thức hai, ba đoạn đơn, hoặc có khi chỉ là một đoạn đơn. Romance dạng cấu trúc ở hình thức ba đoạn gồm có ba phần, phần thứ ba nhắc lại phần thứ nhất. Cấu trúc này tạo điều kiện tạo nên sự tương phản trong đoạn giữa, làm nổi bật lên tính chất diễn cảm của giai điệu chính, như: *Người thợ xay và dòng suối* của F. Schubert, phổ thơ V. Mule; romance của Nadire trích opera *Những người mò ngọc trai* (G. Bizet); *Hãy ngủ đi em nhỏ của tôi* (I. Dounaevsky)... Romance dạng cấu trúc ở hình thức hai đoạn đơn gồm có hai phần mỗi phần không quá một đoạn nhạc, như: *Một ngày sẽ qua* (J.S. Bach), *Tinh thần người ca sĩ* (L. Beethoven)... Romance dạng cấu trúc một đoạn đơn gần giống ca khúc như *Ánh trăng* (F. Schubert)... Những yếu tố tiêu biểu của romance là giai điệu bám sát lời thơ một cách linh hoạt, âm nhạc phản ánh các hình tượng thơ ca trong sự phát triển của chúng. Tính chất âm nhạc của romance chủ yếu là trữ tình, lời ca được quan tâm chi tiết và được nhấn mạnh bằng âm nhạc, có lúc được minh họa bằng phần nhạc đệm. Chính điều này làm tăng cường kịch tính cho những yếu tố trong romance.

Ca khúc thường có sự thống nhất, hòa hợp lời ca và làn điệu, có nhiều khả năng phản ánh những tư tưởng, tình cảm cao đẹp của con người, khái quát những hình tượng trong cuộc sống. Ca khúc nước ngoài được sáng tác thường có phần nhạc đệm viết cho đàn Piano, Violon, Cello hay dàn nhạc, và là chỗ dựa, nền cho giọng hát được rõ hơn, đẹp hơn. Một số ca khúc nước ngoài khi được dịch sang lời Việt, do đặc điểm ngôn ngữ VN đơn âm, đa thanh nên hiện tượng trái dấu thường xuất hiện. GV làm chủ vấn đề này sẽ chủ động xử lý tình huống trong quá trình giảng dạy giúp cho việc hát rõ lời, rõ nghĩa và chuẩn xác về ngôn ngữ âm nhạc trong tác phẩm. Những ca khúc VN đầu tiên xuất hiện mang dáng dấp của ca khúc phương Tây, sau đó được chuyển hóa theo phương pháp phối hợp kỹ thuật sáng tác

phương tây và âm hưởng dân gian VN. Thang âm điệu thức phương Tây thường được sử dụng nhiều trong các ca khúc cách mạng và thường được viết dưới dạng hành khúc, cũng có khi mang chất trữ tình, tự sự. Nét giai điệu ca khúc VN thường theo hướng du dương, bay bổng, nhẹ nhàng, lãng mạn, truyền cảm, hoặc có những ca khúc mang tính chất ngợi ca, hiệu triệu, cũng có ca khúc mang tính chất rộn ràng vui tươi. Nắm được đặc điểm của ca khúc VN, GV sẽ sử dụng các PP xây dựng kỹ xảo phát âm thanh phù hợp. Tránh hiện tượng SV thể hiện ca khúc NN như ca khúc VN và ngược lại; hoặc thể hiện giống nhau giữa aria, romance, ca khúc...

Dân ca có đặc điểm không rõ tác giả và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng cách truyền khẩu, truyền ngón, không có bài ký âm, vì vậy mà có tính dị bản cao. Dân ca VN sử dụng trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp thường là những bài bản có hình thức cấu trúc rõ ràng ở dạng ca khúc. Dân ca rất phong phú về mọi mặt: âm nhạc, lời ca, cảm xúc và tính cách nên rất có lợi cho quá trình học tập, rèn luyện của SV thanh nhạc. Bên cạnh đó, các bản dân ca của nhiều nước trên thế giới với những giai điệu đẹp cũng được đưa vào CT. Những giai điệu đẹp sẽ giúp cho SV dễ dàng thể hiện cảm xúc, nuôi dưỡng, thúc đẩy sự sáng tạo.

Việc GV phân tích cấu trúc và nội dung âm nhạc trong các tác phẩm thanh nhạc sẽ giúp SV hiểu biết khái quát và cụ thể tác phẩm trước khi thể hiện, điều này sẽ thuận lợi cho quá trình GV hướng dẫn SV luyện tập kỹ thuật thể hiện và nghệ thuật diễn xuất tác phẩm. Việc thường xuyên trau dồi kỹ năng phân tích cấu trúc, nội dung và đặc điểm âm nhạc sẽ giúp năng lực giảng dạy của GV được nâng cao.

3.1.1.5. *Tìm hiểu một số yêu cầu khi hát aria, romance và ca khúc*

Nội dung CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp bao gồm: tác phẩm, mẫu câu luyện thanh và bài luyện thanh (vocalise), trong đó tác phẩm gồm các thể loại chủ yếu: aria, romance và ca khúc. Yêu cầu hát aria, romance và ca khúc có nét tương đồng và cũng có sự khác nhau. GV thanh nhạc phân biệt rõ các cách hát là để nâng cao năng lực giảng dạy.

Yêu cầu khi hát aria: Trong opera, có bao nhiêu tính cách nhân vật thì có bấy nhiêu dạng aria, đáp ứng cho yêu cầu thể hiện nội tâm nhân vật. Nội dung của

các aria phong phú, đa dạng nên kỹ thuật thể hiện trong aria phức tạp nhất trong các thể loại thanh nhạc. Đặc trưng cơ bản của hát aria là xây dựng hình tượng nhân vật, vẽ nên tính cách nhân vật với chiều sâu của nội tâm cũng như diễn biến tâm lý mang tính kịch bằng âm thanh. Opera sau khi ra đời, ở mỗi giai đoạn lịch sử, đều có sự chuyển đổi theo chiều hướng bổ sung những yếu tố mới. Các nhà cải cách opera chủ yếu ở Ý (C. Monteverdi, G. Verdi, G. Puccini), Đức - Áo (C. Gluck, W. Mozart, R. Wagner, J. Strauss) và Pháp (C. Gounod, G. Bizet, C. Debussy, M. Ravel)... Đây cũng là các nước có nền nghệ thuật opera phát triển rực rỡ vào bậc nhất thế giới. Chính điều này đã tạo nên sự phong phú và tăng dần sự phức tạp về kỹ thuật thể hiện của nghệ thuật thanh nhạc những giai đoạn sau. Vì vậy, người hát phải vận dụng nhiều kỹ thuật khi thể hiện một aria. Việc rèn luyện kỹ thuật phát triển giọng hát làm tiền đề cho việc rèn luyện kỹ thuật hát. Hơi thở là vấn đề quan trọng trong kỹ thuật hát và nghệ thuật thể hiện trong các aria. Bên cạnh đó việc ổn định vị trí, sử dụng cộng minh và rung giọng để làm đẹp âm thanh giọng hát theo kiểu *bel canto* với lối phát âm chuẩn mực được khai thác triệt để. Cần thường xuyên luyện tập các kỹ thuật hát: hát liền giọng (*cantilena*), hát luyến nốt (*portamento*), hát lướt nhanh (*passage*), hát rung láy (*trillo*), hát nảy mạnh (*martellato*), hát nảy nhẹ (*staccato*)... Aria đều có nội dung lời ca và âm nhạc phong phú đa dạng, có tác dụng rèn luyện nghệ thuật thanh nhạc cho SV. Âm nhạc đệm cho aria được tác giả viết sẵn. Một số aria có thể được dịch giọng nhưng nhìn chung aria trong các opera, oratorio, cantata phải được hát nguyên gốc về âm nhạc và lời ca. Vì vậy, để hát tốt aria, bên cạnh việc rèn luyện kỹ thuật thể hiện và nghệ thuật diễn xuất, GV cần quan tâm đến việc hướng dẫn SV trau dồi cách phát âm các ngôn ngữ khác.

Yêu cầu khi hát romance: Đặc điểm cơ bản của các bản romance là có phần đệm piano do người sáng tác viết. Giữa giai điệu tác phẩm và phần đệm có mối liên hệ khăng khít nên khi trình bày, cả người hát và người đệm phải trung thành với ý tưởng sáng tác của tác giả, nghĩa là phải hát và đàn chuẩn xác những gì đã được ghi chú trên bản phổ. Vì nội dung của các bản romance thiên về tình ca nên kỹ thuật thể hiện trong romance không quá phức tạp như hát các aria. Lối phát âm có phần trang

trọng nhưng lại gần gũi với ngôn ngữ nói bình dân hơn aria. Việc sử dụng cộng minh và rung giọng để làm đẹp âm thanh theo tính chất Bel canto với vị trí âm thanh ổn định vẫn là yếu tố quan trọng của giọng hát khi hát các tác phẩm romance. Với phần đệm chủ yếu là piano, các bản romance thanh nhạc có thể được dịch giọng cho phù hợp với từng loại giọng. Cũng như aria, yêu cầu hát các romance bằng ngôn ngữ gốc được coi là chuẩn mực trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Yêu cầu khi hát ca khúc: Ca khúc được sáng tác với nhiều loại: ca khúc trữ tình, ca khúc nhạc nhẹ, ca khúc mang âm hưởng dân gian. Ca khúc VN ra đời sau ca khúc thế giới vài thế kỷ; là sự kết hợp khá hài hòa giữa cảm xúc của người Việt với tư duy và phương pháp sáng tác phương Tây. Hát ca khúc không đòi hỏi âm vực giọng hát phải rộng và khỏe như hát aria hay mượt mà, trữ tình như hát romance; không đòi hỏi hơi thở và âm thanh phải “sạch” theo kiểu hát Bel canto; không đòi khát khe ở kỹ thuật cộng minh, không cần sự nén hơi nghiêm khắc như hát opera, nhưng vị trí âm thanh vẫn phải ổn định. Việc hát bè trong ca khúc cũng rất quan trọng, hát bè có nhiều kiểu và thường được sử dụng để làm phong phú, tạo thêm màu sắc mới cho tác phẩm. Khi dựng bè cần chú ý lựa chọn kiểu bè phù hợp với loại ca khúc và không nên sử dụng quá nhiều kiểu bè trong cùng một ca khúc. Yếu tố nhạc đệm trong hát ca khúc cũng rất quan trọng. Một ca khúc không bắt buộc phải hát theo một bản phối cố định, vì vậy, có bao nhiêu bản phối cho cùng một ca khúc thì có bấy nhiêu “màu sắc” cho ca khúc đó. Tùy từng hoàn cảnh mà giai điệu ca khúc VN có thể được nâng và hạ cho phù hợp mà không ảnh hưởng gì đến chất lượng tác phẩm. Đây là điều khác biệt rõ nhất giữa hát ca khúc với hát aria và romance. Cách hát ca khúc đôi khi còn phụ thuộc vào ngôn ngữ thể hiện. Trong một số ca khúc, một nét giai điệu tương đối ngắn có thể có những đoạn lời khác nhau. Khi hát, người hát phải đưa vào ca khúc những màu sắc và sắc thái đặc biệt, phụ thuộc vào nội dung của tứ thơ hay từng đoạn lời. Điều này phụ thuộc nhiều vào sự cảm nhận và phô diễn cảm xúc của mỗi người. Để hát tốt ca khúc, người hát cần luyện tập kỹ thuật hát cantilena. Đây cũng là kỹ thuật căn bản, là nền tảng cho việc luyện tập các kỹ thuật khác.

Hát aria, romance và ca khúc có những nét tương đồng nhưng cũng có những nét khác biệt. Tác phẩm nào có cách hát đó, ngay cả mỗi tác phẩm trong cùng một thể loại cũng có cách hát riêng. Việc giảng dạy cho SV hiểu và vận dụng các cách hát một cách bài bản và sáng tạo là nhiệm vụ quan trọng của người thầy dạy thanh nhạc, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách đối với GV.

3.1.1.6. Trau dồi cách phát âm một số ngoại ngữ chuyên ngành

Các tác phẩm trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp được rút ra từ kho tàng âm nhạc đỉnh cao của nhân loại chủ yếu được viết và dịch sang các ngôn ngữ như Nga, Đức, Pháp, Ý. Với yêu cầu hát các tác phẩm aria và romance phải bằng ngôn ngữ gốc, việc trau dồi để có thể phát âm các ngôn ngữ này là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với GV thanh nhạc.

Ngữ pháp tiếng Nga khá chặt chẽ và logic, cách phát âm yêu cầu sự ổn định về vị trí âm thanh, các trọng âm tạo nên ngữ điệu lên xuống có quy luật nên thuận lợi cho ca hát. Nhiều tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ Nga được đưa vào chương trình. Để có thể giảng dạy tốt các tác phẩm này, GV thanh nhạc phải có khả năng phát âm đúng ngôn ngữ gốc trong tác phẩm. Việc trau dồi phát âm tiếng Nga là vô cùng cần thiết. Trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp cũng có nhiều tác phẩm được hát bằng tiếng Pháp như các aria trong opera “Carmen” của G. Bizet... Vì vậy, việc nghiên cứu về cách phát âm tiếng Pháp trong ca hát cũng thiết thực đối với GV thanh nhạc. Nước Đức có nền âm nhạc phát triển, các tác phẩm của Đức có vị trí và số lượng đáng kể trong CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, đặc biệt là romance TK XIX. Vì vậy, nghiên cứu cách phát âm tiếng Đức sẽ giúp GV giảng dạy tốt hơn. Ý là cái nôi của hát opera, ngôn ngữ Ý rất thuận lợi cho nghệ thuật hát đẹp. Việc tìm hiểu và trau dồi cách phát âm tiếng Ý trong ca hát sẽ giúp GV dạy tốt các tác phẩm hát bằng tiếng Ý. Phát âm tiếng Việt rất gần với phát âm tiếng Ý. Vì vậy, chúng tôi cho rằng tiếng Việt cũng phù hợp với cách hát opera và GV cũng cần tìm hiểu thêm PP hát opera nước ngoài bằng tiếng Việt. Đây có thể được coi là vấn đề mới trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Việc tiếp cận và làm tốt cũng

chính là việc GV tự nâng cao năng lực giảng dạy, góp phần đổi mới và nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Một số biện pháp trau dồi cách phát âm các ngoại ngữ cho giảng viên:

Giảng viên tự nâng cao kỹ năng phát âm qua các lớp ngoại khóa ở trung tâm ngoại ngữ; tự học qua nghiên cứu tài liệu, từ điển; tăng cường nghe tác phẩm với phần hát mẫu của các ca sĩ. Hình thức mời chuyên gia giảng dạy cũng là biện pháp hữu hiệu cho cả GV và SV. Việc tổ chức các lớp tập huấn mang tính chất thường niên về PP phát âm một số ngoại ngữ trong các aria, romance bằng ngôn ngữ gốc cũng là giải pháp quan trọng nâng cao năng lực GV.

Việc nghiên cứu các tài liệu hỗ trợ cách phát âm tiếng nước ngoài trong ca hát là cần thiết. Tài liệu tốt có thể tham khảo như: *phiên âm tiếng Đức, hướng dẫn cách đọc một số romance của F. Schubert, J.S. Bach, L.V. Beethoven, W.A. Mozart, R. Schumann* do TS Trần Ngọc Lan biên soạn; *Tiếng Ý dùng cho âm nhạc (Italiano per musica)* với tập một *Học phát âm tiếng Ý qua những ca khúc nổi tiếng và các bài đàm thoại* của Nguyễn Bách. Tài liệu gồm hai phần: phần thứ nhất gồm bảng mẫu tự tiếng Ý và một số bài hát phổ biến của người Ý; phần hai gồm một số bài đàm thoại luyện tập phát âm. Tài liệu được trình bày dưới dạng văn bản, bản phở và phần âm thanh (hội thoại và hát mẫu).

Nghiên cứu cách hát aria, romance nước ngoài bằng tiếng Việt qua một số aria và romance nước ngoài đã được GS. NSND Nguyễn Trung Kiên dịch sang tiếng Việt trong ba tuyển tập *Tác phẩm thanh nhạc nước ngoài chọn lọc*. Một số aria và romance tiêu biểu như: aria của Orphee và của Euridice trong opera *Orphee và Euridice* của C.W.V. Gluck; ariette *Annchen* trong opera *Viên đạn thần* của Weber; aria *Don Joze* trong opera *Carmen* của J. Bizet... Khi hát aria và romance nước ngoài bằng tiếng Việt cần lưu ý: những từ có đuôi là nguyên âm, cần mở khẩu hình một cách ổn định phù hợp với nguyên âm phát ra và âm thanh có thể ngân dài; những từ có đuôi là phụ âm thì âm thanh thường không có tiếng ngân, vì vậy, phải “mượn” các nguyên âm kế trước đó để mở khẩu hình và ngân theo nguyên âm đó, sau đó mới kết thúc bằng phụ âm. Bên cạnh đó, do đặc tính của vắn mở và vắn đóng

trong tiếng Việt có những thuận lợi và khó khăn nhất định đối với việc hát rõ lời nhưng vẫn đảm bảo đúng phong cách hát opera, nên khi GV dịch và đặt lời cho các aria nước ngoài, cần chú ý chọn những chữ ở cuối câu, cuối đoạn, những chỗ ngân dài có đuôi bằng nguyên âm. Do ngôn ngữ tiếng Việt có sáu thanh (ngang, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) nên phần dịch lời sang tiếng Việt cũng cần được chú ý sao cho không bị trái dấu khi hát.

3.1.1.7. Trau dồi năng lực biểu diễn hát thính phòng và hát opera

Người GV thanh nhạc trước hết là một nghệ sĩ biểu diễn, một ca sĩ nên sẽ rất thiếu sót nếu chúng ta không nói tới vấn đề nâng cao năng lực biểu diễn nghệ thuật của GV thanh nhạc. Khi còn là những GV trẻ, họ cần tham gia các kỳ thi âm nhạc quốc gia và quốc tế. Khi đã trưởng thành trong sự nghiệp, họ cần tổ chức theo định kỳ từ một đến hai lần trong năm các CT biểu diễn đơn ca mang tính nghệ thuật cao (recitale) tại các phòng hòa nhạc của các học viện âm nhạc và nhạc viện.

Chúng tôi tin rằng Ban Giám đốc của các học viện âm nhạc và nhạc viện cũng như lãnh đạo các khoa thanh nhạc sẽ rất ủng hộ và tạo điều kiện cho việc tổ chức biểu diễn. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy của người thầy thì đối tượng SV cũng chính là những nghệ sĩ biểu diễn thanh nhạc trong tương lai, bởi vậy, người thầy say mê biểu diễn, biểu diễn giỏi sẽ truyền đạt tri thức và kinh nghiệm về biểu diễn một cách hiệu quả cho sự phát triển bền vững của SV. Người thầy sẽ là một “hình tượng” sống động cho SV noi theo trong suốt cuộc đời biểu diễn. Tất nhiên, để có thể có 1 recitale (với 16 tác phẩm: aria, romance và ca khúc) trong mỗi năm, người GV thanh nhạc sẽ phải hết sức cố gắng, nỗ lực phấn đấu. Sau mỗi cuộc biểu diễn, người GV thanh nhạc có thể rút cho bản thân những bài học quý giá trong quá trình phát triển của sự nghiệp. Họ có thể tiến hành thu âm hoặc quay hình để làm đĩa tiếng hoặc đĩa hình làm mẫu cho SV sau này. Những buổi biểu diễn mang tính học thuật như trên sẽ giúp ích nhiều cho việc nâng cao năng lực biểu diễn nghệ thuật và tạo điều kiện cho việc liên tục bổ sung tác phẩm mới trong giáo án giảng dạy của GV. Việc tổ chức biểu diễn học thuật cũng như các hoạt động mang tính “mở rộng” như hội thi hát Thính phòng – Nhạc kịch cho GV trẻ là cần thiết. Bước

đầu nên tổ chức hội thi hát thính phòng hát opera cho GV trẻ ở cấp học viện; rồi tiến tới phối hợp giữa các học viện âm nhạc, nhạc viện và sau đó tiến tới các cuộc thi thanh nhạc cấp quốc gia, quốc tế. Có thể tổ chức CT hoặc một phần của CT dưới hình thức sinh hoạt chuyên môn định kỳ của khoa. Người GV cần phối hợp với tổ bộ môn lên kế hoạch biểu diễn của cá nhân và tập thể tại học viện theo định kỳ tháng, quý, học kỳ hoặc năm học. Các CT có nội dung và hình thức phù hợp với nội dung đào tạo; có thể được xây dựng theo phong cách hát opera, hát thính phòng; theo thể loại tác phẩm hoặc từng thời kỳ phát triển của nghệ thuật thanh nhạc.

Trong tình hình hiện nay, việc tự đăng ký biểu diễn định kỳ của GV với khoa và học viện có thể còn rất hạn chế, tuy nhiên, chúng tôi hy vọng rằng trong một tương lai gần, việc làm này sẽ trở thành một nếp sinh hoạt chuyên môn hữu ích và được tổ chức thường xuyên hơn. Bên cạnh đó, vai trò của GV thanh nhạc còn được đề cao khi họ tham gia vào các cuộc biểu diễn giới thiệu tác giả, tác phẩm mới của thế giới và VN. Đây là sự đóng góp tích cực cho việc quảng bá nền âm nhạc dân tộc VN cũng như tinh hoa văn hóa âm nhạc của nhân loại và đồng thời cũng đậm ý nghĩa phục vụ chính trị, xã hội. Những năm gần đây, một số ý tưởng của GV trong khoa thanh nhạc kết hợp với Hội SV HVANQGVN về việc mở rộng địa bàn biểu diễn mang tính định kỳ tại một số trường ĐH trọng điểm hoặc trường phổ thông đã được thực hiện. Theo chúng tôi, đây là một hướng phát triển tốt nhằm tạo uy tín và ảnh hưởng xã hội tốt cho khoa và trường, đồng thời cũng có thể gây quỹ giúp đỡ cho SV nghèo có thành tích học tập tốt ở các học viện âm nhạc và nhạc viện.

3.1.2. Nâng cao năng lực giảng dạy

3.1.2.1. Trau dồi hiểu biết về phương pháp sư phạm âm nhạc

Để chuẩn hóa đội ngũ giảng dạy đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, người GV thanh nhạc cần được trang bị những kiến thức chung về PPSP âm nhạc. Đây là một hệ thống PP luận về nghệ thuật biểu diễn cũng như về SP âm nhạc, trong đó cập nhật nhiều vấn đề có hàm lượng khoa học cao về giáo dục âm nhạc của các học giả trên thế giới. Việc nâng cao hiểu biết của GV thanh nhạc về PPSP âm nhạc chính là nền tảng mang tính cơ

sở cho sự phát triển của PPSP chuyên ngành. Môn học này cũng giúp cho các GV thanh nhạc nắm vững các vấn đề về PP tư duy đa chiều, PP giảng dạy tích cực trong thời kỳ mới của các trào lưu giáo dục âm nhạc trên thế giới thông qua các thông báo của UNESCO. Những vấn đề về thông tin, tri thức cũng như các cách tiếp cận với hệ thống tư liệu, tích hợp thông tin để biến thông tin thành tri thức và luôn luôn đổi mới tri thức chuyên ngành đang là những vấn đề thời sự nóng hổi trong lĩnh vực SP âm nhạc quốc tế và trong nước.

Thông qua việc tìm hiểu sâu sắc về tri thức, về kinh nghiệm trong giảng dạy và biểu diễn, người GV thanh nhạc nắm vững được những nét đặc thù trong đào tạo âm nhạc nói chung và thanh nhạc nói riêng. Đồng thời, người GV thanh nhạc cũng học tập được PP truyền đạt hiệu quả trong phát triển kỹ thuật, kết hợp lý luận SPTN với việc thực hành biểu diễn nhằm phát triển cảm xúc và phong cách âm nhạc của SV. Việc nâng cao khả năng phân tích, tổng hợp tác phẩm âm nhạc sẽ giúp ích rất nhiều cho quá trình phát triển tài năng âm nhạc của GV và SV được hướng dẫn.

Cũng từ những kiến thức và kinh nghiệm đúc rút từ PPSP chuyên ngành âm nhạc, người GV thanh nhạc sẽ có cách nhìn nhận và xử lý một cách khoa học trong việc hướng dẫn SV. Đối với SV trong ngành nghệ thuật âm nhạc, PP dẫn dắt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp sao cho phù hợp với “tính vừa sức” trong sự phạm âm nhạc là điều có ý nghĩa quan trọng. Đối với những học sinh trung cấp thanh nhạc thì cần nhấn mạnh yếu tố “bắt chước” trong cách tiếp thu trong giờ dạy. Từ cách “bắt chước” này, người học sinh sẽ tự tích lũy và làm giàu thêm “vốn” kỹ năng nghề nghiệp thanh nhạc của bản thân. Tuy nhiên, đối với SV ĐH thanh nhạc thì yếu tố “bắt chước” là chưa đủ mà cần phát huy cách học tập tích cực, giàu tính “sáng tạo”. Trong quá trình học ĐH, SV sẽ từng bước phát huy “tính tự chủ”, độc lập suy nghĩ và vận dụng những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đã được tích lũy bên cạnh sự chỉ bảo của người thầy.

Người GV thanh nhạc có kiến thức và kinh nghiệm thực tế hỗ trợ cho quá trình giảng dạy, sự kết hợp giữa lý luận và thực hành về SPTN là điều cần thiết. Từ những kinh nghiệm SP này sẽ hình thành nên PP phát triển kỹ năng hát của SV, hát

với những phong cách đa dạng, với sự dồi dào trong cảm xúc âm nhạc. Đây chính là sự bảo đảm cho quá trình phát triển mang tính “bền vững” trong quá trình phát triển nghề nghiệp của SV.

3.1.2.2. Tìm hiểu một số xu hướng phương pháp sư phạm chuyên ngành

Xu hướng dạy thở

Trong giảng dạy thanh nhạc, có nhiều xu hướng dạy thở khác nhau. Có GV đề cao kiểu thở ngực TK XVII – XVIII, có GV lại khẳng định tính khoa học của kiểu thở ngực kết hợp với bụng, và cũng có GV ưa dạy kiểu thở bụng... Suy cho cùng, do đặc thù của ngành học nên PP dạy thở ít nhiều mang màu sắc riêng của cá nhân người dạy. Những GV ưa dạy một kiểu thở (kiểu thở phù hợp với GV) thường dạy theo PP thị phạm. Việc giảng dạy sẽ thuận lợi khi GV và SV có sự tương đồng cả về âm sắc, loại giọng, thể lực. Những GV sử dụng nhiều kiểu thở trong giảng dạy thường là người có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm và có sự nghiên cứu sâu sắc về SP thanh nhạc. Với họ việc vận dụng kiểu thở tùy từng đối tượng, thời điểm và tác phẩm cũng như phong cách thể hiện. Với cách tiếp cận này, hầu hết GV sử dụng phối hợp PP thị phạm và gợi mở trong quá trình hướng dẫn SV luyện tập. Việc hướng dẫn SV tập hát trên một kiểu hơi thở phù hợp với thể lực của SV và tinh thần tác phẩm vào giai đoạn đầu của quá trình đào tạo là PP khoa học. Bên cạnh đó, cũng có xu hướng, vào giai đoạn cuối của CT học, GV hướng dẫn SV tiếp cận với kiểu thở phối hợp (yoga). Với tư thế thoải mái và hơi thở tích cực, SV sẽ dễ dàng làm chủ và thăng hoa trong thể hiện âm nhạc.

Mỗi một kiểu thở đáp ứng được một biểu hiện khác nhau của tác phẩm về cảm xúc, vì vậy luyện tập phối hợp các kiểu thở sẽ cho phép giọng hát trở nên phong phú hơn trong biểu cảm âm nhạc. Thở yoga là kiểu thở phối hợp nhiều kiểu thở nên việc GV tìm hiểu và vận dụng vào giảng dạy là rất cần thiết.

Xu hướng dạy chuyển giọng

Giữa các âm khu giọng nam (hai âm khu) và giọng nữ (ba âm khu) đều có những âm thanh chuyển tiếp, những âm thanh này thường có được nhờ quá trình luyện tập bài bản, đúng PP. Việc điều chỉnh những âm thanh này cho cân đối về âm

sắc, âm lượng với âm thanh của các âm khu sẽ tạo nên chuỗi âm thanh thống nhất về chất ở mỗi giọng hát. Chuyển giọng thực chất là việc chuyển đổi âm thanh của giọng giữa các âm khu trầm, trung và cao trên cơ sở giữ nguyên âm sắc, ổn định ở vị trí “cao”, hơi thở tích cực hơn, khẩu hình mềm mại, dịch chuyển xoang cộng minh từ thấp đến cao theo độ cao thấp của âm thanh. Chuyển giọng là để mở rộng âm vực giọng hát, tăng cường sức biểu cảm tác phẩm. Các giọng hát đều cần được luyện tập chuyển giọng.

Chuyển giọng nam: giọng nam chưa được rèn luyện chỉ có một âm khu giọng ngực, nếu được rèn luyện thì sẽ có thêm âm khu giọng giả (âm thanh giống giọng thời trẻ con hoặc giọng nữ). Các nốt chuyển giọng được xác định ở các giọng nam là: f1-g1 (tenor), d1-e1 (barytone), h-c1 (basse). Âm vực giọng tối đa của giọng nam sau khi được chuyển giọng sẽ là: c-c2/d2/e2 (tenor), A-g1/a1 (barytone), E-e1 (basse) [PL2; biểu đồ 2; tr167]. Trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, việc dạy chuyển giọng nam đã được GV quan tâm đầu tư và giảng dạy hiệu quả, tuy nhiên, có GV chưa hướng dẫn SV làm chủ được kỹ thuật này. Thực tế, một số giọng nam được chuyển giọng theo hướng thuần chất âm thanh giọng giả của kỹ thuật thanh nhạc TK XVII - XVIII, số khác được tập âm thanh đóng tiếng của kỹ thuật thanh nhạc TK XIX, thậm chí có giọng nam không tập được cả hai kỹ thuật nêu trên nên hạn chế về âm vực giọng. Có thể tham khảo một số xu hướng dạy chuyển giọng nam bằng phương pháp đóng tiếng. Xu hướng thứ nhất là hát giọng ngực ở âm khu trầm, đóng âm sớm trước chỗ chuyển giọng một vài nốt (giọng pha), toàn bộ các nốt sau đó phải hát bằng âm thanh đóng tiếng. Xu hướng thứ hai là hát âm thanh đóng ngay từ âm khu trầm, trên cơ sở đó luyện các nốt lên cao, không cần thủ pháp riêng cho việc chuyển giọng giữa các âm khu giọng hát. Xu hướng thứ ba là hát bằng âm thanh đóng tiếng tại nốt chuyển giọng, luyện thường xuyên các nốt ở âm khu cao, sau đó tới âm khu trầm.

Chuyển giọng nữ: Các nốt chuyển giọng được xác định ở các giọng nữ là: e1-f1, e2-f2 (soprano); c1-d1, c2-d2 (mezzo); h-c1, h1-c2 (alto). Âm vực giọng tối đa của giọng nữ sau khi được chuyển giọng là: c1-c3/d3/e3/f3/g3 (soprano), a-a2/h2

(mezzo), f-f2/g2 (alto) [PL2; biểu đồ 2; tr167]. Trong tuyển sinh và đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở VN thường xuất hiện giọng soprano, số ít là mezzo, alto rất hiếm gặp. Vì vậy PP chuyển giọng nữ ở VN cũng chủ yếu quan tâm tới các giọng soprano. Trên thực tế, một số giọng nữ được chuyển giọng thường muộn so với yêu cầu của tác phẩm trong CT. Thói quen hát chủ yếu bằng giọng ngực cũng làm kìm hãm sự phát triển của kỹ thuật giọng cũng như khả năng thể hiện tác phẩm theo yêu cầu của CT đào tạo. Việc chuyển giọng giữa các âm khu sẽ trở nên khó khăn nếu giọng hát bị sâu, tối và mờ do cấu trúc khẩu hình và hơi thở không có sự phối hợp nhịp nhàng. Một số xu hướng chuyển giọng nữ có thể tham khảo: xu hướng thứ nhất là pha giọng ngay từ âm khu trầm - hát giọng ngực nhưng nhẹ, sau đó giảm dần giọng ngực và chuyển giọng ở các nốt cao dần lên; xu hướng thứ hai là tập giọng pha trước, sau đó tập hát chuyển giọng ở âm khu cao, và từ giọng pha tập sang giọng ngực; xu hướng thứ ba là tập các nốt chuyển giọng vững vàng sau đó tiến hành san bằng âm thanh giữa các âm khu của giọng... Chuyển giọng tốt phải trên nền hơi thở tốt. Việc dạy chuyển giọng có nhiều xu hướng. Năng lực của GV được khẳng định và nâng cao khi GV tích cực nghiên cứu các PP và vận dụng phù hợp với từng đối tượng,.

Xu hướng dạy kỹ xảo phát âm thanh giọng hát

Xu hướng xây dựng kỹ xảo phát âm thanh dựa trên thói quen phát âm tiếng nói là việc hướng dẫn SV học hát bằng cách luyện tập phát âm các nguyên âm, phụ âm, từ... của một ngôn ngữ cụ thể. Xu hướng này quan tâm nhiều tới việc luyện tập phát âm tròn vành rõ tiếng của từng ngôn ngữ, trên cơ sở giọng nói có phát âm chuẩn ở các âm khu mà tăng cường về cao độ, trường độ, cường độ cho âm thanh. GV giảng dạy theo xu hướng này, những SV có giọng nói, cách phát âm chuẩn sẽ thuận lợi trong quá trình xây dựng kỹ xảo âm thanh cho giọng hát. Hát trên cơ sở nói chuẩn là cách nói đơn giản, dễ hiểu và cụ thể hóa việc học thanh nhạc. Tuy nhiên, dạy theo xu hướng này, đòi hỏi GV phải giỏi về phát âm các ngôn ngữ (Ý, Đức...). Hơn nữa, trong quá trình hướng dẫn, nếu quá chú trọng đến “cách phát âm”

có thể dẫn đến tình trạng SV hát bị khô, cứng, thô. Vì vậy, cách khắc phục thường là không chuyên biệt hóa một PP mà nên sử dụng phối hợp các biện pháp hỗ trợ.

Xu hướng dạy kỹ xảo phát âm thanh giọng hát trên cơ sở phù hợp với quy luật hoạt động sinh lý chỉ rõ hoạt động của thanh quản là tiền đề và quyết định giọng hát cũng như chất lượng của âm thanh trong ca hát. Trong ca hát, thanh quản có thể ở được nâng lên, hạ thấp hoặc ở vị trí ổn định tùy theo từng loại giọng. Qua quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy, giọng nam trầm và nam trung khi hát thanh quản thường ở vị trí thấp; giọng nữ cao trữ tình và màu sắc, thanh quản ở vị trí cao; giọng nam cao, nữ trung và nữ cao kịch tính, thanh quản ở vị trí không nhất quán. Như vậy, trong ca hát, thanh quản hoạt động theo nhiều khuynh hướng tùy thuộc vào loại giọng. Việc áp dụng một kiểu hoạt động của thanh quản cho tất cả đối tượng sẽ có ảnh hưởng không tốt tới những giọng hát không phù hợp. Tuy vậy, việc xác định và rèn luyện một cơ cấu phát thanh rõ ràng cho từng SV sẽ giúp họ điều khiển được giọng hát một cách chủ động. Khi cơ thể được giải phóng bởi những hoạt động được luyện tập trở thành phản xạ có điều kiện thì việc xử lý tác phẩm sẽ trở nên dễ dàng hơn. Giảng dạy theo xu hướng này, GV sử dụng phối hợp PP thị phạm và gợi mở sẽ hiệu quả hơn. Việc làm mẫu kết hợp với phân tích và dẫn giải cho SV hiểu vấn đề trước khi thực hiện là PP khoa học. Muốn vậy GV phải hiểu biết về vận động của các bộ phận có liên quan đến cơ chế phát âm thanh, trong đó có hoạt động của thanh quản và lưỡi gà. Cả hai xu hướng nêu trên sẽ bổ khuyết cho nhau trong quá trình GV hướng dẫn SV thực hiện các kỹ thuật. Việc nắm vững và vận dụng phối hợp hai xu hướng này là rất quan trọng đối với GV.

Có nhiều xu hướng dạy thở, dạy chuyển giọng và dạy các kỹ xảo phát âm thanh. Phân biệt và nắm vững các xu hướng, GV sẽ có năng lực tiếp cận hiệu quả tới nhiều đối tượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo các mô hình mới theo hướng phân dòng.

3.1.3. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học

Cùng với yêu cầu năng lực giảng dạy đạt chuẩn, hoạt động NCKH là tiêu chí quan trọng đối với người GV thanh nhạc đáp ứng được yêu cầu đổi mới “căn bản và

toàn diện” đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa và hội nhập thế giới trong giai đoạn mới.

Đổi mới quan niệm về NCKH của GV thanh nhạc: Người GV thanh nhạc cần hiểu nội hàm NCKH theo nghĩa rộng và cách tiếp cận nhiều cấp độ khác nhau. NCKH ở cấp độ đơn giản là việc GV phát hiện và giải quyết một vấn đề gì đó nhằm phục vụ cho những ứng dụng cụ thể trong giảng dạy thanh nhạc; là các hoạt động có liên quan đến đổi mới PP giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của SV, hướng dẫn SV PP học tập, luyện tập... NCKH ở cấp độ trung bình là việc GV tạo tình huống để SV tìm cách tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn. Qua các tình huống thực tiễn, GV có thể tổng kết những phát hiện mới trong PP giảng dạy như dạng sáng kiến kinh nghiệm trực tiếp và cụ thể. NCKH ở cấp độ cao hơn đó là việc GV tiến hành nghiên cứu hoàn chỉnh một đề tài cụ thể.

Nâng cao nhận thức về hoạt động NCKH: NCKH là hoạt động không thể thiếu trong các cơ sở đào tạo tại các học viện âm nhạc và nhạc viện, có vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới mô hình, mục tiêu, nội dung CT, GT thanh nhạc chuyên nghiệp, là động lực thúc đẩy quá trình đổi mới PP dạy học và nâng cao chất lượng giảng dạy của bản thân GV. GV thanh nhạc cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của NCKH. Đây cũng đồng thời là điều kiện để đánh giá năng lực của người GV thanh nhạc trong giai đoạn mới.

Trau dồi phương pháp NCKH: Để có thể tham gia NCKH, GV thanh nhạc cần trau dồi và làm chủ các PP: đọc, tóm tắt và tổng hợp tài liệu, viết tiểu luận, viết sáng kiến kinh nghiệm, làm đề tài NCKH... Các học viện âm nhạc và nhạc viện cần có kế hoạch, CT bồi dưỡng GV các kỹ năng nghiên cứu ở từng cấp độ với mục tiêu NCKH chủ yếu phục vụ đào tạo. GV có thể trau dồi kỹ năng NCKH qua nghiên cứu một số tài liệu như: PPNCKH của Phạm Viết Vượng, Đỗ Xuân Tùng... Đây là những tài liệu chủ yếu hướng dẫn NCKH.

Tích cực nghiên cứu những công trình của các GS, TS, GV thanh nhạc đầu ngành: Việc nghiên cứu các công trình của các GS, TS, GV thanh nhạc đầu ngành là giải pháp hữu hiệu cho việc từng bước nâng cao năng lực NCKH và giảng dạy

của GV [PL2; h16; tr161]. Ở đây, vấn đề nâng cao năng lực NCKH là để đáp ứng những yêu cầu mới trong đào tạo các mô hình, CT, GT mới. Những tấm gương về NCKH và những công trình nghiên cứu của các GS, các nhà SP tiên bối sẽ soi rọi cho quá trình phát triển về âm nhạc qua từng giai đoạn học tập và trưởng thành trong sự nghiệp âm nhạc của bản thân mỗi GV và SV thanh nhạc.

Thúc đẩy công tác NCKH của GV trong các khoa Thanh nhạc: Cần thường xuyên tổ chức hội nghị đổi mới PPDH cho GV; đổi mới PPGD & kiểm tra đánh giá; chuyển cách tiếp cận nội dung kiến thức sang tiếp cận năng lực người học; chuyển từ kiểm tra đánh giá từ hoạt động tái hiện nguyên bản sang kiểm tra khả năng vận dụng thực tiễn một cách sáng tạo và đổi mới. Qua đó các chuyên gia giúp GV giải quyết các vấn đề về chuyên ngành mà GV đảm nhiệm.

Trong các cấp độ khác nhau của công tác NCKH tại Khoa Thanh nhạc – HVANQG VN, HVANH, NVTPHCM, có những công trình nghiên cứu cấp Bộ (trọng điểm cấp Bộ), cấp Học viện... trong những năm gần đây, các công trình NCKH cấp cơ sở (cấp Khoa) đang được khuyến khích phát triển. Bên cạnh đó, những tham luận tại các Hội thảo chuyên ngành cấp Khoa cũng được đánh giá cao. Người GV thanh nhạc cần liệu theo khả năng của bản thân để chọn cho mình một vấn đề nghiên cứu thích hợp. Mặt khác, trong các hoạt động NCKH, chúng ta cũng phải kể tới những nghiên cứu trong các luận văn thạc sĩ, các chuyên đề và luận án của NCS, bởi theo chúng tôi thì đây cũng là những nghiên cứu rất có giá trị về mặt học thuật. Bên cạnh đó, các học viện âm nhạc và nhạc viện cần đa dạng hóa hình thức hoạt động gắn với NCKH; tạo cơ chế, qui định cho hoạt động NCKH; tổ chức các hoạt động thúc đẩy tuyên truyền về NCKH.

Phát huy vai trò hướng dẫn NCKH của GS, TS đầu ngành: Để các hoạt động NCKH có chất lượng, cần quan tâm phát huy vai trò tiên phong và trụ cột của đội ngũ GS, TS đầu ngành trong hoạt động NCKH. Họ là những người tâm huyết, có kinh nghiệm, có kiến thức, kỹ năng nghiên cứu và đã từng thành công trong NCKH. Nếu được họ quan tâm giúp đỡ hướng dẫn dìu dắt, chắc chắn các GV thanh nhạc sẽ

tự tin tìm hiểu và tham gia các hoạt động NCKH một cách tích cực và có hiệu quả. Cần có chế độ chính sách khuyến khích họ nhiệt tình trong hoạt động hướng dẫn giúp đỡ GV thanh nhạc tham gia NCKH.

Tăng cường hoạt động NCKH trong SV là một trong những giải pháp hữu hiệu nâng cao năng lực NCKH của GV: bước đầu đưa hoạt động tập dượt NCKH của SV khoa thanh nhạc vào nề nếp dưới các hình thức: tổ chức rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cho SV thông qua môn học PP NCKH; hướng dẫn SV làm niên luận, khóa luận; tổ chức seminar, hội thảo khoa học, CLB khoa học dành cho SV; tăng cường hướng dẫn SV viết báo cáo kinh nghiệm, viết thu hoạch sau khi đọc tài liệu; làm bài tập nghiên cứu... Bước đầu triển khai mô hình SV tham gia nghiên cứu cùng GV thanh nhạc. Thông qua hướng dẫn SV nghiên cứu, GV cũng sẽ được tập dượt PP hướng dẫn nghiên cứu và năng lực nghiên cứu cũng sẽ được nâng cấp.

Đa dạng các hình thức hoạt động NCKH: Để GV có thể tham gia được hoạt động NCKH, cơ sở đào tạo cần tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao kỹ năng NCKH cho GV thanh nhạc nhất là GV trẻ. Bên cạnh đó, phòng ban chức năng quản lý NCKH cần có kế hoạch xây dựng hệ thống những vấn đề cần nghiên cứu cho thanh nhạc và triển khai theo hai hướng GV thanh nhạc chủ động đăng ký hoặc nhà trường phân công trên cơ sở năng lực và chuyên ngành của GV. Các hình thức tổ chức hoạt động NCKH trong lĩnh vực thanh nhạc tại các học viện âm nhạc và nhạc viện đã khá phong phú. Tuy nhiên trong những năm sắp tới, các hoạt động NCKH cần được mở rộng hơn nữa.

Viết sáng kiến kinh nghiệm: Đây là hình thức NCKH được GV thực hiện trên cơ sở sau một quá trình biểu diễn, giảng dạy, GV đã đúc kết kinh nghiệm và tìm tòi ra được những cách làm hay, giải pháp tốt, muốn trao đổi, truyền đạt tới bạn bè đồng nghiệp để cùng trải nghiệm. Khi GV đã vững vàng trong các hoạt động nêu trên, GV có thể được thử thách ở vị trí là thành viên các đề tài NCKH các cấp.

Nghiên cứu đề tài các cấp: Tiên tới hội nhập với khu vực và thế giới về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, GV thanh nhạc không thể không NCKH. Thông qua

hoạt động NCKH, họ được nâng cấp về mọi mặt. Nghiên cứu khoa học đòi hỏi GV phải có kiến thức và kỹ năng nghiên cứu. Giảng viên có thể đăng ký chủ nhiệm đề tài hoặc tham gia làm thành viên nghiên cứu đề tài.

Viết bài đăng tạp chí chuyên ngành: Thông qua các đề tài nghiên cứu, GV sẽ có những bài viết chuyên sâu về chuyên ngành mà mình nghiên cứu. Cũng cần khuyến khích GV viết bài cho tập san của cơ sở đào tạo. Đây là một trong những căn cứ quan trọng xác định việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV. Cần quan tâm tới đội ngũ GV thanh nhạc trẻ tham gia nghiên cứu trên cơ sở đúng năng lực và chuyên môn. Việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm, sẽ từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu của GV; đáp ứng yêu cầu đổi mới CT, GT và PPDH thanh nhạc chuyên nghiệp.

Tổ chức hội nghị hội thảo: Tổ chức hội thảo, hội nghị các cấp thường niên là hoạt động có ý nghĩa thiết thực; là hình thức NCKH có thể thu hút được hầu hết GV tham gia. Vấn đề là cần hướng dẫn các GV tham gia viết tham luận theo chủ đề mà hội thảo định hướng đến. Lựa chọn những bài viết tốt trình bày trước hội thảo, biên tập thành kỷ yếu làm tài liệu tham khảo cho GV và SV. Tăng cường tổ chức hội nghị cấp khoa với các vấn đề cụ thể như Hội nghị đổi mới PP học tập của SV, đổi mới PPDH của GV... Với mỗi bài viết của GV được đăng trong kỷ yếu của hội nghị, hội thảo nên được công nhận là một hoạt động NCKH có kết quả. Đây được coi là những lần tập dượt cho các hoạt động NCKH có tính chất phức tạp hơn.

Các học viện âm nhạc và nhạc viện cần có những chủ trương chính sách khuyến khích GV chủ động tham gia học tập ở trình độ cao tại các cơ sở đào tạo uy tín. GV chủ động ở các vấn đề: chủ động dự thi tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch học tập; chủ động thực hiện và quản lý kế hoạch học tập cá nhân theo đúng quy định của cơ sở đào tạo. Việc tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia các CT học tập ở trình độ cao trong nước và quốc tế có thể bằng cách: giảm bớt số lượng công việc đối với GV đang trong thời gian tham gia học tập như giảm số tiết chuẩn, giảm bớt các công việc kiêm nhiệm; có kế hoạch sử dụng phù

hợp những GV tích cực học tập nâng cao trình độ. Khi kỹ năng nghiên cứu được rèn luyện qua quá trình học tập, họ sẽ tự tin hơn trong các hoạt động NCKH.

Bên cạnh đó, hoạt động biên tập, dàn dựng và thu thanh các tác phẩm phục vụ đào tạo, từng bước âm thanh hóa các tác phẩm trong CT giảng dạy... cũng có thể được coi là một dạng của hoạt động NCKH của GV thanh nhạc. Cơ sở đào tạo cần tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để GV tham gia các hoạt động NCKH khác nhau. Bên cạnh đó cũng cần thiết xây dựng quy chế hoạt động NCKH của GV và coi đây là hoạt động thường niên, có nhận xét đánh giá rút kinh nghiệm; có cơ chế khen thưởng, động viên khích lệ kịp thời những GV thanh nhạc có hoạt động NCKH tích cực, hiệu quả; có kế hoạch sử dụng hiệu quả các sản phẩm nghiên cứu có giá trị; từng bước xây dựng và mở rộng mạng lưới NCKH kiên kết giữa các tổ bộ môn, các khoa, các cơ sở đào tạo trong nước và thế giới trên cơ sở xây dựng đội ngũ GV thanh nhạc có năng lực NCKH cho từng cơ sở đào tạo có đủ khả năng nghiên cứu vấn đề chuyên sâu và nghiên cứu vấn đề liên ngành phục vụ đào tạo.

Khi năng lực chuyên môn, giảng dạy và NCKH của GV được nâng cao, GV sẽ dễ dàng tiếp cận với các mô hình, nội dung CT, GT đào tạo mới.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của SV

3.2.1. Phương pháp giảng dạy của giảng viên

3.2.1.1. Đổi mới quan điểm dạy học phát huy tính tích cực của SV

Trên thực tế, không có PP vạn năng, vì vậy, sự phối hợp một cách linh hoạt các PP trong giảng dạy thanh nhạc sẽ cho hiệu quả tốt hơn. Và để sử dụng phối hợp các PP hiệu quả, đòi hỏi GV phải nắm vững từng PP vận dụng sáng tạo vào quá trình giảng dạy. Vấn đề bồi dưỡng năng lực giảng dạy theo hướng đổi mới PP và kỹ năng dạy học cho GV thanh nhạc hiện nay là cần thiết. Cách đào tạo truyền nghề theo kiểu “cầm tay chỉ việc” trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp không còn phù hợp với quan điểm đổi mới “phát huy tính tích cực của người học” trong dạy học hiện nay. Lối dạy học dựa trên kinh nghiệm cá nhân đơn thuần, cần được thay thế dần bằng việc gợi mở, tạo cơ hội cho SV được tự học, tự sáng tạo trên cơ sở hệ

thống PP luận về kiến thức chuyên môn. Vì vậy, quá trình dạy học, SV cần GV có sự định hướng để SV tự học, tự nghiên cứu để phát triển.

Vấn đề bồi dưỡng cho GV khả năng phối hợp uyển chuyển, linh hoạt giữa PP thị phạm và PP gợi mở; sự phối hợp trong việc sử dụng PP và phương tiện dạy học, phương tiện hỗ trợ dạy học cũng là việc cấp thiết. Trình độ của người GV thanh nhạc không nên hiểu theo một khía cạnh là chỉ cần có kinh nghiệm biểu diễn mà cần quan tâm nhiều hơn đến kinh nghiệm giảng dạy khi sử dụng các PPSPP thanh nhạc, trong đó có sự phối hợp PP thị phạm và gợi mở. Bên cạnh đó, việc GV quan tâm tới các yếu tố cản trở và thúc đẩy tính sáng tạo của SV sẽ giúp GV có PP tác động phù hợp với từng đối tượng SV, trong từng giai đoạn học tập.

GV cũng cần tìm hiểu và nắm được một số yếu tố được xác định làm cản trở quá trình sáng tạo của SV như: sự phê bình tiêu cực của GV, sự cạnh tranh quá nặng nề với bạn bè, áp lực thời gian quá nhiều trong mỗi kỳ thi, GV yêu cầu quá cao, bản thân SV lo sợ bị thất bại, hoặc sự thiếu tin tưởng của GV đối với SV... Bên cạnh đó, các yếu tố thúc đẩy sự sáng tạo mà GV cần quan tâm tác động hiệu quả tới SV như: công nhận những giá trị mà SV có được (dù rất nhỏ); thừa nhận khả năng thực hiện trong từng vấn đề mà GV yêu cầu SV; hướng dẫn SV có sự tương tác tốt với GV, với SV khác trong quá trình học tập; tạo áp lực vừa đủ về thời gian SV phải hoàn thành bài tập; yêu cầu cao đối với những SV có năng lực tốt, chăm chỉ, chuyên cần; giúp SV xây dựng niềm tin vào bản thân để tạo sự tự tin cần thiết trong quá trình học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Khai thác sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ giảng dạy cần được GV mạnh dạn khi thực hiện đổi mới PPDH. Đổi mới quy trình trên lớp học cũng là hình thức đổi mới PPDH. Ngoài nội dung cơ bản trong quy trình cũ, cần bổ sung thêm một số nội dung như: luyện thanh tập thể, nghe và phân tích phần hát mẫu, nghe nhạc đệm, hát cùng với nhạc đệm. Phần hát mẫu và nhạc đệm cần được GV lựa chọn kỹ để đảm bảo chất lượng, có tác dụng nuôi dưỡng cảm xúc, rèn luyện kỹ năng nghe và biểu diễn cho SV.

3.2.1.2. Đa dạng hình thức tổ chức lớp học

Học cá nhân là PP dạy học GV sử dụng giảng dạy theo từng loại đối tượng, phù hợp với tâm sinh lý, khả năng, nhu cầu và hứng thú của người học nhằm phát triển tối đa tiềm năng riêng vốn có của mỗi người học. Thanh nhạc là môn học đặc thù, hình thức truyền thống trong giảng dạy thanh nhạc chủ yếu là một GV làm việc trực tiếp với từng SV [PL2; h1,2,3; tr159] ở nội dung luyện kỹ thuật, sửa bài hát... Bên cạnh đó còn có những hình thức khác như: hai GV làm việc với một SV khi thực hiện nội dung dựng bài và ghép đàn [PL2; h6,7,8,9; tr160]; hoặc có lúc nhiều GV làm việc với 01 SV trong buổi học có GV hướng dẫn, chuyên gia, người phiên dịch, người đệm đàn... PP giảng dạy cơ bản là gợi mở trên cơ sở yêu cầu SV đã có sự chuẩn bị bài trước. Giảng dạy thanh nhạc, phương thức tổ chức học cá nhân là quan trọng, bởi có yếu tố không thể tách rời: Trước khi dạy kỹ năng, GV phải hướng dẫn SV nghiên cứu để có những hiểu biết cơ bản về tác phẩm mà SV sẽ thể hiện. Mỗi SV được hướng dẫn theo một giáo án riêng, vì vậy mà cách xử lý tác phẩm khác nhau, khả năng xử lý tác phẩm cũng khác nhau, và cảm nhận về tác phẩm cũng không giống nhau. Hướng dẫn SV xử lý kỹ thuật gắn liền với nghệ thuật: trình độ tiếp thu tác phẩm khác nhau, khắc phục nhược điểm được thực hiện trên con người cụ thể và hiệu quả cũng khác nhau.

Giảng dạy thanh nhạc muốn đạt được hiệu quả trực tiếp thì việc giảng dạy cá nhân là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, nếu giờ học cá nhân trở nên công thức, xơ cứng theo một kiểu lặp đi lặp lại từ giờ học này sang giờ học khác, từ SV này đến SV khác sẽ tạo ra không khí căng thẳng nhàm chán, ảnh hưởng tới hứng thú của cả GV và SV. Vì vậy, việc thiết kế và tổ chức tiết dạy với các nội dung phong phú, đa dạng như: đối thoại, vận động thư giãn trước và sau khi luyện tập, luyện thanh khởi động giọng, luyện kỹ thuật, bài luyện thanh, bài hát, hát với phần nhạc mẫu, hát với phần nhạc đệm sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc tiếp thu bài của SV. Nội dung và quy trình thực hiện trong các tiết học, buổi học có thể linh hoạt, GV có thể kết hợp các PP tổ chức tiết học sinh động như xen kẽ hoạt động của các cá nhân, sử dụng phương tiện trực quan như CD nhạc mẫu, hát mẫu, nhạc đệm... GV có thể kết

hợp truyền kỹ năng bằng PP thị phạm (thị phạm tổng thể hoặc từng phần tác phẩm, hoặc những chỗ khó cần giải quyết) và đối thoại nhằm tạo hứng thú và bồi dưỡng nhận thức cho SV. GV có thể động viên hoặc phê phán SV kịp thời và phù hợp trên cơ sở hiểu biết về hoàn cảnh, đặc điểm cá nhân SV. Ngoài ra, có thể kết hợp các hoạt động hỗ trợ như ngoại khóa, seminar nhỏ... dưới hình thức nhóm.

Với nội dung giao bài, hướng dẫn nội dung bài mới, luyện thanh khởi động, nghe băng đĩa, xem một số trích đoạn trong CT biểu diễn... thì hình thức hoạt động nhóm được xem là cần thiết. Việc thiết kế các hoạt động nhóm với PP chủ đạo là đàm thoại, seminar, thực hành luyện tập kết hợp với PP trình bày trực quan và PP quan sát. Trong giảng dạy thanh nhạc theo nhóm, có hai cách tổ chức đó là nhóm cùng tham gia và nhóm dự nghe giảng. Thay vì mỗi SV học liên tục trong một tiết học (như theo quy định) thì nhóm SV (thường hai, ba hoặc bốn) sẽ cùng học từ hai đến bốn tiết theo kiểu luân phiên. Có thể luyện thanh theo nhóm trong trường hợp luyện các mẫu âm khởi động làm ấm giọng trước khi luyện tập kỹ thuật; hoặc luyện thanh cho nhóm SV có cùng trình độ, cùng giới tính hoặc cùng loại giọng [PL2; h4,5; tr159]. Tuy nhiên, kiểu luyện này chỉ mang ý nghĩa bổ sung với một liều lượng nhất định. Bên cạnh đó, việc SV dự nghe GV giảng dạy SV khác cùng loại giọng, trình độ sẽ giúp họ khắc sâu thêm kiến thức và kỹ năng cần thiết.

Theo tổng kết của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, “Giờ học thanh nhạc ở nhạc viện Milan tiến hành từ trưa cho đến chiều tối. Tất cả các lớp thanh nhạc học cùng một lúc. SV đến lớp với sự chuẩn bị tập trung và cả nửa ngày đó ngồi trong lớp học. GV có thể gọi lên đứng cạnh đàn bất cứ lúc nào. Thường GV cho luyện thanh thay phiên nhau” [38;192]. Như vậy, việc luyện thanh và sửa bài được tiến hành luân phiên, xen kẽ giữa các SV, có lúc GV làm việc với cá nhân SV, có lúc GV làm việc với hai SV hoặc nhóm nhiều SV hơn. Với cách làm việc như vậy, thời gian được luyện tập trên lớp của mỗi SV được tăng lên nhiều so với việc SV học một mình từ đầu đến cuối tiết học. Các giờ học thanh nhạc ở các học viện âm nhạc và nhạc viện VN cũng cần quan tâm tới phương thức học phối hợp cá nhân với làm

việc nhóm như đã phân tích ở trên. Việc này còn có tác động tới những SV khác trong nhóm khi họ nhận ra vấn đề của bạn cũng chính là những vấn đề của mình.

Hình thức tổ chức lớp học phối hợp cá nhân và nhóm là con đường để SV tiếp cận với nội dung môn học đa dạng hơn, tiết học sẽ sinh động hơn với nhiều hoạt động. SV có cơ hội được học bạn, được bạn giúp đỡ, được thể hiện mình, được học ngay cả khi GV không trực tiếp làm việc với họ. SV năng động, chủ động sáng tạo trong các hoạt động lên lớp cũng như luyện tập tự giác ngoài giờ học theo sự chỉ dẫn của GV. Thông qua hoạt động cá nhân trong nhóm, mỗi cá nhân được thể hiện năng lực của bản thân, có sự giao lưu học hỏi lẫn nhau, sẵn sàng giúp đỡ nhau, cùng nhau học tập. Thực tế có rất nhiều SV có mong muốn được học tập trong không gian như vậy. Có đến 88,19% ý kiến được khảo sát cho rằng “hoạt động cá nhân phối hợp với hoạt động nhóm trong giờ học thanh nhạc là cần thiết và rất cần thiết” [PL7; tr198]. Với hình thức tổ chức lớp học đa dạng như đã nêu ở trên thì trong một tiết học, SV có cơ hội được thể hiện mình, được trao đổi với GV, với bạn nhiều hơn những vấn đề mà họ thắc mắc. Trong quá trình luyện tập, SV được trực tiếp tham gia ý kiến đánh giá nhận xét, GV đóng vai trò tổ chức, định hướng thảo luận và tổng kết vấn đề. Trong các hoạt động đó, GV có thể khai thác, phát hiện tiềm năng và phát triển năng lực của toàn bộ SV. Với từng nội dung sẽ có kiểu hình thức tổ chức và lựa chọn PP phù hợp [PL1; b11; tr158].

3.2.1.3. Cải thiện môi trường học tập

Môi trường học tập lý tưởng trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp phải đảm bảo các yếu tố: cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi và môi quan hệ tương tác thân thiện, cởi mở giữa GV và SV. Việc bố trí sắp xếp đồ đạc trật tự, tiện sử dụng, có thẩm mỹ trong phòng học tạo nên điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy và học. Trang trí phòng học đẹp, phù hợp sẽ tạo cảm giác yên tâm hứng thú cho SV trong suốt quá trình học tập. Trang trí lớp học có thể là GV hoặc cũng có thể là SV với các vật liệu có thể là lọ hoa, cây cảnh, bể cá... [PL2; h10; tr160]. Tiết học thanh nhạc rất cần diễn ra trong một bầu không khí vui vẻ, hài hước [PL2; h11; tr160], điều này giúp GV và SV làm việc có hiệu quả cao hơn. Việc tạo ra một môi

trường tinh thần thoải mái cho việc học tập sẽ khuyến khích SV bày tỏ cảm xúc của mình trong quá trình học tập. Cảm xúc là một thành phần quan trọng không thể tách rời khỏi quá trình học tập thanh nhạc. Việc kết hợp trí tuệ và cảm xúc trong quá trình học tập để làm tăng tối đa tiềm năng của SV, đặc biệt là tiềm năng sáng tạo là vấn đề GV cần quan tâm.

Để việc giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp hiệu quả cần phải có phòng học chuyên dụng đủ trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Phòng học phải cách âm để hạn chế sự cộng hưởng của âm thanh trong quá trình luyện tập, cũng như tạp âm từ bên ngoài. Cần có hệ thống máy điều hòa để hạn chế nhiệt độ lớp học quá nóng về mùa hè và quá lạnh về mùa đông, ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe GV và SV. Trong quá trình giảng dạy, GV phải chú ý điều tiết âm lượng tiếng đàn và giọng hát của GV. Bên cạnh đó, thời gian cũng là yếu tố đóng vai trò cơ bản cho việc thành công của PPSP. GV phải nắm được quy luật, làm chủ thời gian, thiết kế bài giảng và tổ chức thực hiện sao cho phù hợp với SV.

Sân khấu biểu diễn phù hợp với đặc trưng của chuyên ngành cũng là những nhân tố tạo nên môi trường học tập tốt không thể thiếu trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, môi trường học tập mang tính chất thực hành nghề nghiệp cho SV chính là các cơ sở thực tập, các hoạt động tham quan thực tế tại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp. Việc lựa chọn cơ sở thực tập cho SV thanh nhạc cũng cần chú ý đến các yếu tố đặc thù chuyên ngành SV được đào tạo. Từng bước đưa hoạt động thực tập vào nề nếp; mở rộng địa bàn thực tập. Có kế hoạch thường xuyên đưa SV đi thực tập ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, từng bước tạo tiền đề cho sự hội nhập sâu, rộng và toàn diện trên lĩnh vực đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

3.2.1.4. Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học

Hiệu quả giảng dạy âm nhạc nói chung và thanh nhạc nói riêng phụ thuộc nhiều vào kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học của GV. Phương tiện dạy học thanh nhạc về cơ bản chính là giọng hát của GV và SV. Không như việc dạy đánh đàn trên một nhạc cụ có sẵn, quá trình dạy thanh nhạc là quá trình tạo nên một

giọng hát hoàn thiện. Giảng dạy thanh nhạc bao gồm các vấn đề cơ bản đó là giảng dạy về giọng; giảng dạy kỹ thuật – nghệ thuật thể hiện tác phẩm và giảng dạy hệ thống các tác phẩm. Trong đó giảng dạy về giọng thực sự là một khoa học. Mọi sự mò mẫm trong khoa học đều có nguy cơ dẫn đến những ngõ cụt. Vì vậy, trau dồi kiến thức khoa học về lĩnh vực mà mình giảng dạy là điều vô cùng cần thiết. Nghiên cứu về khoa học thanh học sẽ giúp cho GV thực sự trở thành một người sửa chữa nhạc cụ - giọng hát tài ba. Đây là điều mà tất cả SV đều mong đợi ở GV trong suốt quá trình học tập. Mỗi GV - SV học các loại nhạc cụ có thể có nhiều phương tiện để học tập và thay thế, nhưng GV - SV thanh nhạc thì chỉ có một nhạc cụ duy nhất, và nếu hỏng rồi thì không gì có thể thay thế bù đắp được. GV cần có kiến thức về giọng để biết được tình trạng bộ máy phát âm của mình cũng như của SV mình hướng dẫn đang ở vào giai đoạn nào; biết cách tác động tới từng bộ phận một cách phù hợp và sử dụng đúng chức năng. GV cũng cần trau dồi kiến thức về bệnh và PP trị liệu sơ đẳng nhất các vấn đề liên quan đến các cơ quan phát âm của giọng để có những phán đoán, có biện pháp tác động kịp thời tới giọng hát của SV cũng như của bản thân GV.

Piano là phương tiện giảng dạy không thể thiếu trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. GV sử dụng piano như thế nào trong quá trình giảng dạy thanh nhạc là vấn đề cần phải lưu ý. Trong qui trình giảng dạy (luyện thanh, tập vocalise, tập hát, dựng bài và ghép đàn), hoạt động của GV trên đàn piano chiếm tần suất khá lớn. Việc sử dụng piano là yêu cầu bắt buộc đối với GV thanh nhạc, vì vậy, việc trau dồi tay đàn là cần thiết giúp họ có thể chơi thành thạo các mẫu câu luyện thanh từ dễ đến khó, từ chậm đến nhanh, từ ngắn đến dài, từ đơn giản đến phức tạp. Năng lực thị tấu giai điệu các tác phẩm thanh nhạc trong CT đào tạo trên đàn piano của GV cũng trở nên quan trọng. Ở VN, việc đệm hát cho SV là công việc của pianist, tuy nhiên việc GV có thể đệm hát cho SV trong các giờ học là điều nên khuyến khích. GV tự đệm đàn và hát mẫu tốt sẽ tạo hưng phấn và khích lệ SV trong quá trình học tập. Để làm được những điều này, GV phải không ngừng luyện tập piano thường xuyên và không ngừng trau dồi kiến thức về lĩnh vực này.

Việc trau dồi kiến thức về sử dụng giọng hát và Piano có thể thông qua việc GV tự học, tự nghiên cứu. Có thể tổ chức các chuyên đề, hội thảo trong khoa, học viện để GV trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, từ đó mà năng lực giảng dạy cũng sẽ được nâng cao. Bên cạnh đó, việc sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ dạy học khác như: đài đĩa, ti vi, máy tính, CD nhạc mẫu, CD nhạc đệm, CD hát mẫu cũng góp phần không nhỏ vào việc đổi mới PPDH nâng cao hiệu quả đào tạo.

3.2.1.5. Sử dụng hiệu quả kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto

Trong giai đoạn mới, kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto cần phải được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào giảng dạy trên cơ sở nắm vững đặc điểm và nguyên tắc, cũng như sự chuyển đổi của các kỹ thuật qua từng thời kỳ âm nhạc để giảng dạy tác phẩm các dòng hát opera và hát thính phòng sao cho phù hợp.

Dòng hát opera: Các tác phẩm aria và romance trong CT xuyên suốt TK XVII, XVIII, XIX, XX. Vì vậy, việc vận dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto ở giai đoạn đầu để hướng dẫn SV thể hiện tác phẩm sao cho phù hợp là điều cốt lõi. Đối với các tác phẩm TK XIX, XX, cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề âm thanh hỗn hợp ở các giọng nữ và đóng tiếng trước ở các giọng nam khi hát những nốt cao với âm lượng giọng hát cần có sự hỗ trợ của PP cộng minh tốt và hơi thở phù hợp.

Dòng hát thính phòng: Các tác phẩm aria sử dụng trong CT đào tạo hát thính phòng chủ yếu ở TK XVII, XVIII vì vậy, để hát tốt các tác phẩm này, GV cần vận dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto giai đoạn đầu để hướng dẫn cho SV. Hướng dẫn SV luyện tập cho giọng hát phát triển, nắm vững các kỹ thuật thanh nhạc và sử dụng chúng một cách điều luyện. Cần chú ý đến việc làm đẹp âm sắc giọng hát trên nguyên tắc lời ca không làm cho âm thanh nặng nề. Luyện tập hát chính xác toàn bộ các nốt trong âm vực của giọng hát trên một vị trí thống nhất; âm thanh phần thấp cấu tạo tốt ở mặt nạ, lên cao chuyển lên giọng đầu với âm thanh sắc nhọn, nhỏ, nhẹ. Việc sử dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto trong hát các ca khúc VN cũng cần chú ý những vấn đề như: không quá lạm dụng âm thanh đóng tiếng (kỹ thuật hát những nốt ở âm khu cao của giọng nam TK XIX) trong hát các ca khúc mang âm hưởng dân gian hay dân ca; không nên lạm dụng kỹ thuật giọng

giả thanh (kỹ thuật hát những nốt ở âm khu cao của giọng nam TK XVII - XVIII) trong việc thể hiện các ca khúc cách mạng... Giọng nữ phải tập hát với âm thanh hỗn hợp, giọng chuyển thống nhất âm sắc giữa các âm khu. Cũng nên chú ý liều lượng cộng minh khi hát ca khúc mang âm hưởng dân ca và dân ca.

Sự ứng tác là vấn đề cần được quan tâm trong giảng dạy thanh nhạc ở cả dòng hát opera và hát thính phòng. Sự ứng tác trong học tập và biểu diễn thanh nhạc của SV phụ thuộc rất nhiều vào sự hướng dẫn của GV. Với lối giảng dạy thiên về gợi mở (không áp đặt), SV sẽ được phát huy tiềm năng của mình theo sự định hướng chuẩn xác của người thầy. Sự ứng tác nhiều lúc phụ thuộc vào sự ngẫu hứng. Ngẫu hứng được khái niệm chung là “hứng ngẫu nhiên mà có”. Tuy nhiên, ngẫu hứng trong nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc được xuất phát từ một tiềm thức với các kỹ thuật thanh nhạc đã được rèn giũa bài bản. Ở đây, ngẫu hứng được đặt ở vị trí cao nhất, khi người hát đã làm chủ được kỹ thuật, tiết chế được cảm xúc và sẵn sàng thăng hoa trên nền tảng của hơi thở tốt.

3.2.2. Phương pháp tự học của SV

3.2.2. 1. Phát huy tính tích cực của SV trong lớp học

Những nắm bắt đối với việc học thanh nhạc của SV thể hiện thông qua việc trả bài trên lớp. Để làm được điều đó, SV phải tự học với thời gian gấp nhiều lần so với thời gian được GV hướng dẫn trực tiếp. Việc yêu cầu cao đối với SV về vấn đề tự học (trên lớp và ở nhà) đòi hỏi GV phải nâng cao năng lực hướng dẫn SV tự học.

Trong vấn đề tự học, SV phải thực hiện đồng bộ các thao tác: tai nghe, mắt nhìn, óc suy nghĩ, miệng hát. Các hình thức tự học trên lớp chủ yếu như cá nhân, trong nhóm cùng hoạt động và trong nhóm dự nghe giảng. Việc tự học trên lớp của SV chỉ đạt hiệu quả khi SV có sự tập trung cao độ. Sự mất tập trung hay bị chi phối vì bất kỳ lí do nào đều có ảnh hưởng xấu đến quá trình tiếp thu và rèn luyện của SV. Trong giờ học, GV tổ chức cho SV tham gia vào quá trình hoạt động trong nhóm như: luân phiên luyện thanh, tập vocalise, tập tác phẩm, nghe phân hát mẫu hay hát với phần đệm piano... Có những thời điểm đòi hỏi SV phải tập trung cao độ cho việc luyện tập, nhưng cũng có thời điểm SV có thể tự nghỉ ngơi (dù chỉ là vài

phút) sau mỗi lần luyện tập. Biết cách tự học trong nhóm sẽ giúp SV phát huy tối đa sự phối hợp hoạt động của các giác quan hướng tới lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành các kỹ xảo. Quá trình này sẽ giúp SV tự tin, phát huy tính chủ động, sáng tạo. Quá trình này cũng giúp GV biết được thông tin phản hồi sớm, chính xác và tương đối toàn diện về những vấn đề liên quan đến năng lực tự học của SV. GV cũng có thể hướng dẫn SV tự học thông qua dự giảng. Dự giảng là hoạt động học tập dưới dạng quan sát mà không thực hành. SV cùng nhóm dự xem GV hướng dẫn SV khác học. Sau khi dự giảng, nhóm tiến hành trao đổi, thảo luận và rút kinh nghiệm. Việc tự học theo kiểu này sẽ giúp SV củng cố kiến thức và phát huy khả năng tư duy sáng tạo. Như vậy, GV phải tiến hành đổi mới PPDH dưới hình thức tổ chức đa dạng các hoạt động trong buổi học để SV tự học trên lớp hiệu quả.

3.2.2.2. Xây dựng kế hoạch học tập thường xuyên cho SV

GV giúp SV xây dựng kế hoạch tự học và tự nghiên cứu tác phẩm. Yêu cầu SV khi nhận CT học, phải biết vận dụng các kiến thức đã học như nhạc lý, ký xướng âm, lịch sử âm nhạc để nghiên cứu và vỡ bài. Chương trình học của các SV không giống nhau, vì vậy, các yêu cầu tự học đưa ra cho từng SV cũng có khác nhau về quy trình, về tốc độ hoàn thành và chất lượng. Giảng viên hướng dẫn SV lập kế hoạch thực hiện dự án CT đã soạn.

Ở mỗi một giai đoạn của kế hoạch GV cần có những yêu cầu cụ thể và hạn thời gian hoàn thành. Yêu cầu SV nghiên cứu xuất xứ tác phẩm, hiểu được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, vị trí của tác phẩm là việc đầu tiên cần phải làm khi SV nhận CT học từ GV. Tiếp đó là nghiên cứu về phong cách tác giả, tác phẩm. Ở mỗi thời kỳ khác nhau, trường phái khác nhau thì phong cách thể hiện tác phẩm có khác nhau. SV cần nghiên cứu để xác định phong cách thể hiện tác phẩm sao cho phù hợp. Yêu cầu SV nghiên cứu cấu trúc và nội dung tác phẩm để nắm bắt một cách tổng thể hình tượng âm nhạc mà mình cần phải thể hiện. Nghiên cứu về điệu thức và các thủ pháp phát triển giai điệu tác phẩm để nắm bắt được các tuyến giai điệu và hình tượng âm nhạc.

Thuộc phần đệm piano là kỹ năng quan trọng giúp SV chủ động trong khâu dựng bài nhất là ở những bài có phần đệm phức tạp và dài. SV cần nghiên cứu kỹ về ngôn ngữ thể hiện trong tác phẩm. Ở mỗi một ngôn ngữ, SV phải có sự tìm hiểu về cách phát âm sao cho chuẩn xác, tránh Việt hóa khi hát tiếng nước ngoài nhưng cũng đừng Tây hóa khi hát tiếng Việt. Yêu cầu SV nghiên cứu các chú thích của tác giả trên tác phẩm và phương pháp thể hiện. Yêu cầu SV nghiên cứu về cách thể hiện các phần mở đầu, cao trào và kết thúc tác phẩm. Có thể tham khảo qua phần hát mẫu của GV, hoặc qua GT âm thanh. Ngoài ra SV còn có thể nghe, tập hát cùng với đĩa nhạc mẫu, phần nhạc đệm. Việc SV tập với phần đệm có sẵn (theo tổng phổ) sau đó chuyển sang hát với phần đệm do pianist thực hiện sẽ rất thuận tiện. Tuy nhiên, khi SV muốn sáng tạo một vài chỗ nào đó trong tác phẩm thì cần có sự phối hợp nhịp nhàng với pianist. Yêu cầu SV tiếp cận sân khấu trước khi thi hoặc biểu diễn. Nghiên cứu để dự kiến trước những yếu tố có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng biểu diễn như âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ và diễn xuất... Yêu cầu SV cần có ý thức chuẩn bị về sức khỏe thể chất và tâm lý trước khi thi. Cần chú ý ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc. Trước khi thi nên có nội dung luyện thanh phù hợp; tập thư giãn trước và sau khi thi. Bước vào phòng thi tự tin, tập trung vào thể hiện tác phẩm với cảm xúc và kỹ thuật vững vàng.

Như vậy, SV sẽ phải phát huy tinh thần tự giác trong luyện tập ngay từ khi nhận CT học từ GV cho đến thời điểm kết thúc phần thi của mình. Trên lớp, GV giúp SV luyện giọng, nghe trả bài và góp ý, hướng dẫn họ PP tự học. Giảng viên hướng dẫn SV thực hiện âm thanh chuẩn, biết cách áp dụng kỹ thuật vào xử lý những yêu cầu khó trong tác phẩm, hướng dẫn SV cân bằng giữa cảm xúc và kỹ thuật, tạo tiền đề cho SV sáng tạo và từng bước định hình phong cách riêng trong nghệ thuật thể hiện của cá nhân. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, GV chỉ yêu cầu SV tự học, rèn luyện những gì GV khẳng định là SV làm được và đã làm đúng, không yêu cầu SV tự luyện tập những kiến thức mới, nhất là tự sửa sai những cố tật. Trong nhiều trường hợp, SV không thể tự nghe, tự đánh giá, tự điều chỉnh những gì mà mình chưa làm được.

Để tự học có hiệu quả, yêu cầu SV phải thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã đề ra, chuẩn bị bài trước khi lên lớp và dự lớp học đầy đủ; có ý thức tự vỡ bài, thuộc các tác phẩm, tự bổ sung kiến thức chuyên ngành, liên ngành trong quá trình luyện tập. GV cần kiểm soát SV trong việc hoàn thành CT học tập theo đúng kế hoạch.

Trong môi trường đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, GV cần quan tâm hình thành cho SV thói quen tự luyện tập và chủ động tham gia các hoạt động biểu diễn mang tính học thuật. Việc tạo cơ hội cho SV thể hiện năng lực chuyên ngành cũng là vấn đề GV phải lưu tâm. Sau mỗi kỳ thi, những SV xuất sắc có thể được lựa chọn trình diễn trong một CT cùng với GV. Việc hướng SV đến môi trường thực tập biểu diễn gắn kết với kết quả học tập đòi hỏi GV cũng phải năng động. Việc GV đứng ra tổ chức các CLB hoặc trung tâm hoạt động nghệ thuật thu hút sự quan tâm tham gia hoạt động của SV cũng là cách phát huy tính tích cực tự học của SV hiệu quả.

3.2.3. Một số giải pháp khác

3.2.3.1. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả đào tạo thanh nhạc

Đổi mới PP kiểm tra đánh giá cũng chính là nhằm thực hiện mục tiêu, nội dung, đồng thời có ảnh hưởng trở lại đến đổi mới mục tiêu và nội dung dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đổi mới nội dung và hình thức đánh giá được coi là biện pháp đổi mới PP kiểm tra đánh giá đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hiệu quả. Về hình thức đánh giá: ngoài việc đánh giá thực hành biểu diễn cá nhân, bổ sung hình thức đánh giá dưới dạng khảo sát thông qua các bài kiểm tra trắc nghiệm. Về nội dung đánh giá: có thể kiểm tra cả ba nội dung bài luyện thanh, bài hát và kiến thức âm nhạc. Ngoài các bài hát, bài luyện thanh kiểm tra ở mỗi học kỳ, có thể bổ sung nội dung kiểm tra dưới dạng bài tập thu hoạch ở kỳ cuối sau khi SV thực tập về. Cần đánh giá năng lực SV thông qua từng kỹ năng, phối hợp các kỹ năng và năng lực toàn diện. Đối với dòng hát opera cần lưu ý kỹ năng hát với dàn nhạc, hát kết hợp với diễn kịch. Đối với dòng hát thính phòng cần lưu ý kỹ năng hát ensemble với phần đệm của dàn nhạc thính phòng hoặc piano; kỹ năng chuyển đổi phong cách nhanh chóng (trong thời gian rất ngắn giữa các tiết mục), hợp lý các tác phẩm trong CT biểu diễn khi không có sự hỗ trợ của sân khấu, cảnh diễn và bạn

diễn. Việc đánh giá toàn diện căn cứ vào khả năng thực hành qua quá trình, từng giai đoạn và kết thúc quá trình học tập. Việc đánh giá khả năng tự học tự nghiên cứu chủ yếu trong các hoạt động thực hành biểu diễn, thực tập giảng dạy, tổ chức dàn dựng CT; đánh giá tư duy âm nhạc thông qua phong cách thể hiện tác phẩm; đánh giá tinh thần phục vụ chủ nghĩa xã hội và nhân dân thông qua tư tưởng tình cảm thể hiện trong quá trình tiếp thu, thể hiện, sáng tạo và đổi mới những tri thức chuyên ngành và kiến thức chung trong biểu diễn nghệ thuật.

Đánh giá sự sáng tạo và đổi mới là để tránh hiện tượng rập khuôn máy móc, học theo kiểu đối phó. Cần chú trọng đánh giá sự sáng tạo và đổi mới trong phong cách cá nhân SV trong cách trình bày tổng thể tác phẩm, trong cách vận dụng kỹ thuật, trong cách tạo ấn tượng đẹp ... Đánh giá tốt nghiệp cũng cần theo hướng phát triển toàn diện năng lực của SV với một số tiêu chí đánh giá cụ thể như: Đánh giá năng lực chuẩn bị thông qua phần báo cáo toàn bộ nội dung chương trình thi tốt nghiệp (có thể cả phần thu thanh CD chương trình dự thi); đánh giá năng lực biểu diễn trực tiếp thông qua phần trình bày chương trình dự thi đã được chuẩn bị trước; đánh giá năng lực làm việc với tác phẩm mới qua phần thị tấu tác phẩm sau khoảng thời gian chuẩn bị (thời gian cụ thể do hội đồng giám khảo quy định; đánh giá năng lực tư duy âm nhạc qua khả năng phân tích và tổng hợp tài liệu trong các bài thu hoạch của SV qua thực tế, thực tập biểu diễn. Bên cạnh đó, cần phát huy năng lực tự đánh giá của SV, giữa SV với SV, của cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập cũng như của xã hội. Đổi mới PP kiểm tra đánh giá còn thể hiện ở việc từng bước xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng cụ thể đối với mỗi giai đoạn học tập của SV. Một số tiêu chí đánh giá có thể tham khảo như: lựa chọn tác phẩm phù hợp, đúng yêu cầu của CT, âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh vang, sáng, tròn, đầy đặn, có nhạc cảm, kỹ thuật giọng thuần thực, làm chủ được các kỹ xảo âm thanh, thể hiện đúng phong cách thể loại tác phẩm... [PL1; b9; tr154].

3.2.3.2. Đa dạng các hình thức hoạt động sinh hoạt chuyên môn cho GV

GS.NSND Nguyễn Trung Kiên khẳng định “Các thầy cô giáo phải tự nâng cao mình bằng những biện pháp tự nghiên cứu, tự học để vươn lên... tự học để hoàn

thiện mình, để vươn lên là vô cùng cần thiết đối với người thầy nói chung và đặc biệt người thầy nghệ thuật..” [49;20]. Ông cũng cho rằng “Việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao kiến thức sư phạm, kiến thức nghệ thuật cho đội ngũ GV thanh nhạc ở các cơ sở đào tạo là một nhiệm vụ phải tiến hành thường xuyên...” [49;20] và phải có một kế hoạch lâu dài về đào tạo GV thanh nhạc. Sau đây là một số hoạt động sinh hoạt chuyên môn góp phần nâng cao năng lực GV thanh nhạc:

Tổ bộ môn cần tổ chức sinh hoạt định kỳ (hàng tháng). Một trong những nội dung sinh hoạt quan trọng đó là nghiên cứu CT đào tạo. Việc phân tích mục tiêu, nội dung CT và chuẩn đầu ra của ngành học, môn học, dòng hát, loại giọng... để đảm bảo những vấn đề GV giảng dạy được thực hiện theo đúng CT đã đề ra.

Tổ chức tập huấn sử dụng GT rất cần thiết đối với GV, nhất là GV trẻ. GV cũng cần phải hiểu rõ tính đặc thù của GT thanh nhạc chuyên nghiệp và cách sử dụng. Sử dụng GT hiệu quả cũng thể hiện năng lực của GV trước đồng nghiệp và SV trong việc lựa chọn tác phẩm phù hợp với từng CT học, từng đối tượng, từng giai đoạn học tập. Việc sử dụng hiệu quả GT, đặc biệt là GT ứng dụng CNTT cũng như các tài liệu hỗ trợ đối mới PPDH thanh nhạc phụ thuộc rất nhiều và năng lực và kinh nghiệm sư phạm của GV.

Hoàn thành hồ sơ chuyên môn trong từng học kỳ cũng như năm học cũng là cách để GV trau dồi nghiệp vụ sư phạm. Một trong những nội dung quan trọng trong hồ sơ chuyên môn của GV chính là giáo án. Do đặc thù ngành học mà công việc soạn giáo án giảng dạy cho từng tiết học và xây dựng CT học tập cho từng SV là việc làm thường xuyên của mỗi GV và thường được thể hiện dưới hình thức chương trình tác phẩm học tập của SV. Mỗi tác phẩm mà GV lựa chọn có ảnh hưởng tới chất lượng học tập của SV, vì vậy, việc soạn bài phải tiến hành một cách tỉ mỉ, thận trọng và nghiêm túc. Bài soạn có thể được thiết kế trên cơ sở ứng dụng CNTT cũng là một điều cần khuyến khích. Các bài soạn của GV có thể được lưu trên máy tính, thuận tiện chuẩn bị bài cho nhiều đối tượng SV khác nhau. Căn cứ vào GT chính, căn cứ vào mục tiêu đào tạo, dòng hát, loại giọng, trình độ của SV mà GV áp dụng bài soạn trong từng thời kỳ phát triển của SV. Sau khi SV tốt

nghiệp ra trường, những bài soạn này có thể được GV chỉnh sửa, bổ sung và lưu lại trên thư viện của nhà trường hoặc của khoa để làm tư liệu tham khảo. Bài soạn có thể bao gồm đầy đủ bản phở hoặc chỉ có tên tác phẩm, tác giả; có thể được soạn cho từng loại giọng, từng dòng hoặc cho từng năm học [PL11; tr245]. GV có thể trao đổi chuyên môn thông qua việc tham khảo các bài soạn của nhau.

GV thường xuyên ghi nhật ký giảng dạy cho từng SV một cách đều đặn là việc làm cần thiết. Ghi nhật ký giảng dạy có lợi cho cả GV và SV. Việc này phải được tiến hành thường xuyên sau mỗi tiết dạy, cho từng SV. Nội dung ghi chép bao gồm những kết quả và hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Thông qua nhật ký giảng dạy, GV sẽ có cái nhìn tổng thể và xuyên suốt quá trình học tập của SV, những bước trưởng thành, những khả năng đặc biệt về tính cách, tư chất, tâm hồn của SV để từ đó hình dung ra con đường phía trước cần phải làm gì để khắc phục những hạn chế cũng như phát huy tiềm năng của từng SV. Các nhật ký giảng dạy của GV, đặc biệt là GV lâu năm, là những tư liệu quý vì trong đó thể hiện quá trình học tập của những tấm gương SV xuất sắc. Nội dung này có thể được GV trao đổi với GV khác, với SV, hoặc nhóm SV thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

Bên cạnh đó, việc thường xuyên tổ chức tọa đàm giữa các GV trong nhóm/tổ bộ môn, trong khoa là cần thiết. Quá trình chuẩn bị, tiến hành tọa đàm và sau tọa đàm tạo nên không khí hoạt động, sinh hoạt chuyên môn cởi mở và thống nhất. Kế hoạch tổ chức tọa đàm có thể do khoa phụ trách trên cơ sở đề xuất của các nhóm chuyên môn và tổ bộ môn. Hoạt động tọa đàm có thể rải đều trong năm học và mang tính thường niên. Hai đối tượng cần khuyến khích tham gia các tọa đàm là GV có kinh nghiệm và GV trẻ. Cũng cần tăng cường trao đổi về chuyên môn giữa GV giỏi và GV trẻ. GV giỏi cần được phân công giảng dạy SV có tiềm năng phát triển tốt, ngược lại, SV giỏi cần được gặp những GV có trình độ cao để có điều kiện phát huy tối đa tiềm năng nghệ thuật. Với những GV mới vào nghề, công việc giảng dạy không giống như biểu diễn khiến họ có nhiều bỡ ngỡ vì thiếu kinh nghiệm SP. Việc phân công GV giỏi kèm cặp hỗ trợ họ là điều cần thiết. Việc sử dụng những biện pháp sửa sai cho SV trong quá trình giảng dạy cũng cần được GV giỏi hướng

dẫn tận tình. Giảng dạy những SV có tiềm năng phát triển tốt, GV trẻ rất cần sự cố vấn của GV giỏi. GV giỏi có thể cùng với GV trẻ kèm SV trong suốt thời gian học tập và thực hành nghề nghiệp; có các PP kiểm tra sự tiến bộ của SV thường xuyên. Có thể hỗ trợ GV trẻ nhận những SV tài năng và giúp đỡ họ về mọi mặt như nuôi dưỡng, dạy bảo, kèm cặp chuyên môn.

Việc tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng các PP và phương tiện dạy học thanh nhạc mới là hoạt động sinh hoạt chuyên môn có ý nghĩa thiết thực đối với GV, nhất là đối tượng GV mới bước vào nghề. Các cơ sở cần chủ động xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy của GV một cách thường xuyên. Thông qua tập huấn, các chuyên gia về lĩnh vực đào tạo thanh nhạc hướng dẫn GV sử dụng PP và phương tiện dạy học mới. Đây cũng là cơ sở cho việc đổi mới PP dạy học của GV và PP tự học của SV. Việc tổ chức tập huấn có thể dưới hình thức từng đơn vị độc lập hoặc liên kết các cơ sở đào tạo cùng trình độ, trong nước và quốc tế. Tổ chức các chuyên đề bổ trợ kiến thức cho GV trong đó có những kiến thức về chuyên ngành, về PP chuyên ngành và PPSP nói chung đều rất quan trọng đối với họ. “... chính trong những đợt học tập nâng cao đó, các GV có dịp thường xuyên bổ khuyết những kiến thức SP, về những đòi hỏi mới của công tác đào tạo qua những thông tin khoa học và nghệ thuật, một lần nữa lại là dịp để kiểm tra kiến thức toàn diện của đội ngũ GV” [49;20].

3.3. Đa dạng hóa chương trình và giáo trình thanh nhạc chuyên nghiệp

3.3.1. Chương trình môn học thanh nhạc

3.3.1.1. Về mô hình đào tạo

Là đơn vị tiên phong trong hệ thống các học viện âm nhạc và nhạc viện tại Việt Nam, HVANQGVN đã có chiến lược phát triển Học viện đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, trong đó đào tạo tài năng đỉnh cao và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đã được đề cập đến. Khả năng hiện có của HVANQGVN bước đầu có thể đáp ứng được yêu cầu đa dạng hóa mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Tuy nhiên, để thực hiện tốt các mô hình này, các thành tố cơ bản trong quá trình đào tạo

thanh nhạc chuyên nghiệp như đội ngũ, CT, GT, PPDH, PP kiểm tra đánh giá kết quả... cần có sự điều chỉnh để đáp ứng tốt hơn.

Trong tương lai, khi đào tạo thanh nhạc tiến hành đảm bảo được các giọng, có sự phân luồng theo từng dòng theo các mô hình tương ứng phù hợp thì chắc chắn hiệu quả đào tạo sẽ chuyên sâu và được nâng cao. Chúng ta sẽ có đội ngũ ca sĩ, GV thanh nhạc được đào tạo đạt chuẩn ở từng dòng, từng cấp độ. Điều kiện về tiềm năng kinh tế, khoa học và công nghệ của HVANQGVN, HVAN Huế, NVTPHCM nếu được bổ sung sẽ có đủ điều kiện để đào tạo các mô hình như đã nêu ở trên. Trong đó, HVANQGVN đã có kinh nghiệm đào tạo thanh nhạc từ những ngày đầu mới thành lập, có hơn 50 năm kinh nghiệm đào tạo thanh nhạc trình độ ĐH; có đội ngũ GV đầu ngành tuy không nhiều nhưng được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có nhiều SV đạt giải cao trong nước, khu vực và thế giới.

Cần quan tâm tới mô hình đào tạo đội ngũ GV thanh nhạc chất lượng ngay từ bậc đại học. Hiện nay, tại các học viện âm nhạc, nhạc viện chưa đào tạo mã ngành sư phạm chuyên ngành thanh nhạc trình độ ĐH. Trong khi đó, nhu cầu của xã hội đối với đội ngũ SV tốt nghiệp ĐH biểu diễn thanh nhạc có năng lực giảng dạy là rất lớn, tuy nhiên số SV này chưa được đào tạo căn bản về PPSP. Đào tạo SP thanh nhạc ở trình độ SDH (Cao học) với số lượng học viên hiện nay còn chưa có nhiều. Mô hình này chỉ đáp ứng cho nhu cầu của một số ít GV thanh nhạc giảng dạy ở các trường có đào tạo trình độ ĐH. Nhiều GV thanh nhạc giảng dạy ở các cơ sở đào tạo trình độ trung cấp đang có nhu cầu được chuẩn hóa. Vì vậy, trong giai đoạn mới, đào tạo SP thanh nhạc cần được nghiên cứu và tổ chức thực hiện nhằm giải quyết vấn đề thiếu GV thanh nhạc và GV chưa đạt chuẩn như hiện nay. Có thể đào tạo GV thanh nhạc dưới các hình thức đào tạo: chính quy, liên thông hoặc đào tạo lại. Bộ cần rà soát toàn bộ GV giảng dạy thanh nhạc, có kế hoạch tổ chức thường niên các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ SP cho GV thanh nhạc, tổ chức các khóa học cấp chứng chỉ SP chuyên ngành cho GV (chưa có chứng chỉ) và SV chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc mới ra trường, cần phải quan tâm tới việc mở mã ngành SP chuyên ngành thanh nhạc ở các bậc học. Trong tương lai, chúng ta cần nghiên cứu mã

ngành biểu diễn và sư phạm thanh nhạc bậc TS, tạo cơ hội cho GV ở các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu VN có điều kiện học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới mang tính cấp bách của nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.

Mô hình đào tạo đại trà cũng cần được quan tâm. Mô hình này có thể được thực hiện dưới dạng tạo nguồn tuyển cho đầu vào đại học các chuyên ngành (biểu diễn, sư phạm) và dòng hát (opera, thính phòng) của các mô hình đào tạo (tài năng đỉnh cao, nguồn nhân lực chất lượng cao). Thời lượng chương trình theo mô hình này có thể từ 01 đến 02 năm. Với mô hình này, thí sinh dự tuyển đầu vào đại học không phải mất thời gian dài học trung cấp trước đó (04 năm), nhưng cũng không ở trong tình trạng non nớt về kiến thức cũng như kỹ thuật thanh nhạc khi chỉ tốt nghiệp PTTH mà chưa được làm quen với việc học thanh nhạc chuyên nghiệp.

3.3.1.2. Về mục tiêu

Với việc đa dạng hóa mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp như đã nêu ở trên thì việc đa dạng hóa mục tiêu CT đào tạo là vấn đề tất yếu. Mỗi mô hình đào tạo phải xác định được mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát đối với đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp nói chung là những nghệ sĩ về biểu diễn và GV giảng dạy thanh nhạc có trình độ (ở các cấp độ ĐH, Ths và TS); trang bị cho SV những tri thức âm nhạc, những kỹ năng về lĩnh vực thanh nhạc, kỹ năng NCKH, kỹ năng tiếp cận với hệ thống tri thức mới về các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, con người để ứng dụng vào cuộc sống, lĩnh vực nghề nghiệp; có hệ thống những quan điểm phù hợp với chuẩn mực xã hội, hướng tới hội nhập với khu vực và thế giới.

Mục tiêu đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo CT đào tạo tài năng đỉnh cao: SV nắm vững kiến thức chuyên môn sâu và có kỹ năng thực hành giỏi, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; có khả năng đạt các giải thưởng cao trong nước, khu vực và quốc tế về biểu diễn thanh nhạc chuyên nghiệp dòng hát opera và hát thính phòng; có khả năng hội nhập với thế giới về biểu diễn thanh nhạc đỉnh cao. Nơi làm việc của SV

sau khi tốt nghiệp theo CT đào tạo tài năng đỉnh cao có thể là ca sĩ chuyên nghiệp, diễn viên Nhà hát nhạc vũ kịch trong nước, khu vực và quốc tế.

Mục tiêu của CT đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo như: năng lực biểu diễn chuyên nghiệp, năng lực giảng dạy, có khả năng hội nhập với thế giới trong lĩnh vực biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Nơi làm việc của SV sau khi tốt nghiệp CT đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có thể là diễn viên các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp trong nước, GV thanh nhạc tại các cơ sở đào tạo âm nhạc trong cả nước. Chuyên ngành biểu diễn hát opera và hát thính phòng với mục tiêu đào tạo diễn viên chuyên biểu diễn trên sân khấu nhạc kịch trong các vở opera hoặc trong các trích đoạn opera; có tiềm năng tham dự có hiệu quả các kỳ thi hát opera của khu vực và thế giới; bổ xung lực lượng cho các đơn vị biểu diễn nghệ thuật hát opera như nhà hát vũ kịch, các học viện âm nhạc trong và ngoài nước. với mục tiêu đào tạo ca sĩ, bồi dưỡng nhân tài cho các cuộc thi hát chuyên nghiệp trong nước, khu vực và quốc tế dòng thính phòng cổ điển; bổ xung lực lượng cho các đơn vị biểu diễn và đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc. Hướng tới đào tạo ca sĩ hát thính phòng đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới. Chuyên ngành SP thanh nhạc với mục tiêu đào tạo GV giảng dạy hát opera, hát thính phòng và hát ca khúc cho các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trung ương và địa phương. Tiến tới đào tạo GV thanh nhạc ở các cấp độ, đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới.

Như vậy, mục tiêu đào tạo hát đỉnh cao, nguồn nhân lực chất lượng cao về biểu diễn và SP thanh nhạc theo hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế cần phải được các học viện âm nhạc và nhạc viện quan tâm. Đây là cơ sở để phân biệt giữa đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp ở các cơ sở đào tạo âm nhạc hàng đầu VN với các trường VHNT địa phương, các trường SP. Trong giai đoạn mới vấn đề đào tạo cho từng chuyên ngành chuyên sâu hướng tới hội nhập quốc tế sẽ tiếp tục được nghiên cứu và đi vào thực tiễn. Mỗi CT cần xác định rõ thời gian thực hiện, mục

tiêu, nội dung sao cho phù hợp với yêu cầu đặt ra của từng mô hình đào tạo. Bên cạnh đó, đào tạo đại trà với mục tiêu tạo nguồn tuyển cho đào tạo thanh nhạc đỉnh cao và nguồn nhân lực chất lượng cao cũng cần được quan tâm.

3.3.1.3. Về nội dung chương trình môn học

Nội dung CT cần bám sát yêu cầu của xã hội về ca hát và sự phát triển của nghệ thuật ca hát chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Trong CT đào tạo tài năng đỉnh cao cần đề cao kiến thức chuyên môn song song với nội dung thực hành. Trong CT đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cần tăng cường thời lượng giảng dạy cho nội dung lịch sử và phương pháp sư phạm chuyên ngành. Bổ sung nội dung kiến tập, thực tập và thực tập tốt nghiệp biểu diễn cũng như giảng dạy cho SV với thời lượng phù hợp. Qua quá trình thực tập, năng lực biểu diễn và sư phạm thanh nhạc của SV được rèn giũa, làm tiền đề tốt cho công tác sau này. Như vậy nâng cao năng lực GV phải được quan tâm đầu tư trong quy trình đào tạo ngay từ bậc đại học.

Tác phẩm bổ sung vào CT phải phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành học, phù hợp với khả năng, đặc điểm của từng loại giọng, từng dòng hát ở từng mô hình đào tạo. Nó phải có giá trị sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp sau này đối với SV. Với ý nghĩa là bài tập ứng dụng kỹ thuật thể hiện và nghệ thuật diễn xuất, các tác phẩm bổ sung vào CT cần quan tâm tới các loại giọng. Tác phẩm bổ sung vào CT cũng cần phong phú về thể loại, đảm bảo tỉ lệ hợp lý tác phẩm cốt lõi và các tác phẩm khác. Tác phẩm cốt lõi trong CT hát thính phòng là romance, các aria, dân ca, ca khúc, vocalise không thể thiếu nhưng chỉ chiếm tỉ lệ nhất định. Cần tăng cường bổ sung romance TK XIX của các nhạc sĩ Đức – Áo và Nga như F. Schubert, R. Schumann, J. Brahms, F. Mendelssohn, S. Rachmaninov.... [PL11; tr248]. Bổ sung ca khúc mới có phần đệm piano của các nhạc sĩ VN như: Hoàng Dương, Hoàng Cương, Đỗ Dũng, Đặng Hữu Phúc, Trần Mạnh Hùng... [PL11; tr 249]. Bổ sung các ca khúc viết ở dạng trường ca của các nhạc sĩ VN như: Nguyễn Đình Thi (*Người Hà Nội*), Văn Cao (*Sông Lô*), Đỗ Nhuận (*Du kích sông Thao*)... [PL 11; tr251]. Bổ sung ca khúc âm hưởng dân gian và dân ca VN [PL11; 250]. Bổ sung các bài vocalise của tác giả VN như GS.NSND Nguyễn Trung Kiên và

PGS.TS Nguyễn Phúc Linh. Tác phẩm cốt lõi trong CT hát opera là tác phẩm trong opera, nhưng chủ chốt là aria. Vì vậy, cần thiết bổ sung một số aria TK XX, trong đó có aria trong các opera của các nhạc sĩ VN, như: Đỗ Nhuận (*Cô Sao, Người tạc tượng, Nguyễn Trãi ở Đông quan*), Nhật Lai (*Bên bờ K'ông Pa*), Hoàng Việt (*Bông sen*), Nguyễn Đình Tấn (*Tình yêu của em*), An Thuyên (*Đất nước đứng lên*) [PL11; tr249]. Tác phẩm trong CT đào tạo đại trà cần bổ sung các romance nước ngoài được hát bằng lời Việt, bổ sung dân ca Việt Nam và dân ca nước ngoài... Việc bổ sung tác phẩm mới vào CT sẽ làm phong phú sự lựa chọn tác phẩm của GV cũng như CT học của SV.

Mỗi dòng hát có những yêu cầu về kỹ thuật phù hợp với việc thể hiện loại tác phẩm mang phong cách của dòng hát; vì vậy, tác phẩm bổ sung đưa vào chương trình cũng cần bám sát yêu cầu rèn luyện kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện tác phẩm. Hai yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật được tiến hành song song và hài hòa trong suốt quá trình luyện tập của SV. Vì vậy, yêu cầu các tác phẩm được lựa chọn đưa vào chương trình phải tiêu biểu cho các kỹ thuật hát của từng mô hình, chuyên ngành, đảm bảo mục tiêu đào tạo.

Như vậy, về cơ bản, nội dung CT cho mỗi mô hình đào tạo phải có những nét riêng, vì vậy, phải có CT riêng, không thể sử dụng một chương trình chung cho các chuyên ngành và dòng hát. Tuy nhiên, nội dung CT phải thể hiện được tính liên thông giữa các bậc học, ngành học. Để thực hiện CT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa, các học viện âm nhạc và nhạc viện cần có là đội ngũ GV đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có học vị cao, PP dạy học tiên tiến. Giảng viên phải có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành thanh nhạc và SP thanh nhạc, có năng lực NCKH, có khả năng tìm tòi và phát hiện những vấn đề mới phục vụ đào tạo hiệu quả, có khả năng sử dụng tốt các dạng GT thanh nhạc.

3.3.2. Các dạng giáo trình thanh nhạc chuyên nghiệp

Đa dạng hóa GT là vấn đề tất yếu trong lộ trình đổi mới. Đa dạng hóa GT là để đáp ứng việc phân dòng và chuyên sâu từng dòng hát opera, hát thính phòng của các mô hình đào tạo. Mỗi một CT đào tạo, có thể có nhiều hơn một GT tương ứng.

Nghĩa là có thể biên soạn nhiều GT, bộ GT cho cùng một CT đào tạo. Các GT này, sau khi được nghiệm thu sẽ là cơ sở pháp lý để GV lựa chọn soạn giáo án phục vụ giảng dạy. Một chương trình có thể biên soạn nhiều GT ở nhiều dạng.

3.3.2.1. Giáo trình chính

Giáo trình tên tác giả, tác phẩm: Trước mắt, cần phát huy việc sử dụng GT *tên tác giả, tác phẩm* dùng chung cho hát opera và hát thính phòng do GS. NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn. Triển khai một cách đồng bộ GT này tới các học viện âm nhạc và nhạc viện. Bên cạnh đó, biên soạn GT cho từng chuyên ngành (biểu diễn, sư phạm) của dòng hát opera và hát thính phòng ở các mô hình đào tạo tài năng đỉnh cao, nguồn nhân lực chất lượng cao và đại trà.

Giáo trình bản phổ tác phẩm: Tiếp tục sử dụng hiệu quả bộ GT bản phổ tác phẩm đã có do GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn. Trên cơ sở đó, tiến hành biên soạn GT thanh nhạc riêng cho từng dòng hát và từng mô hình đào tạo, tăng cường công tác quản lý từ cấp tổ bộ môn về vấn đề thực hiện GT.

Giáo trình âm thanh: Sử dụng hiệu quả bộ GT âm thanh phân tác phẩm nước ngoài của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên gồm tổng phổ, đĩa hát mẫu và nhạc đệm. Để sử dụng GT mới hiệu quả, GV và SV cần được tập huấn và hướng dẫn cách sử dụng [PL1; b10; tr156]. Bổ sung GT âm thanh các tác phẩm VN với phần thu thanh hát mẫu và nhạc đệm chuẩn mực. Bổ sung GT tác phẩm NN và VN có phần nhạc đệm và hát mẫu cho từng chuyên ngành, từng dòng của từng mô hình đào tạo.

3.3.2.2. Một số dạng giáo trình khác

Bổ sung các tài liệu hỗ trợ GT chính ở các mô hình đào tạo khác nhau. Bổ sung GT cho từng loại giọng của từng chuyên ngành dưới dạng tên tác phẩm hoặc bản phổ tác phẩm. Bổ sung thêm GT bản phổ tác phẩm nước ngoài cho các giọng basse, mezzo và alto. Bổ sung GT bản phổ tác phẩm VN. Bổ sung thêm một số tác phẩm mới vào GT tác phẩm NN và VN. Các tác phẩm bổ sung vào GT cần phải bám sát mục tiêu và cụ thể hóa nội dung CT đào tạo tương ứng. Những tác phẩm này phải mang tính thẩm mỹ, có nội dung tư tưởng phù hợp với mục tiêu đào tạo của chuyên ngành, của cơ sở đào tạo.

Có thể bổ sung GT riêng cho mỗi loại giọng với hệ thống tác phẩm theo năm/học kỳ như GT tác phẩm nước ngoài đã được GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn. Có thể có dạng GT như: aria cho chuyên ngành hát opera năm thứ 1,2,3,4 giọng nữ/nam (cao, trung, trầm); hoặc romance cho chuyên ngành hát thính phòng năm thứ 1,2,3,4 giọng nữ/nam (cao, trung, trầm)...Có thể bổ sung GT cho toàn khóa học, GV giảng dạy sẽ là người quyết định lựa chọn tác phẩm phù hợp với trình độ, loại giọng. Đây cũng là dạng GT mà PGS. NSND Mai Khanh đã biên soạn thử nghiệm vào năm 1977 và đã được đưa vào sử dụng với những thành công nhất định.

Động viên và khuyến khích các GS, TS đầu ngành tiếp tục sưu tầm và biên soạn các tuyển tập tác phẩm nước ngoài và tác phẩm VN; biên soạn các tài liệu hướng dẫn học tập và giảng dạy đối với từng chuyên ngành, dòng hát và mô hình đào tạo. Khuyến khích GV thu thập tác phẩm trong CT đào tạo làm tài liệu tham khảo hỗ trợ việc giảng dạy. Tăng cường sử dụng có hiệu quả các tuyển tập đã xuất bản, mới ra đời. Bổ sung thêm tuyển tập các Vocalise VN làm phong phú thêm tư liệu dạy và học. Biên soạn tuyển tập CT học và thi của SV các khóa làm tài liệu tham khảo [PL4; tr172]. Ngoài ra, cũng cần tăng cường biên soạn một số GT âm thanh hỗ trợ GT chính.

Trong quy trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, yêu cầu đệm hát cho SV thanh nhạc chủ yếu là nhạc cụ piano; đây là công việc vất vả, khó khăn bởi GV đệm hát phải được đào tạo căn bản và chuyên sâu về nghệ thuật biểu diễn piano, phải có kiến thức nhất định về tác phẩm thanh nhạc... để có thể đệm và tham gia dựng tác phẩm cho SV. Người đệm hát đồng thời cũng là người biểu diễn cùng với SV; hầu hết họ không phải là nhạc sĩ sáng tác, và lại họ cũng không thể sáng tác ra phần đệm mới làm sai lệch ý tưởng tác phẩm, nhất là những tác phẩm romance, aria. Vì vậy, các tác phẩm bổ sung GT cần tuân thủ nguyên tắc chuẩn xác về bản phổ. Yêu cầu các aria và romance nước ngoài cần để nguyên gốc, có thể thêm phần dịch lời trực tiếp nội dung tác phẩm; ca khúc phải có phần đệm piano chuẩn mực. Tăng cường bổ sung tác phẩm mới (VN và NN) có phần đệm piano cho GT của cả hai dòng hát.

Như vậy, đa dạng GT thể hiện ở việc phong phú các dạng GT để GV có nhiều sự lựa chọn tác phẩm trong việc soạn giáo án phù hợp với trình độ của SV, phù hợp với từng vùng miền, phù hợp với đối tượng SV là người VN hay người nước ngoài. Đa dạng GT còn biểu hiện ở việc biên soạn các giáo trình âm thanh (hát mẫu, nhạc đệm) hỗ trợ cho GT chính. Đa dạng GT còn thể hiện ở việc GT có thể sử dụng nội bộ, sử dụng chung cho các cơ sở đào tạo trong nước, khu vực và quốc tế. Sử dụng các bộ giáo trình này, GV có điều kiện nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc lựa chọn tác phẩm, soạn bài, sử dụng hiệu quả nội dung hỗ trợ vào quá trình giảng dạy.

Theo quy định, soạn các bộ GT này phải là các GS, PGS, TS đầu ngành tại các học viện âm nhạc và nhạc viện. Vì vậy, ở góc độ là người nghiên cứu, chúng tôi chỉ đánh giá, tổng kết và đề xuất một số dạng GT như giáo trình tên tác phẩm giọng nữ cao dòng hát opera [PL11; tr246], giáo trình tên tác phẩm dòng hát thính phòng [PL11; tr248] và một số nội dung nên bổ sung GT, nhằm hỗ trợ GV nâng cao năng lực giảng dạy theo hướng đổi mới PPDH phát huy tính tích cực của SV.

3.3.3. Bổ sung giáo trình một số tuyển tập tác phẩm thanh nhạc

3.3.3.1. Tuyển tập “Vocalise 1” và “Vocalise 2” cho giọng cao và piano của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên và PGS.TS Nguyễn Phúc Linh

Tính đến năm 2013, chưa có nhạc sĩ VN nào viết vocalise cho thanh nhạc. Tập vocalise 1 và vocalise 2 viết cho giọng cao và piano được GS.NSND Nguyễn Trung Kiên và PGS.TS Nguyễn Phúc Linh phối hợp thực hiện và hoàn thành vào cuối năm 2013 [PL9; tr238]. Công trình gồm 2 tập bản phổ, được viết dạng liên ca khúc nhưng chưa đặt lời. Vocalise 1 là dòng chảy âm nhạc xuyên suốt chở nặng phù sa của các con sông dòng suối quê hương. Ngôn ngữ âm nhạc là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa điệu thức trưởng thứ châu Âu và âm hưởng dân ca các vùng miền như Quan họ Bắc Ninh với *Cho tôi nhắn một đôi lời* (bài 5), hay dải đất miền Trung đầy nắng gió (Quảng Nam) với *Hồ mái lơ* (bài 7)...Vocalise 2 là sự tiếp nối dòng chảy của vocalise 1. Giai điệu được phỏng theo các làn điệu dân ca như *Lý con sáo* (bài 5), *Lý chiều chiều* (bài 6), hay phỏng theo giai điệu của một bài hát như *Khổng mi*

nhũn của Nguyễn Nhung (bài 7), *Diễm xưa* của Trịnh Công Sơn (bài 10). Chất liệu xây dựng chủ đề trong các hai tuyển tập vocalise rất phong phú nhưng chủ yếu khai thác nền âm nhạc truyền thống để làm nổi bật lên tính dân tộc trong các tác phẩm và vận dụng vào tác phẩm theo nhiều cách: có thể từ những âm láy mang âm hưởng dân ca, từ các quãng đặc trưng của dân tộc (quãng 4, quãng 5), trích dẫn từ một làn điệu dân ca, hoặc mang âm hưởng dân ca vùng miền hay một giai điệu trong một bài hát quen thuộc, hoặc sử dụng tiết tấu đặc trưng, và viết trên điệu thức dân tộc. Trong các vocalise không sử dụng một điệu thức mang tính chủ đạo mà thường đan xen nhiều dạng điệu thức khác nhau. Điệu thức mang màu sắc dân tộc là phần quan trọng để cấu thành nên tác phẩm âm nhạc, là yếu tố thẩm mỹ chính trong các bản vocalise của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên và PGS.TS Nguyễn Phúc Linh. Bên cạnh đó, hệ thống điệu thức trưởng thứ châu Âu cũng được sử dụng dưới một ngôn ngữ âm nhạc tương đối mới mẻ và phát triển một cách phong phú và đa dạng như là nhân tố cơ bản cho sự phát triển của hệ thống điệu thức của các tác phẩm trong hai tuyển tập này. Đôi khi là sự pha trộn đan xen giữa các điệu thức 4 âm, 5 âm và điệu thức trưởng thứ. Hòa thanh trong các vocalise có sự kết hợp sáng tạo, hài hòa giữa ba yếu tố: cổ điển, hiện đại và dân tộc nhằm tạo sự phong phú về màu sắc. Các điệu thức trưởng thứ không được sử dụng xuyên suốt mà chỉ xen kẽ với các điệu thức khác nên không xuất hiện chuyển điệu nhiều; thường sử dụng thủ pháp chuyển điệu công năng và nhảy điệu. Các tuyển giai điệu trong các vocalise thường được phát triển theo hướng sử dụng nhiều thủ pháp như nhắc lại nguyên xi, nhắc lại có thay đổi, mô tiến, những chùm láy, nét lướt rất đặc trưng cho kỹ thuật thanh nhạc. Các vocalise đã khai thác được tính năng của giọng hát cao. Âm vực của tác phẩm phù hợp với âm vực của giọng (vocalise II, bài 5, âm vực c1-h2), các tác phẩm quan tâm khai thác những nốt cao (vocalise II, bài 9). Ngoài ra, các vocalise khai thác và luyện tập kỹ thuật giọng: Luyện tập kỹ thuật legato: vocalise I, bài 3; vocalise II, bài số 1; vocalise II, bài số 7, nhịp 5-16. Luyện kỹ thuật staccato: như Vocalise II, bài số 4, nhịp 15-16, 28-29; hay vocalise II, bài số 5, nhịp 13-16; vocalise II, bài số 7, nhịp 17-28. Luyện kỹ thuật crescendo/decrescendo: vocalise II, bài 1, nhịp 10 -12. Luyện

kỹ thuật trillo: vocalise II, bài 8, nhịp 5-6; 30, 53, 55, 56, 57. Luyện các tiết tấu: chùm ba, lệch phải, lệch trái, móc giạt, chấm dôi, đảo phách... vocalise I, số 1, số 2. Tuyển tập vocalise 1 và vocalise 2 được thiết kế dưới dạng bản phổ. Đây có thể coi là một dạng giáo trình mới bổ sung cho GT thanh nhạc. Giáo trình này sẽ hỗ trợ tốt cho GV trong quá trình giảng dạy dòng hát opera và hát thính phòng, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.

3.3.3.2. Một số tuyển tập khác

Tuyển tập “Những tác phẩm thanh nhạc nước ngoài chọn lọc” của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên: Tuyển tập gồm ba tập với 141 bài (Tập 1: 57 bài, tập 2: 40 bài, tập 3: 54 bài). Tập một và hai gồm các romance TK XVII, XVIII, XIX; tập ba được bổ sung một số aria TK XVIII, XIX. Hầu hết các tác phẩm trong ba tuyển tập đều có phần đệm piano, rất thuận tiện cho GV, SV và GV đệm piano trong quá trình luyện tập, ráp đàn và thi vì phần đệm đã được thống nhất ở tổng phổ. Một số bản dân ca nước ngoài có phần đệm piano cũng đã được sưu tầm và dịch lời Việt. Đây chính là điểm mới vì từ trước đến nay, VN chưa có GT tác phẩm nước ngoài được biên soạn và dịch sang hát lời Việt một cách hệ thống, bài bản như tuyển tập này. Đây là một dạng GT mới bổ sung cho GT thanh nhạc dòng hát thính phòng.

“Tuyển chọn 60 Romance và ca khúc cho giọng hát với Piano” của nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc: Đây là những ca khúc và romance được chắt chiu từ những năm tháng ông đắm đuối với công việc đệm hát cho khoa thanh nhạc HVANQG.VN. Một số bài hát quen thuộc đã đi vào lòng người như *Trăng chiều, Ru con mùa đông, Lá thu...* Tính dân tộc và tính hiện đại hòa quyện trong các tác phẩm viết cho thanh nhạc của nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc. Ông đã sử dụng phối hợp nhuần nhuyễn bút pháp sáng tác phương Tây với âm hưởng dân ca VN. Các tác phẩm này đã được chính nhạc sĩ đầu tư thu thanh phần hát và phần nhạc đệm; có thể làm tài liệu tham khảo tốt cho GV trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp dòng hát thính phòng.

Tuyển tập tác phẩm “Vietnam songs 1” và “Vietnam Songs2” của NSND Quang Thọ: Tuyển tập gồm 22 bài hát VN có phần đệm piano. Tập 1 gồm 17 bài dành cho giọng cao, tập 2 gồm 15 bài dành cho giọng trung. Một số ca khúc đã đi

vào lòng người như: *Bình Trị Thiên khói lửa* (Nguyễn Văn Thương), *Xa khơi* (Nguyễn Tài Tuệ), *Tình em* (Huy Du)...Điểm mới là các ca khúc trong tuyển tập được trình bày dưới dạng bản phổ, CD hát mẫu và nhạc đệm. Đây cũng có thể được coi là một trong những tài liệu hỗ trợ tốt cho việc sử dụng GT thanh nhạc chuyên nghiệp phần ca khúc VN. Như vậy vấn đề về GT mà chúng tôi đề cập đến ở phần này chính là tiến tới triển khai một cách đồng bộ và thực hiện nghiêm túc GT chính đã có tới các học viện âm nhạc và nhạc viện trong cả nước. Bên cạnh đó việc xây dựng các GT mới bổ sung cho GT chính, tăng cường sử dụng hiệu quả GT trong các lớp học cũng là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay.

3.4. Thực nghiệm sư phạm

3.4.1. Kế hoạch thực nghiệm

Chúng tôi tổ chức thực nghiệm với mục đích đánh giá khách quan kết quả đạt được sau khi áp dụng một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, khẳng định tính khả thi của một số giải pháp đã được trình bày trong luận án. Chúng tôi thực nghiệm sư phạm về năm vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, cụ thể: đổi mới quy trình dạy học thanh nhạc, phối hợp các hình thức tổ chức lớp học, sử dụng tài liệu hỗ trợ GT thanh nhạc, sử dụng phối hợp PP thị phạm và gợi mở, ứng dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vào giảng dạy. Đối tượng được lựa chọn thực nghiệm là SV của HVANQGVN và HVAN Huế [PL8, tr203], với đối tác thực nghiệm là GS.NSND Nguyễn Trung Kiên. Trong suốt quá trình tiến hành thực nghiệm, chúng tôi đã nhận được sự chỉ đạo sát sao, sự giúp đỡ tận tình của ông. Công tác chuẩn bị thực nghiệm bao gồm: xây dựng kế hoạch, soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng [PL8; tr203], chuẩn bị phòng học chuyên dụng có đàn Piano, đầu đĩa, CD nhạc mẫu, CD hát mẫu, CD nhạc đệm.

3.4.2. Tổ chức thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành dạy thực nghiệm 06 tiết thanh nhạc tại phòng 4D, nhà A1, HVANQGVN vào các ngày 5 và 8 tháng 5 năm 2015. Buổi thứ nhất: 04 tiết, thứ ba ngày 5/5/2015 (04SV). Buổi thứ hai: 02 tiết, thứ sáu ngày 8/5/2015 (02 SV).

Các hoạt động chủ yếu diễn ra trong buổi học: Luyện thanh khởi động giọng, luyện tập kỹ thuật giọng; tập vocalise luyện tập kỹ thuật tác phẩm.; tập tác phẩm để nắm vững giai điệu, lời ca, kỹ thuật thể hiện; nghe; tập hát cùng CD nhạc mẫu/hát mẫu để hiểu tổng thể và chi tiết tác phẩm, nuôi dưỡng cảm xúc; tập hát cùng CD nhạc đệm để thuộc tác phẩm cùng phần nhạc đệm, tập biểu diễn tác phẩm.

Phương pháp tổ chức dạy thực nghiệm: Chúng tôi tiến hành lên tiết dạy, dự giờ, phỏng vấn, khảo sát để rút ra được kết quả giảng dạy thực nghiệm. Nghiên cứu các bài hát, vocalise, mẫu câu luyện thanh. Luyện thanh khởi động đầu giờ giúp SV chuẩn bị về mọi mặt trước khi vào bài luyện tập chính thức. Tiến hành sửa sai thông qua thị phạm và gợi mở. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học như đài đĩa, piano trong quá trình luyện thanh, vocalise, hát và đệm hát cho SV. Khai thác sử dụng các tài liệu hỗ trợ giảng dạy: CD hát mẫu và nhạc đệm trong bộ GT tác phẩm nước ngoài của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn, CD hát mẫu và nhạc đệm trong tuyển tập “Vietnam songs 1” và Vietnam songs 2” của NSND Quang Thọ, CD nhạc mẫu và nhạc đệm trong “Tuyển chọn 60 romance và ca khúc cho giọng hát với piano” của Đặng Hữu Phúc.

Tổ chức lớp học theo quy trình mới, tiến hành bổ sung các bước nghe, hát cùng CD. Tổ chức lớp học theo buổi với các hình thức xen kẽ giữa các SV, giữa cá nhân và nhóm thay cho hình thức cũ (mỗi SV học liên tục trong một tiết). Sử dụng các tài liệu hỗ trợ GT chính vào các tiết dạy, cụ thể là các CD hát mẫu và nhạc đệm tác phẩm nước ngoài và VN. Trong quá trình hướng dẫn SV sửa sai, chúng tôi sử dụng phối hợp PP thị phạm và gợi mở, chỉ tiến hành thị phạm những kỹ thuật khó, những đoạn khó trong tác phẩm. PP gợi mở được sử dụng theo 2 hướng: gợi mở cách thực hiện mà không giải thích nhiều đối với SV năm thứ nhất và năm thứ hai; gợi mở trên cơ sở kiểm tra và cung cấp kiến thức về PPSP thanh nhạc cho SV năm thứ ba và năm thứ tư. Chúng tôi sử dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vận dụng vào từng đối tượng cụ thể: dòng hát opera, hát thính phòng; các loại giọng: soprano, soprano coloratura, soprano lyric, alto, barytone. Trên cơ sở hệ thống kỹ thuật, *biên soạn mẫu câu luyện thanh cho từng SV trong các tiết học mang tính linh*

hoạt. Chú trọng chuyển giọng nữ và âm thanh đống tiếng giọng nam, giọng giả thanh nam. Vận dụng có liều lượng các kỹ thuật vào hát các tác phẩm aria, romance và ca khúc VN.

Đối với 04 tiết dạy ngày 5/5/2015: Đối tượng học là SV đại học năm thứ ba (Trương Hoàng An), SV năm thứ tư (Nguyễn Ánh Tuyết), SV năm thứ nhất (Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Minh Hoàng). Việc luyện tập bài hát của các SV đang ở vào giai đoạn hoàn thiện bài hát. Thông qua phần trả bài, phần SV hát cùng CD hát mẫu và tập biểu diễn với CD nhạc đệm, GV kiểm tra việc SV thể hiện được nội dung tình cảm bài hát có chính xác hay chưa, có làm cho người nghe hiểu, cảm động hay không, khả năng diễn xuất tác phẩm đã phù hợp chưa... từ đó đặt ra những yêu cầu tiếp theo cho phần luyện tập của SV.

Đối với 02 tiết dạy ngày 8/5/2015: Đối tượng học là SV đại học năm thứ hai (Đặng Nguyễn Thị Thanh Trang) và SV năm thứ nhất (Nguyễn Thị Mỹ Ly). Việc luyện tập bài hát của SV Trang và SV Ly đang ở vào giai đoạn tìm hiểu sâu về bài hát. Giảng viên hướng dẫn SV kết hợp lời ca với giai điệu bài hát, có sự biểu hiện âm nhạc cơ bản; giúp SV lựa chọn PP thể hiện - vận dụng kỹ thuật thanh nhạc vào việc xử lý tác phẩm. SV được nghe toàn bộ tác phẩm để có cái nhìn tổng thể và chi tiết, cách xử lý tác phẩm. Cuối cùng, SV được nghe và tập hát cùng nhạc đệm.

3.4.3 Kết quả thực nghiệm

Những tiêu chí đánh giá chất lượng: Đánh giá chất lượng kết quả thực nghiệm thông qua thái độ của SV sau khi tham gia tiết học (nội dung trả lời phỏng vấn). Đánh giá chất lượng kết quả thực nghiệm thông qua nhận thức của SV về các vấn đề đặt ra trong quá trình thực nghiệm (phiếu khảo sát).

Kết quả: Với việc áp dụng các giáo án thực nghiệm, chúng tôi đã thu nhận được kết quả khả quan. Chất lượng SV được nâng lên rõ rệt về thái độ, nhận thức, SV hứng thú hơn trong học tập, năng động, sôi nổi và tự tin hơn.

Thông qua kết quả phiếu khảo sát cho thấy: 100% SV tham gia thực nghiệm cho rằng bổ sung các bước trong quy trình dạy học thanh nhạc là rất cần thiết; 100% SV rất thích tổ chức lớp học đa dạng với các hình thức khác nhau; 100% cho rằng

thực hành tốt hơn khi GV sử dụng phối hợp PP thị phạm và gợi mở. Họ cũng cho rằng nên sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc thường xuyên trong các buổi học, và khẳng định việc GV hướng dẫn học vận dụng kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto trong thể hiện aria, romance và ca khúc là cần thiết và hiệu quả.

Thông qua nội dung trả lời phỏng vấn có thể thấy, việc đổi mới bám sát năm nội dung đã đề ra mang tính khả thi, có ý nghĩa thực tiễn. Sinh viên Thanh Trang (ĐH2) cho biết, quy trình giờ học được bổ sung một số nội dung mới, như: hát cùng CD hát mẫu, CD nhạc đệm là nội dung lần đầu được thực hiện trong giờ học của mình. Sinh viên Trang khẳng định rằng “Những CD em được nghe trên lớp là những tài liệu đã được GS chọn lựa nên em nghĩ nó rất chuẩn mực cả về âm thanh và diễn xuất, nó giúp em hiểu rõ về tác phẩm. Hát cùng CD sẽ giúp em nuôi dưỡng cảm xúc của mình trong suốt quá trình luyện tập. Nếu được học như vậy thường xuyên, chắc chắn em sẽ biểu diễn tác phẩm vững vàng hơn cả về kỹ thuật, cảm xúc cũng như bản lĩnh biểu diễn.” [PL8; tr234]. Sinh viên Ánh Tuyết (ĐH4) và SV Thảo (ĐH1) cùng thống nhất ý kiến với SV Trang rằng “lớp học diễn ra luân phiên giữa các bạn như vậy là rất cần thiết, mỗi bạn có điều kiện được nghỉ ngơi sau mỗi bài tập. Việc luyện thanh theo nhóm dù với thời lượng không nhiều ở đầu giờ học nhưng đã giúp cho không khí lớp học được khởi động sôi nổi, tạo cảm hứng tốt cho sinh viên. Việc luyện thanh trong nhóm cũng phần nào giúp cho SV được tự tin hơn nhất là những SV mới ” [PL8; tr233].

Kết quả khảo sát và phỏng vấn SV cho thấy những giải pháp đổi mới được áp dụng đã phần nào chứng minh được tính khả thi của một số giải pháp mà luận án đưa ra. Những kết quả đem lại khi áp dụng các giải pháp đổi mới mà luận án đề xuất có thể làm cơ sở cho việc có thể áp dụng rộng rãi ở các lớp học thanh nhạc chuyên nghiệp tại HVANQGVN và các cơ sở đào tạo khác.

3.4.4. Những thuận lợi, khó khăn và bài học rút ra từ công tác thực nghiệm

Những thuận lợi và khó khăn: Chúng tôi nhận được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực nghiệm. Chúng tôi cũng nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các

em SV trong quá trình lên các tiết dạy, tiến hành khảo sát và phỏng vấn. Các buổi dạy thực nghiệm diễn ra đảm bảo kế hoạch và nội dung yêu cầu. Bên cạnh những thuận lợi kể trên, chúng tôi gặp khó khăn khi thời tiết nắng nóng đã ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của GV và SV.

Bài học kinh nghiệm: Một số nội dung đổi mới đã được thể hiện rõ trong các tiết dạy thực nghiệm. Thông qua đó, chúng tôi có những tổng kết như sau: Việc đổi mới quy trình dạy học thanh nhạc là cần thiết giúp GV tiếp cận với PPDH mới, phát huy tính tích cực của SV. Phối hợp các hình thức tổ chức lớp học là điều kiện để GV đổi mới phương pháp dạy học, từng bước nâng cao năng lực giảng dạy. Đưa các tài liệu hỗ trợ giáo trình như CD nhạc mẫu, hát mẫu, nhạc đệm vào trong các tiết dạy cũng là hình thức đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả. Tăng cường sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gợi mở trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp là động lực thúc đẩy GV không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. Khi ứng dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vào giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp cần căn cứ vào từng loại giọng, dòng hát cụ thể để áp dụng. Điều này đòi hỏi GV phải rất vững vàng về chuyên môn.

Tất cả những vấn đề đã được nêu trên nếu thực hiện một cách đồng bộ và nghiêm túc thì năng lực giảng dạy của GV sẽ được nâng cao, góp phần đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 3

Những nội dung được phân tích trong chương ba đã xác định được giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, việc chuẩn hóa đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu mới trong đào tạo giữ vị trí quan trọng hàng đầu. Trong nội hàm của việc chuẩn hóa chất lượng GV thanh nhạc thì năng lực chuyên môn (kiến thức lý luận chuyên ngành và biểu diễn), năng lực giảng dạy cũng như năng lực NCKH là những đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Tất nhiên, kết quả đào tạo của người GV thanh nhạc còn phụ thuộc vào những kiến thức, PPSP chuyên ngành và sự tích lũy kinh nghiệm của mỗi người. Để nâng cao kiến thức chuyên ngành, GV phải đi sâu

nghiên cứu lý luận SPTN, nghiên cứu các công trình khoa học của các GS.TS đầu ngành để ứng dụng vào trong giảng dạy một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, GV thanh nhạc phải chuẩn hóa năng lực NCKH thông qua việc nghiên cứu các PPSP thanh nhạc trên thế giới và có hướng vận dụng hiệu quả vào thực tiễn đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại VN. Nếu có điều kiện, người GV thanh nhạc nên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, nghiên cứu về CT, GT phục vụ cho việc soạn giáo án. GV cần tăng cường những hiểu biết về tâm lý học để hiểu được các cách học khác nhau của SV, phân tích các PP học tập của họ để từ đó có cách tiếp cận hợp lý, khoa học. GV thanh nhạc cần có PP giảng dạy phù hợp với trình độ của SV, nhằm phát huy tính tích cực, năng lực của họ. GV thanh nhạc cần làm chủ được những tiến bộ về PP dạy học, hướng tới hội nhập quốc tế. Một đặc thù mang tính nghề nghiệp khác là GV thanh nhạc cần tăng cường năng lực sử dụng ngoại ngữ, chủ yếu là cách phát âm các ngôn ngữ trong các tác phẩm aria và romance được qui định trong CT. Một trong những phương tiện quan trọng giúp ích rất nhiều trong việc nâng cao năng lực dàn dựng tác phẩm, trau dồi kiến thức âm nhạc và phát triển năng lực cho SV đối với GV thanh nhạc là khả năng sử dụng đàn piano như một phương tiện hỗ trợ dạy học. Trong nội dung của chương ba, chúng tôi còn nhấn mạnh việc đa dạng hóa mô hình CT, GT giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy thanh nhạc trên phạm vi toàn quốc. Các cơ sở đào tạo thanh nhạc lớn cần xây dựng các GT cho từng mô hình CT đào tạo, từng bước hoàn chỉnh GT chính thống; tiến hành biên soạn GT phong phú theo các dạng sao cho đảm bảo tính hợp lý giữa dung lượng tài liệu và quỹ thời gian đào tạo quy định đối với từng mô hình CT đào tạo. Trong đó, chúng tôi đặc biệt chú trọng mô hình đào tạo SPTN trình độ ĐH, mô hình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và tài năng đỉnh cao đối với các dòng hát opera và hát thính phòng. Ngoài ra, chúng tôi còn giới thiệu một số tuyển tập có thể bổ sung cho GT thanh nhạc dòng hát thính phòng. Kết quả thực nghiệm cũng đã phần nào minh chứng một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp thông qua việc đổi mới PPDH nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ GV.

KẾT LUẬN

Sự nghiệp đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN nói chung, các học viện âm nhạc và nhạc viện nói riêng đã phát triển gần 60 năm với những thành tựu nổi bật về đào tạo, biểu diễn và NCKH. Luận án bước đầu tổng kết một cách khái quát quá trình hình thành và phát triển SP thanh nhạc châu Âu cũng như sự tiếp nối của nền SP thanh nhạc chuyên nghiệp VN. Những khuynh hướng SP khác nhau nhưng đều thống nhất quan điểm đào tạo theo trường phái Bel canto: những giọng hát đẹp, có sức biểu cảm phong phú, thể hiện được đa dạng các hình tượng nghệ thuật âm thanh. Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN kế thừa những thành tựu của thế giới, nhưng đã từng bước khẳng định vị thế thông qua sự hình thành các cơ sở đào tạo thanh nhạc hàng đầu VN và đội ngũ GV đầu ngành tâm huyết.

Luận án đã phân tích thực trạng của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp VN chủ yếu trên các mặt CT, GT và đội ngũ giảng dạy. Việc phân tích các nguyên nhân của những hạn chế trong những năm qua đã giúp ích rất nhiều trong việc tìm ra các giải pháp đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tại các cơ sở đào tạo thanh nhạc trên phạm vi toàn quốc. Luận án đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, cụ thể: chuẩn hóa đội ngũ GV, đổi mới PPDH phát huy tính tích cực của SV, đa dạng hóa CT, GT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.

Cùng với SV, GV là thành tố không thể thiếu của quá trình dạy học; họ là người đổi mới PPDH và sử dụng PPDH mới, là người triển khai kế hoạch đào tạo, thực hiện CT, sử dụng GT, là người đánh giá kết quả đào tạo, và chịu trách nhiệm chính về kết quả học tập của SV. Như vậy GV là người chịu trách nhiệm chủ yếu ở các thành tố của quá trình dạy học. Để đổi mới đào tạo hiệu quả thì trước tiên và cốt lõi cần phải chuẩn hóa năng lực của GV, hay nói cách khác, việc chuẩn hóa năng lực của GV cũng chính là động lực thúc đẩy quá trình đổi mới. Đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không nằm ngoài yêu cầu trên. Năng lực người GV thanh nhạc cần phải được chuẩn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới về CT, GT, trong đó

bao gồm năng lực chuyên môn, giảng dạy và NCKH. Chuẩn hóa đội ngũ GV được xác định là nhóm giải pháp then chốt, quyết định chất lượng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới. Chúng tôi đã đi sâu phân tích từng biện pháp cụ thể: nâng cao năng lực chuyên môn hướng tới đào tạo đỉnh cao trong hát thính phòng và hát opera, nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH đáp ứng yêu cầu của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa. Để nâng cao năng lực chuyên môn hướng tới đào tạo đỉnh cao trong hát thính phòng và hát opera, GV cần phải nghiên cứu về hệ thống kỹ thuật của trường phái Bel canto, nghiên cứu phân loại giọng hát và phong cách hát thính phòng và hát opera, trau dồi kỹ năng phân tích tác phẩm, tìm hiểu một số yêu cầu khi hát aria, romance và ca khúc. Giảng viên thanh nhạc cần trau dồi cách phát âm một số ngoại ngữ để có thể tự nghiên cứu thể hiện, giảng dạy tốt các tác phẩm hát bằng ngôn ngữ gốc. Vấn đề GV trau dồi năng lực biểu diễn hát thính phòng và hát opera cần được đề cao trong môi trường đào tạo là các học viện âm nhạc và nhạc viện. Để nâng cao năng lực giảng dạy, người GV thanh nhạc cần trau dồi hiểu biết về PPSP âm nhạc, nghiên cứu nắm vững những vấn đề lý luận về giọng, PP phát triển giọng hát và kỹ thuật hát; nghiên cứu về bel canto và xu hướng sử dụng hơi thở, xây dựng kỹ xảo phát âm thanh, chuyển giọng trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp. Bên cạnh đó GV cần đổi mới quan niệm, nhận thức về hoạt động NCKH, thường xuyên trau dồi PP NCKH, tích cực nghiên cứu những công trình của các GS, TS, GV thanh nhạc đầu ngành. Cơ sở đào tạo cũng cần quan tâm phát huy vai trò của các GS, TS trong hướng dẫn NCKH, thúc đẩy công tác NCKH của GV trong các khoa thanh nhạc cũng như tăng cường hoạt động NCKH trong SV là những giải pháp hữu hiệu nâng cao năng lực NCKH của GV. Ngoài ra, việc đa dạng các hình thức hoạt động NCKH như viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu đề tài các cấp, viết bài đăng tạp chí, tổ chức hội nghị hội thảo... cũng giúp GV thanh nhạc vững vàng trong chuyên môn và giảng dạy. Tại các học viện âm nhạc, nhạc viện, giảng viên thanh nhạc phải là người được đào tạo chuyên ngành biểu diễn hoặc SP biểu diễn thanh nhạc bậc cao học trở lên,

có kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, phù hợp với chuyên môn giảng dạy.

Để nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp trong giai đoạn mới, ngoài việc chuẩn hóa đội ngũ GV, vấn đề đổi mới PPDH cũng mang tính cấp thiết. Luận án đã khẳng định đổi mới PPDH thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng phát huy tính tích cực của SV phải trên cơ sở đổi mới PP giảng dạy của GV và PP tự học của SV. Luận án đã chỉ rõ, tiến hành đổi mới PP giảng dạy của GV với các biện pháp như đổi mới quan điểm dạy học phát huy tính tích cực của SV trong việc đổi mới quy trình dạy học, đa dạng hình thức tổ chức lớp học, cải thiện môi trường học tập, sử dụng tốt đàn piano để thể hiện các mẫu câu luyện thanh một cách chuẩn xác về trường độ, tốc độ, sắc thái theo đúng yêu cầu của từng loại kỹ thuật. Bên cạnh đó GV cũng cần nghiên cứu sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ dạy học như nhạc mẫu, nhạc đệm... cũng như kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto. Đổi mới PP giảng dạy của GV cần gắn liền với yêu cầu nâng cao năng lực tự học của SV. Sinh viên phải có ý thức và PP tự học hiệu quả. Nâng cao năng lực tự học phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo đối với SV được coi là một trong những giải pháp có ý nghĩa thiết thực trong công tác đào tạo thanh nhạc. Giảng viên cần hướng dẫn SV cách học trên lớp với sự đa dạng hình thức tổ chức lớp học, hướng dẫn SV tự học ở nhà với nhiệm vụ và quy trình thực hiện cụ thể, khoa học. Cần tạo môi trường học tập thân thiện, lý tưởng cho SV phát huy khả năng tư duy và thực hành sáng tạo. Vấn đề đổi mới PP đánh giá kết quả đào tạo thanh nhạc và đa dạng các hình thức hoạt động sinh hoạt chuyên môn cho GV cũng góp phần đổi mới PPDH của GV và SV. Ngoài ra, GV phải có khả năng sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT vào trong chuyên môn, giảng dạy và truy cập các nguồn tư liệu mới nhất về chuyên ngành thanh nhạc trên thế giới.

Cùng với việc chuẩn hóa đội ngũ GV, đổi mới PPDH, giải pháp đa dạng hóa CT, GT đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp tạo nên sự đồng bộ trong quá trình đổi mới đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. Các giải pháp cụ thể như: đa dạng mô hình, mục tiêu, nội dung CT môn học thanh nhạc, xây dựng và bổ sung các dạng GT

thanh nhạc chuyên nghiệp, bổ sung GT một số tuyển tập tác phẩm thanh nhạc. Một trong những vấn đề mới được đặt ra chính là giải pháp phân chia và soạn thảo các GT đặc trưng cho từng loại giọng, từng chuyên ngành, trong đó có bổ sung GT chuyên ngành dành cho SP thanh nhạc. Giáo trình được biên soạn theo hướng đa dạng hóa, trong đó có GT âm thanh (sử dụng đĩa CD, VCD). Trong nội dung đổi mới, luận án cũng đã đề cập tới một số tuyển tập sáng tác và biên soạn mới của một số nhạc sĩ VN. Những tư liệu này có thể bổ sung và làm phong phú GT thanh nhạc chuyên nghiệp theo hướng đa dạng hóa.

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp không thể tách rời các nhiệm vụ chung của cơ sở đào tạo. Ngành thanh nhạc trong các học viện âm nhạc và nhạc viện cần thực hiện tốt ba nhiệm vụ chính trị quan trọng là đào tạo, biểu diễn và NCKH. Nâng cao hiệu quả đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp là hướng đi đúng đắn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp của cơ sở đào tạo trên phạm vi toàn quốc, bắt nhịp với yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Góp phần thực hiện đề án *Xây dựng trường VHNT trọng điểm đạt chuẩn khu vực và quốc tế* - văn bản số 3076/QĐ-BVHTTDL ngày 15/9/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong tương lai, nếu có điều kiện, đề tài sẽ được tiếp tục nghiên cứu sâu và ở phạm vi rộng hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Thị Minh Xuân (2006), *Về đổi mới phương pháp giảng dạy môn thanh nhạc ở trường CĐSP*, Tạp chí Giáo dục số 129.
2. Lê Thị Minh Xuân (2011), *Ứng dụng một số vấn đề trong cuốn “Phương pháp Sư phạm Thanh nhạc” của PGS. NSND Nguyễn Trung Kiên vào giảng dạy thanh nhạc ở trường Cao đẳng*, Nhà xuất bản Âm nhạc.
3. Lê Thị Minh Xuân (2011), *Dạy học thanh nhạc – quả thật không đơn giản*, Tạp chí Âm nhạc số 20.
4. Lê Thị Minh Xuân (2012), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống quá trình dạy học đại học*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay số 8, tr13,14,15,16.
5. Lê Thị Minh Xuân (2012), *Xu hướng đổi mới của phương pháp thanh nhạc Việt*, Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam số 213, tr82,83.
6. Lê Thị Minh Xuân (2014), *Sử dụng hiệu quả phương pháp thị phạm và gợi mở trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp*, Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, số 238, tr92-94.
7. Lê Thị Minh Xuân (2015), *Hát aria, romance, ca khúc trong chương trình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 367, tr52-54.
8. Lê Thị Minh Xuân (2015), *Nhà nghiên cứu về sư phạm thanh nhạc*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 368, tr84-86,97.
9. Lê Thị Minh Xuân (2015), *Kỹ thuật của trường phái Bel canto trong giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 369, tr67-69,73

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Anne Peckham (2003), *Phương pháp luyện giọng để trở thành ca sĩ*, Nguyễn Văn Vĩnh dịch, Nxb Âm nhạc, HN.
2. Nguyễn Bách (2002), *Tiếng Ý dùng cho Âm nhạc*, Nxb Trẻ, TPHCM
3. Nguyễn Bách (2011), *Thuật ngữ âm nhạc*, Nxb Thanh Niên, TPHCM
4. Thế Bảo (2013), *Cảm nhận mỹ học âm nhạc*, Nxb Thanh Niên, TPHCM
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*, Nxb Giáo dục, HN.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020* (QĐ 711/QĐ-TTg 2012).
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Đề án “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*”.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học*, Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT.
9. Bộ Văn hóa Thông tin (1995), *Giáo trình giảng dạy trong các trường VHNT, Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb VHNT, HN.
10. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2014), Đề án “*Phát triển Học viện Âm nhạc giai đoạn 2014-2020*”.
11. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2010), *1000 năm Âm nhạc Thăng Long Hà Nội* (quyển 4), Nxb Âm nhạc, HN.
12. Thang Tuyết Canh (1962), Mai Khanh dịch, *Luyện tập ca hát như thế nào*, Nxb Âm nhạc, HN.
13. Văn Cẩn (1997), *Công trình ngữ âm học Việt Nam, những vấn đề liên quan đến thanh nhạc*, TLLHNB, Nhạc viện HN.

14. Phạm Ngọc Chi (2002), sưu tầm và biên dịch, Âm nhạc và múa trên thế giới, Nxb Thế giới, HN.
15. Hoàng Cương (2004), Ca khúc, TLLHNB, Nhạc viện TPHCM.
16. Hoàng Cương (2005), Ca khúc, TLLHNB, Nhạc viện TPHCM.
17. Đào Ngọc Dung (2002), *Thuật ngữ âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, HN.
18. Đào Ngọc Dung (2006), *Phân tích ca khúc*, Nxb Âm nhạc, HN.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về *tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
22. Đinh Xuân Dũng (2011), *Phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Thời đại, HN.
23. Hoàng Hà, Biên soạn (2012), *Hỏi đáp về các qui định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực giáo dục*, Nxb Dân trí, HN.
24. Trần Thu Hà (chủ biên), Nguyễn Phúc Linh, Ngô Văn Thành, Đỗ Xuân Tùng, *Những tiêu chí xác định năng khiếu âm nhạc để tuyển chọn SV cho các cơ sở đào tạo âm nhạc trên phạm vi toàn quốc*, Viện Âm nhạc, HN.
25. Trần Thu Hà (2011) *Đào tạo tài năng biểu diễn âm nhạc đỉnh cao ở Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ VH TT & DL, HVANQGVN, HN.
26. Phạm Minh Hạc (2002), Chủ biên, *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
27. Lan Hương, biên dịch (2002), *Các thể loại âm nhạc*, Nxb Văn hóa Thông tin, HN.

28. Phạm Cao Hoàn, biên dịch (2014), *Tự học để trở thành ca sĩ*, Nxb Hồng Đức.
29. Đặng Hòe và Đức Bằng (1982), *Ca hát và biểu diễn*, Nxb Văn hóa, HN.
30. HVANQGVN (2007), Dự án “Đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên trình độ cao nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành – ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2007 – 2012”.
31. HVANQGVN (2011), Đề cương “Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn 2030”.
32. Nguyễn Thụy Kha (2000), *Những gương mặt âm nhạc thế kỷ*, Nxb Âm nhạc, HN.
33. Xuân Khải (2001), *Dân ca Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, HN.
34. Mai Khanh (1977), sưu tầm và chỉnh lý, Tuyển Tập Thanh nhạc soạn cho chương trình đại học, TLLHNB, Bộ VHTT, Trường Âm nhạc Việt Nam, HN.
35. Mai Khanh (1998), *Sách học thanh nhạc*, Nxb Trẻ, TP HCM.
36. Đỗ Văn Khang (1997), chủ biên, *Mỹ học đại cương*, Nxb Giáo dục, HN.
37. Nguyễn Trung Kiên (1982), *Phương pháp học hát*, Nxb Văn hóa, HN.
38. Nguyễn trung Kiên (2001), *Phương pháp Sư phạm thanh nhạc*, Viện Âm nhạc, HN.
39. Nguyễn Trung Kiên (2002), *Triệu triệu bông hồng*, tuyển chọn 100 bài hát Nga yêu thích, Nxb Thanh niên, HN
40. Nguyễn Trung Kiên (2002), *Chương trình chuyên ngành thanh nhạc hệ trung học*,
- 41 Nguyễn Trung Kiên (2004) *Nghệ thuật Opera*, Viện âm nhạc, HN.
42. Nguyễn Trung Kiên (2006), *Chương trình chuyên ngành thanh nhạc đại học*, Bộ VHTT.
43. Nguyễn Trung Kiên (2007), *Giáo trình thanh nhạc trình độ đại học - các giọng Nữ cao (Soprano), Nam cao (Tenor), Nam trung – Trầm (Bariton – Basse)*; Bộ VHTT&DL.
44. Nguyễn Trung Kiên (2009), chủ nhiệm, *Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc Việt Nam trong giai đoạn mới*, Đề tài trọng điểm cấp Bộ, HVANQGVN.

45. Nguyễn Trung Kiên (2011), *Lược sử Opera*, Nxb Từ điển Bách khoa, HN
46. Nguyễn Trung Kiên (2012), *Bộ GT thanh nhạc gồm phần đệm và nhạc mẫu tác phẩm NN*, Bộ VH TT & DL.
47. Nguyễn Trung Kiên Biên (2014), soạn và dịch lời Việt, Tuyển tập *Những tác phẩm thanh nhạc nước ngoài chọn lọc (tập I, II và III)*, TLLHNB, HN.
48. Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Phúc Linh (2013), *Vocalise cho các giọng cao và Piano (tập 1 và 2)*, TLLHNB, HVANQGVN, HN.
49. Nguyễn Trung Kiên (2014), *Những vấn đề sư phạm thanh nhạc*, Nxb Âm nhạc, HN
50. Nguyễn Trung Kiên và Nguyễn Phúc Linh (2013), *Tuyển tập “Vocalise 1” và “Vocalise 2” cho giọng cao và piano*, Tài liệu LHNB, HNANQGVN.
51. Nguyễn Trung Kiên, biên dịch, *Winterreise (Con đường mùa đông)*, TLLHNB, HVANQGVN.
52. Nguyễn Trung Kiên, *Tuyển tập Romance I & Romance II*, TLLHNB, HVANQGVN.
53. Hồ Mộ La (2005), *Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương Tây*, Nxb Từ điển Bách khoa, HN.
54. Hồ Mộ La (2008), *Phương pháp dạy thanh nhạc*, Nxb Từ điển Bách khoa, HN.
55. Trần Thị Ngọc Lan (2011), *Phương pháp hát tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*, Nxb Giáo dục VN, HN.
56. Trần Thị Ngọc Lan (2015), *Phương pháp giữ gìn tiếng hát*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, HN.
57. Trần Thị Ngọc Lan (2015), biên soạn và phiên âm, *Romance F.Schubert*, TLLHNB, HVANQGVN, HN.
58. Thái Thị Liên (2006), *Kỷ niệm về những ngày đầu thành lập trường Âm nhạc Việt Nam*, Nội san số 6/2006, Thư viện HVANQGVN.
59. Nguyễn Phúc Linh (1993), *Phát triển đào tạo bồi dưỡng năng khiếu tài năng*, Nxb VH TT, HN.

60. Nguyễn Phúc Linh (2002), *Âm nhạc dân gian truyền thống và đời sống của nó trong xã hội đương đại*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ VH-TT-DL, HN.
61. Nguyễn Phúc Linh (2003), *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong đào tạo và nghiên cứu âm nhạc*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ VH-TT-DL, HVANQGVN.
62. Nguyễn Phúc Linh (2013), Đề cương bài giảng lớp cao học “*Phương pháp Sư phạm Âm nhạc*”, TLLHNB, HVANQGVN.
63. Nguyễn Thụy Loan (2007), *Lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam*, Nxb ĐHSP, HN.
64. Luật Giáo dục Đại học, 18/2/2012, Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3.
65. Nguyễn Thị Tố Mai (2014), *Opera Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, HN.
66. Đào Trọng Minh (2012), *Giáo trình phân tích âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, TP HCM.
67. Nawami (1966), *Yoga và thể dục*, Nxb Tri thức Sài Gòn, TP HCM.
68. Nguyễn Đăng Nghị (2011), *Bay lên từ truyền thống*, Nxb VH-TT, Tạp chí VHNT, HN.
69. Tú Ngọc (2000), Chủ biên, *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu*, Viện Âm nhạc, HN.
70. Nguyễn Thị Nhung (2001), *Âm nhạc thánh phòng giao hưởng Việt Nam*, Viện Âm nhạc, HN.
71. Nguyễn Thị Nhung (2005), *Hình thức, thể loại âm nhạc*, Nxb ĐHSP, HN.
72. Nguyễn Thị Nhung (2006), *Âm nhạc Việt Nam tác giả tác phẩm*, Viện Âm nhạc, HN.
73. Nguyễn Thị Nhung (2013), *Đề cương chi tiết bài giảng lớp nghiên cứu sinh “Âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX”*, HVANQGVN.
74. Vũ Vương Ninh (2010), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, HN.
75. Trần Thị Tuyết Oanh (2011), chủ biên, *GT Giáo dục học (tập 1,II)* Nxb ĐHSP, HN

76. Đoàn Phi (2005), *Chỉ huy dàn dựng hát tập thể*, Nxb ĐHSP, HN.
77. Đặng Hữu Phúc (2012), *Tuyển chọn 60 bài romance và ca khúc cho giọng hát với Piano*, Nxb Thanh Niên, HN.
78. Tô Ngọc Thanh (2006), *Góp thêm một vài tư liệu cho lịch sử Nhạc viện Hà Nội*, đăng trong *Nội san* số 6/2006, Thư viện HVANQGVN, HN.
79. Quang Thọ (2013), biên soạn, “*Vietnam Songs 1*” & “*Vietnam Songs 2*”, HVANQGVN, HN.
80. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Chất lượng giáo dục đại học nhìn từ góc độ hội nhập*, Nxb Tổng hợp, TPHCM.
81. Đỗ Xuân Tùng (2002), *Giải thích thuật ngữ âm nhạc quốc tế thông dụng*, Nhạc viện Hà Nội, HN.
82. Đỗ Xuân Tùng (2013), Đề cương bài giảng “*Phương pháp viết luận văn*” dùng cho lớp cao học và nghiên cứu sinh, TLLHNB, HVANQGVN, HN.
83. Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Thế Trường (1975), *Tìm hiểu và tập yoga*, thư viện y học Trung ương, HN.
84. Lư Nhất Vũ, Lê Giang, *100 điệu lý quê hương*, tập 1, Nxb Văn Nghệ, TPHCM.
85. Trần Quốc Vượng (2009), Chủ biên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, HN.
86. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
87. Vaccaj, *Phương pháp thực hành thanh nhạc*, TLLHNB, HVANQGVN.

II. Tiếng Anh

88. David Adams (1999), *A handbook of diction for singers, Italian, German, French*, Oxford University Press, New York.
89. Richard Bonyng, *The Art of Joan Sutherland*, Copyright by Josef Weinberger, London.
90. J.Peter Borkholoder, Donald J.Grout, Claude V.Palisca, *A History of western music*, New York – London.

91. Sergius Kagen (1968), *Music for the voice*, Copyright by Genevieve Greer Kagen, Published by Indiana University Press 601 North Morton Street Bloomington, Indiana 47402-0672, Manufactured in the United States of America.
92. Robert L. Larsen (1991), compiled and edited, *Arias for Tenor*, Copyright by G.Schirmer, New York.
93. Robert L. Larsen (1991), compiled and edited, *Arias for mezzo – soprano*, Copyright by G.Schirmer, New York.
94. Richard Miller (1996), *The structure of singing*, New York.
95. W.A. Mozart, *Twenty one Concert Arias for Soprano volume 1, Original Texts with English Versions by Lorraine Noel Finley*, Copyright by G.Schirmer, New York.
96. W.A. Mozart, *Twenty one Concert Arias for Soprano volume 2, Original Texts with English Versions by Lorraine Noel Finley*, Copyright by G.Schirmer, New York.
97. F. Schubert, *200 songs in three volumes for voice and piano* (volume 1: 100 songs slow), English Translations and Notes by Gerard Mackworth – young, International music company, 509 fifth Avenue, New York.
98. The Oxford Dictionary of Current English (1994), English Vietnamese Dictionary.

III. Tiếng Ý

99. Luciano Canepari, Barbara Giovannelli, Giuseppe Viaro (2001), *Arie antiche* (con trascrizione fonetica per lo studio del canto), Guerra guru srl Via A. Manna, 25 06132 Perugia – Italy.
100. Giuseppe Concone (1998), *15 vocalizzi Op.12 per soprano o mezzosoprano*.
101. Heinrich Panofka (2000), *24 vocalizzi progressivi Op. 85 nell' estensione di un'ottava e mezza*.
102. Luigi Ricci, 1988, *Variazioni – Cadenze – Tradizioni per canto*, G.Ricodi & Editori, Milano – Italy.
103. Gioanchino Rosini, 1997, *Arie, Ariette e Romance*, BMG Ricordi, Roma.

104. Gaetano Seidler, *L'arte del cantare*, 40 melodie progressive per soprano o tenore.

IV. Luận án

105. Phạm Phương Hoa (2010), *Những thủ pháp sáng tác trong một số trường phái âm nhạc thế kỷ XX*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

106. Trần Thị Ngọc Lan (2010), *Nâng cao chất lượng đào tạo hát tiếng Việt trong nghệ thuật hát mới*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

107. Trần Tố Mai (2010), *Opera trong sự phát triển của nền Âm nhạc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

108. Bùi Huyền Nga (2005), *Một số dạng cấu trúc trong dân ca người Việt*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

109. Trương Ngọc Thắng (2008), *Quá trình hình thành và phát triển của ca hát chuyên nghiệp Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

110. Nguyễn Bích Vân (2010), *Rèn luyện bản lĩnh biểu diễn cho học sinh sinh viên nhạc cụ cổ điển Phương Tây*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Thư viện HVANQGVN.

V. Website

111. Website của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam: www.vnam.edu.vn

112. Website của Học viện Âm nhạc Huế: www.hocvienamnhachue.vn

113. Website của Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: www.hcmcons.vn

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

LÊ THỊ MINH XUÂN

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO
THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

CHUYÊN NGÀNH: ÂM NHẠC HỌC

MÃ SỐ: 62 21 02 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ÂM NHẠC HỌC
(PHẦN PHỤ LỤC)

HÀ NỘI, 2015

MỤC LỤC PHỤ LỤC

	Tr
Phụ lục 1: Một số bảng biểu.....	150
Phụ lục 2: Một số hình ảnh và biểu đồ	159
Phụ lục 3: Điều chỉnh chương trình thanh nhạc các năm 2002, 2006, 2007.....	169
Phụ lục 4: Một số chương trình thi tốt nghiệp đại học thanh nhạc năm 2014....	172
Phụ lục 5: Một số ý kiến về đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp.....	189
Phụ lục 6: Một số tuyển tập bổ sung giáo trình thanh nhạc.....	193
Phụ lục 7: Khảo sát.....	195
Phụ lục 8: Thực nghiệm.....	203
Phụ lục 9: Yêu cầu kỹ thuật trong một số tác phẩm thanh nhạc.....	238
Phụ lục 10: Những ví dụ âm nhạc trong luận án.....	240
Phụ lục 11: Một số dạng giáo trình thanh nhạc.....	245

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ BẢNG BIỂU

Bảng 1: GV thanh nhạc giảng dạy tại các học viện âm nhạc và nhạc viện

Cơ sở đào tạo	số GV	GV thuộc thể hệ thứ											
		1		2		3		4		5		6	
		sl	%	sl	%	sl	%	sl	%	sl	%	sl	%
HVAN QGVN	21	1	4,7	2	9,5	2	9,5	3	14,3	9	42,8	4	14,1
HVAN Huế	11	1	9,1			1	9,1			2	18,2	7	33,3
NVTP HCM	27	1	3,7	2	7,4	2	7,4	6	22,2	12	44,4	4	14,8
Cộng	59	3	5,1	4	6,8	5	8,5	9	15,3	23	38,9	15	25,4

Bảng 2: Chương trình thi thanh nhạc trình độ trung cấp của HVANQGVN

(Người xây dựng: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên)

HK	Nội dung	HK	Nội dung
I	Luyện thanh: 01 Bài hát : 01	VII	Luyện thanh: 01; Bài hát (VN): 01 Bài hát (TCĐ/CĐCA/ Aria): 01
II	Luyện thanh : 02 Bài hát: 01		
III	Luyện thanh: 01; Bài hát VN/DC): 01 Bài hát (TCĐ/CĐCA): 01	VIII	Thi tốt nghiệp * HS hát thính phòng, NK - Luyện thanh: 01 - Bài hát (VN): 01 - Dân ca (VN): 01 - Bài hát (TCĐ/CĐCA): 01 - Aria: 01 (tác phẩm của Mozart trở về trước)
IV	Luyện thanh: 01; Bài hát (VN /DC): 01 Bài hát (TCĐ/CĐ CA): 01		
	LT: 01;		

V	Bài hát (VN/DC): 01 Bài hát (TCD/CĐCA): 01		* HS hát ca khúc - Luyện thanh: 01. - Dân ca (VN): 01
VI	* HS hát thính phòng, opera LT: 01, Bài hát (VN): 01 Bài hát (TCD/CĐ): 01 * HS hát ca khúc: LT: 01; Bài hát (VN): 02		- Bài hát (VN): 02 (có thể 01 bài hát CĐ) - Bài hát (ĐĐ nước ngoài): 01

**Bảng 3: Chương trình học môn thanh nhạc trình độ đại học của HVANQGVN
(Người xây dựng: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên)**

Năm	Hát nhạc kịch	Hát thính phòng
I	- Luyện thanh: 06; Aria: 02 (từ Mozart trở về trước); - Romance : 02 (CĐCA); Ca khúc: 04 (VN, dân ca)	
II	- Luyện thanh: 04; Aria: 03 (02 từ Mozart trở về trước); Romance: 02 (CĐCA); Ca khúc: 05 (VN, dân ca)	
III	- Luyện thanh: 04 ; - Aria: 04 - Romance: 02 (CĐ và ĐĐ) - Ca khúc VN: 04. - Dân ca: 02	- Luyện thanh: 04 - Aria: 03 (từ Mozart trở về trước) - Romance: 04 (CĐ và ĐĐ) - Ca khúc: 05 (VN và dân ca)
IV	- Luyện thanh: 02; - Aria: 05 - Romance: 05 (CĐ & ĐĐ) - Ca khúc VN: 04; - Dân ca: 02	- Luyện thanh: 02. - Aria: 04 (03 từ Mozart trở về trước) - Romance: 06 (CĐ & ĐĐ) - Ca khúcVN: 04. – Dân ca: 02

**Bảng 4: Chương trình thi môn thanh nhạc trình độ đại học của HVANQGVN
(Người xây dựng: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên)**

HK	Nhạc kịch	Thính phòng
I	LT : 01; Ca khúc VN; Dân ca: 01; Aria/Romance (CĐCA): 01	
II	- Luyện thanh: 01; Ca khúc VN: 01; Aria/Romance CĐCA: 01	

III	- Luyện thanh: 01; Ca khúc VN: 01; Aria/Romance CĐCA: 01	
IV	- LT: 01; Ca khúc VN: 01; Aria: 01	
V	- LT: 01; Ca khúc VN: 01; Aria: 01.; Dân ca: 01; Romance (CĐ/ĐĐ): 01	
VI	Luyện thanh: 01; Ca khúc VN: 01; Aria: 01; Romance (CĐ / đương đại): 01; Dân ca: 01	
VII	Luyện thanh : 01; Ca khúc VN: 01; Aria: 01; Dân ca: 01; Romance (CĐ /ĐĐ): 01	
Thi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Aria: 03 (01 TCD, CD từ Mozart trở về trước; 01 aria lớn của Nhạc sỹ Châu Âu thế kỷ 19; 01 aria Tkỷ 20) - Romance:02 (CĐ/ ĐĐ); - Dân ca : 01 - Ca khúc VN: 02 (01 trường ca) 	<ul style="list-style-type: none"> - Aria: 02 (từ Mozart trở về trước) - Tổ khúc thanh nhạc: 01 - Ca khúc VN: 03 (01 trường ca) - Dân ca VN: 01

Bảng 5: Số lượng tác phẩm cho từng loại giọng trong chương trình thanh nhạc bậc đại học của HVANQGVN

Giọng	Tác phẩm nước ngoài								Tác phẩm VN		
	Aria				Romance, ca khúc cổ điển đương đại				Ca khúc		Dân ca
	1	2	3	4	1	2	3	4	1,2	3,4	1,2,3,4
Soprano	38	28	46	47	60	62	49	48	220	38	73
Mezzo & Alto	34	27	17	22	39	37	24	22			
Tenor	36	30	40	37	72	64	31	25			
Brytone	32	19	20	28	44	38	27	26			
Bass	25	18	14	19	44	38	27	24			
Cộng	165	122	137	153	259	239	158	145			
1709	577				801				331		
Tỉ lệ	33,76%				46,87%				19,37%		

Bảng 6: Yêu cầu tác phẩm cho dòng hát opera trong chương trình thanh nhạc bậc đại học của HVANQGVN

Tác phẩm	Năm thứ				Cộng
	Nhất	Hai	Ba	Tur	
Vocalise NN	6	5	4		15
Aria NN	2	3	4	5	14
Romance NN	2	3	4	5	14
Ca khúc VN (có cả DC VN)	4	5	4	6	19
Cộng tác phẩm	14	16	16	16	62

Bảng 7: Yêu cầu tác phẩm cho dòng hát thính phòng trong chương trình thanh nhạc bậc đại học của HVANQGVN

Tác phẩm	Năm thứ				Cộng
	Nhất	Hai	Ba	Tur	
Vocalise NN	6	5	4		15
Vocalise VN					
Aria NN	2	3	3	4 (3)	12
Tổ khúc thanh nhạc				(1)	
Romance NN	2	3	4	6	15
Ca khúc VN (có cả DC VN)	4	5	5	6 (3)	20
Cộng tác phẩm	14	16	16	16	62

Bảng 8: GT thanh nhạc dạng hệ thống tên các tác phẩm của HVANQGVN (Người xây dựng: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên)

Giọng	Aria nước ngoài				Romance, ca khúc CĐ, ĐĐNN				Ca khúc VN		Dân ca	Cộng g
	1	2	3	4	1	2	3	4	1,2	3,4	1,2,3,4	
Soprano	42	36	44	42								
Mezzo & Alto	30	23	16	17								
Tenor	31	29	29	25								
Brytone	29	19	25	23								
Bass	27	18	15	21								
Cộng	159	135	129	128	68	72	41	25	86	35	77	
	551				206				131		77	
	757								208			
	Tác phẩm nước ngoài								Tác phẩm VN			
Tỉ lệ %	78,4%								21,6%			

Bảng 9: Các tiêu chí đánh giá thi học kỳ và tốt nghiệp thanh nhạc

Loại	Tiêu chí	Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm phù hợp với loại giọng, đúng yêu cầu của CT - Hát rõ lời, đúng giai điệu, nhịp điệu. - Âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh vang, sáng, tròn, đầy đặn, có nhạc cảm - Kỹ thuật giọng thuần thục, chuẩn xác vị trí, hơi thở, điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát - Làm chủ được các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách tự tin, thể hiện sinh động, đúng phong cách thể loại tác phẩm 	9 - 10	A+
Giỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm phù hợp với loại giọng, đúng yêu cầu của CT - Hát rõ lời, đúng giai điệu, nhịp điệu. - Âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh vang, sáng, tròn, đầy đặn, có nhạc cảm - Kỹ thuật giọng ổn định, làm chủ được vị trí, hơi thở, điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát - Xử lý tương đối hợp lý các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách tự tin, thể hiện sinh động, đúng phong cách thể loại tác phẩm 	8 – 8,9	A
Khá	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm phù hợp với loại giọng, đúng yêu cầu của CT - Hát rõ lời, đúng giai điệu, nhịp điệu. - Âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh vang, sáng, tròn, đầy đặn, có nhạc cảm - Kỹ thuật giọng tương đối chuẩn xác về vị trí, hơi thở, 	7 – 7,9	B+

	<p>điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách tự tin, thể hiện đúng phong cách thể loại tác phẩm 		
TB khá	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm phù hợp với loại giọng, đúng yêu cầu của CT - Hát đúng giai điệu, nhịp điệu, còn có những sai sót về phát âm. - Âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh tương đối ổn định - Kỹ thuật giọng tương đối chuẩn xác về vị trí, hơi thở, điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát - Thực hiện được chưa thật chủ động các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách tự tin, thể hiện tương đối phù hợp phong cách thể loại tác phẩm 	6 – 6,9	B
TB	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm tương đối phù hợp với loại giọng. - Hát đúng giai điệu, nhịp điệu, còn có những sai sót về phát âm. - Âm vực giọng đạt chuẩn, âm thanh tương đối ổn định - Kỹ thuật giọng tương đối chuẩn xác về vị trí, hơi thở, điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát - Thực hiện được chưa thật chủ động các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách tự tin, thể hiện tương đối phù hợp phong cách thể loại tác phẩm 	5 – 5,9	C
Yếu	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm tương đối phù hợp với loại giọng. - Hát chưa chính xác giai điệu, nhịp điệu, lời ca - Âm vực giọng chưa đạt chuẩn, âm thanh sâu - Chưa làm chủ được kỹ thuật về vị trí, hơi thở, điểm tựa, 	4 – 4,9	D

	<p>cộng minh, khẩu hình trong ca hát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện vụng về các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách thiếu tự tin, thể hiện không phù hợp phong cách thể loại tác phẩm 		
Kém	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm không phù hợp với loại giọng. - Hát không chính xác giai điệu, nhịp điệu, lời ca - Âm vực giọng hạn chế, âm thanh sâu, mờ - Có nhiều sai sót về vị trí, hơi thở, điểm tựa, cộng minh, khẩu hình trong ca hát - Không thực hiện được các kỹ xảo âm thanh: cantilena, staccato, passage... - Phong cách thiếu tự tin, thể hiện không phù hợp phong cách thể loại tác phẩm 	Dưới 4	F

Bảng 10: Mục đích và cách sử dụng một số nội dung hỗ trợ dạy học thanh nhạc

Giai đoạn	N/dung hỗ trợ	Mục đích	Cách sử dụng	
			GV	SV
Tập kỹ thuật trong tác phẩm	Bản phổ tác phẩm	Cung cấp tác phẩm bằng văn bản	Làm căn cứ để giảng dạy (chỉnh sửa cao độ, tiết tấu, lời ca và kỹ thuật thanh nhạc)	Làm căn cứ để vỡ bài về âm nhạc và lời ca
Thể hiện chính xác âm	CD nhạc mẫu	Cung cấp tác phẩm bằng âm thanh	Hướng dẫn SV nghe toàn tác phẩm, nghe từng phần để xác	Nghe dưới sự hướng dẫn của GV

nhạc tác phẩm			định cách trình bày.	Tự nghe để củng cố kiến thức và tập hát nhuần nhuyễn tác phẩm
Thể hiện tổng thể và chi tiết tác phẩm	CD hát mẫu	Nuôi dưỡng cảm xúc cho SV. Hỗ trợ nội dung dàn dựng tác phẩm		
Tập hát với nhạc đệm	CD nhạc đệm	Hỗ trợ SV tự học nội dung tập hát với phần nhạc đệm	Hướng dẫn SV thể hiện tác phẩm hài hòa giữa âm nhạc và giọng hát	Tập thể hiện tác phẩm hài hòa giữa âm nhạc và giọng hát
Kiểm tra	Nhạc đệm	Hỗ trợ SV thực hành bài kiểm tra giữa kỳ	Sử dụng thay cho phần đệm đàn của GV	Sử dụng để thể hiện bài kiểm tra
Ráp nhạc	Nhạc đệm	Hỗ trợ SV chuẩn bị bài kiểm tra , bài thi.	Có thể sử dụng thay cho phần đệm đàn của Pianist trong kiểm tra giữa kỳ	Sử dụng để chuẩn bị bài thi kết thúc học phần
Thi học phần	Nhạc đệm	Hỗ trợ SV thực hiện bài thi học phần	Có thể sử dụng thay cho phần đệm đàn của GV	Có thể sử dụng để thể hiện bài thi kết thúc học phần

Bảng 11: Một số nội dung hoạt động tương ứng với hình thức tổ chức lớp học - PP - phương tiện dạy học thanh nhạc chuyên nghiệp

H/thức tổ chức	Nội dung	Phương pháp	Phương tiện	Hoạt động của GV	HD của SV
Nhóm	Lý thuyết thanh nhạc	Thuyết trình, đàm thoại, Seminar	Máy tính, Phiếu học tập	Giảng về kỹ thuật và nghệ thuật tác phẩm	Trao đổi, Ghi chép
Nhóm	Khởi động cơ thể trước khi tập luyện	Thực hành luyện tập	Đài đĩa	Tổ chức luyện tập khởi động	Thực hiện bài tập
Nhóm	Tổ chức nghe nhạc, xem chương trình biểu diễn mẫu	Trực quan hóa, quan sát, hỏi chuyên gia, Seminar	Máy tính, Ti vi đầu đĩa, các băng đĩa nhạc	Chuẩn bị nội dung, tổ chức nghe, xem, nhận xét đánh giá	Quan sát, thảo luận Rút kinh nghiệm
Nhóm	Luyện thanh khởi động giọng	Thực hành luyện tập	Piano	Hướng dẫn SV luyện tập	Thực hiện
Nhóm/cá nhân	Luyện kỹ thuật (theo mẫu)	Thực hành luyện tập, đàm thoại, sửa sai,, thị phạm, gợi mở	Piano	Hướng dẫn SV luyện tập	Thực hiện theo hướng dẫn của GV
Cá nhân	Luyện kỹ thuật (Bài luyện thanh)	Thực hành luyện tập, thị phạm, gợi mở	Piano	Hướng dẫn SV luyện tập	Thực hiện
Cá nhân	Trả bài	Kiểm tra, đánh giá	Piano/đài đĩa	Nghe, quan sát, nhận xét	Thể hiện tác phẩm
Cá nhân	Tập kỹ thuật trong bài hát	Gợi mở, sửa sai, thị phạm	Piano	Hướng dẫn SV luyện tập, sửa sai	Thực hiện
Cá nhân	Dựng bài	Thực hành luyện tập, chuyên gia, thị phạm, gợi mở	Piano, CD nhạc đệm	Hướng dẫn SV xử lý tác phẩm	Thực hiện
Cá nhân	Ráp nhạc	Thực hành luyện tập, thị phạm, gợi mở	Piano, CD nhạc đệm	Hướng dẫn SV hoàn thiện trình bày tác phẩm	Thực hành biểu diễn

PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH VÀ BIỂU ĐỒ

1. Một số hình ảnh về hình thức tổ chức lớp học thanh nhạc tại HVANQGVN (hình do tác giả chụp)

Hình 1: Học cá nhân
(Lớp GV Gia Hội, ngày 7/5/2009)



Hình 2: Học cá nhân
(Lớp GV Trung Kiên, ngày 25/3/2015)



Hình 3: Học cá nhân
(Lớp GV Thu Lan, ngày 10/12/2009)



Hình 4: Luyện thanh nhóm cùng trình độ
(Lớp GV Phương Lan, ngày 20/9/2011)



Hình 5: Luyện thanh nhóm cùng giới tính
(Lớp GV Trung Kiên, ngày 13/12/2009)



Hình 6: Thanh Quý và GV Trung Kiên (ráp đàn tại phòng hòa nhạc, ngày 16/5/2009)



Hình 7: Bích Thủy, GV Trung Kiên và chuyên gia nước ngoài (ngày 7/12/2008)

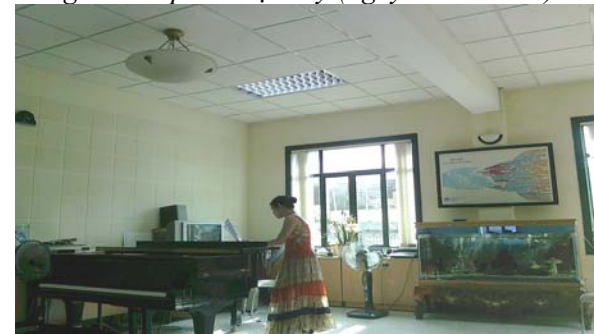


Hình 8: Nghệ sĩ Ngọc Diệp và GV Phương Lan (ráp đàn chuẩn bị thi học kỳ, ngày 20/12/2010)



Hình 9: Nghệ sĩ Thành Lê và GV Trung Kiên trong buổi ráp đàn định kỳ (ngày 13/12/2009)

Hình 10: Trang trí phòng học đẹp, phù hợp sẽ tạo cảm giác yên tâm hứng thú cho SV. (phòng 4D, nhà A1, HVANQGVN, ngày 23/5/2013)



Hình 11a,b: Cho phép SV được ” òn ào “ trong lớp một cách có ích.

2. Một số hình ảnh về hoạt động biểu diễn và NCKH của GV thanh nhạc



Hình 12: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên trong buổi tập trước ngày biểu diễn



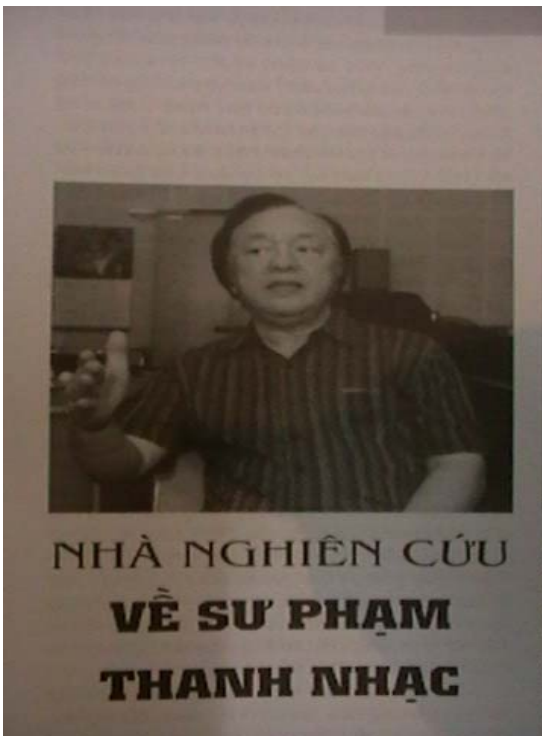
Hình 13: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biểu diễn tại Nhà hát lớn, 14/12/2009



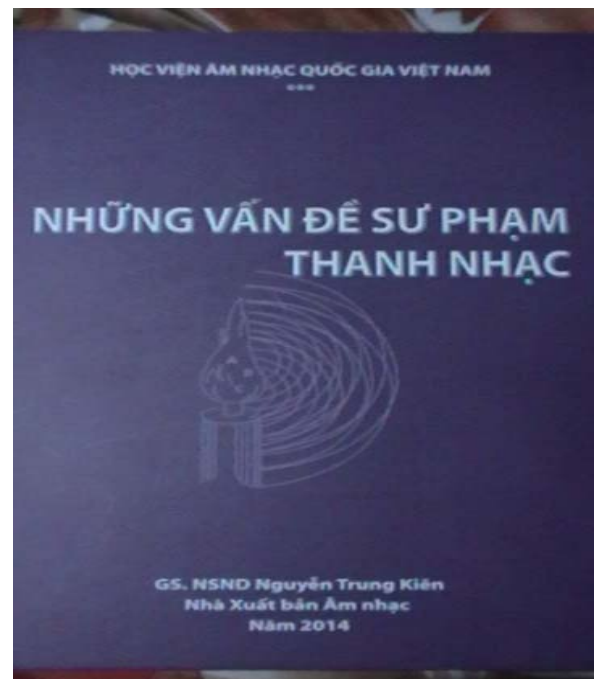
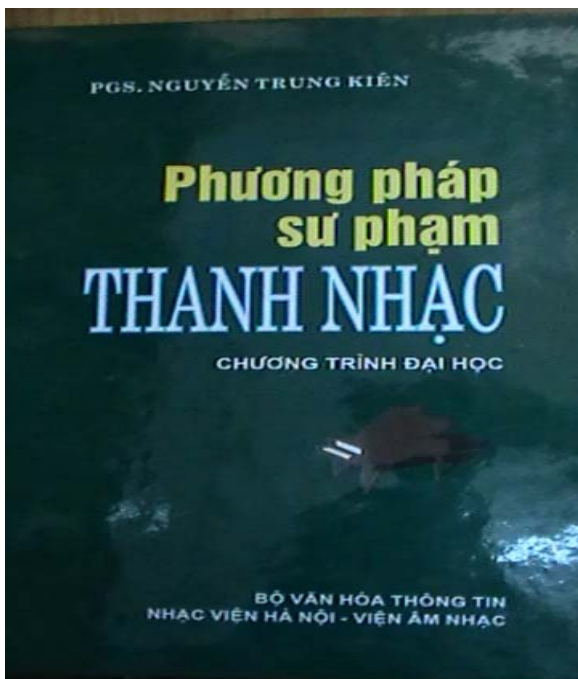
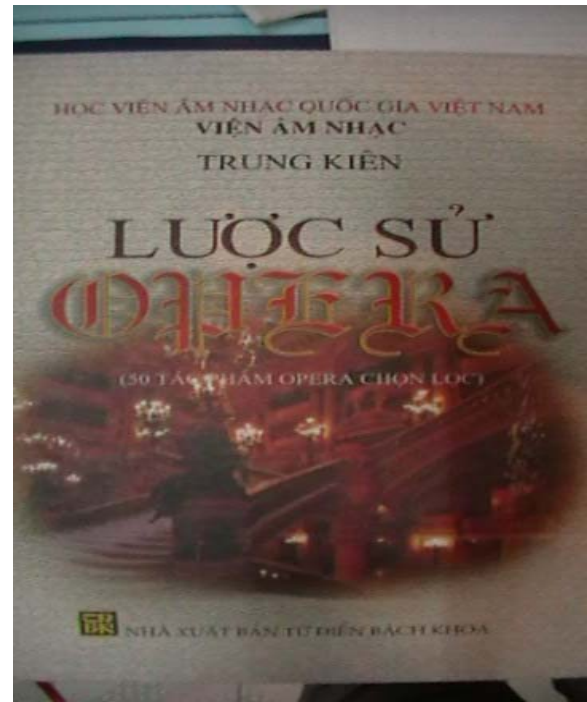
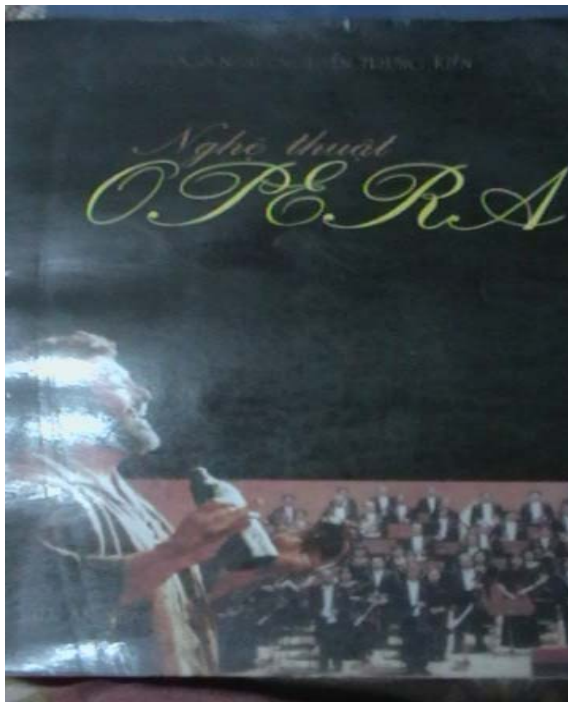
Hình 14: GV Trần Ngọc Lan trong buổi bảo vệ Luận án tiến sĩ tại HVANQGVN

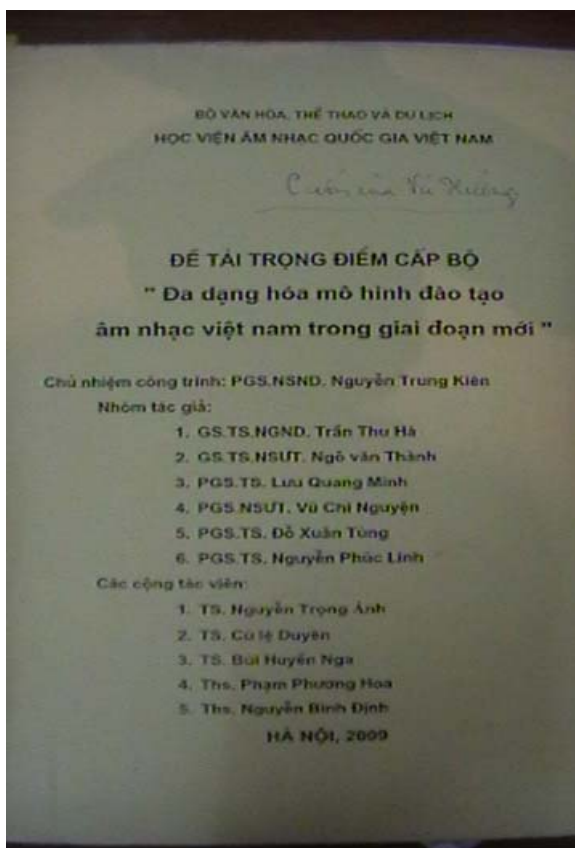
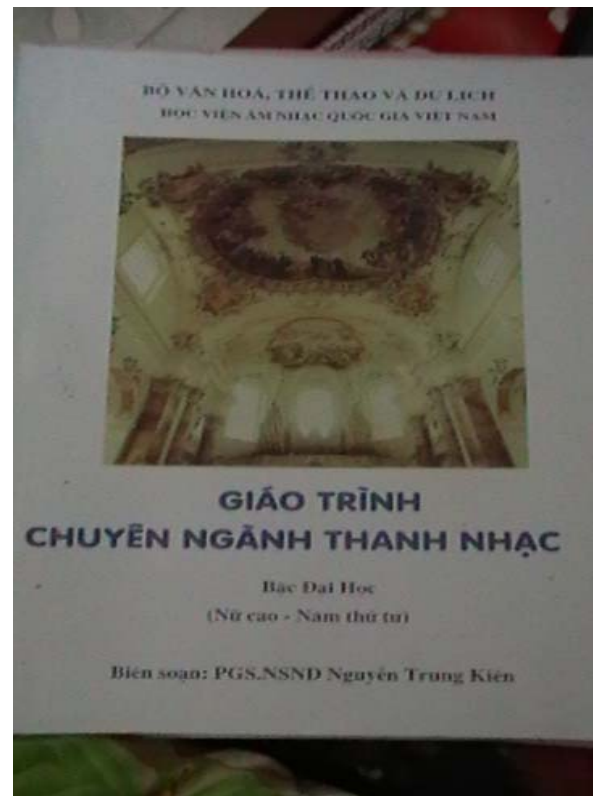
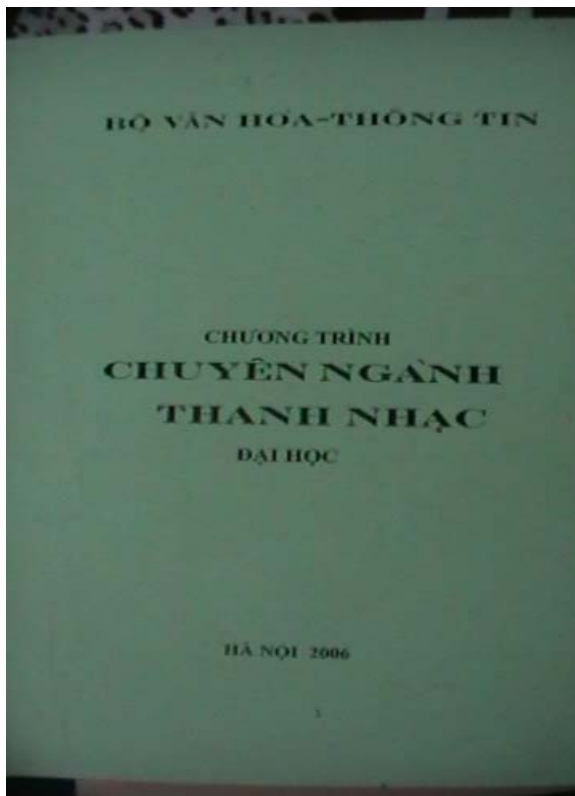


Hình 15: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên Trong Hội đồng chấm luận án tiến sĩ

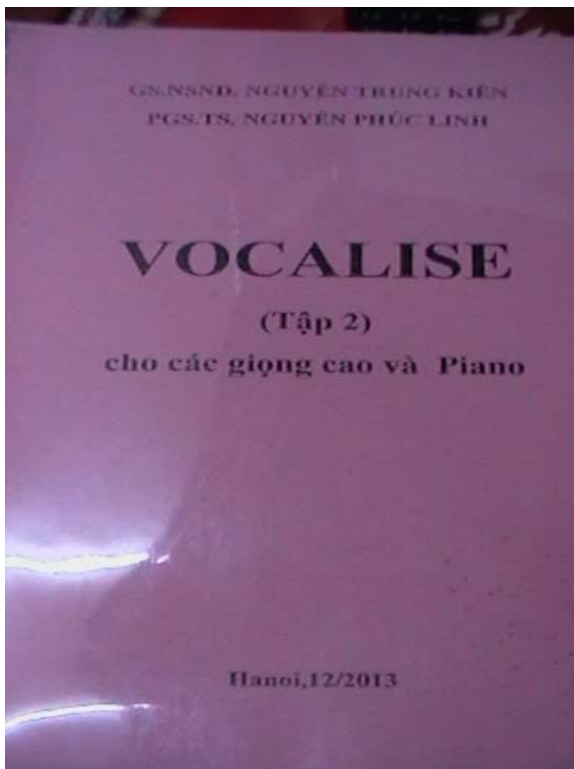
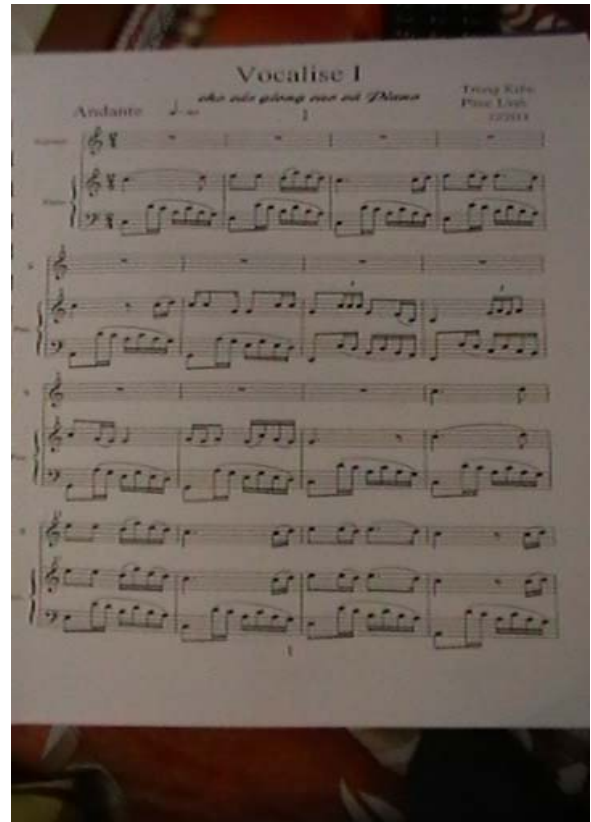
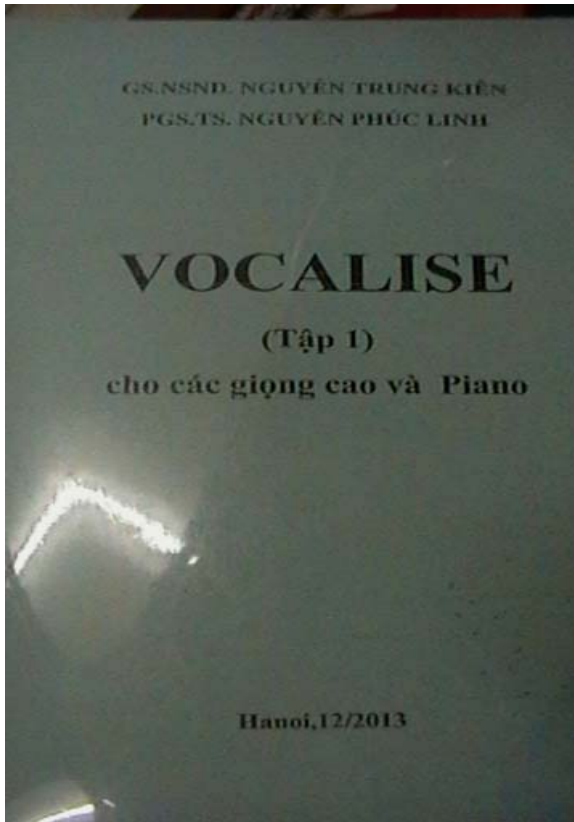


Hình 16: Những nghiên cứu của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên trong lĩnh vực Sự phạm Thanh nhạc





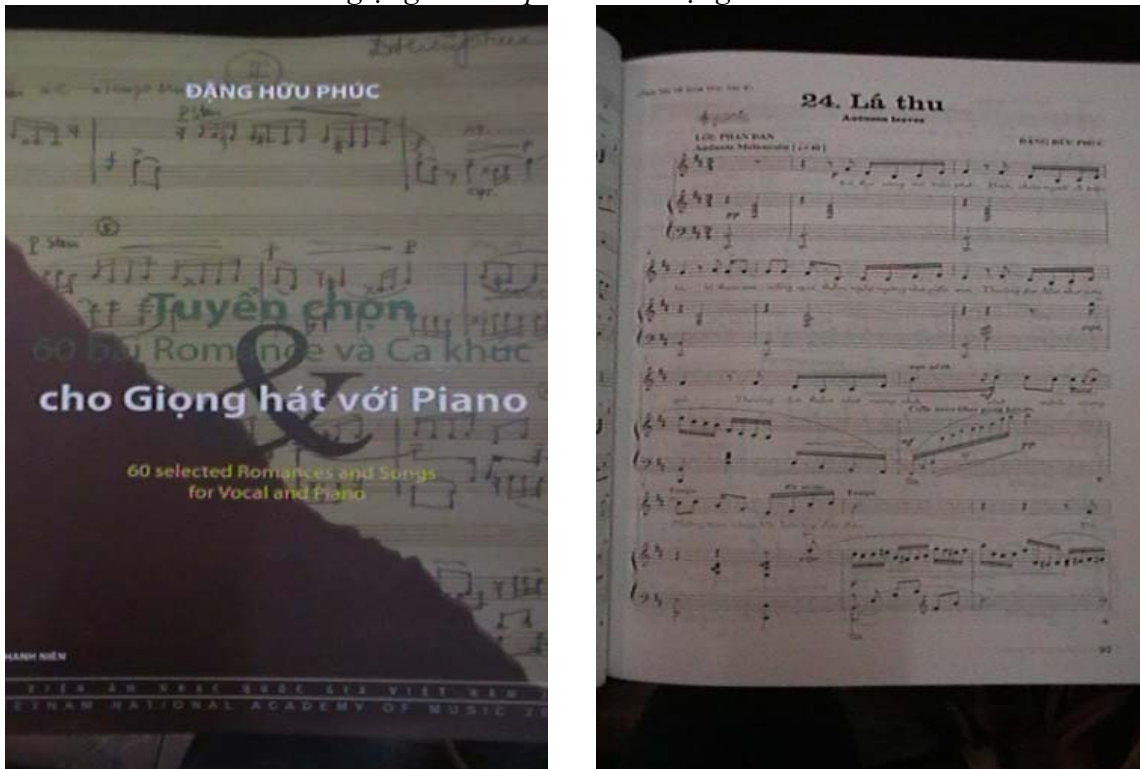
Hình 17: Vocalise 1 và Vocalise 2 của GS Nguyễn Trung Kiên và PGS Nguyễn Phúc Linh



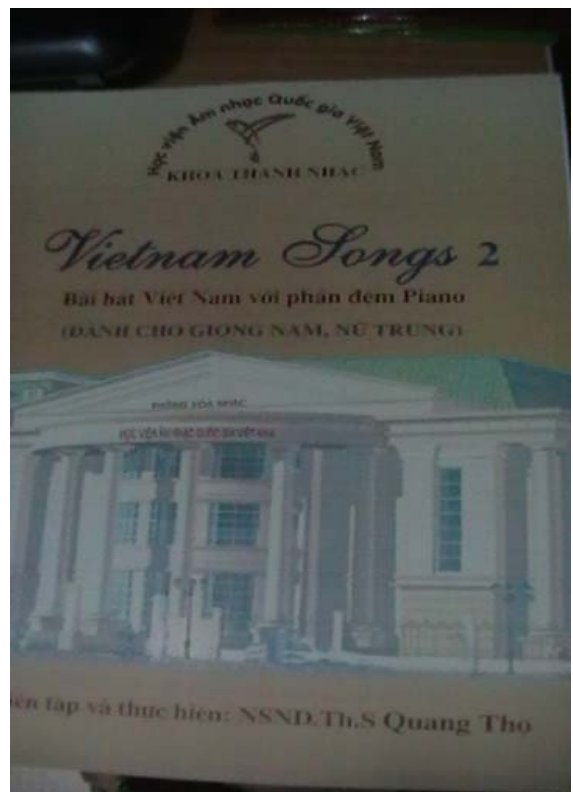
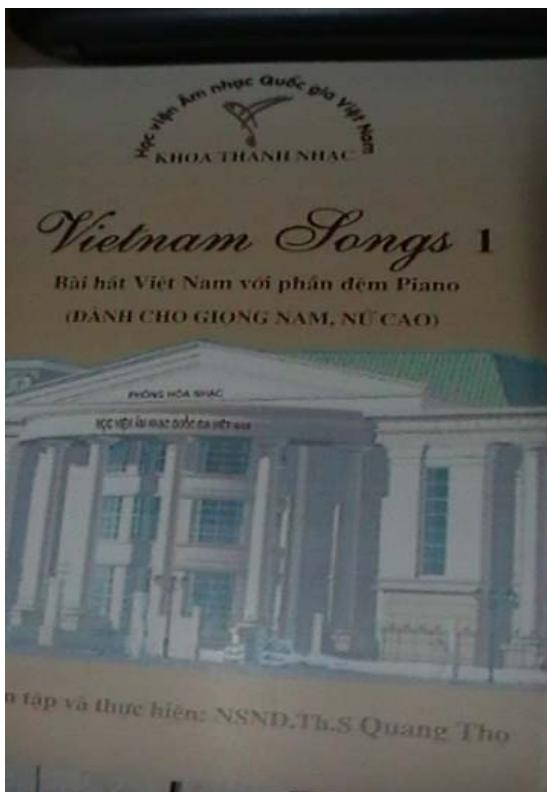
Vocalise II
cho các giọng ca và Piano Nguyễn Trung Kiên - Nguyễn Phúc Linh 2013

Andante

Hình 18: Tuyển chọn 60 bài romance và ca khúc cho giọng hát với piano của Đặng Hữu Phúc



Hình 19: Vietnam songs 1 và Vietnam songs 2 của NSND Quang Thọ



Hình 20: Thi học kỳ và tốt nghiệp chuyên ngành



Thi học kỳ (ca sĩ Tân Nhàn)



Thi tốt nghiệp (ca sĩ Thành Lê)



Thi tốt nghiệp (ca sĩ Anh Thơ)

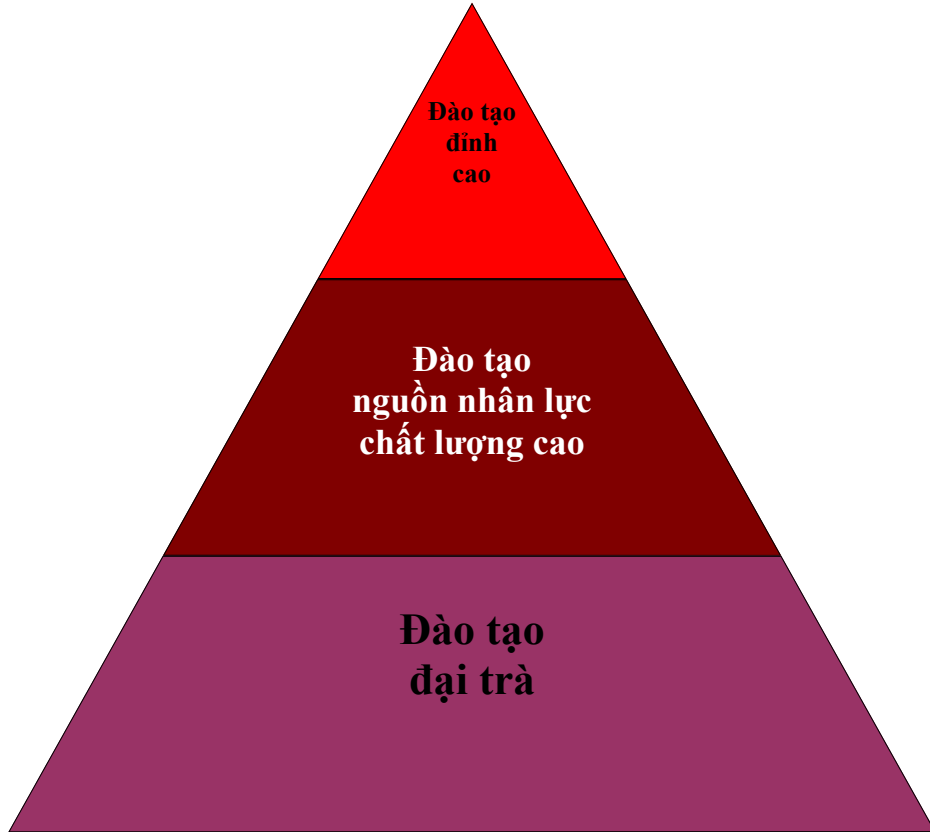


Thi tốt nghiệp (ca sĩ Phương Nga)

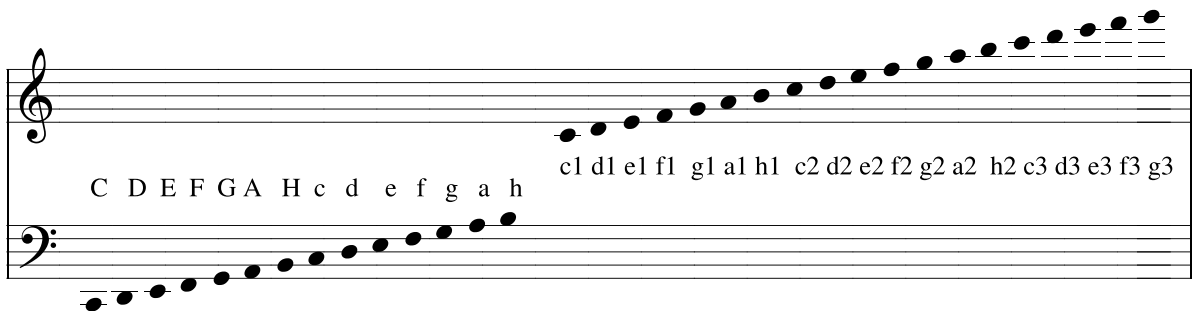


2. Biểu đồ

Biểu đồ 1. Mô hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

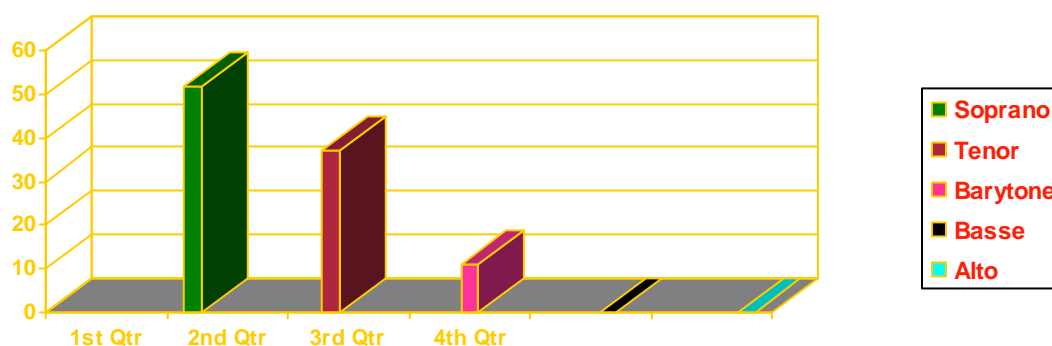


Biểu đồ 2

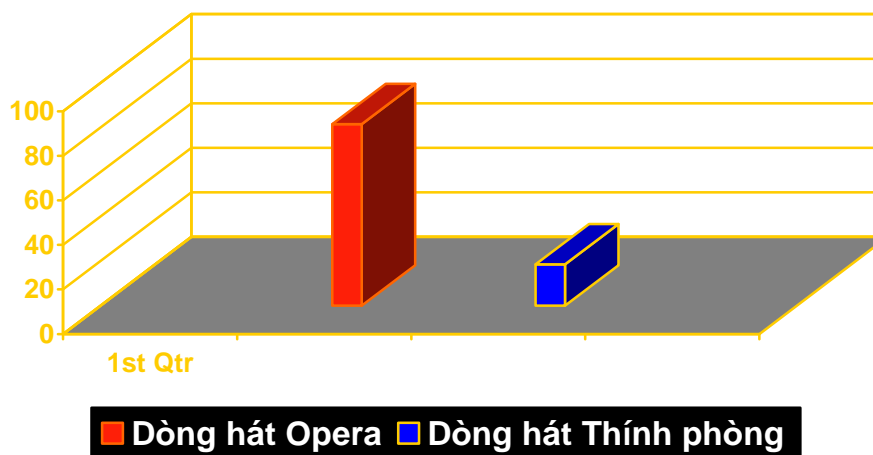


Biểu đồ 3: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp các giọng năm học 2013 - 2014

Giọng	Số lượng	Tỷ lệ %
Soprano	14/27	51,86
Alto	0/27	0
Tenor	10/27	37,03
Barytone	3/27	11,11
Basse	0/27	0

**Biểu đồ 4 : Tỷ lệ SV tốt nghiệp dòng hát opera và hát thính phòng năm học 2013 - 2014**

Dòng hát	Số lượng	Tỷ lệ %
Opera	22/27	81,48
Thính phòng	5/27	18,52



PHỤ LỤC 3
NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THANH NHẠC
CÁC NĂM 2002, 2006 & 2007

(GS.NSND Nguyễn Trung Kiên biên soạn theo quyết định số 8762/QĐ -BVH -TT ngày 23/11/2006 về việc biên soạn chương trình môn học chuyên ngành Thanh nhạc, nghiệm thu ngày 26 tháng 1 năm 2007)

1. Nội dung chương trình thanh nhạc xây dựng năm 2002

Mục tiêu chương trình: đào tạo hát opera, hát thính phòng và GV thanh nhạc. Yêu cầu về tác phẩm bao gồm: aria, romance, dân ca nước ngoài, ca khúc VN, dân ca VN.

Nội dung thi giữa kỳ, cuối kỳ và tốt nghiệp tương đối cụ thể cho chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc nhưng chưa cụ thể cho chuyên ngành giảng dạy thanh nhạc. Yêu cầu thực tập biểu diễn (đối với dòng hát opera) trên sân khấu thể nghiệm; yêu cầu SV năm thứ 4 thực tập giảng dạy 01 học sinh trung học ngay tại lớp học và GV giảng dạy phụ trách.

Chưa yêu cầu cụ thể về vấn đề thực tập biểu diễn đối với dòng hát Thính phòng và chuyên ngành giảng dạy thanh nhạc.

2. Nội dung điều chỉnh & xây dựng chương trình năm 2006

Sau 4 năm thử nghiệm, chương trình đào tạo thanh nhạc 2006 đã có những điều chỉnh cụ thể như sau

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ nhất:* Số lượng tác phẩm cần phải học năm thứ 2 là 14 bài thay cho 16 bài. Giảm 02 bài là 01 vocalise và 01 romance. Không yêu cầu kiểm tra học kỳ I năm thứ nhất; Bổ sung phần nội dung kiểm tra giữa kỳ II năm thứ nhất là 01 bài nước ngoài.

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ 2:* Điều chỉnh nội dung kiểm tra giữa kỳ I năm thứ 2: 01 ca khúc VN hoặc 01 dân ca thay cho 01 ca khúc VN. Điều chỉnh nội dung thi học kỳ I năm thứ 2: 01 ca khúc VN thay cho 01 ca khúc VN hoặc 01 Dân ca.

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ ba:* Điều chỉnh số lượng tác phẩm của dòng hát opera năm thứ 3: giảm 02 romance cổ điển đương đại và thêm 02 dân ca. Điều chỉnh nội dung dòng hát thính phòng năm thứ 3: Số lượng tác phẩm giữ nguyên; bổ sung aria trích trong đại hợp xướng, liên ca khúc thanh nhạc; bớt tổ khúc thanh nhạc và dân ca nước ngoài. Bổ sung thi học kỳ I và II năm thứ 3: số lượng bài là 5 thay cho 04. Bổ sung bài dân ca VN.

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ 4:* Bổ sung số lượng bài học năm thứ 4 cho dòng hát opera và hát thính phòng: số lượng bài học là 18 bài thay cho 16 bài; bổ sung 02 vocalise; giảm còn 4 ca khúc VN thay cho 6 ca khúc VN; bổ sung 02 dân ca VN. Về yêu cầu kiểm tra và thi: Nội dung kiểm tra giữa kỳ I năm thứ 4: kiểm tra 4 bài thay cho 3 bài, bổ sung 01 vocalise. Thi học kỳ I năm thứ 4: Thi 5 bài thay cho 3 bài; bổ sung vocalise và dân ca VN.

- *Những điều chỉnh chương trình tốt nghiệp hát Opera:* yêu cầu aria TK XX thay cho aria TK XIX, XX. Chương trình thi tốt nghiệp hát Thính phòng: ở phương án 2 sử dụng 03 ca khúc VN thay cho 02 ca khúc VN. Bổ sung một số môn học bổ trợ: Bổ sung những môn bổ trợ chuyên ngành như Phương pháp Sư phạm thanh nhạc cơ bản; học phát âm tiếng Ý, Đức, Nga.

3. Nội dung điều chỉnh CT năm 2007 chủ yếu là yêu cầu kiểm tra và thi

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ nhất:* Kiểm tra giữa học kỳ 2 năm thứ nhất: yêu cầu 01 romance thay cho 01 bài hát NN. Thi học kỳ 2 năm thứ nhất: Yêu cầu 01 romance cổ điển thay cho 01 aria hoặc 01 romance.

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ 2:* Kiểm tra giữa kỳ 1 năm thứ 2: yêu cầu 01 romance hoặc 01 aria thay cho 01 aria hoặc 01 romance. Thi học kỳ 1 năm thứ 2: yêu cầu 01 romance hoặc aria thay cho 01 aria hoặc romance.

- *Những điều chỉnh chương trình năm thứ 3:* Kiểm tra giữa kỳ 1,2 và thi học kỳ 1 & 2 năm thứ 3 không phân biệt dòng hát opera và dòng hát thính phòng.

- *Những điều chỉnh chương trình thi tốt nghiệp:* Yêu cầu không được hát lại bài đã hát ở kỳ trước thay cho được hát lại 02 bài của kỳ trước.

PHỤ LỤC 4
CHƯƠNG TRÌNH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC THANH NHẠC
(Năm học 2013 – 2014)

I. Chương trình tốt nghiệp ĐH thanh nhạc tại HVANQGVN

1. SV: Vi Văn Chính; GVHD: NSUT Gia Hội; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Schober	Romance: An die musik
2	C. Gounod	Aria: Le veau d'or
3	Scarlatti	Romance: Gia il sole dal gange
4	Phạm Tuyên. Thơ: Bùi Văn Dung	Giá em đừng yêu anh
5	Giacomo Puccini	Aria: Questo amor. From Edgar
6	Dân ca Thanh Hóa	Lên chùa
7	Bonocini	Aria: Se mai vien tocca
8	Trần Kiệt Tường	Bài ca chiến thắng

2. SV: Vũ Minh Trọng ; GVHD: NSND: Quang Thọ; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Dân ca ĐB Bắc bộ	Đèn cù
2	Hồ Bắc	Dòng nước mát
3	Ch. Gounod	Cavatina Valentino. From Opera Faust
4	A.Dargomijskys	Romance: Tôi buồn
5	Mozart	Non piu andrai. From Le Nozze di Figaro
6	Vũ Thanh	Bài ca Hà Nội
7	J.S.Bach-Ch.Gounod	Ave maria
8	Bizet	Votre Toast, je peux vous le rendre. From Carmen

3. SV: Lê Thị Tuyết ; GVHD: NSƯT Gia Hội; Ngày thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Porgi, amor. From Le nozze di Figaro
2	Puccini	Un bel di. From Madama Butterfly
3	G.Caccini	Ave maria
4	Đức Trịnh	Miền xa thăm
5	W.A.Mozart	An chloe
6	Handel	V'adoro, pupille. From Giulio Cesare
7	Dân ca QH	Trèo lên trái núi thiên thai
8	Huy Du. Lời thơ Ngọc Sơn	Tình em

4. SV: Nguyễn Thùy Linh ; GVHD: ThS Ngọc Định; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giacomo Puccini	O mio babbino caro
2	W.A.Mozart	Alleluja. From opera Exsultate jubilate
3	F. Handel	V'adoro' pupille. From opera Giulio Cesare
4	V.Chiera	La Spagnola
5	V.Bellini	Per pieta bell'idol mio
6	Dân ca Bắc Bộ	Trồng com
7	Hoàng Vân	Người chiến sĩ ấy
8	Phạm Minh Tuấn	Đường tàu mùa xuân

5. SV: Nguyễn Đăng Hòa; GVHD: NSND ThS Quang Thọ; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	F. Handel	Ombra mai fu (recitative and aria). From opera Serses
2	W.A.Mozart	Se vuol ballare. From Le nozze di Figaro
3	F.Schubert	Standchen

4	F.Mendelssohn	Auf flugeln des gesanges
5	F Schubert	Ave maria
6	V.Bellini	Fenesta che lucivi
7	Hoàng Vân	Nhớ (Lời thơ Nguyễn Đình Thi)
8	Nguyễn Thành	Cảm xúc tháng mười (Thơ Tạ Hữu Yên)
9	Dân ca quần Nam	Hò ba lý
10	Phạm Tuyên	Những ngôi sao ca đêm

6. SV: Lê Hùng Cường ; GVHD: NSUT ThS Quốc Hưng; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	R.leoncavallo	Mattinata
2	Gluck	Odel mio dolce ardor
3	Gaetano donizetti	Una furtiva lagrima. From: L'elisir d'amore
4	Puccini	E licevan le stelle
5	Lare fabien Rick allison	Je t'aime
6	Duy Thái	Tìm tên anh bên bờ cát
7	Phạm Đình Sáu.Thơ Huy Cận	Những thành phố bên bờ biển cả
8	Dân ca	Trồng com

7. SV: Hoàng Thị Nga ; GVHD: ThS Vũ Diệu Linh; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Aria Susana. From Le Nozze di Figaro
2	F.P.Tosti	Sogno
3	Antonio Vivaldi	Aria: Larondi nella amante
4	W.A.Mozart	Ridente la calma
5	A.Buzzi Peccia (1854-1943)	Mail – D'amore

6	F.Schubert	Heiden Roslein
7	Vũ Thiêt.Thơ Hữu Thịnh	Nghe câu quan họ trên cao nguyên
8	Thái Cơ	Khi thành phố lên đèn
9	Dân ca Nhắng	Soi bóng bên hồ
10	Nguyễn Tiến	Phiên chợ ngày xuân

8. SV: Bùi Lan Hương; GVHD: NSƯT.ThS Phan Thu Lan; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Sergei Vasilievich Rachmaninov	COH (Giấc mơ)
2	Giacomo Puccini	O mio babbino caro. From Gianni Schicchi
3	Gioachino Rossini	La Promessa (ước hẹn)
4	Nguyễn Cường Thơ Lê Huy Quang	Nghe em, câu hát vãn chiều nay
5	Dân ca QH	Thỏa nỗi nhớ mong
6	Nguyễn Vĩnh Tiến	Sông ơi đừng chảy
7	G.F.Handel	E pur cosi/Piangero la sorte. From Giulio Cesare
8	Luigi Arditi	Il Bacio. From the dream of home

9. SV: Đào Văn Mác; GVHD: ThS Phạm Đăng Dương; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Douglas Moore	Aria Warm as the autumn light. From The ballad of Baby Doe (ấm áp như ánh sáng mùa thu)- opera TK XX
2	Antonio Vivaldi	Aria: Tito Manlio, atto I, scena 2 “Se il cor guerriero
3	Anton Dvorak	Romance: Songs my mother taught me (Als die alte Mutter
4	S.Rachmaninov	Roamnce: I’m alone
5	Đỗ Dũng. Thơ	Cái rét đầu mùa

	Chế Lan Viên	
6	Văn cao	Trường ca: Sông Lô
7	Dân ca	Trống cơm
8	Bizet	Aria Votre toast, je peux vous le rendre From «Carmen » Toreador song – Khúc ca dũng sĩ đấu bò tót

10. SV: Đinh Thị Trang; GVHD: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên; thi: 9/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Geroge Friderich Handel	Aria: Philistine “Let the bright Seraphim”. From Oratorio “Samson”
2	S.Rachmaninov Lời thơ A.Puskin	Romance: Đừng hát người đẹp ơi
3	Giuseppe Verdi	Aria: Leonore “Pace, pace mio dio”. From Sức mạnh số phận
4	Franz Lehár	Aria: Khúc hát Viljia “Es lebet eine Viljia”. From Die Lustige witwe
5	Đặng Hữu Phúc	Romance: Kỷ niệm không em kỷ niệm không hồn
6	Dân ca Quan họ	Mời trầu
7	Trần Mạnh Hùng	Ru con
8	G. Rossini	Romance: L’orgia (Cuộc truy hoan)

11. SV: Vũ Hoàng Giang (barytone); GVHD: NSƯT Gia Hội & ThS Quốc Hưng ;
Ngày thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Peri	Invocazione di orfeo. From Euridice
2	Verdi	Di provenza il mar. From La Traviata

3	Toselli	La serenata sentimentale
4	Mozart	Se vuol ballage. From La nozze di Figaro
5	A.Scarlatti	Gia il sole dal gange
6	Dân ca QH	Trèo lên quán dốc
7	Trần Hoàn.Thơ Minh Thông	Tìm em
8	Xuan Oanh	Quê hương anh bộ đội

12. SV: Nguyễn Bá Thành (barytone); GVHD:ThS Quốc Hưng; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	C.W.Gluck	Che Faro' senza Euridice
2	Schubert	Standchen
3	Ce'sar Frank	Panis Angelicus
4	W.A.Mozart	Se Vuol Bal La re. From opera Đám cưới Figaro
5	Bizet	Votre Toast, je peux vous le rendre
6	Phạm Tuyên	Giá em đừng yêu anh (Lời Bùi Văn Dũng)
7	Xuân Oanh	Quê hương anh bộ đội
8	Dân ca NB	Lý kéo chài

13. SV: Nguyễn Kim Ngân; GVHD: ThS Dương Hồng Lan; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Mozart.	Liên khúc thanh nhạc Motette Exsultate jubilate KV 165 Exsultate jubilate...(Allegro +Recitative)
2		Tu virginum corona...(Andante)
3	F.Schubert	Liên ca khúc (trích) Con đường mùa đông- Wasserflut (Dòng nước lũ)
4		Das Wirtshause (Quán trọ)

5		Die Krahe (Con quạ)
6	An Chung	Trăng sáng đôi miền
7	Trần Mạnh Hùng	Giấc mơ mùa lá
8	Văn Ký	Bài ca hy vọng
9	Dân ca Huế	Lý ngựa
10	Sebastien Yradier	La Paloma

14. SV: Nguyễn Duy Thao (Barytone); GVHD: NSND Quang Thọ; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Aria L Des Sarastro
2	Giacomo Puccini	Vecchia Zimarra. From La Boheme
3	Giuseppe Verdi	Il Lacerato Spirito. From Simon Boccanegra
4	Jean Paul MarTini	Piacer D'amor
5	Ce'sar Frank	Panis Angelicus
6	Dân ca QH	Thỏa nỗi nhớ mong
7	Trọng Bằng	Vang mãi bản tình ca (Nhớ Hoàng Việt)
8	Trần Kiệt Tường	Bài ca chiến thắng

15. SV: Nguyễn Thị Thủy (Thính phòng); GVHD Ths Diệu Linh; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Jean Paul E'gide Martini (1741-1816)	Plaisir D'Amour
2	Gioachio Rossini	La Promessa (Ước hẹn)
3	Vincenzo Di Chiara	La Spagnola
4	Vincenzo Bellini	Per Pieta, Bell' Idol Mio (Thần tượng của tôi chúa ơi)
5	Georges Bizet	Habanera « L'a mour est un oiseau Rebelle ». From Carmen

6	George Frideric Handel	Aria L Di Rodelinda « Mio caro bene... ». From opera “Rodelinda”
7	Hoàng Cương Lời Lê Thị Kim	Tháng giêng mùa xuân còn sót lại
8	Dân ca Thanh Hóa	Đi cây
9	Phạm Minh Tuấn	Đường tàu mùa xuân
10	Hoàng Vân	Bài ca người GV nhân dân

16. SV: Nguyễn Thị Oanh; GVHD: ThS Diệu Linh; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Figaro
2	Puccini	Omio Babbino caro
3	P. Mascagni	Ave maria
4	F.Schubert	Du bist die ruh
5	Nhạc Trung Quốc	Cô gái thảo nguyên
6	Trần Hoàn, Thơ Nguyễn Khoa Điềm	Lời ru trên nung
7	Trần Hoàn, Lời thơ Tố Hữu	Mưa rơi
8	Dân ca Nghệ Tĩnh	Giận mà thương

17. SV: Nguyễn Thị Phương Thanh, GVHD: NSUT Phan Thu Lan, thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	CH. Gounod	Ave maria
2	Verdi	Tutte le feste al tempo. From Rigoletto
3	S.Rachmaninov	Đẹp thay chốn này
4	Drigo	Serenade (Giấc mơ triệu phú)
5	W.A.Mozart	Aria Der Dorabella « Ein loser Dieb ist Amor » From : Cosi fan tutte
6	Trần Thanh Tùng	Đừng ví em là biển

	Thơ Minh Thiên	
7	Dân ca Bình Trị Thiên	Lý Hoài Nam
8	Nguyễn Nhung	Cô dân quân làng đỏ

18. SV: Nguyễn Hoàng Hữu Tiến; GVHD: ThS Đào Nguyên Vũ; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Paolo Tosti	Vorrei
2	W.A.Mozart	Tardi S'avvede D'un Tradi Mento From La Clemenza Di Tito
3	Giacomo Puccini	Vecchia Zimarra, Senti. From La Boheme
4	Phú Quang Thơ Nguyễn Khoa Điềm	Có một ngày
5	Dân ca Phú Thọ	Hát gheo : Trống chưởi
6	Phạm Duy	Tình ca
7	George Gershwin	A woman is a sometime thing From Porgy and Bess
8	George Gershwin	I'm on my way

19. SV: Bùi Kiên Trung, GVHD: ThS Tạ Ngọc Định, thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Scarlatti	Chi vuole innamorarsi
2	Giovanni Battista Fasolo	Lingi, Lungi a amor da me
3	Vaccaj	Giải bày
4	C.Gluck	O del mio dolce ardor
5	Trần Mạnh Hùng	Gió lộng bốn phương
6	Trần Long Ẩn	Đêm thành phố đầy sao
7	Diệu Hương	Vì đó là em
8	Dân ca Quan họ	Hoa thơm bướm lượn

9	Francesco Durante	Danza, Danza, fanciulia gentile
10	W.A.Mozart	Non piu andrai. From Le Nozze di Figaro

20. SV: Đỗ Thị Hòa; GVHD: NSƯT. ThS Phan Thu Lan; thi: 10/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Tu virginum. From Exsultate, jubilate
2	F. Handel	Aria: Di Atalanta. From Un cenno Leggiadretto
3	P. Tchaikivsky	Khúc hát ru
4	F.Schubert	Wohin (lang thang)
5	Đỗ Nhuận	Aria Cô sao
6	Trần Mạnh Hùng	Giấc mơ mùa lá
7	Vũ Thiết, Lôi Hữu Thịnh	Nghe câu quan họ trên cao nguyên
8	Dân ca NB	Ru con

21. SV: Ma Thị Huế; GVHD: TS.NSƯT. Trần Ngọc Lan; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	F.Chubert	Ave Maria
2	G. Verdi	Tutte le feste al tempio
3	W.A. Mozart	Ridente la Calma
4	Handel	V'adoro pupille
5	G.Puccini	Vissi d'arte, vissi d'amore. From opera Tosca
6	Trần Ngọc Quang	Tiếng hát trên đỉnh Hoàng Liên
7	Dân ca QH	Thỏa nỗi nhớ mong
8	Nguyễn Hồng Sơn Thơ Đoàn Vũ Vinh	Sức sống Trường Sa

22. SV: Nguyễn Văn Hoan; GVHD: TS.NSƯT. Trần Ngọc Lan; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	W.A.Mozart	Che betta, che legiadria
2	S.Scardillo	Corengrato
3	Gaetano Donzetti	Quanto è bella
4	Gaetano Donzetti	Me Voglio fa'na casa
5	Lee Hoiby	Be not afeard. From The Tempest
6	Dân ca QH	Thỏa nỗi nhớ mong
7	Nguyễn Văn Thương. Lời Tô Hoài	Bài ca trên núi
8	Lân Tuất Phông thơ Anh Thơ	Người con gái Việt

23. SV: Trương Thị Tâm; GVHD: ThS Bùi Lan Anh; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Francis Poulenc	Air champetre
2	J.Strauss	Mein herr Marquis. From Die Fledemaus
3	W.A.Mozart	Et incarnatus est
4	Schubert	Fruhlingsglaube
5	Webber	Wishing you were some how here again (The Phantom of opera)
6	Văn Ký	Bài ca hy vọng
7	Dân ca Bắc bộ	Bèo dạt mây trôi
8	Võ Thiên Lan	Gửi cánh chim biển

24. SV: Đào Thị Tố Loan; GVHD: TS.NSƯT. Trần Ngọc Lan; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Dân ca QH	Người ở đừng về
2	Hoàng Vân	Người chiến sĩ ấy

3	Nguyễn Văn Tý	Mẹ yêu con
4	Delibes	Les filles de Cadix
5	J. Massenet	Aria La Fee
6	Johann Strauss (sohn)	Spiel'ich die Unschuld vom Lande From Die Fledermaus
7	Edvard Grieg's	Solveig's Song
8	Leonard Bernstein	Glitter and Be Gay

25. SV: Bùi Văn Tuyên; GVHD: ThS.NSUT Đỗ Quốc Hưng; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Jean Paul Martini	Piacer d'mor
2	Verdi	Dormiro sol nel manto mio regal. From Don Carlo
3	Tô Sách	Sông Trường Giang chảy về đông
4	M.Glinka	Aria Susanin. From opera Ivan Susanin
5	S.Yradier	La Paloma
6	Nguyễn Xuân Khoát	Tiếng chuông nhà thờ
7	Dân ca Thanh Hóa	Đi cấy
8	Mozart	Madamina! Il catalogo è questo. From Don Giovanni

26. SV: Đỗ Thị An; GVHD: ThS Lê Thị Thơ; thi: 11/6/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	C.A.Bixio	Mamma (mẹ ơi)
2	Henri Du Parc	Soupir (thở dài)
3	Giacomo Puccini	Vissi d'arte, vissi d'amore
4	W.A.Mozart	Alleluia
5	Giuseppe Verdi	Sul fil d'un soffio etesio

6	Phú Quang	Lãng đàng chiều đông Hà Nội
7	Dân ca QH	Thỏa nỗi nhớ mong
8	Cầm Phong Phỏng thơ Mai Trang	Người lái đò trên sông Pô cô

II. Chương trình tốt nghiệp ĐH thanh nhạc tại NV Thành phố Hồ Chí Minh

1. SV : Trần Thị Thúy An ; GVHD Th.S Nguyễn Thị Như Ngọc; thi: 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Vocalise No15
2	DC Quan họ	Lúng liếng
3	Đặng Hữu Phúc. Phan Đan	Ngon gió mùa xuân
4	Trần Mạnh Hùng	Giấc mơ mùa lá
5	W.A.Mozart	aria Deh vieni, non tardar. From Đám cưới Figaro
6	Leo Delibes	romance Les filles de cadix
7	A.Buzzi Peccia	romance Mal D'amore
8	Giuseppe Verdi	aria Stride la vampa. From opera Il Trovatore

2. SV : Nguyễn Thị Hồng, nữ, GVHD Ths Cho Hae Ryong, thi : 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Vocalise 45
2	DC Quan họ	Ngồi tựa mạn thuyền
3	Hoàng Việt	Lên ngàn
4	Doãn Nho, lời Phong Thủy	Người con gái sông La
5	Leo Delibes	Romance Les filles de cadix
6	S. Rachmaninov	Romance : Lilacs

7	W.A.Mozart	Aria « Alma Grande e nobil core ». From op « I du e baroni »
8	Giuseppe Verdi	Aria “Merce, dilette amiche”. From Opera “I vespri sichliam”

3. SV : Nguyễn Thị Thúy Huyền; thi: 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Vocalise 38
2	DC Quan họ	Trèo lên trái núi thiên thai
3	Phạm Minh Tuấn, phỏng thơ Đoàn Vi Thương	Năm đất Bác hôn
4	Hoàng Vân	Quảng Bình quê ta ơi
5	Franz Schubert	Ave maria
6	W.A.Mozart	Exsultate. From Motette Exsulata Jubilante KV 165
7	G Puccini	Un bel di, Vedremo. From op Madame Butterfly
8	Strauss	Mein Herr Marqus. From op Die Fledermaus

4. SV: Ngô Văn Khoa; GVHD: Đào Quốc Trụ; thi : 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Vocalise No 35
2	DC Quan họ	Ra ngô mà trông
3	Lương Vĩnh, lời Hải Như	Thành phố hoa phượng đỏ
4	Xuân Giao	chào sông Mã anh hùng
5	Salvatore Cardillo	Romance Core Ngrato
6	J.Massenet	Romance Elegie

7	Gaetano Donizetti	aria Una Furtiva lagrima. From opera L'Elisir d'amore
8	G. Verdi	aria La donna é mobile. From opera Rigoletto

5. SV : Nguyễn Thị Hồng Liên ; GVHD Võ Thụy Ngọc Tuyên; thi : 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 37
2	DC Quan họ	Trèo lên trái núi thiên thai
3	Hoàng Hiệp,	Cô gái vót chông
4	Trần Hoàn, lời Minh Thông. thơ Mô lô ya clavi	Tìm em
5	Georges Bizet	Romance: Guitar
6	Gioachino Rossini	Romance: La Promassa
7	W.A.Mozart	Aria Dorabella. From opera « Phụ nữ là thế đấy »
8	Giuseppe Verdi	Aria Volta la Terrea. From Un Ballo in Maschera

6. SV : Từ Lương Hy ; GVHD Nguyễn Thị Thanh Nga; thi : 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 39
2	DC Quan họ	Ra ngõ mà trông
3	Đức Trịnh	Miền xa thăm
4	Lê Yên, thơ Hoàng Trung Thông	Bộ đội về làng
5	Gioachino Rossini lời thơ : Pietro Metastasio	Romance: La Promassa (Đừng bao giờ nghĩ là tôi sẽ dừng yêu người, Người yêu dấu hỡi. Tôi cũng có nói rằng tôi sẽ lừa dối người

		đâu. Chỉ có người là tia sáng của tôi. Và người sẽ mãi là ngọn lửa tuyệt đẹp trong tôi
6	Georges Bizet, lời thơ Victor Hugo	Romance 2 : Guitare (Làm sao để con thuyền và dòng Alguazil chảy? Hãy chèo đi. Làm sao để gạt sang một bên những xung đột và sự khổ đau? Hãy ngủ đi. Làm sao chinh phục được trái tim. Hãy yêu đi)
7	Giacomo Puccini	Aria: Vissi d'arte , vissi d'amore. From op Tosca
8	Giuseppe Verdi	Aria: Volta la terrea fronte alle stelle. From op Un ballo in maschera

7. SV: Phạm Khánh Ngọc; GVHD Cho Hoe Ryong; thi : 9/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 42
2	DC Quan họ	Người ở đừng về
3	Võ Thiên Lan	Gửi cánh chim biển
4	Nguyễn Đình Thi	Người Hà Nội
5	Richard Strauss	Romance Cacilie
6	Charles Gounod	Romance Serenade
7	W.A.Mozart	aria Nữ hoàng đêm « Del holle rache kocht in meinem herzen ». From màn II, cảnh III Opera Die zauberflote (cây sáo thần)
8	Gioachino Rossini	Aria Semiramide »Bel raggio lusingher ». From màn I, cảnh I opera Semiramide

8. SV: Hồ Thị Kim Ngọc, GVHD Cho Hea Ryong, thi: 8/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 41
2	DC Quan họ	Ra ngô mà trông

3	Vũ Trọng Hối	Đường tôi đi dài theo đất nước
4	Đặng Hữu Phúc. Lời Phạn Đan	Ru con trong mưa mùa xuân
5	Georges Bizet	Romance Serenade Espagnole
6	Julius Benedict	Romance : La Capinera
7	George Frideric Handel	Aria : Mio Caro Bene. From opera Rodelinda
8	Johann Strauss	Aria : Mein Herr Marquis. From opera « Die Fledermaus »

9. SV: Huỳnh Thị Hiếu Nhi, GVHD Nguyễn Tuấn Phong, thi : 9/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 43
2	ĐC Quan họ	Ngồi tựa mạn thuyền
3	Lê Lan	Chị mai xuống chợ
4	Nguyễn Tài Tuệ	Xa khơi
5	Giulio Caccini	Ave Maria
6	V.Di Chiara	La Spagnola
7	Giacomo Puccini	Vissi d'arte, vissi d'amore. From Tosca
8	Giuseppe Verdi	Tutte le feste al tempio. From Rigoletto

10. SV: Nguyễn T.Tuyết Nhung, GVHD Nguyễn Thị Khánh Trang, thi : 9/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Giuseppe Concone	Bài luyện thanh số 33
2	ĐC	Lý thương nhau
3	Vũ Thanh	Bài ca Hà Nội
4	Cầm Phong. phỏng thơ Mai Trang	Người lái đò trên sông Pôcô

5	G. Rossini	Romance: la pastorella delle alpi
6	Buzzi – Peccia	Romance : Mal D’amore
7	Giacomo Puccini	Aria : Vissi d’arte, vissi d’amore, opera Tosca
8	Giuseppe Verdi	Aria: Addio del passato. From opera La Traviata

11. SV: Nguyễn Thị Nhất Phương; GVHD Nguyễn Ánh Tuyết; thi : 9/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Paolo Giuseppe Gioachino Concone	Bài luyện thanh số 35
2	DC Quan họ	Hoa thơm bướm lượn
3	Vũ Thanh	Bài ca Hà Nội
4	Đức Trịnh	Miền xa thăm
5	Vincenzo Bellini	Malinconia, Ninfa gentile
6	Stefano Donaudy	Vaghissima Sembianza
7	Georg Friedrich Haendel	V’adoro,pupille
8	Alfredo Catalani	La Wally

12. SV: Võ Nguyễn Thành Tâm, GVHD Nguyễn Thị Ánh Tuyết, thi : 9/7/2014

Stt	Tác giả	Tác phẩm
1	Paolo Giuseppe Gioachino Concone	Bài luyện thanh số 37
2	DC Liên khúc năm	Lý thương nhau
3	Trần Hoàn, Thơ Minh Thông	Tìm em
4	Chu Minh,Thơ Hoàng Trung Thông	Ta tự hào đi lên ôi VN
5	Antonio Caldara	Sebben, crudele
6	C.A.Bixio	Parlami d’amore, Mariu
7	W.A.Mozart	Non siate ritrosi from Così fan tutte
8	C.Gounod	Avant de quitter ces lieux from Faust

PHỤ LỤC 5

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐÀO TẠO THANH NHẠC CHUYÊN NGHIỆP

1. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên

Đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp cần phải được phân dòng. Đa dạng hóa loại hình đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp là phải đi chuyên sâu từng dòng: hát nhạc kịch, hát thính phòng và hát ca khúc – ca khúc dân gian đương đại.

2. PGS.TS. NSƯT Trần Ngọc Lan

SV thời nay thông minh nhưng thiếu sự kiên nhẫn trong học tập nên hiệu quả không cao. Động cơ thái độ học tập khác nhiều so với trước. Học cùng một chương trình, cùng GV hướng dẫn nhưng SV có nhiều xu hướng khác nhau trong lựa chọn cho mình con đường hoạt động âm nhạc sau này. Một thực tế cần suy nghĩ đó là không phải SV nào cũng mong muốn trở thành nghệ sĩ hát opera trong khi họ được đào tạo theo chương trình hát opera. *(phỏng vấn ngày 17/5/2013 tại phòng 10D giảng đường HVANQGVN).*

3. GV thanh nhạc, NGƯT Gia Hội

SV thời nay có nhiều lo toan cho cuộc sống đời thường nên không chuyên tâm với công việc học tập. Trình độ của SV có phần giảm sút so với trước; có hiện tượng lười học, không đảm bảo số giờ trên lớp, trả bài qua quýt. Có lẽ cần phải có sự phân dòng trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp để SV lựa chọn ngay từ đầu nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra, tránh tình trạng lãng phí vì đầu tư không hiệu quả khi một bên là sự nỗ lực của người thầy và yêu cầu cao của chương trình chuẩn, một bên là sự giới hạn của trình độ và mong muốn của SV trước thực tiễn việc làm và sức ép của sự mưu sinh trong thời buổi khó khăn chung của đất nước. *(phỏng vấn ngày 14/5/2013 tại phòng 8D giảng đường HVANQGVN)*

4. GV thanh nhạc Hồng Ân

Đào tạo thanh nhạc ở nhạc viện là đào tạo hát opera. Khó khăn của GV khi giảng dạy chính là thị phạm màu giọng. Những hạn chế chủ yếu của SV đó là hát sâu, vị trí âm thanh không rõ ràng, hơi thở sai. Đối với GV là người nước ngoài khi

dạy tác phẩm VN thường hạn chế ở khâu làm mẫu - hát cứng, nhất là dân ca VN; SV phải học thêm GV khác. PP giảng dạy và sửa sai của GV chủ yếu làm mẫu để SV bắt chước (GV nước ngoài).

5. SV Tuấn - năm cuối khoa thanh nhạc (HVANQGVN)

Rất bận vì phải làm một lúc nhiều việc từ làm bầu xô, tham gia biểu diễn thi đấu ở cả lĩnh vực khác...nhiều lúc lên lớp trả bài mà vẫn còn phải lo giải quyết công việc nên khó tập trung chuyên môn. Hơn nữa, học hát các tác phẩm trong opera nhưng chẳng thấy vận dụng được vào thực tiễn được là bao vì nhu cầu thưởng thức của khán giả bây giờ nghiêng nhiều về nhạc giải trí và thị trường... *(phỏng vấn ngày 14/5/2013)*

6. SV Nhất Phương, năm thứ ba khoa thanh nhạc (Nhạc viện TP.HCM)

Sau thời gian luyện tập hát ca khúc để tham dự một số cuộc thi, cảm thấy khó khăn khi hát lại các tác phẩm bằng tiếng nước ngoài. Chỉ với bốn năm học, phải học nhiều thể loại với nhiều ngôn ngữ (Việt, Anh, Đức, Ý, Nga, Pháp) như vậy rất khó khăn cho SV vì luyện tập dàn trải, thiếu tập trung cho dòng nhạc mà SV có khả năng phát triển tốt; Nhạc viện TP.HCM chưa có giáo trình riêng, hiện thư viện mới chỉ có bộ giáo trình của HVANQGVN; Thi tốt nghiệp SV được lấy lại tác phẩm đã thi ở các học kỳ trước. *(phỏng vấn ngày 26/8/2013)*

7. SV Khắc Hòa, năm thứ hai khoa thanh nhạc (HVAN Huế)

Rất khó chủ động tự học vì thiếu tài liệu giáo trình chuẩn cụ thể cho từng trình độ, từng đối tượng SV. *(phỏng vấn ngày 19/6/2013)*

8. SV Thùy Linh, năm thứ tư khoa thanh nhạc (HVANQGVN)

Nhiều SV không biết phải vận dụng kiến thức đã học về thanh nhạc vào thực tiễn biểu diễn như thế nào, nhất là khi hát ca khúc nhạc nhẹ; Bản thân sức khỏe không được tốt đã rất muốn được học một chương trình phù hợp thay vì chương trình hát opera. *(phỏng vấn ngày 13/6/2014)*

9. SV Kim Oanh, năm thứ tư khoa thanh nhạc (HVANQGVN)

Cho rằng chương trình đào tạo hát opera không phù hợp với khả năng của mình. SV Oanh cho rằng giá như được học một chương trình “nhẹ” hơn; được làm

việc nhiều với ca khúc VN, trong đó có ca khúc mang âm hưởng dân gian nhiều hơn. (*phỏng vấn ngày 11/6/2014*)

10. SV Thu Hòa, năm thứ tư khoa thanh nhạc (HVANQGVN)

Tự đánh giá khả năng tiếp thu của bản thân rất hạn chế nên không đáp ứng được yêu cầu đào tạo của chuyên ngành hát opera. Việc thực hiện chương trình học và thi chỉ để đối phó, được tốt nghiệp chứ không mặn mà với những gì mình được học (*phỏng vấn ngày 11/6/2014*)

11. Một số SV của NV TP.HCM cho biết, hiện nay nhạc viện có 8 phòng học thanh nhạc. Các phòng đều được cách âm, được trang bị đàn Piano, gương soi, bàn ghế cho GV và SV. Tuy nhiên, chất lượng cách âm đều rất hạn chế; không được trang bị máy điều hòa nên đàn Piano không được bảo dưỡng tốt (chênh phô nhiều);

12. Một số SV HVANQGVN thì có nhận xét: Học viện có 11 phòng dành riêng cho dạy học thanh nhạc (2D, 4D, 5D, 6D, 7D, 8D, 9D, 10D, 13D, 9G, 10G) trong đó phòng 4D và 13D được sử dụng cho SV thi học kỳ, thi tốt nghiệp trung cấp và đại học; Những năm gần đây, SV thi tốt nghiệp đại học được biểu diễn ở phòng hòa nhạc. Hầu hết các phòng học đều thiếu phương tiện hỗ trợ đổi mới PP dạy học như máy tính, đài đĩa, ti vi...Số phòng được GV quan tâm trang trí đẹp, tiện dụng cho cả người dạy và người học như phòng 4D (GS.NSND Trung Kiên phụ trách), phòng 7D (GV Quốc Hưng phụ trách) không nhiều; một số phòng được trang bị cơ sở vật chất còn sơ sài, đàn bị chênh phô nhiều như phòng 2D, 6D, 8D, 9G, 10G. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến việc giảng dạy của GV cũng như việc học của SV. Bên cạnh đó, ý thức giữ gìn tài sản chung của một vài SV và GV chưa tốt. Hiện tượng xả rác, hút thuốc trong ngay trong giờ học làm mất vệ sinh và mỹ quan phòng học không phải là không xảy ra thường xuyên.

13. Một số GV khác thì cho rằng gặp khó khăn khi giảng dạy SV cách phát âm ngôn ngữ trong các tác phẩm gốc (chủ yếu là ngôn ngữ Đức, Ý, Pháp, Nga...). Xuất hiện xu hướng lấy tiêu chuẩn phát âm ngôn ngữ Việt để áp dụng vào tác phẩm hát bằng ngôn ngữ nước ngoài và cũng có trường hợp ngược lại. Đây là vấn đề khó cho cả GV và SV.

14. Nội dung phỏng vấn một số SV của Nhạc viện TP.HCM

Chúng tôi đã có cuộc phỏng vấn nhanh với một số SV nhạc viện TPHCM ngay sau buổi thi tốt nghiệp năm 2014. Nội dung như sau:

Hỏi: Chương trình thi tốt nghiệp yêu cầu bao gồm những tác phẩm đã học và thi ở những kỳ trước hay là SV phải tập một chương trình hoàn toàn mới?

TL: Được phép lấy lại các tác phẩm đã thi từ kỳ trước.

H: Thế còn chương trình học?

TL: Có lẽ là theo chương trình của HVANQGVN

H: GT, tài liệu nào được sử dụng trong quá trình đào tạo?

TL: Không có tài liệu nào cả. Thư viện cũng không mà khoa thì càng không. Chủ yếu là GV giao bài theo kinh nghiệm, thường là những bài GV đã từng hát và biểu diễn thành công.

H: Cách tính điểm

TL: Học theo học chế tín chỉ nhưng cách tính điểm có hơi khác. Chỉ lấy điểm lẻ tới 0,5, còn lại là làm tròn. Ví dụ: từ 0,25 đến 0,74 làm tròn thành 0,5; 0,75 làm tròn thành 1;

H: Hình thức thi thì sao?

TL: Thi thực hành. Nội dung là những tác phẩm đã được chuẩn bị trước, có ráp đàn. Thi học kỳ, thi hết năm học đều tổ chức tại phòng học, SV không được phép dự; Chỉ có chương trình báo cáo tốt nghiệp mới được tổ chức tại Phòng hòa nhạc (Hội trường A)

H: Phòng học thì sao?

TL: Chỉ có phòng văn phòng khoa vừa là của lãnh đạo khoa, còn các phòng học thanh nhạc khác (khoảng 7 phòng) được sử dụng chung với các khoa khác (piano); các phòng học không có máy điều hòa, bàn ghế khá sơ sài, đàn piano bị chênh phô khá nhiều, hệ thống cách âm chưa hiệu quả.

H: Về việc dựng tác phẩm cho SV?

TL: GV chủ yếu chịu trách nhiệm về giọng; việc dựng bài, SV thường phải làm việc thêm với chuyên gia (250.000 đến 300000đ/ buổi)

H: Khoảng bao nhiêu % số SV học dòng hát opera?

TL: 100% chứ, SV đại học thanh nhạc là học hát opera mà.

H: Vậy còn hát thính phòng thì sao?

TL: Tất cả đều học chương trình hát opera. Tuy nhiên, có bạn không chú trọng việc rèn luyện mà chủ yếu “chạy xô” bên ngoài. Những bạn đó có lẽ không phải là giọng opera “xịn”; học chỉ học để lấy mác nhạc viện thuận lợi cho việc đi hát “kiếm tiền” mà thôi; kết quả học ở nhạc viện chỉ cần ở mức vừa phải. Vì thế, điểm tuy không cao nhưng họ cũng chẳng buồn, miễn qua là được.

H: Nghĩ thế nào nếu việc phân dòng sẽ giúp cho SV lựa chọn dòng hát phù hợp với khả năng và mục đích nghề nghiệp của mình?

TL: Nên có sự phân dòng và SV lựa chọn học dòng nhạc phù hợp. Thực tế số giọng có đủ khả năng hát opera ở VN rất ít, chỉ chiếm khoảng 10%; còn lại chủ yếu hát thính phòng và hát ca khúc?

PHỤ LỤC 6

MỘT SỐ TUYỂN TẬP BỔ SUNG GIÁO TRÌNH THANH NHẠC

1. Vocalise 1 và Vocalise 2 cho các giọng cao và piano của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên và PGS.TS Nguyễn Phúc Linh

Bài	Tác phẩm	Ghi chú
VOCALISE 1		
1	Andante	
2	Moderato	
3	Moderato	
4	Adagio (hò xuôi ru ngủ)	
5	Moderato (cho tôi nhắn một đôi lời)	Quan họ Bắc Ninh
6	Andante	
7	Moderato (hò mái lơi)	Quảng Nam
8,9	Allegretto (phông theo điệu hò kéo gõ)	

10	Andante	
VOCALISE 2		
1	Andante	
2	Andante	
3	Moderato (caltabile)	
4	Moderato (caltabile)	
5	Alegro (phông theo Lý con sáo)	
6	Andante (phông theo Lý chiều chiều)	
7	Moderato (caltabile) Phông theo <i>Khổng mi nhũa</i>	Nguyễn Nhung
8	Adagio, allegro, andante, adagio	
9	Moderato, adagio, allegro	
10	Adagio, andante (phông theo <i>Diễm xưa</i>)	Trịnh Công Sơn

2. Tuyển tập “Vietnam songs 1” và “Vietnam song2” của NSND Quang Thọ

Stt	Tác phẩm	Tác giả
Vietnam songs 1		
1	Aria Cô sao	Đỗ Nhuận
2	Bài ca Hà Nội	Vũ Thanh
3	Bài ca hy vọng	Văn Ký
4	Chào sông Mã anh hùng	Xuân Giao
5	Chiếc gậy Trường Sơn	Phạm Tuyên
6	Đường tôi đi dài theo đất nước	Vũ Trọng Hối
7	Em là hoa P’lang	Đức Minh
8	Giấc mơ mùa lá	Trần Mạnh Hùng
9	Hà Tây quê lụa	Nhật Lai
10	Hoa Mộc Miên	Huy Du
11	Người Hà Nội	Nguyễn Đình Thi
12	Ơi mẹ làng Sen	Trần Mạnh Hùng

13	Quê em	Nguyễn Đức Toàn
14	Tình ca	Hoàng Việt
15	Trăng sáng đôi miền	An Chung
16	Võ Thị Sáu	Nguyễn Đức Toàn
17	Xa khơi	Nguyễn Tài Tuệ
Vietnam songs 2		
1	Bài ca chiến thắng	Trần Kiệt Tường
2	Bình Trị Thiên khói lửa	Nguyễn Văn Thương
3	Đàn bò của tôi	Trần Kiệt Tường
4	Dio Hà và Cô Sao	Đỗ Nhuận
5	Giật mình tỉnh giấc	Tân Huyền- Xuân Quỳnh
6	Gió lộng bốn phương	Trần Mạnh Hùng
7	Hướng về Hà Nội	Hoàng Dương
8	Người là niềm tin tất thắng	Chu Minh
9	Sông Lô	Văn Cao
10	Ta tự hào đi lên ôi Việt Nam	Chu Minh
11	Tiếng chuông nhà thờ	Nguyễn Xuân Khoát
12	Tìm em	Trần Hoàn- Minh Thông
13	Tình ca	Hoàng Dương- Xuân Quỳnh
14	Tình em	Huy Du- Ngọc Sơn
15	Vang mãi bản tình ca	Trọng Bằng

PHỤ LỤC 7

KHẢO SÁT

1. Khảo sát 1

Đối tượng khảo sát: Một số SV của HVANQGVN và HVAN Huế

Số lượng: 68 người

Địa điểm: HVANQGVN và HVAN Huế

Thời gian tiến hành khảo sát: 15- 19/5/2015

1.1. Phiếu khảo sát

Bạn đồng ý với thông tin nào thì hãy đánh dấu “x” vào ô trống ngay trước đó!

Họ và tên: nam nữ. Điện thoại: Email:

SV ĐH Biểu diễn Thanh nhạc năm thứ nhất/ hai/ ba/ tư.

Năm học 201...-201...

1. Bạn học chuyên ngành hát Opera/ hát Thính phòng.
2. Giọng bạn thuộc loại giọng soprano/ mezzosoprano/ alto/
 tenor/ barytone/ basse.
3. Bạn học hát Aria, Romance bằng các ngôn ngữ Ý/ Đức/ Nga/ Pháp.
4. Bạn được GV hướng dẫn phát âm tiếng Ý/ Đức/ Nga/ Pháp.
5. Bạn học cách phát âm ngôn ngữ trong các Aria, Romance thông qua
 giảng viên/ chuyên gia/ bạn bè/ tự học.
6. Bạn đang được GV hướng dẫn luyện tập kiểu thở : ngực/ bụng/
 phối hợp ngực-bụng.
7. Bạn học hát những nốt cao bằng giọng giả thanh/ âm thanh đóng/
 giọng chuyển.
8. Bạn học thanh nhạc dưới hình thức tổ chức 01 GV- 01SV/
 01 GV-02SV/ 02 GV-01 SV/ nhiều GV- 01 SV.
9. Bạn cho rằng hoạt động cá nhân phối hợp với hoạt động nhóm trong giờ học thanh nhạc là rất cần thiết/ cần thiết/ không cần thiết.
10. Trong lớp, giảng viên sử dụng Piano hiệu quả/ bình thường/
 không hiệu quả.
11. Giảng viên sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học là CD nhạc mẫu/
 CD hát mẫu/ CD nhạc đệm/ khác.
12. Giảng viên sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học hiệu quả/
 bình thường/ không hiệu quả.
13. Theo bạn, việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học thanh nhạc là
 rất cần thiết/ cần thiết/ không cần thiết.
14. Bạn được giảng viên giảng dạy theo phương pháp thị phạm/ gọi mở.

	Ý	12	10	6		28	10	8	21	1	40	68	100,00
	Đức	1		3		4	6	3	11	1	21	25	36,76
	Nga	7	4	3		14	2	1	6	1	10	24	35,29
	Pháp	1	2	1		4	1		5	1	7	11	16,76
4	Bạn được GV hướng dẫn phát âm tiếng												
	Ý	12	10	6		28	10	8	21	1	40	68	100,00
	Đức	1		3		4	5	3	11	1	20	24	35,29
	Nga	7	4	3		14	2	1	5	1	9	23	33,82
	Pháp	1	2	1		4	1		5	1	7	11	16,76
5	Bạn học cách phát âm ngôn ngữ trong các Aria, Romance qua												
	Giảng viên	12	10	6		28	10	8	21	1	40	68	100,00
	Chuyên gia						1	1	3		5	5	7,35
	Bạn bè	2				2	1	1	4	1	7	9	13,24
	Tự học	4	1	2		7	2	2	5	1	10	17	25,00
6	Bạn đang được GV hướng dẫn luyện tập kiểu thở												
	Ngực												
	Bụng	7	7	5		19	5	5	11		21	40	58,82
	Phối hợp ngực bụng	5	2	1		8	5	3	9	1	18	26	38,24
	Đề trống		1			1					1	2	2,94
7	Bạn học hát những nốt cao bằng												
	Giọng giả thanh	4	7	5		16	3	4	5	1	13	29	42,65
	Âm thanh đóng tiếng	5	2	1		8	5	3	8		16	24	35,29
	Giọng chuyên	3	1			4	2	1	1		4	8	11,76
	Đề trống								7		7	7	10,29
8	Bạn học thanh nhạc dưới hình thức tổ chức												
	1 GV/1SV	9	9	6		24	9	8	18	1	36	60	88,24
	1 GV/2SV	2	1			3	1		3		4	7	10,29
	2 GV/1 SV	1				1					1	1	1,47
9	Bạn cho rằng hoạt động cá nhân phối hợp với hoạt động nhóm trong giờ học thanh nhạc là												
	Rất cần thiết	3	4	1		8	8	3	10		21	29	42,6
	Cần thiết	8	5	4		17	2	4	7	1	14	31	45,59
	Không cần thiết	1	1	1		3		1	4		5	8	11,76
10	Trong lớp, giảng viên sử dụng Piano												
	Hiệu quả	11	8	5		24	7	6	11	1	25	49	72,06
	Bình thường	1	2			3	3	2	8		13	16	23,53
	Không hiệu			1		1			2		2	3	4,41

	quả												
11	GV sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học là												
	CD nhạc mẫu					3	1				4	4	5,88
	CD hát mẫu	1	3			4	3	2	7	1	13	17	25,00
	CD nhạc đệm	1				1		2	3	1	6	7	10,29
	Khác	10	7	6		23	5	3	12		20	43	63,24
12	GV sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học												
	Hiệu quả	8	7	5		20	6	7	14	1	28	48	70,59
	Bình thường	4	3	1		8	2	1	2		5	13	19,12
	Không hiệu quả						2		5		7	7	10,29
13	Theo bạn, việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học thanh nhạc là												
	Rất cần thiết	7	8	3		18	8	7	15	1	31	49	72,06
	Cần thiết	5	2	3		10	2	1	6		9	19	27,94
	Không cần thiết												
14	Bạn được GV giảng dạy theo phương pháp												
	Thị phạm	8	8	5		21	5	7	16		28	49	72,06
	Gợi mở	4	1	1		6	3		1	1	5	11	16,17
	Cả hai p.án		1			1	2	1	4		7	8	11,76
15	Những vấn đề giảng viên hướng dẫn												
	Dễ hiểu	12	10	6		28	10	8	20	1	39	67	98,53
	Khó hiểu								1		1	1	1,47
16	Những tác phẩm GV chọn cho bạn trong CT học khiến bạn												
	Thích	11	10	6		27	7	8	18	1	34	61	89,71
	Không thích	1				1	3		3		6	7	11,48
17	Phòng học thanh nhạc của bạn được trang bị												
	Piano	12	10	6		28	10	8	21	1	40	68	100,00
	Tivi						1	2	4		7	7	10,29
	Đầu đĩa						2	3	5		10	10	14,71
	Máy tính							1			1	1	1,47
	Máy đếm nhịp						2	1			3	3	4,41
	Khác						1				1	1	1,47
18	Những kỹ thuật thanh nhạc bạn được học là												
	Hơi thở	10	12	5		27	9	7	22		38	65	95,59
	Vị trí	9	12	5		26	9	7	21		37	63	92,65
	Điểm tựa	9	11	5		25	5	5	9		19	44	64,71
	Khẩu hình	8	12	5		25	7	7	19		33	58	85,29
	Cộng minh	8	11	3		22	9	6	18		33	55	80,88

	Recitative (hát nói)	2	8			10	5	5	12		22	32	47,06
	Portamento (luyến nốt)	8	11	2		21	7	6	13		26	47	69,12
	Cantilena (liền giọng)	6	10	2		18	9	7	13		29	47	69,12
	Passage (lướt nhanh nhiều nốt)	4	7	1		12	5	4	12		21	33	48,53
	Trillo (rung láy)	5	10	2		17	9	6	12		27	44	64,71
	Staccato (nảy nhẹ)	1	11	3		15	7	6	11		24	39	57,35
	Martellato (bật âm)	5	9	2		16	8	5	10		23	39	57,35
	Puntato (nhấn tiếng)	2	8			10	8	5	11		24	34	50,00
	Marcato (dẫn tiếng)	1	7	1		9	3	3	6		12	21	30,88
	pp (rất nhẹ)	3	11	2		16	5	6	10		21	37	54,41
	p (nhẹ, êm, dịu)	4	10	5		19	6	7	10		23	42	61,76
	mp (nhẹ vừa)	6	12	4		22	5	7	10		22	44	64,71
	mf (mạnh vừa)	6	11	4		21	6	7	12		25	46	67,65
	f (mạnh)	6	11	3		20	6	7	12		25	45	66,18
	ff (rất mạnh)	5	12	4		21	5	7	15		27	48	70,59
	crescendo (mạnh dần)	5	11	2		18	6	6	13		25	43	63,24
	decrescendo (nhẹ dần)	2	11	2		15	6	7	9		22	37	54,41
	fp (mạnh rồi nhẹ ngay)	1	10	4		15	5	4	10		19	34	50,00
	sf (mạnh đột ngột)	3	9	3		15	5	5	10		20	35	51,47
	sp (nhẹ đột ngột)	1	7	3		11	5	4	8		17	28	41,18
	Gam diatonic		5	1		6	4	5	9		18	24	35,29
	Gam chromatic		6	1		7	2	4	10		16	23	33,82
	G/ngũ cung		3	1		4	2	3	6		11	15	20,06
	Rải h/âm		11	1		12	3	5	6		14	26	38,24

2. Khảo sát 2

Đối tượng khảo sát: GV của một số cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp

Số lượng: 30 người

Địa điểm: HVANQGVN

Thời gian tiến hành khảo sát: 1/10/2015

2.1. Phiếu khảo sát

Nội dung: Theo bạn, giảng viên thanh nhạc chuyên nghiệp hạn chế ở những năng lực:

- Giảng dạy dòng hát thính phòng.
- Giảng dạy dòng hát opera.
- Giảng dạy dòng hát ca khúc.
- Sử dụng giáo trình.
- Soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng.
- Sử dụng hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto.
- Hát mẫu.
- Sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Sử dụng phương tiện dạy học: giọng hát, đàn piano.
- Sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học: CD hát mẫu, nhạc mẫu, nhạc đệm.
- Hướng dẫn sinh viên phát âm một số ngoại ngữ chuyên ngành.
- Hướng dẫn sinh viên tự học.
- Tổ chức lớp học theo hướng phát huy tính tích cực của SV.
- Nghiên cứu đề tài, viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, hội nghị, hội thảo; viết sáng kiến kinh nghiệm.

- Ý kiến khác:

2.2. Tổng hợp kết quả khảo sát

Stt	Nội dung	Đồng ý	%
Giảng viên thanh nhạc chuyên nghiệp còn hạn chế ở những năng lực:			
1	Giảng dạy dòng hát thính phòng	02	06,67
2	Giảng dạy dòng hát opera	18	60
3	Giảng dạy dòng hát ca khúc	00	00
4	Sử dụng giáo trình	12	40
5	Soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng	06	20
6	Sử dụng hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto	08	26,67
7	Hát mẫu	01	03,33
8	Sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gọi mở	04	13,33
9	Sử dụng phương tiện dạy học: giọng hát, đàn piano	08	26,67
10	Sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học: CD hát mẫu, nhạc mẫu, nhạc đệm	11	36,67
11	Hướng dẫn sinh viên phát âm một số ngoại ngữ chuyên ngành	29	96,67
12	Hướng dẫn sinh viên tự học	01	03,33
13	Tổ chức lớp học theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên	07	23,33
14	Nghiên cứu đề tài, viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, hội nghị, hội thảo; viết sáng kiến kinh nghiệm.	24	89
15	Nghiên cứu kỹ tác phẩm để phân tích nội dung, mạch cảm xúc dựa trên cấu trúc, tính chất, phong cách của tác phẩm	01	03,33

PHỤ LỤC 8

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

A. KẾ HOẠCH

1. Danh sách sinh viên tham gia thực nghiệm

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giọng	Đại học	Cơ sở
1	Nguyễn Ánh Tuyết	1989	Coloratura soprano	4	HVAN QGVN
2	Trương Hoàng An	1993	Lyric soparano	3	
3	Nguyễn Thị Thảo	1992	Soprano	1	
4	Nguyễn Minh Hoàng	1993	Barytone	1	
5	Nguyễn Thị Mỹ Ly	1996	Soprano	1	HVAN Huế
6	Đặng Nguyễn Thị Thanh Trang	1993	Soprano	2	

2. Nội dung thực nghiệm

- Đổi mới quy trình dạy học thanh nhạc.
- Phối hợp các hình thức tổ chức lớp học.
- Sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc.
- Sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gợi mở.
- Ứng dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vào giảng dạy.

3. Tổ chức thực hiện

- Tham gia các tiết dạy của GS Nguyễn Trung Kiên vào các ngày 5 & 8 tháng 5 năm 2015 tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
- Tiến hành phỏng vấn SV về các vấn đề có liên quan đến nội dung thực nghiệm.
- Tiến hành khảo sát ý kiến SV về các tiết dạy bằng phiếu.
- Phân tích kết quả.

4. Dự kiến các hoạt động trong buổi học

Bước	Nội dung hoạt động	Mục đích	Hình thức
1	Luyện thanh	Khởi động giọng	Nhóm
2	Luyện thanh	Luyện tập kỹ thuật giọng	Cá nhân
3	Tập vocalise	Luyện tập kỹ thuật tác phẩm	Cá nhân
4	Tập tác phẩm	Nắm vững giai điệu, lời ca, kỹ thuật thể hiện tác phẩm	Cá nhân
5	Nghe CD nhạc mẫu/hát mẫu	Hiểu tác phẩm	Cá nhân
6	Tập hát cùng CD hát mẫu	Nuôi dưỡng cảm xúc	Cá nhân
7	Tập hát cùng CD nhạc đệm	Thuộc tác phẩm cùng với phần nhạc đệm, tập diễn xuất.	Cá nhân

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Buổi thứ nhất

Người dạy: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (Trợ giảng: NCS Lê Thị Minh Xuân).

Ngày dạy: thứ 3 ngày 5 tháng 5 năm 2015.

Địa điểm: phòng 4D, A1, Học viện Âm nhạc Quốc gia VN. Thời gian: 4 tiết.

Sinh viên:

- Nguyễn Thị Thảo- Đại học 1, giọng soprano, dòng hát opera.
- Nguyễn Minh Hoàng- Đại học 1, giọng barytone, dòng hát opera.
- Trương Hoàng An – Đại học 3, giọng lyric soprano, dòng hát opera.
- Nguyễn Ánh Tuyết – Đại học 4, giọng coloratura soprano, dòng hát opera.

Mục tiêu: hát chuẩn xác tác phẩm, phối hợp giai điệu, lời ca, nhạc đệm; tập biểu diễn tác phẩm nước ngoài.

Phương pháp: thị phạm và gợi mở.

Phương tiện: Piano, các tài liệu hỗ trợ: CD nhạc mẫu, hát mẫu, nhạc đệm.

Chuẩn bị của GV: soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng; chuẩn bị CD hát mẫu và CD nhạc đệm.

Chuẩn bị của SV: Thuộc giai điệu bài vocalise; thuộc giai điệu và lời bài hát VN và nước ngoài. Bản phổ tác phẩm có phần đệm piano.

Các hoạt động	Mục đích	P/tiện	P/pháp	Giảng viên	Sinh viên
1. Luyện thanh nhóm (5 phút)	Khởi động giọng	Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Thảo, An, Tuyết
2. Luyện thanh cá nhân (30 phút)	Luyện kỹ thuật giọng	Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Hoàng thực hiện
		Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Thảo thực hiện
		Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	An thực hiện
		Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Tuyết thực hiện
3. Vocalise (30 phút)	Luyện kỹ thuật tác phẩm				
a) số 15 (Panofka)		Piano	Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Thảo thực hiện
b) số 12		Piano	Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Hoàng thực hiện
c) <i>Konzert</i> (R.Glier)		Piano	Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Tuyết thực hiện
d) <i>Số 3</i> (Panofka)		Piano	Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	An thực hiện
4. Tác phẩm VN (30 phút)					
a) <i>Bình Trị Thiên khói lửa</i> (Nguyễn Văn Thương)	Luyện kỹ thuật tác phẩm		Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Hoàng
b) <i>Tình em</i> (Huy Du)			Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Thảo
c) <i>Tháng giêng mùa xuân còn sót lại</i> (Hoàng Cương)			Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Tuyết
d) <i>Mùa thu Vĩnh biệt</i> (Hoàng Cương)			Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	An
5. Tác phẩm NN (60 phút)					
a) <i>Và godendo</i> (Handel)	Lựa chọn phương pháp thể				Thảo
- Trả bài			Gợi mở	Sửa sai	Thực hiện

- Tập hát với phần đệm piano của GV	hiện: vận dụng kỹ thuật thanh nhạc vào việc xử lý tác phẩm. Nghe toàn bộ tác phẩm để có cái nhìn tổng thể và chi tiết, cách xử lý tác phẩm.	Piano	Gợi mở, thị phạm	Đệm đàn	Thực hiện
- Nghe CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV nghe	Nghe
- Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
b) <i>Vittoria, mio core</i> (Carissimi)					Hoàng
- Trả bài			Gợi mở	Sửa sai	Thực hiện
- Tập hát với phần đệm piano của GV		Piano	Gợi mở, thị phạm	Đệm đàn	Thực hiện
- Nghe CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV nghe	Nghe
- Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
c) <i>Vissi d'arte, vissi d'amore</i> (Puccini) và <i>Du bist die Ruh</i> (Schubert)					An
- Trả bài			Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Thực hiện
- Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
d) <i>Colovey</i> (A. Aliabiev) và <i>Sechster Auftritt</i> (W.A.Mozart)					Tuyệt
- Trả bài			Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn	Thực hiện
- Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
6. Tập biểu diễn với phần đệm piano trong CD nhạc đệm (40 phút)	Tập diễn xuất tác phẩm	Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Tuyệt thực hiện
		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	An thực hiện
		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hoàng thực hiện
		Đài đĩa, CD	Gợi mở	Hướng dẫn SV	Thảo thực

		cd		hát	hiện
7. Nhận xét – giao bài (5 phút)				SV tự đánh giá Tổng kết buổi học Giao bài	nhận xét Nghe Ghi nhớ để thực hiện

2. Buổi thứ 2

Người dạy: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên.

Trợ giảng: NCS Lê Thị Minh Xuân.

Ngày dạy: thứ 6 ngày 8 tháng 5 năm 2015.

Địa điểm: phòng 4D, A1, HVANQGVN. Thời gian: 2 tiết.

Sinh viên: - Nguyễn Thị Mỹ Ly – Đại học 1.

- Đặng Nguyễn Thanh Trang – Đại học 2.

Mục tiêu: Thuộc tác phẩm, phối hợp giai điệu, lời ca, nhạc đệm.

Phương pháp: Thị phạm và gợi mở.

Phương tiện: Piano, các tài liệu hỗ trợ: CD nhạc mẫu, hát mẫu, nhạc đệm.

Chuẩn bị của GV: soạn kế hoạch dạy học và đề cương bài giảng; chuẩn bị CD hát mẫu và CD nhạc đệm.

Chuẩn bị của SV: Thuộc giai điệu bài vocalise; thuộc giai điệu và lời bài hát VN và nước ngoài. Bản phổ tác phẩm có phần đệm piano.

Các hoạt động	Mục đích	P/tiện	P/pháp	Giảng viên	Sinh viên
1. Luyện thanh nhóm (3 phút)	Khởi động giọng	Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	02 SV thực hiện
2. Luyện thanh cá nhân (12 phút)	Luyện kỹ thuật giọng	Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Ly thực hiện
		Piano	Thị phạm	Thực hiện mẫu trên đàn	Trang thực hiện
3. Vocalise (15 phút)	Luyện kỹ thuật tác phẩm	Piano	Gợi mở	Sửa sai, đệm đàn.	Ly thực hiện
a) số 3 (Concone)					
b) số 29 (Concone)					
4. Tác phẩm Việt Nam (20 phút)					

a) <i>Xa khơi</i> (Nguyễn Tài Tuệ)	-Thuộc giai điệu bài hát				Ly
- Trả bài	-Kết hợp			Sửa sai	thực hiện
- Tập hát với phần đệm piano của GV	lời ca với giai điệu	Piano		Đệm đàn	thực hiện
b) <i>Thành phố hoa phượng đỏ</i> (Phan Nhân)	bài hát, có sự biểu hiện âm nhạc cơ bản.				Trang
- Trả bài				Sửa sai	thực hiện
- Tập hát với phần đệm piano của GV		Piano		Đệm đàn	thực hiện
5. Tác phẩm nước ngoài (30 phút)					
a) <i>La Promassa</i> (Rossini)					Ly
- Trả bài			Gợi mở, thị phạm	Sửa sai	Thực hiện
- Tập hát với phần đệm piano của GV		Piano		Đệm đàn	Thực hiện
- Nghe CD hát mẫu	Hiểu và nhận thức sâu hơn về tốc độ, phong cách, đặc điểm và hình tượng của bài hát.	Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV nghe	Nghe
- Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
b) <i>Ridente la calma</i> (W.A. Mozart)					Trang
- Trả bài			Gợi mở	Sửa sai	Thực hiện
- Tập hát với phần đệm piano của GV		Piano	Thị phạm	Đệm đàn	Thực hiện
- Nghe CD hát mẫu		Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV nghe	Nghe
-Tập hát với CD hát mẫu		Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Hát
6. Tập hát tác phẩm nước ngoài với CD nhạc đệm (15 phút)		Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Ly
		Đài đĩa, cd	Gợi mở	Hướng dẫn SV hát	Trang
7. Nhận xét – giao bài (5 phút)				SV tự đánh giá Tổng kết buổi học- Giao bài	nhận xét Nghe Ghi nhớ để thực hiện

C. ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

TÁC PHẨM TRONG CHƯƠNG TRÌNH HỌC CÁ NHÂN (HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2014 - 2015)

1. Nguyễn Ánh Tuyết (1989): Coloratura soprano, Opera, ĐH4, HVANQGVN
 - Vocalise: + Concert for Coloraturasoprano and Orchester của R. Glier (1875-1956)
 - Romance: + Serenade espagnole (Serenat Tây Ban Nha) của G. Bizet
+ Colovey (Chim họa mi) của A. Aliabiev (1787-1851)
 - Aria: + Sechster Auftritt (Nữ hoàng đêm tối) của W.A. Mozart
+ Juliette Ah ! Je veux vivre from Opera *Romeo et Juliette* của Charles Gounod
 - Ca khúc VN : + Nhớ của Lê Yên (thơ Thanh Hải), Phần Piano : Ca Lê Thuần
+ Tháng giêng mùa xuân còn sót lại của Hoàng Cương (thơ Lê Thị Kim)

2. Trương Hoàng An (1993) : Lyric soprano, Opera, ĐH3, HVANQGVN
 - Vocalise: + số 3 của E.Panofka
 - Aria: + Vissi d'arte, vissi d'amore from Opera *Tosca* của G. Puccini (1858-1924)
 - Romance: + Du bist die Ruh của F. Schubert
 - Ca khúc VN: + Mùa thu Vĩnh biệt của Hoàng Cương

3. Nguyễn Thị Thảo (1992): Coloratura soprano, Opera, ĐH1, HVANQGVN
 - Vocalise : + Etude số 15 của Panofka
 - Aria : + Va godendo from opera *Serse*) của Handel (1685-1759)
 - Ca khúc VN : + Tình em của Huy Du

4. Nguyễn Minh Hoàng (1993): Barytone, Opera, ĐH1, HVANQGVN

- Vocalise : + số 12
- Romance: + Vittoria, mio core (Chiến thắng, trái tim ta) của G. Carissimi (1605-1674).
+ Đêm tối của N.Bogoslovky (lời dịch: Trung Kiên)
- Ca khúc VN : + Bình Tri Thiên khôi lửa của Nguyễn Văn Thương
+ Biển hát của Đặng Hữu Phúc

5. Nguyễn Thị Mỹ Ly (1996): soprano, Thính phòng, ĐH1, Học viện Âm nhạc Huế

- Vocalise: + số 3 của Concone
- Romance: + La promessa (ước hẹn) của G. Rosini (1792-1868)
- Ca khúc VN : + Xa khơi của Nguyễn Tài Tuệ

6. Đặng Nguyễn Thị Thanh Trang (1993) soprano, Thính phòng, ĐH2, HVAN Huế

- Vocalise: + số 29 của Concone
- Romance : + Ridente la calma (Niềm yên tĩnh xưa tràn ngập tim tôi) của W.A. Mozart –K152
- Ca khúc VN : + Thành phố hoa phượng đỏ của Phan Nhân

MẪU CÂU LUYỆN THANH

Chúng tôi sử dụng mẫu câu luyện thanh “Những bài tập dùng để luyện tập những kỹ thuật cơ bản thanh nhạc” [trang 91-102] và “Những bài tập để hoàn thiện những thói quen về kỹ thuật thanh nhạc” [trang 103-116] trong cuốn “Những vấn đề phương pháp sư phạm thanh nhạc” của GS.NSND Nguyễn Trung Kiên.

Sinh viên Ánh Tuyết (ĐH4)

Bài tập số 42: Phát triển lối hát cantilena và hoàn thiện cấu âm

Andante

Mo - a, Mo - a. IT,D
Mi - a, Mi - a.

Bài tập số 44: Phát triển hơi thở và hoàn thiện hát catilena

Moderato

Bài tập số 45: Phát triển hơi thở, củng cố âm cao, cường độ *f* và *p*
Andante

Bài tập số 48: Mở rộng âm vực, củng cố nốt cao, san bằng các âm khu
Andante

Bài tập số 50: Phối hợp *lerato* và *staccato*
Allegro

Bài tập số 53: Phát triển kỹ thuật hát passage

Allegro - Presto

The score for Exercise 53 is in 4/4 time and marked *Allegro - Presto*. It features a piano accompaniment with two systems. The first system consists of a treble clef staff with a melody of eighth notes, each with an accent (>), and a grand staff with block chords. The second system continues the melody and accompaniment, ending with a double bar line.

Bài tập số 65: Tập gam, staccato, passage

Allegro

The score for Exercise 65 is in 4/4 time and marked *Allegro*. It features a piano accompaniment with two systems. The first system consists of a treble clef staff with a melody of eighth notes, including a slur and a staccato passage, and a grand staff with block chords. The second system continues the accompaniment, ending with a double bar line.

Bài tập số 59: tập gam

Allegretto

The musical score is written in 4/4 time and marked *Allegretto*. It consists of three systems of vocal and piano accompaniment.

System 1: The vocal line begins with a quarter note *Đó*, followed by a quarter note *Ré*, and a quarter note *Mi,*. The piano accompaniment consists of chords in the right hand and single notes in the left hand.

System 2: The vocal line continues with a quarter note *Pha*, followed by a quarter note *xon*, a quarter note *xon*, and a quarter note *pha.*. The piano accompaniment continues with chords and single notes.

System 3: The vocal line concludes with a quarter note *Mi*, a quarter note *rê,*, a quarter note *đô,*, and a quarter note *đô.*. The piano accompaniment concludes with chords and single notes.

Bài tập số 62: Tập gam

Allegro

legato

Bài tập số 67: Tập gam, prtamento, staccato, passage

Allegro

Sinh viên Hoàng An (ĐH3)

Bài tập số 14: Tập phát triển cấu âm, phát âm chính xác các phụ âm

14. *Moderato*

Bài tập số 22: Tập hát portamento và legato

22. *Moderato*

ia - io - iu - ia - io - iu - ia.

Bài tập số 29: Tập hát hợp âm và gam, củng cố vị trí cao

Moderato

Bài tập số 42: Phát triển lời hát cantilena và hoàn thiện cấu âm

Andante

Mo - a, Mo - a. IT,D
Mi - a, Mi - a.

Bài tập số 44: Phát triển hơi thở, hoàn thiện hát catilena

Moderato

Bài tập số 45: Củng cố âm thanh cao, cường độ f và p

Andante

Bài tập số 47: Tập hát vượt nhỏ

Moderato

Bài tập số 59: Tập gam

Allegretto

The musical score is written in 4/4 time and consists of three systems. Each system includes a vocal line and a piano accompaniment. The tempo is marked *Allegretto*.

System 1:
 Vocal line: *Đô* *Rê* *Mi,*
 Piano accompaniment: Chords in the right hand and bass notes in the left hand.

System 2:
 Vocal line: *Pha* *xon* *xon* *pha.*
 Piano accompaniment: Chords in the right hand and bass notes in the left hand.

System 3:
 Vocal line: *Mi* *rê,* *đô,* *đô.*
 Piano accompaniment: Chords in the right hand and bass notes in the left hand.

Bài tập số 63: Tập gam

Allegro

The musical score for Exercise 63 is written in 4/4 time and consists of three systems. The first system features a vocal line with the lyrics "a, uo, a, uo, a, uo I.T.D." and a piano accompaniment. The piano part begins with a series of chords in the right hand and a single note in the left hand. The second system continues the piano accompaniment with more complex chordal structures and melodic lines in both hands. The third system concludes the piece with a final cadence in the piano part.

Sinh viên Thảo (ĐH1) và Sinh viên Mỹ Ly (ĐH1)

Bài tập số 1: Tập giọng hát đạt độ chuẩn xác

1. Andante

The musical score for Exercise 1 is in 4/4 time and marked "1. Andante". It consists of a vocal line and a piano accompaniment. The vocal line features a simple, steady melody. The piano accompaniment consists of sustained chords in the right hand and a simple bass line in the left hand, providing a harmonic foundation for the vocal line.

Bài tập số 3: Tập bật âm thanh, phát triển tính tích cực và tính linh hoạt của hoành cách mô.

3. Moderato

i-a, i-a, i-a, i-a, i
a-i, a-i, a-i, a-i, a

Bài tập số 14: Tập phát triển cấu âm, phát âm chính xác các phụ âm

14. Moderato

Bài tập số 22: Tập hát portamento và legato

22. Moderato

ia - io - iu - ia - io - iu - ia.

Bài tập số 26: Tập hát staccato và legato

26. Moderato

1. Legato
2. staccato

Bài tập số 29: Tập hát hợp âm và gam, củng cố vị trí cao

Moderato

Sinh viên Minh Hoàng (ĐH1)

Bài tập số 2: Tập giọng hát đạt độ chuẩn xác

2. Andante

Bài tập số 4: Tập đồng nhất âm thanh với hơi thở ổn định

4. Moderato

Bài tập số 14: Tập phát triển cấu âm, phát âm chính xác các phụ âm

14. *Moderato*

Bài tập số 24: Tập hỗn hợp đóng âm thanh

24. *Andante*

Bài tập số 39: Tập gam

Andante

Sinh viên Thanh Trang (ĐH2): Bài tập số 1, 3, 14, 22, 26, 29 (giống ĐH1)

Bài tập số 38: Tập gam

Allegretto

Bài tập số 47: Tập hát vuốt nhỏ

Moderato

Bài tập số 48: Tập mở rộng âm vực, củng cố những nốt cao

Andante

D. BIÊN BẢN TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Thời gian: 8h00 ngày 5 tháng 5 năm 2015 (4 tiết)

Địa điểm: phòng học 4D, giảng đường nhà A1, HVANQG VN

Số lượng SV tham gia thực nghiệm: 04 (HVANQGVN)

SV: Nguyễn Ánh Tuyết (ĐH4)

SV: Trường Hoàng An (ĐH3)

SV: Nguyễn Thị Thảo (ĐH1)

SV: Nguyễn Minh Hoàng (ĐH1)

Giảng viên hướng dẫn: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên

Trợ giảng: NCS Lê Thị Minh Xuân

Nội dung thực nghiệm:

- Đổi mới quy trình dạy học thanh nhạc.
- Phối hợp các hình thức tổ chức lớp học.
- Sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc.
- Sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Ứng dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vào giảng dạy.

Tiến trình

1. Luyện thanh nhóm

- Hướng dẫn SV luyện thanh theo nhóm - 03 SV (nhóm cùng giới tính, cùng giọng soprano)

Với mục đích khởi động giọng, cũng như khởi động toàn bộ cơ thể, chuẩn bị tâm thế học tập, chúng tôi sử dụng một số mẫu câu luyện thanh đơn giản từ 3-5 nốt, giai điệu không có quãng nhảy xa. Yêu cầu SV quan tâm đến tư thế đứng hát, khẩu hình, hơi thở để chuẩn bị cho phần luyện kỹ thuật cá nhân.

2. Luyện thanh cá nhân (lần lượt từng SV)

- Hướng dẫn SV Hoàng luyện thanh.
- Hướng dẫn SV Thảo luyện thanh.
- Hướng dẫn SV An luyện thanh.
- Hướng dẫn SV Tuyết luyện thanh.

Đây là những mẫu luyện thanh với mục đích luyện tập các kỹ thuật hát cho từng SV theo loại giọng, từng trình độ. Vì vậy, mẫu câu luyện thanh cho SV Thảo (giọng soprano, đại học 1), SV Hoàng (giọng barytone, đại học 1), SV Tuyết (giọng coloratura soprano, đại học 4), SV An (giọng lyric soprano, đại học 3) không hoàn toàn giống nhau. Chúng tôi đã sử dụng hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto có chọn lọc cho phù hợp với trình độ của SV.

3. SV Thảo tập hát Vocalise

- SV 1 trả bài Vocalise: Etude số 15 (Panofka)
- Chúng tôi tiến hành sửa sai về nhịp độ, cao độ, tiết tấu bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Chúng tôi yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm: cantilena, rit, f, p, ngân tự do, portato.
- Âm vực tác phẩm: d1- g2; nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc: Allegretto.
- Hướng dẫn SV thực hiện kỹ thuật và yêu cầu về cảm xúc có trong tác phẩm.

4. SV Minh Hoàng tập hát Vocalise

- SV 2 trả bài Vocalise số 12.
- Hướng dẫn SV 2 sửa sai về nhịp độ, cao độ, tiết tấu.
- Sửa sai bằng phương pháp phối hợp thị phạm và gọi mở.
- Yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm, tiến hành vận dụng thể hiện tác phẩm: p, legato, cresc, f, rall.
- Âm vực tác phẩm: a - d2; nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc: Moderato.
- Hướng dẫn SV thực hiện kỹ thuật và yêu cầu về cảm xúc có trong tác phẩm.

5. SV Ánh Tuyết tập hát Vocalise

- SV trả bài Vocalise: Concert for Coloraturasoprano and Orchester của R. Glier.

- Yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm:., cresc, poco piu mosso, rit, mf, strin, mf, ten, dim, poco stringendo, trillo, ngân tự do, ritenuto molto, espress, rall, pp.
- Âm vực tác phẩm d1- d3; nhịp độ ký hiệu ở đầu bản nhạc là Andante.
- Hướng dẫn SV thực hiện kỹ thuật và yêu cầu về cảm xúc có trong tác phẩm.

6. SV Hoàng An tập hát Vocalise

- SV trả bài Vocalise số 3 (Panofka).
- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: mf, p, dolce, rit, ff, con tutta forza, piu lento, dolcissimo, molto piu lento, un poco piu animato, piu mosso, dramatic.
- Âm vực tác phẩm : d1- h2; nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc và một số chỗ trong vocalise: Andante molto.
- Hướng dẫn SV thực hiện các kỹ thuật và yêu cầu cảm xúc có trong tác phẩm.

7. SV Thảo tập hát bài hát “Tình em” của Huy Du

GV đệm đàn cho SV hát. GV sửa sai.

8. SV Hoàng tập bài hát « Bình Trị Thiên khói lửa » của Nguyễn Văn Thương

GV đệm đàn cho SV hát. GV sửa sai.

9. SV Tuyết tập bài hát “Tháng giêng mùa xuân còn sót lại” của Hoàng Cương

GV đệm đàn cho SV hát. GV sửa sai.

10. SV An tập bài hát “Mùa thu vĩnh biệt” của Hoàng Cương

GV đệm đàn cho SV hát. GV sửa sai.

11. SV Thảo tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV trả bài *Va godendo* from opera *Serse* của G.F. Handel (1685-1759).
- GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gợi mở.
- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: mf,p, f, legato, ngân tự do, crescendo, adagio.
- Âm vực tác phẩm: f1- h2; nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc: Allegretto grazioso.
- GV đệm Piano cho SV tập hát tác phẩm.

12. SV Hoàng tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV trả bài *Vittoria, mio core* (Chiến thắng, trái tim ta) của Gian Giacomo Carissimi (1605-1674).
- GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: p, f, mf, crescendo, decrescendo, meno mosso e dolce assai, ngân tự do; âm vực tác phẩm: h-e2; nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc Allegro con brio.
- GV đệm Piano cho SV tập hát tác phẩm.

13. SV Tuyết tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV trả bài *Colovey* (Chim họa mi) của A. Aliabiev (1787-1851).
- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: legato, p, accel, rall, sostenuta, ngân tự do, trillo, f, rall molto, pp, lunga, staccato; nhịp độ ghi chú ở đầu và trong bản nhạc: Andante con espressione, Allegro vivace, Andante; âm vực: f1- d3.
- SV tập hát với CD hát mẫu.

14. SV An tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV trả bài aria *Tosca* trong opera *Tosca* của G. Puccini. GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: p, rall, cantilena; nhịp độ ghi chú ở đầu và trong bản nhạc: Andante lento appassionato, dolcissimo con grande sentimento, poco allarg, con anima, con grande sentimento; âm vực: f1- h2.
- SV tập hát với CD hát mẫu.

15. SV Thảo tập hát tác phẩm nước ngoài với CD hát mẫu

- Cho SV nghe CD hát mẫu tác phẩm.
- SV tập hát cùng CD hát mẫu.

16. SV Hoàng tập hát tác phẩm nước ngoài với CD hát mẫu

- Cho SV nghe CD hát mẫu tác phẩm.
- SV tập hát cùng CD hát mẫu.

17. SV Tuyết tập biểu diễn tác phẩm nước ngoài với CD nhạc đệm

- Cho SV nghe CD nhạc đệm tác phẩm.

- SV tập hát và biểu diễn cùng CD nhạc đệm.

18. SV An tập hát và biểu diễn tác phẩm nước ngoài với CD nhạc đệm

- Cho SV nghe CD nhạc đệm.

- SV tập hát và biểu diễn cùng CD hát nhạc đệm.

19. SV Thảo tập biểu diễn tác phẩm nước ngoài với CD nhạc đệm

- Cho SV nghe CD nhạc đệm tác phẩm.

- SV tập hát và biểu diễn cùng CD nhạc đệm.

20. SV Hoàng tập hát và biểu diễn tác phẩm nước ngoài với CD nhạc đệm

- Cho SV nghe CD nhạc đệm.

- SV tập hát và biểu diễn cùng CD hát nhạc đệm.

21. Nhận xét- Giao bài tập về nhà

Buổi học kết thúc lúc 11h20 ngày 5 tháng 5 năm 2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Thời gian: từ 9h ngày 8 tháng 5 năm 2015 (2 tiết).

Địa điểm: phòng học 4D, giảng đường nhà A1, HVANQG VN.

Số lượng SV tham gia thực nghiệm: 02 (Học viện Âm nhạc Huế).

SV1: Nguyễn Thị Mỹ Ly (ĐH 1), giọng Soprano.

SV2: Đặng Nguyễn Thanh Trang (ĐH 2), giọng Soprano.

GV hướng dẫn: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên.

Trợ giảng: NCS Lê Thị Minh Xuân.

Nội dung thực nghiệm

- Đổi mới quy trình dạy học thanh nhạc.
- Phối hợp các hình thức tổ chức lớp học.

- Sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc.
- Sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gọi mở.
- Ứng dụng kỹ thuật của trường phái Bel canto vào giảng dạy.

Tiến trình

1. Luyện thanh nhóm

- Hướng dẫn SV luyện thanh theo nhóm - 02 SV (nhóm cùng giới tính).

Với mục đích khởi động giọng, cũng như khởi động toàn bộ cơ thể, chuẩn bị tâm thế học tập, chúng tôi sử dụng một số mẫu câu luyện thanh đơn giản từ 3-5 nốt, giai điệu không có quãng nhảy xa. Yêu cầu SV quan tâm đến tư thế đứng hát, khẩu hình, hơi thở để chuẩn bị cho phần luyện kỹ thuật cá nhân.

2. Luyện thanh cá nhân (lần lượt từng SV)

- Hướng dẫn SV Ly luyện thanh. Các kỹ thuật luyện tập bao gồm: Hơi thở, vị trí, điểm tựa, khẩu hình, cộng minh, recitative (hát nói), portamento (luyến nốt), cantilena(liền giọng), passage (lướt nhanh nhiều nốt), gam diatonic, rải hợp âm. (có văn bản kèm theo).

- Hướng dẫn SV Trang luyện thanh. Các kỹ thuật luyện tập bao gồm: Hơi thở, vị trí, điểm tựa, khẩu hình, cộng minh, recitative(hát nói), portamento (luyến nốt), cantilena(liền giọng), passage (lướt nhanh nhiều nốt), crescendo (mạnh dần), decrescendo (nhẹ dần), trillo (rung láy) , staccato(nảy nhẹ)/ martellato (bật âm)/ gam diatonic, rải hợp âm. (có văn bản kèm theo).

Đây là những mẫu luyện thanh với mục đích luyện tập các kỹ thuật hát cho từng SV theo trình độ. Vì vậy, mẫu câu luyện thanh cho SV Ly (năm thứ nhất) và SV Trang (năm thứ hai) không hoàn toàn giống nhau. Chúng tôi đã sử dụng hệ thống kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto có chọn lọc cho phù hợp với trình độ của SV.

3. SV Ly tập hát Vocalise

- SV trả bài Vocalise No3 của Concone.
- Chúng tôi tiến hành sửa sai về nhịp độ, cao độ, tiết tấu bằng phương pháp thị phạm và gọi mở. Nhịp độ ký hiệu ở đầu bản nhạc là Allegretto grazioso (hơi nhanh

duyên dáng). Tiết tấu điển hình xuyên suốt tác phẩm này là đảo phách và chùm nốt móc kép. Âm vực tác phẩm c1- g2 với nhiều quãng 4 (c2 - f2), quãng 6 (a1 - f2), liền bậc...

- Chúng tôi yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm: kỹ thuật hát cantilena và portamento là cơ bản. Một số ký hiệu về yêu cầu xử lý sắc thái như: p (nhẹ, êm dịu), amabile (hòa nhã dễ thương), ký hiệu “>” có nghĩa là puntato (nhấn tiếng), cresc (mạnh dần), dim (mất dần, giảm dần), dolce (dịu dàng, mềm mại), elegante (một cách tao nhã), cresc molto (mạnh dần lên rất nhiều), vivo (sống động), f (mạnh mẽ).

- Hướng dẫn SV thực hiện kỹ thuật và yêu cầu về cảm xúc có trong tác phẩm.

4. SV Trang tập hát Vocalise

- SV trả bài Vocalise No 29 của Concone.

- Hướng dẫn SV sửa sai về nhịp độ, cao độ, tiết tấu, (phối hợp PP thị phạm và gọi mở).

- Yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm, tiến hành vận dụng thể hiện tác phẩm.

5. SV Ly tập hát tác phẩm Việt Nam

- SV trả bài *Xa khơi* của Nguyễn Tài Tuệ. GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.

- Chúng tôi yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm chủ yếu là cantilena. Một số yêu cầu xử lý như: về tốc độ: phần đầu là chậm vừa (14 nhịp đầu), nhanh vui (từ nhịp 15 – 48, 49, 50, 51, 52); về sắc thái tình cảm: dolce (dịu dàng mềm mại), sempre legato (luôn luôn liền tiếng), imperoso cresc (tăng dần uy nghi, oai vệ), mf (mạnh vừa), f (mạnh), ff (rất mạnh), mordente (âm vỗ).

- Hướng dẫn SV vận dụng kỹ thuật thể hiện tác phẩm.

- GV đệm cho SV tập hát tác phẩm *Xa khơi*.

6. SV Trang tập hát tác phẩm Việt Nam

- SV trả bài, GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.

- GV yêu cầu SV nhận diện các kỹ thuật có trong tác phẩm chủ yếu là cantilena và crescendo, decrescendo.

- Tiến hành vận dụng thể hiện tác phẩm. Chúng tôi nhắc SV về động tác ép bụng dưới phối hợp hơi thở sâu khi thể hiện những nốt cao ở các quãng xa, đặc biệt ở phần cao trào của tác phẩm. Đây là tác phẩm VN nên chúng tôi nhắc SV chú ý hát rõ lời Việt với khẩu hình không mở trong nhiều; vị trí âm thanh cao, ổn định. Không quá lạm dụng cộng minh ở những nốt cao; chú ý cảm xúc tự hào trong toàn bộ tác phẩm.

- GV đệm cho SV tập hát tác phẩm “Thành phố hoa phượng đỏ”.

7. SV tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV Ly trả bài “La promessa” (ước hẹn) của Gioachino Rossini. GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gợi mở.

- Yêu cầu SV nhận diện kỹ thuật có trong tác phẩm: p (nhẹ, êm dịu), pp (rất nhẹ), f (mạnh), \diamond (crescendo, decrescendo) mạnh dần, nhẹ dần, portato (nhấn tiếng), prtamento (luyện 2 nốt), staccato (nảy nhẹ), portato (nhấn tiếng); nhịp độ ghi chú ở đầu bản nhạc: Allegretto (hơi nhanh).

- Hướng dẫn SV phân tích nội dung tác phẩm qua bản dịch lời Việt.

- Hướng dẫn SV sửa lỗi phát âm tiếng Ý, chú ý phát âm “gio”.

- GV đệm Piano cho SV tập hát tác phẩm.

8. SV Ly tập hát tác phẩm nước ngoài với CD hát mẫu

- Cho SV nghe CD hát mẫu tác phẩm.

- SV tập hát “La promessa” cùng CD hát mẫu.

9. SV Ly tập hát tác phẩm nước ngoài cùng phân đệm piano

- Cho SV nghe CD nhạc đệm tác phẩm “La promessa”.

- SV tập hát cùng CD nhạc đệm.

10. Nhận xét nhắc nhở SV Ly

- Cần chú ý chuẩn bị bản phổ rõ ràng, chính xác hơn.

- Nên tìm hiểu nội dung tác phẩm trước khi hát.

- Chú ý phát âm tiếng Ý cần chuẩn xác hơn.

11. SV Trang tập hát tác phẩm nước ngoài

- SV trả bài *Ridente la calma* (niềm yên tĩnh xưa tràn ngập tim tôi) của W.A. Mozart - K152, GV sửa sai bằng phương pháp thị phạm và gọi mở.
- GV đệm Piano cho SV2 tập hát tác phẩm.

12. SV Trang tập hát tác phẩm nước ngoài với CD hát mẫu

- Cho SV nghe CD hát mẫu tác phẩm.
- SV tập hát cùng CD hát mẫu.

13. SV Trang tập hát tác phẩm nước ngoài cùng phần đệm piano

- Cho SV nghe CD nhạc đệm tác phẩm.
- SV tập hát cùng CD nhạc đệm.

14. Nhận xét, nhắc nhở SV Trang

- Chú ý những nốt phụ trong tác phẩm của Mozart cần hát chậm.
- Cần tìm hiểu nội dung của tác phẩm trước khi hát.

15. Giao bài tập về nhà

- Luyện tập riêng các kỹ thuật có trong vocalise, tác phẩm VN và NN.
- Tập phát âm tác phẩm nước ngoài.
- Tìm hiểu kỹ nội dung tác phẩm.

Buổi học kết thúc lúc 10h40 ngày 8 tháng 5 năm 2015.

E. PHÒNG VẤN SINH VIÊN THAM GIA THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

PV: Bạn có thể giới thiệu một chút về bản thân mình?

Thanh Trang: Em là Đặng Nguyễn Thanh Trang, hiện đang là SV Đại học thanh nhạc năm thứ hai, Học viện Âm nhạc Huế. Trước khi là SV của HVAN Huế, em đã học 2 năm cao đẳng chuyên ngành hát nhạc nhẹ tại trường Cao đẳng VHNT & Du lịch Nha Trang. Hiện nay em đang theo học chuyên ngành hát thính phòng.

PV: Bạn nghĩ như thế nào về hát Thính phòng và hát Nhạc nhẹ?

Thanh Trang: Em học hát Thính phòng nhưng khi đi biểu diễn em toàn hát nhạc nhẹ. Những nốt cao nếu hát giọng chuyên thì người nghe không thích nên em toàn

hát bằng giọng bản năng. Mặc dù vậy, em vẫn đang cố gắng tìm tiếng nói chung giữa hát thính phòng và hát nhạc nhẹ trong công việc biểu diễn của mình.

PV: Giờ học với chuyên gia của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam vừa qua để lại ấn tượng gì cho bạn?

Thanh Trang: GS đã giúp em nhận ra việc học hát Thính phòng rất quan trọng vì nó là cốt lõi, giúp em có điều kiện hiểu sâu hơn về thanh nhạc và biết cách vận dụng vào thực tiễn biểu diễn một cách linh hoạt hơn.

PV: Giờ học diễn ra như thế nào?

Thanh Trang: Qui trình giờ học được bổ sung một số nội dung mới, như: hát cùng CD hát mẫu, CD nhạc đệm. Đây cũng là nội dung lần đầu em được thực hiện trong giờ học của mình.

PV: Việc hát cùng CD như vậy có giúp bạn được điều gì không?

Thanh Trang: Có chứ ạ. Em thấy rất thú vị, mình vừa được học vừa được tập biểu diễn. Khách của em chính là GS và bạn học cùng nhóm. Tuy nhiên, điều khác biệt chính là thay vì những tràng pháo tay, em nhận được những lời nhận xét, chỉ bảo hữu ích từ thầy. Nếu được học như vậy thường xuyên, chắc chắn em sẽ biểu diễn tác phẩm vững vàng hơn cả về kỹ thuật, cảm xúc cũng như bản lĩnh biểu diễn.

Những CD em được nghe trên lớp là những tài liệu đã được GS chọn lựa nên em nghĩ nó rất chuẩn mực cả về âm thanh và diễn xuất, nó giúp em hiểu rõ về tác phẩm. Em nghĩ, nếu được nghe và hát cùng CD sẽ giúp em nuôi dưỡng cảm xúc của mình trong suốt quá trình luyện tập.

PV: Với nhiều nội dung luyện tập (phần luyện thanh, vocalise, hát tác phẩm VN và nước ngoài) chắc sau tiết học bạn rất mệt?

Thanh Trang: Trước đây thì có, nhưng sau buổi học với GS thì em không cảm thấy mệt, mặc dù tất cả các nội dung em đều phải thực hiện trên lớp để GS nghe và hướng dẫn em sửa. Em nhận ra lí do là vì buổi học diễn ra luân phiên giữa em và một bạn khác nữa nên em có đủ thời gian để nghỉ ngơi sau mỗi lần tập. Lớp học diễn ra luân phiên giữa các bạn như vậy là rất cần thiết, mỗi bạn có điều kiện được nghỉ ngơi sau mỗi bài tập. Việc luyện thanh theo nhóm dù với thời lượng không

nhieu ở đầu giờ học nhưng đã giúp cho không khí lớp học được khởi động sôi nổi, tạo cảm hứng tốt cho sinh viên. Việc luyện thanh trong nhóm cũng phần nào giúp cho SV được tự tin hơn nhất là những SV mới. Hơn nữa, việc tổ chức giờ học luôn diễn ra nhẹ nhàng, không căng thẳng quá mức, mặc dù có lúc em cảm nhận được GS rất bực mình vì bạn của em sửa sai không tốt. Ví dụ như phát âm tiếng Ý từ “gio” bạn học cùng em cứ hát thành “go” chẳng hạn.

PV: Em có cảm nhận như thế nào về PP dạy học thanh nhạc mà GS đã sử dụng ?

Thanh Trang: Cách hướng dẫn của GS rất đặc biệt. GS sử dụng phương pháp thị phạm không nhiều, chủ yếu ở những chỗ quá khó, ví dụ như ép hơi để hát quãng xa với sắc thái f/ff. GS giải thích rằng, cái khó nhất của thị phạm trong giảng dạy thanh nhạc chính màu giọng, việc này đã có các CD hát mẫu hỗ trợ, còn lại GS chủ yếu sử dụng phương pháp gợi mở. Thực tế, trong lớp học, với mỗi phần trả bài của em và bạn em, GS không phê phán nhiều mà luôn tìm ra những ưu điểm để động viên em làm tốt hơn những gì đã thực hiện. Bên cạnh đó, GS sử dụng phương pháp gợi mở để giảng giải cho chúng em hiểu về nguyên nhân của những vấn đề chúng em chưa làm được và chỉ ra hướng khắc phục. Em nghĩ điều đó rất quan trọng. Sau giờ học chúng em không bị căng thẳng, nhưng cũng không có tư tưởng chủ quan. Đối với SV từ Miền Trung ra đây học tập trong thời gian rất ngắn như em và bạn em thì những điều GS chỉ bảo như là một sự định hướng lâu dài. Em nhớ mãi lời GS căn dặn: phải luyện tập thường xuyên và đúng phương pháp.

PV: Thế còn vấn đề ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto vào xử lý các tác phẩm thì sao?

Thanh Trang: Trước khi được học với GS, em không hiểu lắm về vấn đề này. Giờ thì em đã có khái niệm về Bel canto có nghĩa là hát đẹp. Em nghĩ hát đẹp là mục đích mà mỗi SV thanh nhạc như em phải hướng tới và chinh phục. Theo em hát đẹp chính là hát với âm thanh đẹp, lời ca đẹp và tình cảm đẹp. Để làm được điều đó cần phải có sự trau dồi luyện tập.

GS không cho phép chúng em luyện thanh quá cao. Em cũng có chút thắc mắc về âm vực giọng của mình, nhưng em nghĩ là do em mới ra Hà Nội, thời tiết lại

năng nóng nên giọng hát của em không được ổn. GS thì giải thích rằng, chuyển giọng nữ là vô cùng quan trọng với ý nghĩa mở rộng âm vực giọng và làm phong phú thêm khả năng biểu hiện các tác phẩm. Tuy nhiên việc chuyển giọng cần phải chú ý không được để biến đổi âm sắc. Khi hát những nốt cao mà âm sắc thay đổi thì đó là dấu hiệu của giọng chuyển có vấn đề. Vì bị mệt nên khi luyện thanh lên đến các nốt g2, a2 em đã hát bằng giọng giả thanh với âm sắc bị mờ nên GS không cho phép em được hát ở những nốt cao hơn. GS nói rằng, để sửa cho em về vấn đề này, cần phải có thời gian. Vấn đề cơ bản ở đây là GS giúp em nhận ra hạn chế của mình và khuyên em nên tìm hiểu thêm về thanh nhạc trong các tài liệu chuyên khảo.

Với ba tác phẩm: vocalise, ca khúc Việt Nam và Romance nước ngoài, em đã được GS hướng dẫn một số kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto vận dụng vào từng tác phẩm. Việc nhận diện và phân tích các kỹ thuật có trong tác phẩm giúp em chủ động hơn trong việc sử dụng kỹ thuật, trong đó kỹ thuật cơ bản nhất vẫn là cantilena đối với việc hát tác phẩm VN. Với tác phẩm nước ngoài, em phải làm việc tích cực hơn trong việc tìm hiểu nội dung qua bản dịch lời Việt, học cách phát âm tiếng Ý, tìm hiểu các thuật ngữ, ký hiệu có trong bản nhạc. Luyện tập đáp ứng từng yêu cầu có trong tác phẩm sau đó luyện tập toàn bộ tác phẩm.

Trước đây, khi tập tác phẩm mới, em thường bỏ qua một số bước như: tìm hiểu nội dung tác phẩm, nhận diện và phân tích các kỹ thuật có trong tác phẩm, tập riêng các kỹ thuật, tập phát âm tiếng nước ngoài... Vì vậy, luyện tập tác phẩm thường qua loa và thể hiện không đúng hình tượng âm nhạc mà tác phẩm yêu cầu.

Qua giờ học với GS, em đã nắm được qui trình tập một bài hát mới một cách khoa học, và em sẽ cố gắng luyện tập theo định hướng này.

PV: Sau hai ngày ngắn ngủi ở Hà Nội, được học với GS của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, bạn còn điều gì muốn chia sẻ?

Thanh Trang: GS rất giỏi và rất tâm lý. Em muốn được trở lại Hà Nội vào một ngày gần nhất và được GS tiếp tục hướng dẫn.

PV: Chúc bạn thực hiện được mong muốn của mình!

G. KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ KẾT QUẢ TIẾT HỌC THỰC NGHIỆM

* Phiếu khảo sát

Bạn có ý kiến gì về tiết học thực nghiệm mà bạn vừa được tham dự

1. Về qui trình dạy học

Bổ sung các bước trong qui trình dạy học thanh nhạc là

- a) Rất cần thiết
- b) Cần thiết
- c) Ý kiến khác

2. Về hình thức tổ chức lớp học

Tổ chức lớp học đa dạng các hình thức khiến bạn

- a) Rất thích
- b) Bình thường
- c) Ý kiến khác

3. Về phương pháp dạy học

GV sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gợi mở giúp bạn thực hành

- a) Tốt
- b) Bình thường
- c) Ý kiến khác

4. Về các tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc

Trong lớp học, nên sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc

- a) Thường xuyên
- b) Thỉnh thoảng
- c) Ý kiến khác

5. Ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto

Bạn cho rằng những kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto được GV hướng dẫn bạn vận dụng trong thể hiện aria, romace, ca khúc là

- a) Hiệu quả
- b) Không hiệu quả
- c) Ý kiến khác

* Kết quả khảo sát

Câu	Phương án trả lời			Ghi chú
	a	b	c	
1. Bổ sung các bước trong qui trình dạy học thanh nhạc là	100%			
2. Tổ chức lớp học đa dạng các hình thức khiến bạn	100%			
3. GV sử dụng phối hợp phương pháp thị phạm và gợi mở giúp bạn thực hành	100%			
4. Nên sử dụng tài liệu hỗ trợ giáo trình thanh nhạc	100%			
5. Những kỹ thuật thanh nhạc của trường phái Bel canto được GV hướng dẫn vận dụng trong thể hiện aria, romace, ca khúc là	100%			

PHỤ LỤC 9

YÊU CẦU KỸ THUẬT TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM THANH NHẠC

Stt	Tác giả	Tác phẩm	Kỹ thuật	Nghĩa
1	Giulio Caccini (1545 – 1618)	Romance “Ave Maria”	p (piano)	Nhẹ nhàng
			mp (mezzo piano)	Nhẹ vừa
			mf (mezzo forte)	Mạnh vừa
			f (forte)	Mạnh mẽ
			rit (ritardando)	Chậm lại
			Cantilena	Liên giọng
2	Claudio Monteverdi (1567 – 1643)	Aria “Lascia temi morire” trong opera “Ariana”	Cantilena	
			Crescendo, decrescendo	
			p (piano)	
			mf (mezzo forte)	
			f (forte)	
			pp (pianissimo)	Thật nhẹ
rit (ritardando)	Chậm lại			
3	Wolfgang	Aria “Batti, batti, o bel	Cantilena	

	Amadeus Mozart (1756-1791)	Masetto” trong opera “Don Giovanni”	Passage	Lướt nhanh
			Staccato	Nảy
4		Aria “Der Holle Rache” trong opera “Die Zauberflote”	Passage	
			Staccato	
			Filare la voice	Ngân dài
5	Giuseppe Verdi (1813-1901)	Aria “Saper vorreste” from opera Un ballo in maschera	Cantilena	
			Staccato	
			p (piano)	Nhẹ
			ff (fortissimo)	Rất to
6		Aria “Caro nome che il mio cor” trong opera “Rigoletto”	Non legato	
			Portamento	Luyện
			Trillo	Láy
			Cercendo, decrescendo	To dần, nhỏ dần
			Staccato	
			Martellato	Bật âm
7	Giacomo Puccini (1858-1924)	Aria “O mio babbino caro” trong opera “Gianni Schicchi”	Cantilena	
			Crescendo, decrescendo	
8		Aria “Vissi d’arte, vissi d’amore” trích opera “Tosca”	Cantilena	
			Crescendo, decrescendo	
9	Johann Strauss (1825 – 1899)	Aria “Mein herr Marquis” trong operette Die Fledermaus	Cantilena	
			Fz (forzando)	Nhấn mạnh
			Staccato	
			Martellato	
			Trillo	
			Passage	
			Crescendo, decrescendo	
10		Aria “Spiel’ ich die Unschuld vom Lande” trong operette Die Fledermaus	Staccato	
			Trillo	
			pp (pianissimo)	
			Portamento	
			Gruppo	

PHỤ LỤC 10

MỘT SỐ VÍ DỤ ÂM NHẠC TRÍCH TRONG LUẬN ÁN

Ví dụ 1: aria “Caro nome che il mio cor” trích trong opera “Rigoletto” của Giuseppe Verdi, phần Allegro moderato, nhịp thứ 10,11,12 - kỹ thuật portamento.

cor fo - sti pri - mo pal - pi - tar, le de
heart Is that name for - ev - er - mor; Nev - er

Ví dụ 2: aria “Spiel’ ich die Unschuld vom Lande” trích trong opera “Die fledermaus” của Johann Strauss, phần Allegro moderato, nhịp thứ 40, 41- kỹ thuật portamento, nhịp thứ 42,43 – kỹ thuật Trillo

la la la la la la la la la la la la la la la
la la! Wenn Sle

Rit. p

Ví dụ 3: Ave Maria của Giulio Caccini, nhịp thứ 5,6,7,8,9,10,11,12-kỹ thuật cantilena

A musical score for the Ave Maria by Giulio Caccini, measures 5-12. The score is in G minor, 3/4 time. It features a vocal line and a piano accompaniment. The vocal line includes lyrics: "A che, per - che, - Si Ma - ri a ah, gnor, ve Ma - ri a per - che me ne ri mu ne - ri co si?". The piano accompaniment includes markings such as "rall. 6", "molto allarg 6", "p", "m.d.", and "m.s.". There are also triplets and a "simile" marking in the piano part.

Ví dụ 4: aria Tosca "Vissi d'arte" trích trong opera "Tosca" của Giacomo Puccini, nhịp thứ 24,35,36 –kỹ thuật cantilena.

A musical score for the aria "Vissi d'arte" by Giacomo Puccini, measures 24, 35, 36. The score is in G minor, 3/4 time. It features a vocal line and a piano accompaniment. The vocal line includes lyrics: "che, per - che, - Si - gnor, ah, per - che me ne ri mu ne - ri co si?". The piano accompaniment includes markings such as "rall. 6", "molto allarg 6", "p", "pp col canto", "m.d.", and "m.s.". There are also triplets and a "simile" marking in the piano part.

Ví dụ 5: aria “Spiel’ ich die Unschuld vom Lande” trích trong opera “Die fledermaus” của Johann Strauss, phần Allegro moderato, nhịp thứ 74,75,77,78 – kỹ thuật staccato.

The musical score for Example 5 consists of two systems. The first system shows the vocal line with lyrics: "Ja la la la la la - la - la la - la - la la la - la". The piano accompaniment features a rhythmic pattern of eighth notes with staccato markings. Dynamics include *p* and *fz*. The second system continues the vocal line with lyrics: "- la la la la la - la - la la! Wenn Sie". The piano accompaniment continues with similar staccato patterns and dynamics like *p* and *tr*.

Ví dụ 6: aria “Der Holle Rache” trích trong opera “Die Zauberflote” của Wolfgang Amadeus Mozart, phần Allegro assai, nhịp thứ 25,27-kỹ thuật Staccato.

The musical score for Example 6 consists of two systems. The first system shows the vocal line with lyrics: "nein, mei-ne Toch - ter nim - mer-mehr,". The piano accompaniment features a rhythmic pattern of eighth notes with staccato markings. Dynamics include *sf* and *p*. The second system continues the vocal line with lyrics: ".....". The piano accompaniment continues with similar staccato patterns and dynamics like *p*.

Ví dụ 7: aria “Mein herr Marquis” trích trong “Die Fledermaus” của Johann Strauss, nhịp thứ 73,74,76,77,78,79 – kỹ thuật passage; nhịp thứ 75 – kỹ thuật trillo.

The musical score for Example 7 consists of two systems. The first system features a vocal line in treble clef with lyrics "ha, ha, ha, ha" and a piano accompaniment in G major. The piano part includes dynamic markings *fp* and *fz*. The second system continues the vocal line with another "ha," and the piano accompaniment, which is mostly silent in the first part of the system and then resumes with *fz* dynamics.

Ví dụ 8: aria của Zerline “Batti batti, obe Masetto” trích trong opera “Don Juan” của W.A.Mozart, nhịp thứ 74,77 – kỹ thuật passage.

The musical score for Example 8 features a vocal line in treble clef with lyrics: "Tag, uns in Won - ne Tag - fur Tag, sar, not - toc di - vo - gliam pas - sar, Lauf, un - sers jun - gen Lo - bens Lauf,". The piano accompaniment is in G minor and consists of two systems. The first system shows the vocal line and piano accompaniment with a complex rhythmic pattern. The second system continues the piano accompaniment with similar rhythmic patterns.

Ví dụ 9: aria “Caro nome che il mio cor” trích trong opera “Rigoletto” của Giuseppe Verdi, phần Allegro moderato, nhịp thứ 19,21,23 – kỹ thuật trillo; nhịp thứ 20 – kỹ thuật crescendo-decrescendo; nhịp 22 – kỹ thuật portamento.

The musical score for Example 9 consists of two systems. The first system shows the vocal line and piano accompaniment for measures 19-23. The vocal line features trills (tr) and a portamento (portamento) in measure 22. The piano accompaniment includes a crescendo-decrescendo dynamic marking. The second system shows measures 24-26, with the vocal line continuing the melody and the piano accompaniment providing harmonic support.

sem - pre - vo - le - ra, e fin l'ul - ti - mo - so -
thought to - thee will - fly, Life for thee a-lone is

spir, ca - ro no - me, tuo - sa - ra.
dear, Thine shall Le - my part - ing - sigh.

Ví dụ 10: aria “Spiel’ ich die Unschuld vom Lande” trích trong opera “Die Fledermaus” của Johann Strauss, phần Allegro moderato, nhịp thứ 42,43 – kỹ thuật trillo; nhịp thứ 41 – kỹ thuật portamento.

The musical score for Example 10 shows the vocal line and piano accompaniment for measures 41-43. The vocal line features a trill (tr) and a portamento (portamento) in measure 41. The piano accompaniment includes a ritardando (Rit.) and piano (p) dynamic marking. The lyrics are in German.

la la! Wenn Sle

PHỤ LỤC 11

MỘT SỐ DẠNG GIÁO TRÌNH THANH NHẠC

1. Giáo trình tên tác phẩm cho giọng nữ cao (dòng hát opera)

1.1. Học kỳ 1

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	I. Vaccaj		
	Trung Kiên & Phúc Linh	Số 1 và số 2	Vocalise 1
Aria	C. Monteverdi (1567 – 1643) Ý	Aria <i>Lascia temi morire</i> (Hãy để tôi chết)	Opera <i>Arianna</i>
Romance	G. Caccini (1551 – 1618)	<i>Ave Maria</i>	
	Lưu Hữu Phước (1921 – 1989)	<i>Ca ngợi Hồ Chủ Tịch</i>	
Dân ca	Quan họ	<i>Hoa thơm bướm dạo</i>	

1.2. Học kỳ 2

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	I. Vaccaj		
	T. Kiên & P. Linh	Số 3 và số 4	Vocalise 1
Aria	G. F. Handel (1685 – 1759) Đức	Aria <i>Di Atalanta</i>	Opera: <i>Serse</i>
Romance	V. Bellini (1801 – 1835)	<i>Vanne, o rosa fortunata</i> (Bông hồng số phận em đã rõ)	
	Văn Ký	<i>Bài ca hy vọng</i>	
Dân ca	Quan họ	<i>Thỏa nỗi nhớ mong</i>	

1.3. Học kỳ 3

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	G. Concone		
	T. Kiên & P. Linh	Số 5 và số 6	Vocalise 1
Aria	A. Scarlatti (1660 – 1725) Ý	Aria <i>Le violette</i> (Những bông hoa violet)	Opera <i>Il Pirro e Demetrio</i>
	W. A. Mozart (1756 – 1791) Áo	Aria <i>Zerline Vedrai Carino</i>	Opera <i>Don Giovanni</i>
Romance	F.P. Schubert (1797 – 1828) Áo	Bài ca chèo thuyền	
	Hoàng Hiệp	Cô gái vót chông	
Dân ca	Miền Trung	Lý tình tang	

1.4. Học kỳ 4

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	G. Concone		
	Trung Kiên & Phúc Linh	Số 7	Vocalise 1
Aria	W. A. Mozart (1756 – 1791) Áo	Aria Zerlina <i>Batti batti, o bel Masetto</i>	Opera: <i>Don Giovanni</i>
Romance	R. Schuman (1810 – 1856) Đức	<i>Đêm trăng</i>	
	Vũ Trọng Hối (1926 – 1985)	<i>Đường tôi đi dài theo đất nước</i>	
Dân ca	Quảng Nam	<i>Lý thương nhau</i>	

1.5. Học kỳ 5

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	G. Concone		
	T.Kiên & P. Linh	Số 1	Vocalise 2
Aria	W. A. Mozart (1756 – 1791) Áo	Aria <i>L'amero</i>	Opera: <i>Il re pastore</i>
Romance	M. I. Glinca (1804 – 1857) Nga	<i>Dòng nước mênh mang mùa xuân</i>	
	P.I. Tchaikovsky (1840 – 1893) Nga	<i>Bài hát ru trong bão tố</i>	
	Hoàng Dương	<i>Hướng về Hà Nội</i>	
	Huy Thục	<i>Tiếng đàn Ta lư</i>	
T.Ca	Lê Yên (1917 – 1998)	<i>Bộ đội về làng</i>	
CK âm hưởng DG	Hoàng Vân	<i>Quảng Bình quê ta ơi</i>	Âm hưởng miền Trung
Dân ca	Nam Bộ	<i>Lý đĩa bánh bò</i>	

1.6. Học kỳ 6

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	G. Concone		
	T.Kiên & P. Linh	Số 2	Vocalise 2
Aria	G. F. Handel (1685 – 1759) Đức	Aria Cleopatra <i>Piango</i>	Opera: <i>Giulio Cesare</i>
	V. Bellini (1801 – 1835) Ý	Aria : Elvira <i>Qui la voce sua soave</i>	Opera <i>IPuritani</i>
Romance	E. Grieg (1843 – 1907) Na Uy	<i>Khúc hát nàng Sonvay</i>	Tổ khúc <i>Peer Gynt</i>
	Vũ Thanh (1933 -1998)	<i>Bài ca Hà Nội</i>	
T.ca	Hoàng Vân	<i>Hà Nội, Huế, Sài Gòn</i>	
CK AHDG	Phó Đức Phương	<i>Những cô gái q/hộ</i>	Âm hưởng chèo
Dân ca	Nam Bộ	<i>Ru con</i>	

1.7. Học kỳ 7

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Vocalise	E.Panofka		
	T.Kiên & P. Linh	Số 3	Vocalise 2
Aria	M.Glinca (1804 – 1857)	Aria Ludmila <i>Ôi số phận của ta</i>	Opera: <i>Ruslan & Ludmila</i>
	J. Strauss (1825 – 1899) Áo	Aria Adele <i>Mein herr Marquis</i>	Operetta <i>Die Fledermauss</i>
Romance	G. Bizert (1838 – 1875)	<i>Guitare</i>	
	A. Aliabiev (1787 – 1861) Nga	<i>Chim họa mi</i>	
	N. R Korsakov (1844 – 1908) Nga	<i>Họa mi say đắm bông hồng</i>	
	Đặng Hữu Phúc	<i>Lá Thu</i>	
	Cù Lệ Duyên	<i>Hương thu ca</i>	
Trường ca	Văn Cao (1923- 1995)	<i>Sông Lô</i>	
CK âm hưởng DG	Phạm Tuyên	<i>Suối Lênin</i>	Âm hưởng DC vùng núi phía Bắc
Dân ca	Quan họ	<i>Hát lý</i>	

1.8. Học kỳ 8

Thể loại	Tác giả	Tác phẩm	Ghi chú
Aria	G.F.Verdi (1813 -1901) Ý	Aria Gilda <i>Gualtier Malde caro nome...</i>	Opera <i>Rigoletto</i>
	W.A. Mozart (1756 – 1791)	Aria Nữ hoàng đêm <i>Der Holle Rache</i>	Opera <i>Cây sáo thần</i>
	G. Puccini (1858 – 1924)	Aria Tosca « Vissi d'arte »	Opera <i>Tosca</i>
Romance	C. Debussy (1862 – 1918) Pháp	<i>Mandoline</i>	
	S.V. Rachmaninov (1873 – 1943) Nga	<i>Người đẹp đừng hát</i>	
	Hoàng Cương	<i>Còn gì cho quê hương</i>	
	Trần Mạnh Hùng	<i>Giấc mơ mùa lá</i>	
Trường ca	Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)	<i>Người Hà Nội</i>	
CK âm hưởng DG	Đàm Thanh	<i>Cánh chim báo tin vui</i>	Âm hưởng dân ca Tây Nguyên
Dân ca	Quan họ	<i>Người ở đừng về</i>	

2. Giáo trình tên tác phẩm (dòng hát thánh phòng)

2.1. Bài luyện thanh (Vocalise)

- Năm thứ nhất, năm thứ hai: *Vocalise* (I. Vaccaj, G. Concon).

- Năm thứ ba, năm thứ tư: *Vocalise* (G. Concone, E. Panofca).

2.2. Aria nước ngoài

- Năm thứ nhất, năm thứ hai: *Udite amanti, Amarilli, mia bella* (G. Caccini), *Al fonte, al prato, al bosco* (Jacopo Peri), *L'orfeo, Lascia temi morire* (C. Monteverdi), *Fuggite, fuggite Vittoria, vittoria* (G. Carissimi), *Cosi, amor, mi fai languir* (A. Stradella), *O, dolcissima speranza, O cessate di piagarmi, Sento nel cor, Le violette, Gia il sole dal gange* (A. Scarlatti), *Sebben, crudel, Alma del core* (A. Cadara); *Dammi pace, Rinaldo, Ombra mai fu, Di Atalanta, Piecer D'amor* (G.B. Mastni), *Nina* (G.B. Pergolesi), *Voi, che sapete, Vedrai, carino, Ave Verum Corpus, La' mero*, (W. Mozart).

2.3. Romance nước ngoài

- Năm thứ nhất: Tác phẩm chủ yếu của các nhạc sĩ tiền cổ điển và cổ điển như: *Ave maria* (G. Caccini, 1550 – 1618), *Ave maria* (J.Bach-Gounound), *Das Siegerlie-Khúc hát chiến thắng* (F. Handel, 1685 – 1759), *Das lied der Deutschen-Bài ca của người Đức* (J. Haydn), *An Chloe- Nhấn gửi Khloe, Ave Verum Corpus, Abendempfindung - Những khúc bi ca buổi tối, Der Zauberer-Ông tiên, Oiseaux, si tous les ans- Em như những con chim chuyển mùa, Ridente la calma-Niềm yên tĩnh xưa tràn ngập tim tôi, Ru con* (W.A. Mozart), *Ich liebe dich - Ta yêu nàng, Đừng quên em nhé* (L.V. Beethovel), *Em thân yêu của tôi* (G. Giordani).

- Năm thứ hai: Tác phẩm của các nhạc sỹ Lãng mạn thế kỷ XIX như: *La Promessa - Ước hẹn, La Fioraia Fiorentina - Cô gái bán hoa miền Florence, La pastorella delle alpi - Cô gái chăn cừu* (G. Rossini), *An die musik - Đến với âm nhạc, Ave maria, Die Forelle - Cá hồi, Serenade, Wiegenlied - Hát ru, Der leiermann - lão hành khất, Das wandern - Viễn du, Der Goldschmiedsgesell - Người thợ kim hoàn, An den Mond - Ánh trăng, Der lindenbaum - Cây lindon, Fruhlingsglaube - Niềm tin mùa xuân* (F. Schubert), *Per pieta, bell idol miob - Thần*

tượng của tôi, chúa của tôi, Vanne, o rosa fortunata-Bông hồng số phận em đã rõ (V. Belini), *Auf flugeln des gesangs* - Theo cánh lời ca (F. Mendelssohn), *Die lotosblume*, *Reverie-Uớc mơ*, *Mondnacht* - Đêm trăng, *O ihr herren- Ca sĩ*, *Jeden Morgen-Buổi sáng mùa hè*, *Tháng năm tươi đẹp* (R. Schumann), *Ước mơ thiếu nữ* (F. Chopin), *Enfant, si j'etais roi* - Em bé nếu tôi là ông vua (F. Liszt), *Hát ru*, *Đợi chờ vô ích* (J. Brahms).

- Năm thứ ba: Tác phẩm của các nhạc sĩ Nga và các nhạc sĩ nửa cuối thế kỷ XIX như: *Chim họa mi* (A. Aliabiev), *Chim sơn ca*, *Làn gió đêm* (M. Glinca), *Ave maria* (G.F.Verdi), *Viens ! les gazons sont verts* -Hãy đến những bãi cỏ xanh, *Venise*, *Mignon* - Người tình bé bỏng (Ch. Gounod), *Panis angelicus* (C. Frank), *Guitare* (G. Bizet), *Bài hát ru trong bão tố*, *Em không nói gì với anh đâu*, *Cô gái vùng đồng cỏ*, *Ngôi sao ban chiều* (P. Tchaikovsky) *Họa mi say đắm bông hồng* (N. Rimsky Korsakov), *Le beau Danube bleu-Dòng sông xanh* (J. Strauss), *The Danube Waves/ Sóng sông Danube* (Iosif Ivanovici), *Đẹp thay chốn này* (S.V. Rachmaninov); *Hát ru*, *Giấc mơ sẽ đến bên ngưỡng cửa*, *Ngủ đi cậu bé của tôi* (I. Dounaevsky).

- Năm thứ tư: Tác phẩm của các nhạc sĩ tiêu biểu nửa cuối TK XIX đầu TK XX như: *Ave maria*, *L'attrnte* - Đợi chờ (Saint Saens), *Khi mẹ dạy tôi hát* (A. Dvorak), *Hát ru*, *Solvejgs Lied* - Khúc hát nàng sonvay (E. Grieg), *Ave maria*, *Marechiare* (F.Paolo Tosti), *Chanson triste-Khúc ca buồn*, *Soupir* - Thở dài (H. Duparc), *Les papillons* - Những con bướm, *Nanny* (Ernest Chausson), *Mandoline*, *Green* - Màu xanh lá cây (C. Debussy), *Osole mio* (E.Di Capua), *Le jardin mouille* - Khu vườn ẩm ướt (A. Roussel), *Đến với âm nhạc* (A. Schonberg) *Tourna a surriente* - Trở về Suriento, *Canta P'eme* - Hãy hát anh nghe (E.de Curtis), *Air champetre* - Khúc nhạc thôn dã (F. Poulenc).

2.4. Romance VN

- Năm thứ nhất: Tác phẩm chủ yếu của các nhạc sĩ lớp đầu tiên (thời kỳ Tân nhạc) tiếp thu âm nhạc phương Tây trong sáng tác và biểu diễn như: *Ca ngợi Hồ Chủ Tịch*, *Sẵn sàng chiến đấu* (Luu Hữu Phước), *Người Châu Yên em bắn máy bay*

(Trọng Loan), *Bài ca chiến thắng* (Trần Kiệt Tường), *Tình trong lá thiếp*, *Đời vẫn đẹp sao* (Phan Huỳnh Điểu), *Tình em* (Huy Du), *Đường tôi đi dài theo đất nước* (Vũ Trọng Hối), *Bài ca Trường Sơn*, *Mùa xuân đến rồi đó* (Trần Chung), *Tình ca*, *Lên ngàn* (Hoàng Việt), *Tìm em*, *Lời ru trên nương* (Trần Hoàn), *Bài ca hy vọng* (Văn Ký), *Quê em*, *Võ Thị Sáu* (Nguyễn Đức Toàn), *Xuân chiến khu* (Xuân Hồng), *Cô gái Sài Gòn đi tải đạn* (Lư Nhất Vũ), *Qua sông* (Phạm Minh Tuấn), *Những cô gái Quan họ* (Phó Đức Phương), *Bài ca đường chín chiến thắng* (Văn Dung).

- Năm thứ hai: *Quê tôi giải phóng* (Văn Chung), *Nhớ về quê mẹ* (Vân Đông), *Đóng nhanh lúa tốt* (Lê Lôi), *Bài ca năm tấn* (Nguyễn Văn Tý), *Sài Gòn quật khởi* (Hồ Bắc), *Chiếc gậy Trường Sơn* (Phạm Tuyên), *Ca mừng đời ta tươi đẹp* (La Thăng), *Quảng Bình quê ta ơi*, *Tình yêu của đất và nước* (Hoàng Vân), *Tôi là người thợ* (Phan Thanh Nam) *Hà Tây quê lụa* (Nhật Lai), *Giật mình tỉnh giấc*, *Tiếng hò trên đất Nghệ An* (Tân Huyền), *Vang mãi bản tình ca*, *Bão nổi lên rồi* (Trọng Bằng), *Người là niềm tin tất thắng*, (Chu Minh), *Chào sông Mã anh hùng*, *Bài ca biên giới* (Xuân Giao), *Cô gái vót chông* (Hoàng Hiệp).

- Năm thứ ba: *Thanh niên vui mở đường* (Đỗ Nhuận), *Cây chiêm* (Tô Vũ), *Hoa Mộc miên*, *Đường chúng ta đi* (Huy Du), *Ta tự hào đi lên ôi VN* (Chu Minh), *Trăng sáng đôi miên*, *Đường cày đằm đàng* (An Chung), *Hát mừng anh hùng Núp* (Trần Quý), *Hướng về Hà Nội*, *Tình ca* (Hoàng Dương), *Bài ca Hà Nội* (Vũ Thanh), *Tiếng hò trên đồng ruộng thâm canh* (Thái Cơ), *Trên những dòng sông quê hương* (Nguyễn Lang), *Chiến thắng sông Gianh* (Mộng Lân), *Mỗi bước ta đi* (Thuận Yến), *Chào em cô gái Lam Hồng* (Ánh Dương), *Tiếng đàn Ta lư* (Huy Thục), *Xa khơi* (Nguyễn Tài Tuệ), *Em là hoa Pơ Lang* (Đức Minh), *Thành phố hoa phượng đỏ* (Luong Vĩnh).

- Năm thứ tư: *Ru con trong mưa mùa xuân*, *Tiếng mùa xuân*, *Tình ca mùa hè*, *Lá thu*, *Trăng chiều*, *Hà Nội mưa mùa đông*, *Gió bắc*, *Ru con mùa đông*, *Lời em dịu êm*, *Mẹ*, *Du thuyền trên Hồ Tây*, *Đi qua dòng sông*, *Cho tôi một lời*, *Bao giờ em trở lại*, *Lời ru trống đồng*, *Bên dòng sông năm tháng* (Đặng Hữu Phúc), *Hương thu ca*

(Cù Lê Duyên), *Còn gì cho quê hương* (Hoàng Cương), *Giấc mơ mùa lá, Ở mẹ Làng Sen, Gió lộng bốn phương* (Trần Mạnh Hùng).

2.5. Trường ca VN

- Năm thứ ba: *Tiếng chuông nhà thờ* (Nguyễn Xuân Khoát), *Bộ đội về làng* (Lê Yên), *Lô giang* (Lương Ngọc Trác), *Ngày về* (Lương Ngọc Trác – Chính Hữu), *Ba Đình nắng* (Bùi Công Kỳ), *Hòn vọng phu* (Nguyễn Văn Thương). Trần Đoàn Hùng (Lê Yên – Lưu Quang Thuận), *Bộ đội về làng* (Lê Yên – Hoàng Trung Thông), *Nhớ* (Lê Yên).

- Năm thứ tư: *Chiến sĩ Sông Lô, Bình ca* (Nguyễn Đình Phúc), *Bình Trị Thiên khói lửa* (Nguyễn Văn Thương), *Du kích sông thao* (Đỗ Nhuận), *Sông Lô* (Văn Cao), *Người Hà Nội* (Nguyễn Đình Thi), *Tôi là người thợ mỏ, Hà Nội – Huế – Sài Gòn, Người chiến sĩ ấy* (Hoàng Vân), *Những gác chuông giáo đường* (Huy Du – Hữu Loan).

2.6. Ca khúc mang âm hưởng dân gian

- Năm thứ ba: Ca khúc phát triển dân ca đồng bằng Bắc bộ, dân ca vùng núi phía Bắc và dân ca miền Trung như: *Cháy đi sông ơi, Hồ trên núi, Trên đỉnh phù vân, Về quê, Huyền thoại hồ núi Cốc, Một thoáng Tây Hồ, Đợi nàng* (Phó Đức Phương), *Đất nước lời ru* (Văn Thành Nho), *Dòng sông và tiếng hát* (Nguyễn Nam), *Chiều phủ Tây Hồ* (Phú Quang), *Ở rừng nhớ anh, Đêm nghe hát đờ đưa nhớ Bác, Hà Tĩnh mình thương, Huế Thương* (An Thuyên), *Anh gửi em chiếc nón bài thơ* (Lê Việt Hòa), *Đôi mắt đờ ngang* (Nguyễn Trọng Tạo), *Giữa Mạc tư Khoa nghe câu hò Ví dặm, Lời Bác dặn trước lúc đi xa, Neo đậu bến quê* (Trần Hoàn), *Giận mà thương* (Nguyễn Trung Phong), *Trông cây lại nhớ đến Người* (Đỗ Nhuận cải biên và đặt lời), *Tiếng hát sông Lam* (Đình Quang Hợp), *Tiếng hò trên đất Nghệ An* (Tân Huyền), *Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh* (Nguyễn Văn Tý), *Người con gái sông La* (Doãn Nho), *Bài ca sông Nhật Lệ* (Nhật Lai), *Trên biển quê hương* (Đức Minh), *câu hò bên bờ Hiền Lương* (Hoàng Hiệp), *Tiếng hát trên đường quê hương, Tiếng đàn Ta Lư* (Huy Thục), *Dòng sông ai đã đặt tên* (Trần Hữu Pháp) *Huế tình yêu của tôi* (Trương Tuyết Mai,), *Rất Huế* (Võ Tá Hân), *Quảng Nam yêu*

thương (Phan Huỳnh Điểu), *Nhớ đàn xe nước* (Vân Đông), *Dậy đi em con suối của rừng* (Ngọc Quang), *Giấc mơ quê*, *Tình ta như đỉnh núi*, *Khúc hát Trương Chi*, *Hai phía dòng sông*, *Hỏi em*, *Con mưa sang đò*, *Bên cây trúc đào*, *Bóng trăng*, *Tan hội em về*, *Giã biệt*, *Hoa lục bình*, *Lời ru cao nguyên* (Đặng Hữu Phúc).

- Năm thứ tư: Ca khúc phát triển dân ca Nam Trung Bộ, dân ca miền Nam và dân ca các dân tộc Miền Nam như: *Gần lắm Trường Sa* (Hình Phước Long), *Tiếng trống Paranung* (Trần Tiên), *Làng Chăm ơn Bác* (A mu nhân), *Tình yêu Ponaga* (Vũ Trọng Tường), *Chiều phan Thiết* (Trần Hoàn), *Bác Hồ sống mãi với Tây Nguyên* (Lê Lô,), *Bóng cây Kơ nia* (Phan Huỳnh Điểu), *Cánh chim báo tin vui* (Đàm Thanh), *Đôi mắt Pleiku* (Nguyễn Cường), *Chiếc vòng cầu hôn*, *Ngọn lửa cao nguyên* (Trần Tiên), *Cô gái vót chông* (Hoàng Hiệp), *Lời ru trên nương* (Trần Hoàn), *Người lái đò trên sông Pô cô* (Cầm Phong), *Nghe câu quan họ trên cao nguyên* (Vũ Thiết,), *Em là hoa Pơ Lang* (Đức Minh), *Tình ca Tây Nguyên* (Hoàng Vân), *Đắc krong mùa xuân về* (Tố Hải), *Vòng tay Đam san* (Trương Ngọc Ninh), *Ơ M'Drak* (Nguyễn Cường).